

**MINH VIEN**

**THI-TU TUNG-THOAI**



**NAM-CUONG**

VIETA PUBL

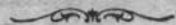
# THI TÙ TÙNG THOẠI

( 1908 - 1921 )

ĐÃ ĐĂNG TIẾNG-DÂN

TỪ SỐ 1106 ĐẾN SỐ 1196

## YÊU - ĐIỀM NÊN BIẾT



1) Bản này là ký-giả chép góp thi và chuyện của một ít bạn chính-trị-phạm đồng tội trong thời-gian 13 năm bị đày ở đảo Côn-Lôn (Poulo-Condore) mà ký-giả là một người trong đồng bạn ấy, tai nghe mắt thấy toàn là chuyện thiệt, khởi đầu năm 1908 đến năm 1921.

2) Xưa nay có nhiều thi thoại như « Tùy-viên-thi thoại, Vũ-thôn thi-thoại, Âm-băng - thất thi-thoại v. v. » chuyên nói chuyện thi. Đây ký giả cũng nói chuyện thi, song có 2 giới-thuyết khác với thi-thoại kể trên là :

a) Rành là thi làm trong cảnh ở tù và xen một ít thi được nghe trong lúc ở tù.

b) Thi của nhà thi-nhân có ở tù, hoặc có quan hệ với lịch - sử khoảng tù ấy, hoặc không phải nhà thi-nhân mà khi ở trong tù có được một đôi câu đáng chép. Còn những thi và chuyện không dính gì đến cảnh tù, không vào giới - hạn này

3) Đã hạn trong phạm vi người và thi ở tù, nên một bài thi hay câu đối hay chuyện văn-thoại gì, tùy từng chuyện từng bài mà chép ra, không có thứ - tự, không có kết-cấu, chỉ biên đoạn một, song ở trong có cái vẻ « ngổ dút tơ liền » (藕斷絲聯), riêng ra thì đoạn nào có phần đoạn ấy, mà nhập lại thành chuyện từ-sử có đầu đuôi.

4) Nguyên-văn ký-giả viết bằng chữ Hán, nay dịch ra quốc-ngữ, tinh thần ý tứ không bằng nguyên - văn, nhất là thi văn thi dịch mười phần không được năm, sáu, song không mất bản ý.

### ĐÍNH CHÍNH

Trương 143 giọng thứ 2 :

Chữ 遠 sắp lẫn chữ 夢.

Trương 267 giọng thứ 1 :

Chữ 驕 sắp lẫn chữ 橋.

PHAM - KIM - GIAM  
SERVICE DE L'AGRICULTURE  
CANTHO (COCHINCHINE)

## LỜI NÓI ĐẦU

«**T**HI có cùng mà sau mới hay» (持窮而後工), tin như lời nói xưa, thì trên đời mà gọi là « cùng » không chỉ cùng hơn cảnh tù. dáng lẽ thơ của kẻ tù, lưu truyền khá nhiều mới phải. Vậy mà xét trên lịch - sử phương Đông, trên dưới ngàn năm, duy có mấy bài của Lý-Bạch lúc đày ở Gia-lang, bài « Ở trong ngục vịnh con ve » của Lạc-tân-Vương (1), bài « Chinh-khi ca » của Văn-thiên-Tướng (2), bài thi « Vịnh lúc gần hành hình » của Dương - kế - Thanh (3), cùng ở nước ta thì bài « Trần - tình » của Cao bá-Nhã, « Tờ-khai » của Đoàn-Trung v. v. còn có truyền lại, ngoài ra không thấy thi-văn tù bao nhiêu.

Trái lại, những lối uống rượu ngắm hoa, trông trăng thưởng gió, cùng lối thi ứng-thủ tiêu khiển của bọn văn-sĩ phong-lưu, thời thi đầy kho chật lủ, lam họa cho bọn in không biết là bao !

Trên thi-sử xưa nay, thừa bên này mà thiếu bên kia. nghĩa là thi phong-lưu nhiều mà thi tù ít, là vì lẽ gì? Không phải là trái với cái thuyết « cùng mới hay » kia sao?

Như nói trong đám tù tội không có bọn văn-hân thì ngục Đàng-cổ nhà Hán, ngục Thanh-lưu đời Đường, án Ngụy-học đời Tống, án Đông-Lâm Thục-Xã đời Minh, bọn văn-hào thi-bá mấy đời, co tay bó chân làm bạn với gông cùm xiềng bổng, cúi đầu nín tiếng, ngồi than thở cái oai-quyền vô-thượng của bọn ngục-quan và lính gác, trước sau noi gót, biết bao nhiêu người! Ai bảo rằng trong đám tù không có hạng văn-hào thi-bá?

Theo sở-kiến của tôi, thi tù ít truyền-bá là vì có này:

Ở phương Đông về thời-đại quân-chủ chuyên-chế, tù là tội cả, không có hạng tù quốc-sự (chánh-trị-phạm) như phương Tây. Bởi thế nên đã vào tù, vô-luận là nhân-cách lưu-phẩm thế nào, người đời đều xem như vật ghê gớm đáng sợ; đã là vật đáng sợ trong xã-hội, tự nhiên cái người đã mang cái huy-hiệu « tù », công chúng đều tránh xa; với người đó còn không dám lại gần, huống là thi với văn, dầu có nghe thấy thi văn của họ, không dùng đập hũ tương thì phú cho ngọn lửa. Thi của kẻ tù ít truyền là vì thế.

Âu-triều truyền sang, phong-khí đổi mới, chế-độ về thời-đại chuyên-chế, bị triều-lưu văn-minh dội

quét gần hết, trên sử tấn-hóa mới của loài người, trong đám tù tội có cái tên gọi là « tù quốc sự » khác với hạng tù thường, không những xã-hội không bài xích như ngày xưa, mà trong có hạng chí-sĩ nhân-nhân, trở được người đời tỏ lòng sùng bái và khen ngợi, từ đó mà thi tù mới truyên.

Ở Âu-Mỹ không nói, nói riêng về phương Đông như sử Duy-tân khảng khái của Nhật-bản. cách-mạng - sử của Trung-hoa sau cuộc Mậu-luất chánh-biến, ở trong có chép nhiều thi của bọn tù, không sao kể hết. Nước ta sau cuộc dân-biến năm 1908 về sau có nhiều thi của tù, chính là theo lệ chung đời mới nói trên.

Chuẩn theo lẽ ấy, tức gọi rằng thi tù mở một cái màn mới trong văn - giới cùng đi với công - lệ tấn-hóa cũng không phải là quá đáng. Độc-giả đề ý xem.

MÍNH-VIÊN

(1) Lạc-tân-Vương thi-nhân đời Đường, thảo bài Hịch kẻ tội Võ-Hậu, bị bắt hạ ngục, nghe ve kêu, vịnh một bài thi có câu:

Tây-lục ve kêu riết,

Nam - quan khách bực nhiều...

(2) Văn - thiên - Trường, tôi trung đời Tống, bị quân Nguyên bắt giam trong ngục, có làm bài « Chính-khí-ca » kể chuyện trung nghĩa.

(3) Dương-kế - Thanh, trung thần đời Minh, bị bọn hoạn quan giết, khi lâm-hình có bài thi:

Hạo khí trả trời đất,

Lòng son soi ngàn xưa.



Minh-Viên HUỖNH-THỨC-KHÁNG

## THI TÙ TÙNG THOẠI

### I

Từ cuộc Mậu-thân dân biển (1908) trở đi, sĩ dân trong nước, vì tội quốc-sự mà đày ra Côn-lôn kế tiếp noi gót nhau không dứt, mà người thứ nhất đứng đầu quyền sở tù Côn-lôn ấy là cụ Phan-châu-Trinh.

Cụ hiệu Tây-Hồ, biệt hiệu Hy-Mã, người làng Tây-lộc, phủ Tam-kỳ, huyện Tiên-phước, tỉnh Quảng-nam, đỗ Phó-bảng khoa Tân-sửu triều Thành-thái (1901), làm quan đến chức Trước tác. Từ quan về, chăm lo việc nước, vào Nam ra Bắc, đề xướng tân-học.

Năm 1906, vượt biển sang tận Nhật-bản, cùng cụ Phan-bội-Châu thương xác chính-kiến và việc tiến hành. Về nước làm bản Điều-trần đưa lên Chánh-phủ Pháp, trong bức thư ấy nói rõ hiềm-tượng xứ Đông Dương cùng chỉ vạch tình lệ trong nước rất rõ ràng.

Vi bức thơ điều-trần ấy, quan trường có lòng thù ghét. Năm 1908, nhân sự dân biến, cụ đương ở Hanoi, bị bắt giải về Kinh giam nơi Hộ-thành, kêu án chung thân đày ra Côn lôn, trong án kết « xử-tử, gặp ân xá cũng không tha » (遇赦不原).

Cụ về Kinh ra trước Hội-đồng xử án, khẳng khái một lời không chịu khuất. Nghiêm giam ở Hộ-thành, cụ tự nghĩ không có hi vọng sống.

Một bữa có người đội và 2 người lính vào nhà giam, xem xét xiềng gông, khóa tay cụ rồi dẫn ra cửa ngục. Cụ định chắc là dẫn đi chém.

Theo lệ, phạm tù trọng tội xử tử dẫn ra cửa Bắc (cửa An-hòa). Nay lại dẫn ra cửa Nam, cụ hỏi thì người đội trả lời : Anh bị đày đi Côn-lôn, cụ liền khầu chiêm bài thi :

疊 疊 枷 鎖 出 都 門  
 慷 慨 悲 歌 舌 尚 存  
 國 士 沈 淪 民 族 悴  
 男 兒 何 事 怕 崑 崙

*Xiềng gông cà kẻ biệt Đô-môn,  
 Khẳng khái ngậm nga lưỡi vẫn còn.  
 Đất nước đắm chìm nòi giống môn,  
 Thân trai nào sợ cái Côn-lôn.*

Trong cảnh cùng sầu luân lạc, đọc bài tuyệt ấy cũng tự ủy được.

II

Nhân vật trong thời quá-độ, tù đày ra Côn-lôn, cụ Tây-Hồ đứng đầu sỏ, mà thân-hào trong nước, mang cái chức tù vào nhà ngục thì cụ Tập-Xuyên lại là người thứ nhất, vì lúc cụ Tập-Xuyên vào ngục, cụ Tây Hồ còn đương ở Hanoi (1907).

Cụ tên Đức-Kế, họ Ngô, con quan Tham-tri Ngô-huyệt-Liên, đỗ tẩn-sĩ cũng khoa Tân-sửu triều Thành-Thái. Khoa hoạn nổi đời, vẫn là một nhà danh-phiệt ở tỉnh Hà-tĩnh.

Sau đỗ rồi, cụ ở nhà đóng cửa đọc sách, thường lưu tâm đến việc nước. Học-thuyết Âu-Tây mà người Tàu đã dịch thành sách, cụ đọc được nhiều mà có chỗ tâm đắc. Trong khoảng ấy kể phong triều bài xích khoa cử, đề xướng tân học, cụ là một người rất khẳng khái.

Sau cụ Sào - Nam đông-độ rồi, có tên Nguy-tác-Hạ, do viên Ân - sát Hà - tĩnh lúc ấy xui nó khai vu cho Cụ, kêu án « tiếm thông dị quốc », bị bắt giam ở ngục Hà-tĩnh gần một năm, sau đày ra Côn-lôn.

Lúc ở ngục Hà-tĩnh có bài thi :

馬 似 遊 龍 車 似 流  
 問 余 何 事 獨 幽 愁  
 年 來 愛 說 文 明 學  
 贏得 南 冠 作 楚 囚

*Xe như nước chảy ngựa như rồng,  
 Vì có gì ? ta vẫn bức lòng.  
 Ham học văn minh đã mấy lúc,  
 Mãi tù đâu khéo cấp cho ông !*



Học văn minh mà đòi được chức tù, câu nói chua cay và sâu sắc. Tuy vậy, giá trị văn minh, muốn mua nó há chỉ chức tù mà thôi đâu!

III

« Mời gặp như bạn cũ, bạc đầu như người lạ », đạo giao hữu khó thế nào, xem câu cổ-nhân nói trên rõ có ý vô cùng cảm khái!

Tháng 2 năm Mậu - thân (1908), tôi bị bắt giam ở nhà ngục Faifo. Giam riêng một cái phòng. Cách hai ngày sau, có hai tên học trò, đem mèn áo và quà bánh trình với quan Chef ngục mang vào cho tôi, xét trọng đồ gửi đó, có bức thư của người bạn gửi thăm. Ngục - quan nghĩ là giấy tờ gì có quan hệ (vì thư chữ Hán), 2 tên học trò ấy bị giải giao lên quan tỉnh giam cứu. Từ đó, bà con và bạn hữu không ai dám tới thăm nữa. Mà cách giam phòng càng nghiêm nhặt hơn trước, phần đông người ngoài đều lo thay cho tôi, mà không ai dám hỏi thăm. Mỗi ngày chỉ người cai gác mở cửa 2 lần, chính tay người cai ấy mang đồ ăn vào mà thôi.

Một bữa, người cai mang cơm trưa vào, lại có một gói thuốc hút và quà bánh, và đưa cho tôi một miếng giấy, nói của một lão chài gửi. Tôi mở ra xem, thấy trong có vài hàng chữ:

« Nghe ông bị giam, người nhà ở xa (nhà tôi cách Faifo đến 2 ngày đường), không ai ra thăm

được. Tôi có ghe bán mắm ra bán ở phố đây, kính gửi vật quà thăm ông. Như ông có nhân người nhà đều gi, tôi sẵn lòng chuyển đạt cho ».

Dưới có mấy chữ lớn:

« Hòa-Thanh Lão-Phổ kính thờ ».

Xem xong, tôi lấy làm ngạc nhiên, không biết « Lão Phổ » là người nào. Nghĩ ngâm một hồi lâu mới nhớ ngày tháng 10 năm ngoái, cùng người bạn đi đò từ Faifo về Tam-ký, theo đường sông có ghé vào một cái nhà chài bên bờ sông nghỉ trưa, cùng chủ nhà là một ông già nói chuyện. Ông già có ý lưu luyến, nhưng tôi vì có việc, uống trà rồi từ đi không ở lại, có lẽ « Lão-Phổ » là bác chài này chăng?

Chiều, người cai lại đem cơm vào, tôi hỏi tung tích ông già đó, người cai nói: « Lão chủ ghe chài ra bán mắm đây được vài bữa, hỏi thăm biết nhà tôi nấu cơm cho ông, lão tự xưng là bà con với ông, nên gửi đồ quà đó và không nói tên, dặn ông có hỏi chỉ nói năm ngoái có ghé nhà lão uống trà là được... »

Bình sanh giao du bạn hữu, nơi nào cũng có, từ gặp cảnh hoạn nạn, phần đông người quen biết đều tránh xa không giám lại gần. Trái lại, một lão nhà chài, chỉ tình cờ biết nhau trong chốc lát, mà bác chài ấy dùng phương kiểm nỏ, không từ khó nhọc, cố tìm cách gửi lời thăm viếng

để an ủy trong lúc buồn rầu. Rõ là người đời không nên xem tướng bề ngoài nhĩ! Tôi có bài thi:

沈沈地獄隻身孤  
疇曩親朋一字無  
片語殷勤勞探慰  
和清老譜也村夫

*Minh coi ngục tối cảnh âm thầm,  
Một chữ thân bằng cũng vắng tăm.  
Lưa có Hòa-Thanh già Phở nọ,  
Ấn cần gởi thấu bức thơ thăm.*

IV

Trần-qui-Cáp tiên-sinh, hiệu Thai-Xuyên, bạn đồng song và đồng niên với tôi, (người làng Bất-nhị, Quảng-nam, đỗ Tấn-sĩ khoa Giáp-thìn, 1904). Binh sanh công học dưỡng rất dày, đến một câu nói, một tiếng cười cũng không cầu - thả, bạn đồng học đều kính tiên-sinh như bậc trưởng-giã. Từ đọc sách mới cùng sách báo của Khương-hữu-Vi, Lương-khải-Siêu, say thu, ết tự-do nhân-quyền, tự nhiên phá toang bờ g c ngày trước, gặp việc bàn cãi một cách ngay xang, biện-chiết cho đạt lẽ mới chịu. Ở tỉnh Quảng-nam mà có học - đường, thương-hội.., mở đầu phong khí, tiên sinh rất có nhiều công. Lúc ấy (1907) tiên-sanh làm Giáo-thọ phủ Thăng-binh, mở một lớp tây - học trong trường.giáo, rước thầy về dạy

chữ quốc-ngữ, chữ Tây cho học trò. Tiên-sanh lại thường vào trong dân gian diễn-thuyết, cực lực bài-xích cái học khoa-cử và đề xướng học mới. Bọn cựu-học thấy ít lạ nhiều, xem tiên-sinh như đinh trước mắt, các nhà đưng - đạo cũng căm như kẻ cừu. Bèn đổi bỏ tiên-sanh vào làm Giáo-thọ Tân-định trong Khánh-hòa, tức là có ý đày đi xa tỉnh nhà.

Tấn kịch « dân xin xâu » ở Nam Nghĩa khởi lên, thân-sĩ trong tỉnh, phần đông bị bắt, tiên-sanh ở Nha - trang cũng bị bắt giam. Quan tỉnh Khánh-hòa gấu hỏi, tiên-sanh không chịu khuất. Án-sát tỉnh ấy là Phạm... một tay xảo hoạn đảo khoái, nóng lòng lập công, kết án « mạc-tu-hữu » 1) mà tiên-sanh bước lên đoạn đầu-đài. Tin sét đánh ấy truyền ra, sĩ dân cả nước đều thương tiếc tiên-sanh mà căm tức cho kẻ độc thủ kia.

Lúc tiên - sanh vào nhận chức giáo-thọ Tân-định, tôi đưa đến Tourane, khi lên tàu, tiên-sanh ân cần ủy thác việc thương, việc học trong tỉnh. Khi tôi ở trong lao Quảng-nam, được hung - tin tiên-sanh, có bài thi khóc:

書 劍 蕭 然 獨 出 門  
一 官 拓 落 爲 親 存  
直 將 新 學 開 奴 壘  
誰 信 民 權 種 禍 根  
蓬 島 春 風 懸 遠 夢  
芽 莊 秋 草 泣 英 魂  
可 憐 一 別 成 千 古  
沲 瀟 襟 襟 尚 溫

*trần qui cáp tiên sinh  
uyên vũ*

*Giương sách xam xam tách dăm miền,  
 Làm quan vì mẹ há vì tiền. (2)  
 Quyết đem học mới thay nô kiếp,  
 Ai biết quyền dân nấy họa nguyên.  
 Bồng đảo gió chưa đưa giấc mộng, (3)  
 Nha-trang cõ đã khóc hồn thiêng.  
 Chia tay, chén rượu còn đương nóng,  
 Đà-nẵng đưa nhau lúc xuống thuyền.*

Lại câu đối của đồng nhân diều :

新學中領袖，忽失此人，落  
 落前途，舉國少年齊一慟。  
 壽考與令名，終難兩得，遙  
 遙一宦，倚閭慈母最傷心。

*Đàn anh phái tân học, bồng mắt một tay,  
 muốn dăm mịt mù, bạn trẻ trông sau rền rĩ khóc.  
 Đời thọ với danh thơm, khó toàn hai ngã,  
 một quan nho nhỏ, mẹ già dựa cửa xót xa đau.*

V

Nguyễn tiểu-La tiên-sanh (tên Thành, thường gọi Âm-Hàm, chữ Triết-phu, làng Thạnh-Mỹ, Quảng-nam), Tân-tương đời Cần-vương, mật-hữu của hai cụ Phan-Sào-Nam và Phan-Tây-Hồ, lại là người rất trọng - yếu trong thời-đại tân cụ này.

(1) 莫須有 tức ngục ba chữ mà Tần-Cối giết Nhạc-Phi, nghĩa là không cần có tội danh gì.

(2) Tiên-sanh nhà nghèo còn bà mẹ già.

(3) Tiên sanh có hồi bực toan đồng độ, nhưng vì nhà còn mẹ nên thôi.

Dân-biến năm Mậu - thân, thân-sĩ tỉnh Quảng-nam trước sau bị bắt có hàng trăm đều giao về tỉnh giam xét. Duy tôi cùng Tiểu-La tiên-sanh bị bắt trước nhất, giam riêng ở nhà ngục Faifo, (cách tỉnh lỵ độ 10 km. Tòa-sứ và các sở công ở đây), mỗi người giam riêng một phòng, trên 3 tháng trời mới giải giao tỉnh giam xét.

Nguyên khi bắt tôi có quan Một đồn Phương-xá cùng 10 người lính tập với một quan Lãnh, một người thông-ngôn cùng với tổng-lý tới nhà bảo tôi rằng : « Có điện quan Công sứ Faifo mời ông ». Đoạn, sang trạm Bàn-an xuống Tam kỳ, (đi trạm có lính gác đi hai bên) rồi thuê đò ra Faifo, đến Faifo thì trời đã tối, quan Một dẫn tôi một cái phòng bảo tôi rằng : « Ông vào đây nghỉ, sáng ngày sẽ lên yết quan Sứ. »

Tôi chưa kịp trả lời thì một tiếng cạch ! cửa phòng đã khóa lại, bốn bên kín mít, tôi mới biết là cái bóp tối giam người ! (vì từ nhỏ đến lớn có biết cái « bóp » là cái gì đâu.)

Sáng ngày, độ 7 giờ, có một người lính tập mở cửa, một tên tù vào đem thùng nước tiểu ra, tôi liếc thấy cách cái sân giữa chừng 3 trượng, một cái phòng bên kia đối diện với phòng tôi cũng mở cửa, trong cũng có một người, nhịn kỹ thì người bị giam ở phòng ấy không phải là ai lạ, chính là Tiểu-La tiên-sanh. Hai người chúng tôi cùng ngó nhau mà cười, song chỉ trông nhau bằng

con mắt mà không nói được câu gì. Cửa phòng lại khóa lại mất !

Đến 10 giờ, người lính tập lại mở cửa, có người mang cơm và đồ ăn vào. Tôi lấy làm lạ, không rõ cơm này ai nấu, sao lại đem vào cho mình ăn ? Hỏi, mới biết là bác cai... vâng lệnh ngục-quan nấu cơm cho một người tù mới bắt giam tức là tôi. Sau nghe nói mỗi người tù bị bắt về giam, ghi tên vào sổ tù thì cấp khẩu phạn mỗi ngày 0\$08 mà cai kia bao nấu.

Sau bữa cơm xong, tôi nói với người lính xin đi cầu tiêu : cầu tiêu ở sau trại lính, cách một cái sân thật rộng, khi người nào đi tiêu thì có một người lính mang súng đi theo sau. Nhà tiêu có ba chỗ ngồi ngang nhau, ngoài có tường ngăn, tường có cửa, người lính tập đứng gác ngoài cửa. Tôi vào phòng tiêu, thì Tiểu-La tiên - sanh cũng do một người lính dẫn lại. Thế là 2 anh em được ngồi trong cầu tiêu nói chuyện nhau. Từ đó mỗi ngày sau bữa cơm trưa là 2 người cùng đi cầu tiêu dặng nói chuyện, có tin tức gì cùng ý kiến gì cũng trao đổi nhau được. Đó là một việc thú trong tù, không sao quên được, nên ghi vào đây.

Đồng thời tôi ở ngục Faifo, có quan Một coi ngục là M. Sogny thường ra vào, sau thành người quen. Người Pháp biết tôi thì M. Sogny là người đầu tiên, (sau làm đầu tòa Liêm-phóng Trung-kỳ).

## VI

Châu-thơ-Đồng tiên-sanh, tên là Thượng-Văn, người làng Minh-hương (Faifo), bạn thiết của Tiểu-La tiên sanh. Nhà Châu-quân ở giữa thành phố Faifo, là nơi khách mua bán qua lại, tiện đường giao thông, nhân-sĩ Nam Bắc vào Quảng-nam thường ngụ nhà Châu-quân, mà thợ từ ở ngoài gửi về thông tin tức cho Tiểu-La, cũng gửi Châu-quân chuyển-đạt.

Cuộc dân-biến năm Mậu - thân xảy ra, có ai mách việc ấy cho nhà đương cuộc, Châu - quân bèn bị bắt hạ ngục. Ngay từ ngày vào ngục, Châu-quân tuyệt-thực.

Đầu tiên giam ở ngục Faifo, rồi giải giao quan tỉnh tra xét. Cả quan Tây và quan Nam hỏi, Châu-quân đều nhận chịu một cách khăng khải, không chối chút nào :

« Người nước sang Nhật-bản và hạt dân xin thuê, chính tôi là một người chủ trương, không ai dám dự vào cả ».

Tòa Nam-án kết án Châu-quân chung - thân đầy Lao - bảo. Kể từ khi Châu - quân bị bắt đến thành án, trên 20 ngày, một hột cơm không vào trong miệng, mỗi ngày chỉ uống vài chén nước trà loãng do người con đưa vào thôi.

Nghe Châu - quân nhịn ăn lâu ngày, tôi định không thể sống được (Châu-quân đã giải lên tỉnh

mà tôi cùng Tiểu-La tiên-sinh còn giam ở ngục Faifo). Bỗng một ngày nọ, 11 giờ, cánh cửa phòng giam tôi bỗng mở toang, có mấy người linh tập dẫn 5, 6 người tù vào, có 2 người dân võng 1 người đau vào, cùng giam vào phòng tôi. Hỏi thì họ nói tù bị đày Lao-bảo, gởi giam tạm buổi mai, đợi chiều lên xe hỏa. Lúc ấy đường Faifo-Tourane có đoạn đường xe hỏa đi phía núi Ngũ-hành).

Sau lính ra, cửa khóa rồi, tôi nhìn thấy người bệnh kia mặt đen như than, tay chùn như ống quyển, hai mắt nhắm khít, không còn là hình dạng người, hơi thở như sợi tơ, chừng như muốn tắt nghỉ; trong lòng cảm động, lại gần nhìn kỹ một chặp lâu mới nhận ra, thì không phải người nào lạ mà chính là Châu-thơ-Đồng tiên-sanh! Mà ốm o gần chết vì đã tuyệt thực trên 20 ngày nay.

Tôi gọi thử :

— Châu tiên-sanh ! Châu tiên-sanh ! còn nhìn biết tôi là ai không ?

Khi ấy Châu - quân mở 2 mắt nhìn tôi một chốc lâu rồi nói nhỏ nhỏ trong cổ :

— Minh-viên-quân, tôi làm cái dễ, còn anh em gắng gánh lấy sự khó.

Nói rồi nhắm mắt lại như cây khô vậy.

Hai giờ chiều bữa ấy, Châu-quân bị bỗng lên

võng chở ra hỏa-xa cùng đi với bọn tù kia. Đến Huế thì Châu-quân chết trong lao Phủ-Thừa.

Bị giam trong ngục mà nhịn ăn, từ Thánh Cam-Địa Ấn-độ về sau, nhiều nơi bắt chước đã thành việc cơm bữa không lạ gì. Nhưng Châu-quân lại trước Cam-Địa và nhứt định tuyệt thực đến chết, cao hơn Thánh Cam - Địa (Gandhi) một bậc !

Tôi có điệu Châu-quân một câu đối :

人 皆 畏 死，君 獨 不 貪 生；八  
尺 鬚 眉，羞 與 河 山 營 一 飽。  
誰 爲 其 難，君 乃 爲 其 易；一  
分 責 任，各 將 心 血 告 同 胞。

*Cái chết ai không sợ, người lại không tham  
cái sống sướng; tám thước mày râu, thẹn với  
non sông dành bữa gạo.*

*Phần khó dễ ai đương, người bỗng lãnh ngay  
cái phần dễ, một phần gánh vác, đều đem tâm  
huyết cáo bà con.*

\*\*\*

Trần-bạch-Sĩ cũng có câu đối :

我 不 難 舍 生，奈 何 哉 中 天  
易 初 開，美 里 七 年 前 未 演。  
君 乃 能 就 義，難 得 者 萬 世  
經 獨 守，首 陽 千 載 後 猶 聞。

Ta có tiếc sống đầu, ngặt vì dịch Trung thiên  
mới mở đầu, Dủ-lý bảy năm chưa kịp diễn. (1)

Người hẳn theo nghĩa đấy, khó nhứt kinh  
muốn đời hay giữ chắc, Thú-dương ngàn thuở vẫn  
còn nghe. (2)

Trần-bạch-Sĩ sau đày ra Côn-lôn được tha về,  
bị xử tử vì nạn Duy-tân năm 1917. Câu đối trên đủ  
thấy chí Trần đã định hy-sanh từ lâu.

### VII

Phương Đông theo chánh-thể chuyên-chế, hành-  
pháp. tư-pháp, 2 quyền nhập một, không có qui  
chế « phân-quyền » như phương Tây. Vì thế nên  
kết án xử hình, nặng nhẹ, ra vào, lên xuống, tự  
tay quan lại ; gọi rằng luật lệ, chỉ là ý riêng của  
quan : có nhiều kẻ bị bắt giam, hoặc hết án xuy,  
trượng, đồ lưu, mà người bị tội không biết tên  
tội mình là gì. Rõ là một việc kỳ quái (trước  
kia không tuyên án cho người tội biết bao giờ).

Tôi bị bắt ngày tháng 2 năm 1908, giam ở  
ngục Faifo, tháng 5 giải giao tỉnh cứu, tháng 8 đày

(1) Trần có diễn bộ sách dịch gọi là Trung thiên-dịch,  
tự sánh với dịch Thiên-tiên của Phục-Hy, dịch Hậu-thiên  
của Văn-Vương, cũng bạo gan nhứt ! người tầm thường  
đâu có gan ấy.

Dủ-lý là tên ngục mà vua Văn-Vương bị giam và làm  
Kính-dịch trong ấy.

(2) Thú-dương là núi mà Bá-Dy, Thúc Tề không ăn cơm  
nhà Châu chết đói trên núi ấy.

đi Côn-lôn, trước sau chỉ có buộc khai 2 chuyện :

1/ Nguy-Tác-Hạ ở Nghệ-an (cựu đảng làm Lãnh-  
binh lúc Cần-vương) là một người binh-sanh tôi  
không hề quen biết khi nào, vu cáo rằng Phan-Sào-  
Nam vào Quảng nam cùng Tây-Hồ và tôi mật hội  
ở nhà Tiều-La. Sau Sào-Nam xuất-dương có gửi  
mật-thơ về mỗi người một phong, không rõ trong  
thơ nói gì.

2/ Nguyễn-tư-Trực ở Khánh-hòa, khai rằng tôi  
cùng Phan châu-Trinh, Trần-qui - Cáp vào chơi  
miền Nam, khi kinh quá Bình-định cùng nhau  
làm bài Phú « Danh sơn lương ngọc » cùng bài  
thi « Chí thành thông thánh » và vào Nha-trang  
cửa Cam-ranh, có xuống xem binh thuyền Nga,  
(lúc ấy Nga-Nhật đánh nhau, binh thuyền Nga có  
đầu ở cửa Cam-ranh mấy tuần) người ta nói toan  
sang Nhật-bản. (?)

Hai việc trên, việc thứ 1 là Nguy-Hạ vu khai  
có người chước sử, rành là lời nói « đặc chừng »  
không chừng cứ gì cả. Điều thứ 2 Nguyễn - Trực  
khai bài thi bài phú kia vẫn đúng (vì lúc vào  
nhà y, anh em có đọc nghe). Đến nghi rằng  
xuống thuyền Nga mà toan sang Nhật-bản, rõ là  
việc vô lý làm sao !

Tôi từ vào nhà ngục cho đến ngày đi đày, chỉ  
thấy quan tỉnh bắt khai 2 điều trên, ngoài ra không  
có cái trường-hợp « tuyên án, ký án » gì cả. Ấy  
vậy mà kết nghĩ một cái án rất nặng là : « Thông

với người bội-quốc, xướng thuyết dân quyền cùng các cuộc khai thương lập học », kết án « xử tử phát Côn-lôn ngộ xá bất nguyên » !

Nực cười là tôi chẳng biết mình phạm tội gì, quan Tòa cũng không hề tuyên án, chuyện kể trên là nhờ người trong ty-niết (Tòa-án Nam) lên sao mà chúng tôi được thấy, tôi có một bài thi cảm tác :

無	國	何	能	背
愚	民	豈	有	權
合	商	成	禍	崇
講	學	被	株	連
槃	郡	名	山	賦
甘	名	外	國	船
爰	書	如	發	布
當	作	小	編	年

*Không nước sao rằng bội ?*

*Dân ngu há có quyền.*

*Hiệp thương gây mối họa,*

*Giảng học cũng can liên.*

*Bình-định cùng làm phú,*

*Cam-ranh muốn vượt thuyên.*

*Án văn như phát bố,*

*Truyện tờ có đời truyền.*

### VIII

Lúc ấy bị đày Côn lôn, tôi cùng mấy ông Nguyễn-Thành, Phan-thúc-Duyệt, Lê-bá-Trình, Dương-Thạc, Trương-bá-Huy, hương chức Phúc-yên Nguyễn -

Cảnh, Hà-lam Nguyễn-Quần, cộng 8 người. An kết như dưới : (dịch).

« Bọn Huỳnh... Phan.. Nguyễn... vẫn người « trong khoa mục danh sắc, há không biết người « bội-quốc (Phan-bội-Châu) là không nên theo sao ? « Nay Nguyễn-Thành thấy y tới nhà, bèn mời Phan-« châu-Trình, Huỳnh-thúc-Kháng cùng nhau mật « nghị. Kế đó nghe y xuất-dương, Phan-thúc-Duyệt, « Lê-bá-Trình lại kết lập thương-hội để ngầm ngầm « tư trợ. Tuy ở trong thơ từ qua lại bí-mật không « biết được, (?) mà bằng theo công việc đã làm, « bảo rằng không có dị chí, có thể tin được sao ?

« Nay theo lời khai của Nguy-tác-Hạ và bài « thi có câu « xóa mạ lao lung » (1), gởi thơ có câu « cường quyền diện tự » (2) mà diễn thuyết ở các « trường học, cũng có câu « lấy yêu đồng bào làm « tôn chỉ » (3)... tuy trong vẫn có mấy đại đoạn

(1) Bài thi « Chi-thánh thông thánh có câu :

« Trưởng thử bách niên cam xóa mạ,

« Cảnh tri hà nhật xuất lao lung ».

長此百年甘唾罵

更知何日出牢籠

(2) Tôi bị giam ở ngục Faifo, ông cử Duyệt chưa bị bắt, có gởi tôi một bức thơ, trong có câu Bình nhật thường trực tiếp nhà cường quyền, chỉ trần việc lợi hại v. v. .

(3) 2 chữ « đồng bào » ngày nay nói quen nghe thường mà lúc ấy thành « chữ húy », chính năm 1908, việc xin xâu ở Bình-đnh, người ta gọi là « giặc đồng bào » và « giặc cúp tóc » v. v.

« khai trí trị sanh, tỉnh xa sùng kiệm » mà cốt lấy  
 « 2 chữ « Dân-quyền » làm chủ nghĩa, mở mỗi bội  
 « vọng cho nhân dân Bằng theo công việc đã làm  
 « thực tự Phan-châu-Trình xướng ra mà các người  
 « kia phụ họa theo vậy.

« Hiện hạt dân gây ra phiến động, chưa chắc  
 « không phải do cái thuyết « Dân quyền » gây mỗi  
 « mà kích nên. Vậy nên xét theo lúc bình nhật,  
 « tham cùng chúng luận, xét nghĩ phân minh cho  
 « được thỏa đáng.

« Vả chẳng, can về vụ ấy, xướng đầu chẳng  
 « qua một vài người, còn thì có kẻ biết mà không  
 « thú, có kẻ không biết mà theo can. Một mai tùm  
 « cả vào trong lưới tội, nhà nước có chỗ bắt nần.  
 « Vậy chiếu theo điều « mưu bặt vị hành », Huỳnh-  
 « thúc-Khàng, Phan thúc-Duyện, xin kết án đồng.  
 « với Phan-châu-Trình « xử tử đày Côn-lôn, gặp  
 « xá chẳng tha », còn bọn Nguyễn - Thành mấy  
 « người, trọng một trăm, lưu ba ngàn dặm, cái  
 « hạng khổ sai 9 năm... ».

Cái án văn trên, rành là lối văn-sách trường-ốc  
 như văn khoa cử !

Lúc ra ngoài đảo, quan Tây hỏi chúng tôi can  
 án gì, chúng tôi thưa : « Không nghe tuyên-án »,  
 cả người Tây đều cười rộ và tỏ ý ngạc nhiên !

**IX**

Tôi bị giam riêng một mình ở ngục Faifo gần  
 3 tháng trời, rất là buồn bực, đến cuối tháng 5  
 ta mới giải lên tỉnh, trong tỉnh được cùng anh em

đồng tội chuyện trò có vẻ vui thích. Ngoài sự chơi  
 tổ tôm, đánh cờ giải buồn ra, cùng anh em luận  
 văn binh-thi lấy làm chuyện vui qua ngày. Một  
 ngày nọ, anh em ra bài thi : « *Kinh-kha nhập-lân*  
 荆軻入秦 » hạn vận. Tôi cùng mấy ông cử Mai,  
 tú Khôi cùng làm, không bài nào nghe được,  
 vì hạn vận mất thú, tôi có một bài phóng vận :

馬	角	當	年	恨	未	平
蕭	蕭	易	水	作	悲	鳴
俠	腸	貫	日	虹	無	色
浩	氣	橫	秋	劍	有	聲
拓	落	孤	懷	歌	泣	外
尋	常	一	諾	死	生	輕
可	憐	六	國	多	才	俊
不	及	屠	沽	出	薊	城

*Nỗi oan sừng ngựa giận dương đeo (1),  
 Sông Dịch đưa người ngọn sóng trôi. (2)  
 Khí hiệp sủi trời vừng mống lọt,  
 Hơi thu dăng đất tiếng gươm reo.  
 Chí côi hãn để vui buồn ngoài,  
 Lời hứa đành mang sống chết theo.  
 Sáu nước nhân tài đầu vắng ngắt ?  
 Khéo nhường phùng thịt tấm gương treo.*

(1) Thái-tử-Đạo nước Yên làm con tin ở bên Tần, người  
 Tần nói : Khi nào ngựa mọc sừng mới được về.

(2) Dịch thủy là sông lúc khách đưa Kinh-Kha ở đấy.



X

Nghe tin đày đi Côn-lôn (ngày tháng 8 năm 1908) nhưng chưa biết đi ngày nào, anh em trong lao, có làm tiệc rượu tiễn biệt, có cho món quà và tiễn thi ca, tôi có bài thi lưu-dẫn :

鶴	虫	浩	劫	不	堪	論
頌	果	無	多	剝	後	存
此	去	何	年	重	覲	面
人	生	有	別	最	銷	魂
山	河	破	碎	身	猶	健
髀	肉	蹉	跎	氣	未	吞
若	向	天	涯	問	前	路
雪	鴻	隨	在	有	泥	痕

Chim, sâu kiếp nọ nói càng đau !  
Quả lớn đông rồi mới chín sau.  
Cảnh biệt, năm nào cùng gặp lại,  
Người đời buồn nhứt lúc chia nhau.  
Non sông be bét thân còn mạnh,  
Ngày tháng ta đã khi chữa thâu.  
Đường bước, ven trời ai muốn biết,  
Hồng đầu móng đỏ tuyết in sâu.

Lại có bài hát lưu biệt :

Trăng trên trời có khi tròn khi khuyết,  
Người ở đời sao khỏi tiết gian nan.  
Đấng trọng-phu tùy ngộ nhi an,  
Tổ hoạn nạn hành hồ hoạn nạn.

Tiền lộ định tri thiên hữu nhân,  
Thâm tiêu du hira mộng hoàn gia.  
Mấy nhiều năm vẫn cũng chữa già,  
Nọ núi Án, này sông Đà,  
Non sông ấy còn chờ ta thêu dệt.  
Kìa tự lán chẳng qua là tiễn biệt,  
Ngựa Tái-ông họa phúc biết về đâu ?  
Một mai kia con tạo khéo cơ cầu,  
Thấy bốn bề cũng trong bầu trời đất cả.  
Ừ bách niên trung tu hữu ngã.  
Dầu đến lúc núi sụp biển lồi, trời nghiêng đất ngã,  
Tắm lòng vàng tạc đá vẫn chưa mòn.  
Trăng kia khuyết đó lại tròn.

XI

Trong thi các bạn tiền, có mấy bài tứ tuyệt của ông tú Phan-Khôi là xuất sắc hơn :

1. 一 人 生 豈 必 長 相 聚  
流 落 窮 愁 亦 復 佳  
送 別 自 由 權 限 小 (1)  
獄 庭 寸 步 卽 天 涯
2. 一 不 言 此 去 爲 蒼 生  
只 爲 憂 時 樹 重 名  
前 路 相 逢 應 一 笑  
天 涯 不 用 泣 新 亭 (2)

(1)(2) Nguyên của ông: 送別自由還有限 前路相逢應有淚 天涯權作一新亭  
đọc anh em nghe, có sửa vài chữ như trên,

3. 一 去 矣 諸 公 何 所 思  
 千 秋 鴻 貉 有 餘 悲  
 太 平 洋 外 波 千 頃  
 吼 入 崑 崙 島 上 時

4. 一 關 摧 鶴 去 兩 悠 悠  
 滄 海 茫 茫 後 死 憂  
 祗 合 夢 魂 無 愧 怍  
 便 橫 東 海 看 西 流

1. — Người đời há phải hợp nhau hoài,  
 Lưu lạc cùng sầu gẫm cũng hay.  
 Tống biệt tự do quyền hạn hẹp,  
 Sân lao nửa bước cách trời mây!
2. — Đi này không nói vị thương sanh,  
 Vì bởi lo đời mắc chữ danh.  
 Ra đây, một cười khi gặp chắc,  
(chỉ cụ Tây-Hồ ra trước)  
 Thiên nhai mưa rưới lệ Tân-đình.
3. — Việc gì ? đi vậy hãy chừ tôn ?  
 Hồng-Lạc ngàn thu lắm nỗi buồn.  
 Ngoài biển Thái-bình muôn lớp sóng,  
 Có hồi tiếng dội dấy Côn-lôn.
4. — Lan khô, hạc tách rẽ dây sầu, (1)  
 Biển cả mệnh mỏng gánh kẻ sau.  
 Ước đặt mộng hồn không hồ then,  
 Biển đông ngồi ngắm chảy sang Âu.

(1) Lan khô, chỉ người chết, Hạc khứ, chỉ người đi đây.

XII

Tiêu-La tiên-sanh, bình sanh lưu tâm thực học, không hay làm thi văn, song thỉnh thoảng có cảm xúc, thổ lộ một đôi câu, khác hẳn bọn văn-sĩ thông thường, vì trong bụng có súc tích sẵn nên nói ra có lý thú, không phải như phường ruột trống, không đau mà rên kia.

Lúc mới dò nghe kết án, có tin đồn rằng án chung thân thì đày ra Côn-lôn, còn án khổ-sai 9 năm, thì đày đi Lao-bảo. Tiên-sanh án 9 năm, tính chắc đi Lao-bảo, không cùng đi Côn-lôn với tôi. Nên trong lúc anh em có thi ca tiễn mấy người đi Côn-lôn, tiên-sanh vỗ vai tôi và bảo :

Tôi không làm thi, song cũng có 7 chữ đưa ông.  
 Tôi bảo :

— Hãy đọc nghe.

— Đồng thị thiên nhai lộ bất đồng.

同 是 天 涯 路 不 同 (1)

Đồng cảnh ven trời lại khác đường.

Tôi vỗ tay khen hay : thôi, 7 chữ đủ rồi, không cần làm trọn bài nữa.

Té ra sáng ngày có giấy giải đi thì tiên-sanh lại cùng chúng tôi đi Côn-lôn.

Ra Côn-lôn 2 năm, tiên-sanh mang bệnh thổ huyết mà mất, không cùng chúng tôi trở về.

(1) Ý nói kẻ Côn-lôn, người Lao-bảo,

Độc câu : « Đồng thị thiên nhai lộ bất đồng » trên, không sao ngăn giọt lệ được.

Tiên - sanh có bài vịnh « con cóc » 14 chữ cũng hay :

天 地 不 平 難 閉 口  
風 雲 未 至 且 埋 頭

*Trời đất bất bình khôn ngậm miệng,  
Gió mây chưa đến hãy chừa đầu.*

Sào-Nam tiên-sinh thường thích đọc luôn.

Lúc ấy bị phát đi Côn-lôn, tôi cùng mấy ông Cử - nhân Phan-thúc-Duyệ, Ấm - sanh Nguyễn - Thành (Tiều-la), Cử-nhân Lê-bá-Trình, Tú - tài Trương-bá Høy, Dương-phụ-Thạch cùng hương-Cảnh và hương-Quần là 7 người. (1)

XIII

Người đời có bạn giao bằng tinh thần, bình nhật chưa từng biết mặt mà khi mới gặp nhau vui thích như bạn quen đã lâu. Đô-Lãng có câu « văn-chương có thần giao có đạo 文章有神交有道 » thật thế.

Tôi cùng ông Đặng-nguyên-Cần (Thai-sơn) (đỗ Phó-bảng làm quan đến Đốc-học, một nhân - vật cự-phách trong cự-học và lãnh tụ tân-học ở tỉnh Nghệ-an) cùng ông Ngô-đức-Kế (Tập - Xuyên, đã nói trước), đã vài năm giao nhau bằng tinh thần

(1) Trần - cao - Vân lúc ấy ở Bình - định, năm sau mới đây ra.

trên làng học mới mà chưa biết mặt nhau. Lúc chúng tôi bị giải đày đi Côn-lôn, do bến sông cửa Hàn (Tourane) lên tàu, quan tây dẫn ra bong sau tàu thì thấy một bọn cỗ gông chun xiềng, cả thấy 9 người. Tôi biết hẳn là thân-sĩ Nghệ-Tĩnh cùng tội quốc-sự như mình, mà mấy bác thấy chúng tôi, cũng ngó mặt nhau mà cười. Ngồi yên, nói tên họ thì : Đặng - Thai - Sơn, Ngô-Tập-Xuyên, Đặng - Nghiêu-Giang 栢, Lê - Lâm-Ngu (Giải - Huân) cùng học sinh và dân 5 người nữa : Đỗ-Tĩnh, Lý-Tư, Đội-Phương, Hương Hợ, Lý-trưởng Hạ lời. Đêm ấy tàu đậu ở Tourane, độ 8 giờ tối, ở Thừa-thiên có giải vào một cậu Ấm-sanh Lê-đình-Mộng.

Trưa bữa sau tàu đến cửa Giả-Bình-định (施耐汛) thì có lính giải thân-sĩ và dân Quảng-ngãi, Bình-định, một xâu gông tạ kéo nhau lên tàu, ngồi yên hỏi tên nhau thì các ông Cử-nhân Nguyễn-Suy, Nguyễn-đình-Quần, Tri-buỵện Nguyễn-Mai, Tú-tài Nguyễn-Tuyên, Phạm-cao-Châm (Quảng-ngãi), học-sinh Hồ-như-Ý, cùng Hương-Đôn, danh Chi, danh Tinh (dân Bình-định)... Kể cả thân - sĩ và dân mấy tỉnh cùng đày đi chuyển tàu ấy là 27 người. Mà văn-hào chiếm đến gần 20 người. Cái họa khoa-giáp cùng mặt kiếp Hán-học, rõ là một đoạn thảm kịch trên sử Hồng-Bàng xưa nay chưa từng có, mà ai biết đó chỉ là cái màn mở tuồng lớp đầu !

Đến Saigon, lên tàu dẫn vào khám lớn, chụp tóc chụp ảnh, đợi tàu một tuần lễ.

XIV

Năm Ất-tỵ (1905) tôi cùng cụ Tây-Hồ và cụ Thai-Xuyên có cuộc Nam-du, nhưng chỉ đi đến Phan-Thiết thì trở lại, chưa vào Nam-kỳ, lấy làm việc đáng tiếc, cùng hẹn ngày sau sẽ đi du lịch một lần khác, để bổ chỗ thiếu ấy. Nay vì có đi đây, đi ngang qua thành phố Saigon, vừa lên bến tàu thì dẫn ngay vào khám lớn, đi ngang giữa thành phố chỉ liếc mắt xem qua một thoáng, trong lòng sanh mỗi ngâm ngùi, có bài thi chép mỗi cảm-xúc ấy:

富	貴	河	山	尚	在	聞
當	年	曾	此	會	風	雲
穹	江	有	路	通	曼	谷
紅	海	無	情	引	法	軍
撫	國	東	宮	猶	肅	像
鎮	西	老	將	臆	靈	墳
經	過	約	取	歸	來	日
把	酒	憑	高	一	弔	君

Chân-lạp giàu sang tiếng thuở nay (1),  
 Gió máy xưa vẫn hội nơi này. (2)  
 Sóng Khung đường suốt thành Man-cốc, (3)  
 Biển đỏ tàu đưa linh Thái-tây. (4)  
 Tượng cổ Đông-cung đồng đúc đó, (5)  
 Mộ thiêng đại tướng đá ghi đây (6)  
 Thoảng qua hãy hẹn ngày đi lại,  
 Viếng cảnh, lên cao dốc chén đầy.

- (1) Câu ngạn : Phú qui Chân-lạp.
- (2) Vua Gia - Long gây nền trung hưng nhờ xứ Nam-kỳ.
- (3) Man-cốc, đô thành nước Xiêm.
- (4) Chỉ Hoàng-thái-Cảnh sang Tây cầu viện.
- (5) Tượng Thái-tử với Bá-đa-Lộc.
- (6) Mả Thượng-Công-Duyệt.

XV

Ở Khám-lớn một tuần đợi tàu đi Côn-lôn. Ngồi không, nói chuyện nhảm, nhân cùng nhau đọc mấy bài thi gần đây nghe chơi cho qua thì giờ.

a) Cụ Đặng-Thai-Son đọc bài :

« Đưa cụ Sào Nam Nam du ».

(Lúc ấy cụ Đặng làm Giáo-thọ phủ Hưng-nguyên mà cụ Sào vào Kinh và đi Nam sau khi Bắc-du mới về).

北	州	未	己	復	南	州
湖	海	豪	心	不	肯	收
自	笑	此	生	猶	白	而
可	無	奇	氣	傲	滄	洲
邵	陽	採	藥	尋	高	士
長	壘	觀	碑	弔	古	侯
獨	有	三	台	閒	散	友
相	思	夕	夕	倚	江	樓

Vừa ra Bắc đó lại vào Nam,  
 Hồ hải lòng hăng bước chữa nhàm.  
 Tự nghĩ thân này còn mặt trắng,  
 Há không khi lạ ngạo đời phàm.  
 Cờ-hầu lũy nọ tìm bia đá, (1)  
 Cao-sĩ làng kia hái thuốc thơm. (2)  
 Lừa có Tam-Thai người bạn cũ. (3)  
 Giang lâu ngồi dựa ngóng thâu đêm.

- (1) Tức lũy-thầy trường-dục, ông Đào-duy-Từ Lộc - khê hầu đáp ở Quảng-binh.
- (2) Làng Thai-dương gần cửa Thuận-an, là làng ông Cao-Sĩ Huỳnh-Quang có làm bài : Hoài - nam khúc
- (3) Tam-Thai là hiệu của cụ Đặng-nguyên - Cần.

b) Tập-Xuyên đọc bài : cảm tác.

狂	波	滾	滾	向	東	奔
太	息	何	人	種	禍	恨
虎	豹	噬	人	驕	白	晝
妖	魍	載	道	舞	黃	昏
天	心	未	悔	黃	人	禍
文	字	難	招	故	國	魂
搔	首	不	堪	頻	北	望
彌	天	塵	雨	暗	中	原

Biển đông ngọn sóng cuộn tròn ghè !  
 Gốc họa này ai vãi giống kia ?  
 Hùm cọp ban ngày tung kiếm thịt,  
 Yêu ma đường tối múa ra nghề.  
 Giống vàng họa lớn trời chưa hối,  
 Nước cũ hồn xa gọi chữa về.  
 Buồn rút gãi đầu trông cõi Bắc,  
 Mịt mù mưa bụi kéo tư bề. (1)

\* \*

c) Tôi đọc 2 bài « vô đề » (2 bài thi này làm sau khi 2 cụ Phan đã sang Nhật-bản).

1. —	回	首	河	山	夢	未	醒
	忽	教	奇	想	入	冥	冥
	楚	江	有	客	攜	孤	劍
	蜀	道	何	年	遣	五	丁
	萬	縷	春	蠶	心	不	死
	千	年	故	塚	鬼	無	靈
	鄂	中	只	解	巴	人	曲
	白	雪	歌	成	獨	自	聽

(1) Chỉ cuộc nước Tàu lộn xộn.

2. —	風	雷	四	壁	書	昏	昏
	夢	起	寒	窻	靜	掩	門
	地	獄	數	重	無	日	月
	天	涯	隻	影	有	乾	坤
	銅	駝	目	下	新	亭	淚
	杜	宇	聲	中	故	國	魂
	請	上	一	層	樓	上	望
	扶	桑	東	畔	掛	朝	暎

1. — Ngảnh lại non sông giấc mộng nồng,  
 Khiến người tơ tưởng giữa mệnh mông.  
 Sóng sâu khách đã mang gươm tểch, (1)  
 Núi hiểm năm nào mở nẻo thông ? (2)  
 Muốn mối tơ tâm lòng chết chữa,  
 Ngàn năm mã cổ quỷ thiêng không ?  
 Ba-nhân khúc nọ nhiều người họa, (3)  
 Bạch tuyết ca rồi chỉ ngóng trông. (4)
2. — Ban ngày như tối sấm mưa ồn,  
 Ngủ giáy ngồi ym lớp cửa đồn.  
 Ngục kín mấy tầng không ánh sáng,  
 Ven mây chiếc bóng có trời con.  
 Tượng Đạ ngắm nghĩa đành rơi lệ,  
 Tiếng quốc von veo khéo gọi hồn.  
 Hãy rặng một tầng lầu đứng ngó,  
 Vàng đồng treo bóng Thái-dương tròn.

(1) Dùng điển Ngũ-lữ-tư.  
 (2) Điển ngũ đỉnh mở núi.  
 (3) Ba-nhân : khúc hát dờ.  
 (4) Bạch-tuyết : khúc hát hay.

Phong-niên (Nguyễn-dinh-Quản) đọc bài thi của ông bạn là ông Cử Lê-Cần làm ở trong ngục :

故	國	山	河	重
新	潮	勢	力	輕
雄	心	忘	鼎	鑊
素	赫	斷	魄	鯨
欲	效	高	長	泣
寧	知	吉	不	成
縱	然	流	熱	血
同	類	吸	文	明

*Non sóng ơn vẫn nặng,  
 Sóng gió cuộc vira xoay.  
 Vạc lửa lòng quên sợ,  
 Tâm kinh mộng đuổi ngay.  
 Khóc đời Cao chữa chán, (1)  
 Hồng việc Cát nào hay. (2)  
 Máu nóng đầu trời chảy,  
 Văn minh hấp cả bày.*

Thi-xã trong bọn tù quốc-sự trên mười mấy năm, cuộc văn-thoại ở Khám-lớn thuật trên là bài mở đầu vậy.

**XVI**

Côn-lôn là một hòn đảo giữa biển ở về phía đông biển Saigon, trước triều ta thuộc tỉnh Vĩnh-

(1) Cao sơn Chieh-chi, nhân-vật trong cuộc Nhật-bản duy tân khóc mãi đến chết.

(2) Cát-diên Tùng-Âm, người mở đường xuất dương đầu tiên nước Nhật

long. Từ thuộc về người Pháp dùng làm nơi đày tù ở Saigon đi tàu thủy độ 16, 17 giờ đồng hồ. Khi xuống tàu có 1 người gardien dẫn đi. Tàu đến bến thì gardien và ma-tà (Surveillant) Côn-lôn đem chiếc xà-lan trong bến đưa ra đón (khi giải tù ra cỏ tin báo trước), dẫn chúng tôi lên bến đi thẳng xuống phòng giấy Gardien Chef sắp hàng nơi sân. Gọi tên từng người, bao nhiêu đồ hành-lý và thập vật, tiền bạc mang theo cùng áo quần đều ghi tên gói vào kho, ngoài cái thân ra chả còn có vật gì cả.

Đoạn, cấp cho mỗi người quần áo vải xanh một bộ, một chiếc chiếu và một cái thẻ bài, trên có in số hiệu. (Khi vào khám lớn Saigon đã có thẻ bài. Nay ra Côn-lôn ghi số hiệu theo số tù Côn-lôn, nên đổi thẻ bài mới. Thẻ bài của tôi số 7455).

Lãnh xong, dẫn đi trồng đậu rồi dẫn vào khám nhốt vào một cái phòng. Một tiếng cắc, cửa khóa lại, đó là bước đầu chúng tôi đến Côn-lôn.

Một cái nên chép là người Tây dùng số-học ra làm việc thực-tế, phạm sách số khi dụng gì gì cũng nêu thứ tự theo chữ số để tiện tra khảo, rất là tiện lợi, lại khỏi cái lối sai lầm lẫn lộn. Cái thẻ bài ghi số tù này là một. Thẻ ấy bằng miếng gỗ mỏng mà vuông, trên khắc-con số, dưới ghi án gì, mấy năm, hoặc chung-thân khổ-sai, cấm-cố, lưu-xứ và ghi cả kỳ mãn hạn. Mỗi người đều đeo thẻ ấy trên cổ thông xuống trước ngực. Phạm có việc gì kêu gọi tra xét, chỉ gọi con số

trên thẻ bài đó, như là cái tên. Nói cho đúng thì chữ số trên thẻ bài, tức là thay cho tên họ vậy.

Vì cái thẻ bài ghi số đó, nên không khi nào lẫn lộn, như cắt đi làm xâu hoặc phát tiền công, số tù đòi ngàn mà phân phát trong một giờ đồng hồ là xong cả, không có cái lối trùng họ lộn tên khi nào. Vì cái chữ số giản tiện dễ phân biệt.

Cụ Tập-Xuyên đeo thẻ bài vào, cười, bảo anh em rằng: « Thẻ bài chúng ta đeo đây cũng như bài ngà mà các quan ở Huế thường đeo lòng thông trước ngực, trông cũng dễ coi... ».

Cụ Đặng nói: « Như nói công dụng thì thẻ bài tù có thực dụng hơn, vì thay được tên họ, không giống như thẻ bài ngà Hàn-lâm hay Hành - tẩu, Cung-phung v. v. ai cũng như nấy, không lấy gì làm phân biệt » cả bạn đều cười. My - sanh có câu thi:

一 佩 囚 牌 不 記 年  
出 門 魍 魅 候 身 邊  
*Thẻ tù đeo cổ chẳng ghi năm,  
Ra cửa ma - tà cứ giữ chăm.*

Vì án chung thân không ghi năm, và tù đi đâu một bước thì có ma-tà theo giữ bên chun, câu trên là tả thiệt.

XVII

Đảo Côn - lôn trước kia chỉ có bọn thường phạm (do các lao Khám lớn, Hỏa-lò, Cao-man, Quảng châu-loan đưa lại), phần đông là tù Nam,

Bắc-kỳ, Cao-man, Lào, Khách trú, chớ Trung-kỳ không có, vì Trung-kỳ là xứ Bảo-hộ, thuộc tòa Nam-án, nên không gởi tù sang đây. Trước kia có ông Tấn-sĩ Dũ là một, (ra ít lâu rồi chết). Quốc-sự phạm đây ra đây, cụ Phan-Châu-Trinh là người đầu tiên, thứ nữa đến bọn chúng tôi cùng Bắc-kỳ mấy chục người can án đầu-độc.

Khi chúng tôi ra đây, bước chun lên đảo, định chắc là gặp cụ Tây-Hồ, nhưng lúc vào khám hỏi mấy người ma-tà thì mới hay cụ Tây-Hồ có lệnh quan trên được ra ở ngoài làng An - hải (cái làng thổ dân độc nhất ở đảo ấy) tự do làm ăn, không phải ở trong khám.

Nguyên lúc cụ Tây - Hồ ra đảo, ăn mặc, nói năng và cử chỉ, đều khác bọn tù thường, ma-tà và bọn tù kia nghe nói cụ ở ngoài Triều làm quan, nên gọi là « quan to »: vì vậy nên thấy bọn chúng tôi ăn nói giống cụ Tây-Hồ, ma-tà và bọn tù đều gọi một tiếng là « tui quan to » mà trong lịch-sử tù Côn-lôn, có thêm một hạng « tù quan to ». Cái tiếng « tui quan to » truyền ra, chúng tôi chưa được gặp cụ Tây-Hồ mà cụ ở ngoài làng đã biết có chúng tôi đến, đã lật đật đi hỏi dò cho biết tên từng người. Chúng tôi vào khám độ 3 giờ chiều thì nơi cửa sổ nhỏ lưới sắt có người ở ngoài ném vào một viên gạch cùng mảnh giấy văng theo, dỡ ra xem thì chính thơ cụ Tây-Hồ mà tự tay cụ viết (cụ ở ngoài làng nghe chúng

tôi đến, viết mấy chữ này gởi cho bọn tù nhà bếp đưa vào).

Bức thơ như vậy :

« Thoạt nghe tin anh em ra đây, dậm chun van trời một tiếng ! đoạn, tự nghĩ rằng anh em vì quốc-dân mà hy sanh đến phải ra đây, chắc là có trăm đều vui mà không có chút gì buồn, đây là một trường học thiên nhiên, mùi cay đắng trong ấy, làm trai giữa thế - kỷ 20 này, không thể không nếm cho biết. »

Sau có kể đại lược sự cư xử ăn uống trong tù cùng cách gardien ma-tà đối đãi v. v... vì chúng tôi mới vào trường học này chưa rõ học khóa ra sao, nên đem bài cụ đã học mà thuật lại cho chúng tôi biết. Tôi nhận có hai bài tứ tuyệt :

1. — 萬 死 投 荒 昨 悼 君  
 南 冠 今 我 亦 云 云  
 不 須 更 洒 新 亭 淚  
 鴻 貉 而 今 此 一 開
2. — 萬 矢 紛 紛 集 一 身  
 誰 知 接 踵 復 多 人  
 天 涯 髀 肉 蹉 跎 甚  
 悔 不 神 山 再 問 津

1. — *Đày hoang đảo, trước thế người sầu,  
 Mũ áo ta nay cũng chúc tù.  
 Thời chó Tân-đình rơi giọt lệ,  
 Ngàn năm sử Việt ấy trượng đầu.*

2. — *Một chắc làm bia vạn mũi tên,  
 Dè đầu lăm kẻ nổi chun liền.  
 Góc trời ở luống thản nhàn quả !  
 Tiếc chẳng quay chèo lại núi tiên.*

XVIII

Chúng tôi tới đảo, lãnh thẻ tù và phẩm phục rồi vào khám (khám này riêng cho bọn tù nhà bếp ngủ), chưa gặp một người tù nào và cũng chả biết ai, chưa cùng ai nói chuyện. Vậy mà ở trong khám được bức thư của cụ Tây - Hồ đã lấy làm lạ rồi. Cũng chiều bữa mới vào ấy, cũng ở nơi cửa sổ lưới sắt ấy, lại thấy một viên gạch con do tay ai ném vào cũng có theo giấy, dở ra thi thơ gởi cho cụ Ngô-Tập-Xuyên và thăm cả anh em đồng tội, sau có phụ một bài thơ, dưới ký tên rõ ràng :

« Bắc-hà Thượng - Cát  
 TRẦN-TRONG-CUNG »

Bọn chúng tôi cả 27 người, không ai biết người ấy là ai, chính cụ Ngô cũng không biết người nào mà biết tên họ mình, ngồi ngẫm nghĩ mãi cũng không nhận ra. Bài thơ như dưới :

南	車	消	息	滯	歸	鴻
世	路	崎	嶇	悵	未	通
人	有	同	心	增	激	慨
武	無	用	地	泣	英	雄
孟	津	洗	甲	愁	無	雨
赤	壁	揚	帆	恨	欠	風
果	信	扶	南	天	意	在
向	陽	吹	起	火	星	烘



*Xe nam đi lại vắng tin hồng,  
 Đường thẽ quanh co giập chũa thông.  
 Người có đồng lòng thêm khắng khái,  
 Vở không lựa đất khuôn anh hùng.  
 Mạnh-Tân giắc giáp chờ mưa Bắc,  
 Xích-Bích dương buồm thiếu gió đông.  
 Ất hẳn lòng trời phò tổ quốc,  
 Hỏa tinh thời đỏ giữa tầng không.*

(Sau mấy tuần mới gặp Trần, tên thường gọi là « Đờ-Cát », người củ lớp Cần-vương, bị tình nghi vào vụ Hà-thành đây ra Côn-lôn trước vài tháng. Cụ Tập-Xuyên thường ra Bắc-hà, nên nhiều người biết tên. Trần-quân người thành-phác, sau thường qua lại, thành bạn thân với chúng tôi).

**XIX**

Đảo Côn-lôn là cồn nổi giữa biển, bốn mặt đều biển bao bọc, dễ việc canh phòng, nên người Pháp dùng làm nơi đày tội, đảo ấy là một sở nhà ngục lớn nhất ở Đông - dương. qui-mô kiến - thiết, nghiêm nhiên như một tỉnh hạt trong đất, có khác một đều là dân ở dưới quyền cai trị đều là bọn tù tội (trừ mấy chục người thổ-dân làng An-hải là dân civil).

Đảo có một quan Tham-biện (Directeur, Administrateur du Pénitencier) giữ chánh quyền tối cao, thuộc dưới quyền quan Thống đốc Nam-kỳ, một viên kỹ-lục giữ tài-chánh, một viên Chef (Gardien en chef) phân bác gardien ma-tà, đốc-suất công

việc trong tù và việc canh phòng tù ngục, có một trại lính tây (caserne) do một vị quan Hai cai quản, lính Tây và lính Ấn-độ có trên 100 người. Có sở Bru-điện, do một ông chủ người Tây coi sóc. Tuy là nơi đày tù ở cách ngoài biển mà quan-thự cao sạch, đường sá chỉnh đốn, không kém trong đất. Có một nhà thương (ambulance), có quan thầy thuốc chữa bệnh cho thuốc, cả người civil và tù, dùng người tù làm khán-hộ. Chúng tôi mới lại, lãnh thẻ bài và quần áo, sang nhà thương trông đợi, sau mới vào khám.

(Đây và dưới, đều kể chuyện năm 1930 trở về trước, về sau có đổi khác nhiều).

**XX**

Chung quanh có bức thành, trong vòng thành rộng độ một mẫu, ấy là ngục-viên (bagne 1, nhà ngục thứ nhất. Năm 1916 có làm thêm một sở gọi là bagne 2), bốn phía có thành cao, chỉ chừa cửa trước và cửa sau. Ngoài cửa trước có trại gác, nhà giấy Gardien-Chef, kho chứa các khí dụng, đều sát dựa theo tường lao. Cửa sau, bên trong thì nhà bếp, giếng và kho xay lúa, và ngục tối (cellule), mấy hầm để phạt người phạm trọng tội.

Chính giữa vòng thành ấy chia làm 2 bên, 2 giẫy khám dài, mỗi giẫy 5 phòng, lấy số từ 1 đến số 10, mỗi phòng chứa được trên 100 tù, theo án và xâu việc mà chia phòng (như chung thân ở 1 khám, lưu ở 1 khám, thợ mộc ở 1 khám, sở rẫy (jardin) ở 1 khám, xâu tạp ở 1 khám v. v.).

Giữa 2 giấy khám, cách 1 cái sân rộng độ 12 thước tây, có trồng 2 hàng cây bàng, bóng che mát cả sân. Trước giấy khám có hiên rộng (tù gọi hàng ba), nơi hiên đó là chỗ tù nhóm ngồi ăn.

Đồ ăn đựng bằng sắt tây, lon nhỏ đựng cơm, mấm, cá, thịt, thùng lớn đựng canh; dùng thứ sắt tây này tiện lợi được cái không mẻ sứt. Khi ăn cứ 7 người 1 khúm, 7 cái lon, 7 đôi đũa, 1 lon cá khô nấu, 1 lon nước mấm, 1 thùng canh, hoặc rau, 1 thùng cơm. Cơm lứt, gạo xay không giã, đồ ăn thì cá khô và canh là món ăn độc nhứt quanh năm, thềnh thoảng có bữa thịt, mỗi tuần một lần. Trong mấy bài tập vịnh của tôi có bài :

枯魚鹹於鹽  
粗飯黑如鐵  
七人共壹盤  
席地肆饕餮

*Cá khô mặn như muối,*

*Cơm lứt đen như sắt.*

*Bảy người chung một mấm,*

*Ngồi lết cứ xực gắt,*

Đây là chép chuyện thiệt vậy.

XXI

*Làm xâu.* — Công việc trong tù, đều có phần từng sở, có sở nhứt định, có sở tạp dịch. Sở nhứt định (fixe) như thợ hồ, thợ mộc, thợ rèn, hầm gạch, sở rầy v. v., những sở này thường cắt bọn khổ-sai có kỳ hạn và tội án nhẹ ra làm. Còn tạp

dịch thì bất thường, nay xâu này, mai xâu khác (corvée diverse), có việc thì bắt làm, như xe đá, dọn tàu, đốn củi v. v. Án nặng chung thân, thường cấm cố và đập đá trong vòng sau khám, ít làm xâu ngoài.

Có một việc mà chúng tôi trọn đời không quên được : Nguyên xâu trong tù thì đập đá là công việc nhẹ nhứt. Chúng tôi mới lại tháng đầu, còn bị cấm cố trong khám, thường ngày ma-tà dẫn ra cùng bọn tù kia đập đá sau Bagne. Bọn tù kia đập đá dễ dàng làm sao ! vô luận viên đá lớn nhỏ, cầm búa đập xuống là rả ra từng miếng, trong chốc lát đã thấy đồng đá đập rời chất đồng. Duy có « tụi quan to » chúng tôi thì ra sức khổ mà viên đá không chịu bẻ. Đến viên đá con con mà rút cả thần lực đập luôn 5, 7 búa, nó vẫn cứng cỏi, không thềm bẻ, mới nực cười cho chớ !

Vì cái cơ đồ, cái tiếng « quan to hèn » thành ra câu nhạo trong làng tù, thường bị các chú ma-tà mắng nhiếc luôn.

Cụ Tây-Hồ có bài thi « đập đá ».

*Làm trai đứng giữa đất Côn-lôn,*

*Lùng lầy làm cho lở núi non.*

*Xách búa đánh tan năm bảy đồng,*

*Ra tay đập vỡ mấy trăm hòn.*

*Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,*

*Mưa nắng càng bền dạ sắt son.*

*Những kẻ và trời khi lở bước,*

*Gian nan chỉ kể chuyện con con.*

Không những thế, « tụi quan to » có cái túi vắn-chương, bình nhật ngạo nghễ với đời đã thành thói quen, dầu ở trong cảnh tù tội mà thói ngạo ấy không chừa, tự nhiên có hồi phát lộ; gia dĩ đối với gardien, ma-tà, chưa quen cái lối ăn nói thù phụng bợ đỡ như bọn tù kia (trong tù đối với ma-tà, xưng hô cũng theo giai-cấp như quan-trường, thừa bầm sai là đã sanh giặc, như Cai thì gọi bằng « chú », Đội gọi bằng « thầy », Quản thì bầm « ông » v. v. . Bởi có cái tượng hình đó, các bác ma-tà cho « tụi quan to » là vô lễ. Một ngày nọ, có một chú ma-tà nhỏ tuổi coi xấu đập đá, thấy « tụi quan to » đập đá ươn quá, tay cầm cây roi mây đi tự đầu này đến đầu kia hỏi từng người :

— Mày cái gì ?

— Bầm Cử-nhân. Chú cho một roi.

— Còn lão này cái gì ?

— Bầm Tấn-sĩ. Khi bầm có bộ cưỡi, chú ta cũng cho một roi khá đau và bão : mày ăn nói vô lễ, cho một roi từ rày về sau biết tay tao ! rồi Ấm-sanh, Tú tài, đều được thưởng ngọn roi ấy, duy có người xưng Chánh-tổng được khỏi roi (người trong Nam không biết khoa giáp là gì, nên trọng chánh phó tổng hơn).

Tôi có bài thi :

進	士	爾	何	物
言	語	太	傲	慢
贈	爾	一	長	鞭
使	知	我	手	段

Tấn - sĩ là cái gì,  
 Ăn nói rất vô lễ,  
 Cho mày một ngọn roi,  
 Mày biết tay tao nhé !

Bài tứ tuyệt trên là ứng khẩu đọc ra mà anh em trong tù truyền làm câu giai thoại, thường lặp đi lặp lại luôn.

XXII

Trần quân-Trọng, cũng gọi Đồ Cát, người làng Thượng-cát (Bắc kỳ), tinh nghi trong vụ đầu độc Hà thành đày ra Côn-lôn trước chúng tôi mấy tháng. Khi chúng tôi mới ra, ông ta đã có thơ thăm và tặng bài thi như đã nói trước. Sau vài tuần, chúng tôi được gặp ông ta. Ông người thành phác, nhiệt tâm việc nước, tuổi gần 50, trước tăng khó nhọc trong đám Cần-vương, có qua lại Nam-quan, Long-châu các nơi. Lịch-sử Cần-vương trước 30 năm, cả người và việc, thuật chuyện có lai lịch, nghe rất có thú, cung cho chúng tôi một đoạn sử-lieu có ích. Trong lúc buồn rầu không hứng thú, tình cờ được người bạn tốt, vui vẻ biết bao ! Tôi có tặng ông bài thi :

同	是	天	涯	對	泣	囚
前	身	歷	閱	讓	君	優
風	塵	一	劍	看	滄	海
君	國	三	生	忘	白	頭
可	有	壯	心	懸	馬	鞍

那 堪 回 首 望 龍 州  
 秋 深 鎖 室 談 遺 事  
 俠 骨 嶙 峴 死 未 休

*Giọt lệ thiên nhai vẫn bạn tù,  
 Thua người kiếp trước trải đời lâu.  
 Lưỡi gươm gió bụi trông còn biển,  
 Gánh nợ non sông trắng tóc đầu.  
 Ngựa ký năm tàu lòng vẫn ước,  
 Long châu ghềnh mặt ngắm thêm rầu.  
 Thu già khám kín cùng trò chuyện,  
 Hào hiệp gan kia đã chết đầu.*

XXIII

Trong tù có bọn du-côn, hung dữ quen tánh, một chút háy nguyệt, một lời động chạm nhau là đánh đá xâu ầu nhau, giết người bên chỗ nằm, không phải là việc lạ.

Chúng tôi lúc mới lại vài tháng đầu, ở chung với bọn tù thường ấy, rất lấy làm khổ, ban ngày đi làm, tối lại chúng tôi cùng nhau bàn văn chương, nói chuyện quốc sự làm vui, không dám chơi với bọn đó.

Một đêm nọ, độ 10 giờ hơn, tôi cùng cụ Giải-Huân (hiệu Lâm-Ngu) nói chuyện thị-văn đương say thì cái đèn lồng đóng trên tường, bỗng thấy mấy tấm pha lê bề rơi chảng chảng, đèn tắt, nghe có tiếng xô đuổi xôn xao bên cạnh, ước độ 10 phút, nghe có tiếng nơi cửa hô lớn: Ma-tà ! Ma-tà !

Người cai ma-tà phiên gác đêm ấy đứng ngoài cửa ngó và hỏi :

Việc gì ? việc gì lá kêu đó ? thì nghe có tiếng trả lời :

Bầm chú, tôi là Chui đã giết thẳng Chay chết rồi !

Người cai đi gọi Gardien và ông Chef. Một chốc có độ 5, 6 người cầm đèn mở cửa vào, trước thu đồ hung-khi của hung-thủ (trong tù cấm kỹ không cho dùng dao và các đồ sắt, bọn tù thường dùng dùi để đâm nhau, thứ này dễ dẫu, dùng thứ coi thùng gánh (tinetle v. v. thì mài được, sau lại thấy thứ dùi đâm, nhiều khi không chết, lại dùng vật khác. Cách giết người cũng tiến hóa lần, ghê nhỉ). Bắt tên sát nhân ấy ra ngoài, và hỏi tên bị đâm kia, thì tên nọ ngang nhiên chạy lại, toàn thân bị trên 10 vết đâm, có vết sâu đến vào nửa tấc, máu chảy lai láng, mà trông bộ nó như là vô sự không biết đau và trước sau không nghe la một tiếng. Cái gan cũng cừ thiệt ! (nó nói trong tối, nếu nó la thì bị đâm chết rồi, vì nó không la nên tên nghịch kia không biết đau mà theo đâm nữa). Khi đó, tên bị thương cho vào nhà thương, còn hung thủ vào hàm kín (cellule).

Cụ Giải Lâm-Ngu có bài thi :

慨 慷 棍 錐 兒  
 殺 人 成 慣 習  
 一 言 稍 異 同

白	刃	札	相	及
燈	火	暗	無	光
但	聞	叫	聲	急
頓	刻	雌	涎	分
淋	漓	血	流	濕
人	生	輕	死	生
此	風	可	長	揖
惜	哉	賤	同	胞
識	者	自	涕	泣
君	看	我	南	漠
世	紀	當	二	十
公	仇	與	私	仇
誰	哉	萬	矢	集

Hãng hái tay du côn,  
 Giết người đã thành tập.  
 Câu nói hơi chạm nhau,  
 Lưỡi dao đã cùng gặp.  
 Ngọn đèn bỗng mất sáng,  
 Chỉ nghe tiếng kêu gập.  
 Dây lát chia hơn thua,  
 Lai láng máu chảy khắp.  
 Chết sống coi như không,  
 Thói ấy đáng kính xấp.  
 Đồng loại giết lẫn nhau,  
 Kể biết cho là thấp.  
 Xem thể kỷ hai mươi,  
 Biên nam sóng dờn dập.  
 Công cừu và tư cừu,  
 Muốn tên đầu chỗ sắp?

XXIV

Chúng tôi ra tháng 8 năm 1908, đến sang năm (1909) độ tháng 2 thì một lớp ra khá đông : Bắc-hà, Dương-quân-Trạc (Cử-nhân), Nguyễn-quân-Quyền (chủ Đông-kinh Nghĩa-thục), Lê-quân-Đại, Võ-quân-Hoành. Kể vài tháng sau lại một lớp đông nữa là Thanh-hóa Hoàng-quân-Khải, Lê-quân-Nhĩ, Nguyễn-quân-Xứng, Nguyễn-quân-Soạn (đều Cử-nhân), Nguyễn-quân-Thiệp, Lê-quân-nguyên-Thành, Lê-quân-Tá và Nghĩa-Binh Trần-quân-kỳ-Phong, Bình-định Nguyễn-quân-Duy-viên (Tú-tài) cùng Tri-huyện Nguyễn-quân-Hàm, thông-ngôn Nguyễn-quân-Chỉ-Tín (2 cha con người Bắc-hà), Sĩ-nhân Nguyễn-Tuấn, Chánh-tổng Hàm (Bình-định), mấy người dân Bình-định : Trùm-Lập, Phó Khả v. v. . . Kể trước cùng sau, quốc-sự-phạm có trên 50 người.

Sau ít năm thì có 3 ông Mục-sư là Đồ-Lệnh, Nguyễn-Tường, \*Nguyễn-thân-Đông (người Nghệ-an) và Nguyễn-hy-Cao (Tú-Kiên), Nguyễn-văn-Ngôn (Tú-tài), Nguyễn-Tĩnh (Cử-nhân), Thông-ngôn Nguyễn-Long, nho San v. v.

Nhiều lần đơn xin cho bọn « Politiques » ở riêng một phòng và làm việc nhẹ. Sau đơn ấy được chuẩn-y, chúng tôi ở riêng một khám nhỏ gọi là khám B. làm sở ghé máy, đan chiếu và sở rầy làm rau v. v.

Mấy năm sau, Trần-quán-cử-Cai (Hoành) Lê-quân-dật-Trúc (Võ), rồi Nguyễn-cảnh-Lâm, Nguyễn-thạch - Giản, Trịnh-đình-Lựu. Lại có mấy người biệt xứ được đem gia quyến theo như Cát-Thành Trần-Thuy, Phụng-Xuyên Nguyễn-Trung, Thông-ngôn Nguyễn-Tiếp, cùng Nguyễn-huy-Tiền, Nguyễn-tử-Hành, Nguyễn-tử-Thần. Lại có mấy người đồng học như Hoàng-Hưng, Phạm-cao-Đài, Đặng-bình-Thành. Sau cùng có bốn binh Thiệu, nho Địch, (Quảng-ngãi can vụ Duy-tân, đội Trường, đội Giá (can vụ Thái-nguyên) cùng Phạm-Nghi (ở Xiêm bị bắt)... Câu thơ « tiếp chúng đa nhân », rõ thành câu thơ sấm nhĩ!

XXV

Bị đày đi Côn-lôn, cảm như người đã chết, trông cùng người nhà trường biệt không còn được có tin tức gì nữa. Sau khi ra đảo, mới biết trông tù cấm cách vẫn nghiêm, song có cái lệ khoan là được phép gởi thơ về thăm nhà và người nhà gởi thơ từ và có gởi cho món quà gì, người tù cũng được nhận lãnh — nhưng đồ ăn dùng không phải vật cấm.

Thơ gởi về nhà, viết xong, dán tem, nhưng không được dán lại. Đưa ra nhà giấy Gardien Chêf, nhà giấy ấy đưa lên phòng giấy Tham-biện kiểm-xét, có chữ quan Chánh (tức Tham-biện) rồi mới được phát đi. Thơ người nhà gởi lại, cũng do phòng giấy xét có chữ Tham-biện phê rồi mới phát

cho tù, có đều gì quan ngại, thơ bị giữ lại không phát.

Chúng tôi ra đây, trung tuần tháng 8 năm Mậu-thân (1908) đến thượng tuần tháng 9 mới gởi thơ về nhà dặn gởi thuốc hút và bày cách gởi thơ gởi thùng, đến tháng 12 năm ấy thì tôi tiếp được thơ nhà và một thùng chè và thuốc. Mới được thơ nhà lần đầu tiên, xem như được của báu, cảm động vô chừng!

Thơ tôi gởi về nhà có câu :

...以多愁善病之身,  
兼去國懷鄉之感,  
天涯流落,相思空  
托於夢魂;歲月蹉跎,  
顧影每愁於髀肉...

...*Đã coi thân nhiều bệnh lắm sầu,  
Thêm những nỗi lìa làng bỏ nước.  
Ven trời lưu lạc, nhớ nhau chỉ gởi  
nơi mộng hồn ; ngày tháng tiêu mòn,  
ngắm bóng thêm buồn cùng bắp thịt....*

Khi được thơ nhà và thuốc, có bài tuyệt cú :

一封滿貯相思藥  
寄到天涯慰所思  
料得窻前垂淚切  
柔腸片片細如絲

Một phong gói chặt thuốc tương tư,  
 Gửi đến ven trời viếng bạn xưa.  
 Ngăn lệ trước rèm tay xất nhỏ,  
 Lòng riêng trăm mối rối như tơ.

XXVI

Cụ Đặng nguyên-Cần, một nhà túc-học, sĩ phu Nghệ-Tĩnh xem như núi Thái-sơn, sao Bắc-đầu, là một người bạn già của cụ Sào-Nam. Vóc người nhỏ bé, mặt mũi đen xạm, ngoài văn-học ra, toàn không biết một thứ gì. Tướng cụ xấu, nếu như người không quen biết mà mới gặp cụ lần đầu, tất cho là cái người không biết chữ « nhứt là một », mà ai có dè trong bụng chứa kho sách, khi áp ngàn quân, cái ngòi bút cổ cảnh không ai sánh, cùng với cái tướng xấu què đen quạm kia, hiệp thành cái lạ mà người đời ít có!

Phong-triều tân-học ở Nghệ-Tĩnh, cụ cùng cụ Ngô-Tập-Xuyên đề xướng, mà cụ chuyên về mặt giáo-dục, thường tự sánh với Phúc-Trạch-Dụ-Cát Nhật-bản (1). Cụ trước có làm quan tại Kinh, sau làm Đốc-học Nghệ-an và Đốc-học Bình thuận, quan trường vẫn trọng cụ bạn giao du khắp cả trong nước, thường tự xưng là phái ôn-hòa, lấy việc đào tạo bọn hậu-tiến làm trách-nhiệm mình. Bọn học trò cụ ở Nghệ-Tĩnh nhiều người xuất sắc, trong

(1) Phúc-Trạch, nhà đại giáo-dục Nhật-bản về đời Minh-trị duy-tân, lập Kháng ứng nghĩa thực.

đám tân-học, như Ngư-Hải (Đặng-thế-Thân), Tùng-Nham (Nguyễn-văn-Ngôn), đều học trò cao-túc của cụ, sau chết về việc nước cả.

Ra đảo sau một tháng, cụ có bài thơ cảm tác :

回	首	河	山	百	感	并
幾	人	東	渡	幾	南	行
天	邊	一	自	虬	髯	去
海	上	何	年	馬	角	生
衰	衰	羣	公	憐	老	大
翻	翻	少	俊	孰	裁	成
平	生	漫	道	溫	和	派
慚	愧	埃	庭	亞	刺	卿

Ngành lại non sông rối ruột tâm,  
 Mấy người đông độ mấy vào Nam.  
 Rồng dương râu đã phăng qua biển  
 Ngựa mọc sừng kia đợi mấy năm!  
 Già nửa các ngài thời đã chán,  
 Trẻ trắng một lũ có ai chăm?  
 Bình sanh vẫn phái ôn hòa đấy,  
 A-lạc Ai-dình hổ phải cam (1)

XXVII

Chúng tôi ra đảo hơn 3 tháng, mà chưa được gặp mặt cụ Tây-Hồ, chỉ thông tin và nói chuyện trên tờ giấy (chúng tôi ở trong khám, còn cụ ở ngoài làng An-hải). Một ngày nọ, tôi mượn cái

(1) A-lạc-khanh là danh nhân nước Ai-cập.

thẻ bài của một tên tù làm sở rẫy, ra làm ngoài sở rau nọ, mới được gặp cụ đi câu cá gần đó, chúng tôi mới xin phép người cai cùng nhau nói chuyện mấy phút đồng hồ. Tôi thấy cụ đã rụng 2 cái răng cửa mà cụ lại thấy tôi tóc bạc nhiều, nên lấy làm lạ (tôi 30 tuổi thì tóc bạc, năm ấy 33 tuổi bạc hết gần nửa). Hai chúng tôi ngó nhau mà cười. Tôi có bài tuyệt :

可憐俱是到崑崙  
彼此參商幾曉昏  
我髮蒼蒼君齒落  
相逢一笑兩無言

*Kiếp tù chung một cõi ven trời,  
Hai ngã thâm thương cách mỗi nơi. (1)  
Tóc tôi bạc phơ răng bác rụng,  
Gặp nhau không nói ngó nhau cười.*

XXVIII

Sanh-ly đã khổ, lại dồn lấy cái buồn tử biệt, người không phải cây đá, không thể không đau lòng, huống bạn chúng tôi là hạng người đa tình. Tiểu-La tiên-sanh ra đảo độ mấy tháng thì được tin buồn ở nhà gởi ra cho hay phu-nhân tạ thế, anh em có câu đối chia buồn cùng tiên-sanh.

(2) Sâm thương là sao Hôm sao mai không khi nào gặp nhau.

Câu đối của tôi :

二十年聞鷄待旦，得之賢助為多；  
壯志未酬去國，此回身一葉。千里外見鴈思鄉，當此離魂未定；  
哀郵倏至開緘，無語淚千行。

*Hai mươi năm nghe gà đợi sáng, vẫn nhờ hiền trợ giúp nhiều, chí lớn chưa đền, lia nước tấm thân như chiếc lá.*

*Ngoài ngàn dặm trông nhận nhớ nhà, đương ức ly hồn chưa định, tin buồn vội đến, xem thơ không nói luống rơi châu.*

Câu đối của cụ Thai-son :

大丈夫以意大利為妻，客裏開緘，雙袂合收兒女淚。  
賢夫人亦越南一分子，山頭化石，一聲猶喚國民魂。

*Đại trượng phu lấy nước Ý làm vợ nhà, dẫu khách được tin, giọt lệ chả vì nhi nữ chảy.*

*Hiền phu nhân cũng Việt-nam một phần tử, đầu non hóa đá, vĩa thiêng sớm gọi quốc hồn về.*

Câu đối Dương-thiếu-Niên :

死別生離，十載愁腸南美客。  
夫仇國恥，九原毅魄女王軍。

*Thác biệt sống lìa, mới hạn mười năm nam Mỹ khách. (dùng điển Gia lý-ba-địch nước Ý)*

*Thù chồng nợ nước, hồn thiêng chín tuổi nữ vương quân. (tức bà Trưng)*

Mấy câu đối trên là lần đầu tiên « điệu vong » ở đảo. Từ đó về sau, kế tiếp xuất hiện luôn.



XXIX

Ngoài đảo mỗi năm ngày tết âm-lịch, 3 ngày cửa ngục mở toang, thả cả bạn tù ra ngoài hiên và giữa sân, chơi, đánh bạc, hát bội, có phát tiền lưu-ký cho tù, mỗi đũa một đồng, ai có tiền mandat gửi kho cũng được phát một đồng cho chơi 3 ngày tết. Trước sân banh như hội chợ và đám hội, bọn khách trú, ma-là và người trong làng đua nhau bán các thứ quà bánh cho tù, được lợi khá nhiều.

Ở tù trong một năm có cái ngày chơi ấy là đặc ân mà đã thành thông lệ.

Mấy ngày chơi đó, bọn tù khác múa hát vui vẻ rất là náo nhiệt, duy có bọn tù quan to, về năm tết đầu tiên, ai nấy đều tỏ dạng buồn như mình có bị mất cái gì vậy. Tôi có vài bài « trúc chi từ » ghi mỗi cảm xúc ấy :

1. - 家 家 爆 竹 迓 新 年  
 悶 殺 儂 家 獨 悄 然  
 夫 婿 天 涯 幾 時 返  
 焚 香 燈 下 卜 金 錢
2. - 窻 前 春 日 影 遲 遲  
 陌 頭 楊 柳 色 依依  
 自 是 東 君 情 獨 寡  
 不 識 夫 婿 共 春 歸

1. — Rước xuân, hàng xóm pháo tre kêu,  
 Buồn rút nhà ta khéo vắng teo !

Về chẳng ? ven trời trông cách biệt,  
 Dưới đèn khẩn vái lại xin keo. (1)

2. — Ngoài cửa ngày xuân đẹp bội phần.  
 Canh đường dương liễu sắc xanh ngần.  
 Đông hoàng sao khéo vô tình nhỉ !  
 Không dẫu chồng ta về với xuân.

Cu Ngô-Tập-Xuyén có một bài :

高 堂 初 上 拜 年 杯  
 整 備 歸 寧 喚 小 娃  
 悶 殺 祠 堂 門 外 路  
 玉 郎 偏 伴 阿 姨 來

Rượu xuân vừa chúc chén mừng năm,  
 Về viếng gia nương nhủ tờ em.  
 Buồn rút từ đường bên cửa trước,  
 Dì cùng dượng nó cũng về thăm !

Mấy bài tứ tuyệt trên, vẽ rõ tình nhi nữ trông chồng trong dịp tết. So với câu thi « thất tịch 七夕 » của nhà nọ : (2) Cháu trời thôi chớ rầu đêm vẫn, tờ biệt nhà nay đã mấy năm » (天孫莫漫嫌權短,儂自離家已幾年) tưởng không kém chút nào.

XXX

Sau chúng tôi ra đảo được một năm thì trong tù có phát bệnh dịch (1909). Lúc dịch mới phát,

(1) Cầm hai đồng tiền deo, 1 đồng sắp 1 đồng ngửa là tốt, còn sắp hay ngửa hết cả hai là xấu, gọi bói xin keo.

(2) Câu này trong Tùy-viên thi-thoại.

trong khám nhiều người chết, có kẻ buổi mai đi làm xâu mà buổi chiều đã chôn xác nơi mộ địa, có kẻ khiêng vào nhà thương đôi ngày mà không sống được. Trong bọn chúng tôi có lý trưởng làng Hạ-lôi (Hà-tĩnh, quen tên) Hương-chánh Hà-lam Nguyễn-Quần (Quảng-nam), đều chết về bệnh dịch ấy.

Lúc ấy cụ Ngô-Tập-Xuyên cũng mang chứng ác nghiệt ấy, anh em rất lấy làm lo mưu với cặp-răng dẫu ở trong khám, không chớ đi nhà thương (nhà thương đối với bệnh dịch vì sợ truyền nhiễm, nên bệnh vừa liệt là không chắm), anh em dùng thuốc cứu đốt và thoa dầu, may sống được, đó cũng là sự may. Cụ Ngô gởi thơ về nhà có câu :

« Bị con ma dịch bắt, nhờ phúc nhà con dày,  
anh em săn sóc, may qua khỏi được. Không thể,  
nay cổ đã xanh trên năm mã rồi ! »

Trận dịch này Lý Hạ-lôi chết trước, tôi có câu đối :

此地爲豪傑天然之學堂, 來  
與吾輩相周旋, 清福幾生修得到,  
一鄉乃國家縮小之影子, 能  
爲同胞爭利益, 窮荒一死鬼猶嫌.

Đảo này là trường học thiên nhiên bạn anh hùng, với chúng ta cùng sớm chiều, thanh phúc mấy đời tu được thế !

Một làng là tấm ảnh rút nhỏ của nhà nước, cùng đồng bào tranh lợi ích, cùng hoang một thác quỷ càng thiêng.

Kể vài bữa sau, Hương-Quần chết, cụ Đặng-Thai-Sơn có câu đối :

五行山人物今適崑崙, 某也義  
黨, 某也紳士, 某也鄉職廟其間,  
凡我同胞, 豈以尊卑分等級.

廿世紀新潮橫衝亞陸, 或以舌  
戰, 或以筆戰, 或以利權爭於下,  
憐君熱血, 爲誰流落到天涯.

Nhân vật xứ Ngủ-hành, nay ra Côn-lôn, này  
nghĩa đảng, này thân sĩ, này hương chức xen vào  
trong ; đều nghĩa đồng bào, hà lấy tôn ty chia  
đẳng cấp.

Tân triều kỷ hai mươi, thẳng xông đất Á, hoặc  
đánh lưỡi, hoặc đánh bút, hoặc vì lợi quyền tranh  
ở dưới ; cảm người máu nóng, vì ai lưu lạc đến  
ven trời ?

### XXXI

Công việc tù Côn-lôn, lúc chúng tôi mới ra thì có xâu dọn tàu là nặng nề mà đối với « tụi quan to » rõ là một việc nặng quá sức ?

Ở ngoài đảo, cả quan, binh và tù, nhứt thiết đồ ăn và vật hạng đều ở Saigon chở ra (như cá khô, lúa, gạo và các tạp vật), tàu lại mỗi tháng 2 lần (tàu ra đó rồi sang Tân-gia-ba, khi ở Tân-gia-ba về, lại đi ngang đó, mỗi tháng có 2 lần đi về như thế).

Tàu chở vật hạng đến thì bắt tù dọn, chia làm 4 ban :

1/ Tù ở sở lưới (pêcherie) gần bến, chống mấy chiếc xa-lan ra gần tàu, chuyên đồ vật sang. Tàu đậu cách bến xa, chuyên xong, chống xa-lan vào, cũng đậu xa bờ.

2/ Đến ban thứ 2, lội xuống nước độ đến háng, có nơi đến ngực, chực sẵn, hễ xa-lan chống vào thì ít người nhảy lên xa-lan, còn bao nhiêu đứng dưới nước, hễ trên xa-lan thả bao, dỡ, vật hạng xuống thì ở dưới đỡ lấy mà vác vào bãi. Nhiều khi sóng đánh đứng không vững chân, mà bao gạo, bao cá khô nặng quá vác không nổi. Khổ nhất là « tụi quan to » may gặp bao muối nhẹ gắng vác nổi, đến bao cá khô, bao lúa thì 2, 3 người cùng tha, như kiến tha thẩn-lần. Sóng vỗ té lên té xuống ướt như chuột lột. Vậy mà bọn tù khác có nhiều đưa vác bao gạo cả trăm kilos đè trên vai đi như không !

3/ Đến bờ thì có ban thứ 3 chực sẵn, chuyên lên xe bò chở về kho.

4/ Đến kho thì có ban thứ 4 chuyên trên xe xuống đem vào chắt trong các kho.

Công việc dọn tàu nặng nhọc, đến ngày tàu lại, trừ các sở đặc-biệt như sở ghế, sở lò gạch cùng các sở nhất định đi làm ngoài, còn các tạp dịch đều đình lại làm việc dọn tàu cả, có khi trưa không nghỉ, có khi dọn đến 8 giờ tối mới xong.



Tây-Hồ PHAN-CHÂU-TRINH

Đó là việc năm 1908-1910, lúc chúng tôi mới ra, có dọn 2 lần, rất là tẻ mẻ bãi-hoải, rước lấy vô số là roi. Xâu này trừ vài người dân Bình-định ra đủ sức làm được như bọn tù kia, đảm quan to duy có ông Phong-Thử và ông Ngô-Xá làm nổi, vác nổi bao lúa, còn bao nhiêu đều quệ liệt cả, cho đến 2 người mà không làm sao rẻ nổi một bao lúa (nặng 60 kilos).

Nhân vài lần đó, cái tiếng « quan to hèn », cả người Tây, lính gác, và ma-tà đều biết, vì có đánh chỉ nắm quì ra đó mà chịu không làm nổi việc, thành sau quan to được khỏi xâu dọn tàu. Cái hiệu quả chịu đánh cũng khá đó !

Trong mấy bài tạp vịnh, tôi có bài :

何 事 忙 人 甚  
柴 棍 載 粟 來  
鞭 笞 行 且 至  
面 色 白 於 灰

*Việc gì rất ghê người,  
Tàu chở lúa tới nơi ?  
Sẽ rước trận đòn lớn,  
Sắc mặt trắng như vôi.*

Đấy là tả thực tình quan to sợ xâu dọn tàu.

### XXXII

Chúng tôi tụi quan to lúc mới ra đảo, cùng các bọn tù khác ở chung, làm đều cay nghiệt rất khó

chịu. Trải qua mấy lần làm công việc nặng, thi cái ngọn sở trường « làm đơn xin », viên lễ quốc-sự-phạm xử văn-minh được biệt-đãi, yêu-cầu nhiều lần mà quan chánh Tham-biện (Directeur) không xét đến (lúc chúng tôi mới ra gặp quan Chánh ít chăm sóc, việc gì cũng giao quyền cho Gardien Chef cả).

Trên 2 năm trời, có quan Tham-biện mới, ông Cudené ra, chấn chỉnh qui chế trong tù, phân biệt tội án nặng nhẹ, án gì theo tội nấy, trong tù từ ăn mặc đến công việc đều có qui chế, làm đúng theo luật, lại có lệnh cấm đánh càn, tù có phạm tội thì tùy nặng nhẹ mà phạt. Quang cảnh trong tù đổi ra một vẻ mới, lời yêu cầu của tui quan to được y-chuẩn, cho bọn tội « tù quốc-sự phạm » (déportés politiques) được ở riêng một khám gọi là khám B, lại được làm công việc nhẹ, lớp thi đan chiếu (natte), lớp thi ra làm sở rẫy (jardin), cái đặc ân trong tù, tui quan to được hưởng riêng. Từ đó chúng tôi mới có thú sống chút ít, mà trong khám B trở thành trường học và thi-đàn của chúng tôi. Khóa học trong trường thiên-nhiên bắt đầu từ đó.

XXXIII

Việc đốc-suất quản-cổ trong tù, dưới bọn Gardien (người Tây và người Chá) và ma-tà (surveillant indigène) lại có cái chức cap-rắn (Cap'an)

chức sau này chọn những tên lanh lợi bảnh thao trong bọn tù. Mỗi sở có một cap-rắn như cap-rắn sở ghê, cap-rắn thợ hồ v. v. trên tay áo có cái lon chữ A đồ làm tiêu hiệu. Cap-rắn ra ngoài, coi suốt chúng làm, giúp với Gardien ma-tà (cap-rắn chỉ coi sóc khỏi làm việc). Khi vào khám cũng giữ xem trật tự trong một khám.

Theo cái lối dùi đánh đục, đục đánh sáng, Gardien đục ma-tà, ma-tà đục cap-rắn, cap-rắn đục bọn tù, cap-rắn chức nhỏ mà có quyền to, đánh đập, chửi mắng bọn tù khác, lại xên (signaler) với Gardien Chef việc này việc nọ, khi-diệm cũng đáng ghê! Tuy vậy, tay anh chị trong tù cũng không ít, nếu cap-rắn ý thể lộng quá, cũng thường bị chúng đâm giết.

Duy có tui quan to là yếu hèn nên ở trong khám hay ra làm xâu ngoài, thường bị khuất phục với bọn cap-rắn, nhưng thỉnh thoảng cũng có tên biết đều đối đãi tử tế.

Cap-rắn T. người Bắc-hà, có học đòi chữ. Có cái thói quen trọng quan và sùng bái bọn khoa giáp, đối với tui quan to chúng tôi có hơi biệt-nhân, gặp xâu việc nặng, y có đỡ vớt chút ít, nên chúng tôi đối với y vẫn có hảo cảm. Y nhà còn cha già, ngày nọ gởi thơ về thăm nhà, tới tôi và cụ Tật-Xuyên cùng cụ Lâm-Ngu xin mỗi người một bài thơ gởi về thăm cha và nói :

« Xin hai cụ Nghè và cụ Giải mỗi cụ một bài thơ, gởi về cho ông thân tôi làm vật kỷ niệm để

đòi, vì ông thân tôi quý chuộng thi-văn của mấy  
cụ danh tiếng » (chỉ biết Tấn-sĩ, Giải-nguyên là  
quý, mà không hiểu Tấn-sĩ, Giải-nguyên trong tù  
không đáng nữa đồng kẽm, rõ là chuyện buồn  
cười? song cũng là cái phong khí sùng-thượng  
khoa cử ở xứ ta).

A) Tôi tặng một bài :

天	涯	憔悴	感	南	冠
一	見	教人	刮	目	看
鄉	思	行山	雲	下	舍
芳	情	幽谷	草	中	蘭
狂	飈	乍捲	滄	波	急
春	信	將歸	暮	雨	寒
寄	遠	勞君	重	索	句
詩	文	誤我	十	年	還

Góc trời mòn mỏi cảm thân tù,  
Mời gặp nhau mà đã biết nhau.  
Mây bạc cảnh nhà ngán núi khuất,  
Lan thơm trong cỏ nẻo hang sâu.  
Gió đưa biển gập triều thêm nổi,  
Mưa giục xuân về lạnh đến đầu.  
Gởi tặng nề lòng đề mấy chữ,  
Thi văn lụy tờ trải từ lâu.

B) Cụ Tập-Xuyên nhà còn ông bà cụ già. Nhân  
người xin thi gởi thăm cha, cảm tình đồng bệnh,  
nên bài thi cụ càng cảm-khái nồng nàn hơn :

故國方新界  
高堂正暮年

隻	身	流	海	島	
萬	里	夢	桃	筵	
相	逢	何	必	曾	識
志	士	一	見	談	胸
吾	儕	筆	舌	愧	無
慷	慨	知	君	富	膽
雲	函	珍	重	寄	遙
云	是	佳	音	遂	父
我	亦	晨	昏	心	太
爲	君	題	罷	倍	潛

Nước củ phong triều mới,  
Nhà gương tuổi tác cao.  
Góc trời thân lạc-phách,  
Tiệc thọ giấc chiêm bao.

Gặp nhau lọ phải người quen cũ,  
Chỉ-sĩ một thấy phôi can phủ,  
Ngòi bút bọn ta hồ không công,  
Khảng khái như người người ít có.  
Tờ mây tràn trọng gởi thăm nhà,  
Rằng : chữ bình yên kinh chúc cha.  
Chiều sớm ta cùng lòng mến ấy,  
Viết xong, giọt lệ chứa chan sa !

C) Cụ Giải-Huân nhà có mẹ già, bài thơ cụ  
cũng làm-ly cảm-khái :

人	子	孝	父	母
當	知	父	母	心
只	恐	名	不	立
碌	碌	空	自	沉

東 南 有 一 島	近 爲 豪 傑 林	流 落 一 到 此 金	值 價 高 千 暮 年	持 此 娛 情 深	毋 乃 孝 膳 間	區 以 餐 幽 襟	何 亦 開 香 祝	我 亦 焚 香 祝	齡 背 續 詩 吟
-----------------------	-----------------------	----------------------------	----------------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------

Con thảo với cha mẹ,  
Lòng cha mẹ thế nào?  
Lo con không tự lập,  
Trọn đời chìm dưới ao.  
Đông nam có hòn đảo,  
Một rừng tự anh hào.  
Lưu lạc được đến đây,  
Ngàn vàng giá-trị cao.  
Y ấy đáng tuổi già,  
Lòng thảo sâu biết bao?  
Sớm chiều lo cơm cháo,  
Chưa phải đèn công lao.  
Ta cũng đốt hương chúc,  
Chén thọ mừng tiệc đảo.

XXXIV

Biết chữ nhiều mỗi lo (識字多憂患) (1), văn-tự lụy người, xưa nay cùng đồng mỗi cảm-khái ấy,

(1) Tô-dông-Pha có câu thi 人生識字多憂患.

cho đến đã vì cái có văn-tự, đẩy ra ngoài đảo hoang, góc biển, nhốt trong khám kín, mà cái dầy « văn-tự » làm lụy đó, vẫn dằng dính mãi, không chịu rời ra, cứ theo bó buộc đến trọn đời, há không phải quỷ thần ghét người biết chữ sao?

Tôi ra đảo mấy tháng, gửi thơ về nhà, có phụ 4 bài thơ. Nhân đó sanh ra lắm điều chi-tiết. Rõ là cái họa kiếp chữ Hán.

Bốn bài thơ :

1) Cùng bà dầm :

無 辛 中 浪 封 化 強 雲	緣 苦 饋 遊 侯 石 把 惜	嫁 勞 頻 費 塞 山 開 雨	作 勞 煩 盡 外 頭 愁 妬	狂 獨 供 典 應 不 問 幾	生 自 客 衣 虛 記 明 回	婦 憐 饌 錢 話 年 月 圓
--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------

(4 bài này đều dịch « lục-bát » và gửi cả bài dịch ngay lúc ấy.)

Rủi ro khéo gặp chồng khùng,  
Nhọc nhằn nhiều nỗi, cam lòng đắng cay,  
Trong nhà khách khứa liền ngày,  
Bao nhiêu tiền bạc, một tay tiêu xài  
Phong-hậu rõ việc nói chơi,  
Đã trông chồng, nợ, một đời đã cam.  
Sầu riêng hỏi thử trắng rằm,  
Mây mưa ghen ghét, mấy năm lại tròn.

2) Cùng 2 đứa con nhỏ :

(Đứa con gái đầu mới 6 tuổi, đứa sau, tôi bị bắt tháng 2 mà nó tháng 7 mới sanh, kể tháng 8 thì tôi bị đày ra Côn lôn. Nay đọc bài thi này, không ngăn được nước mắt, vì 2 trẻ đều bỏ già mà đi sang thế-giới khác cả / đứa lớn được 1 trai, cháu hiện ở với tôi, cho đi học.)

淒	絕	匆	匆	別	爾	情
一	纔	六	歲	一	初	生
孩	纔	至	性	知	思	父
教	提	前	程	一	委	卿
女	育	新	湖	通	國	語
焦	學	舊	曲	紹	家	聲
慰	桐	豈	必	真	男	子
君	情	家	家	姊	妹	行
	看	家	家	姊	妹	行

Vội vàng rẽ bước ra đi,

Đứa vừa sáu tuổi, đứa thì mới sanh.

Nhớ cha trông ngất trời xanh,

Giày nuôi nhờ có mẹ lành gắng công.

Bằng nay quốc-ngữ học thông,

Tiếng nhà may nổi tiêu-dồng khúc xưa (1).

Chưa trai thì gái cũng vừa,

Chị em Trưng-nữ tiếng giờ còn thom.

3) Cùng anh em chú bác :

青	山	三	面	枕	平	疇
一	帶	瀟	河	入	海	流

(1) Tiêu-dồng là cái đờn của ông Thái-Ung đời Hán truyền cho con gái là Thái-văn-Cơ.

諸	父	諸	兄	居	聚	地
某	邱	某	樹	少	年	遊
一	枝	自	信	鷓	巢	穩
萬	里	那	堪	鶴	夢	愁
多	少	去	時	新	植	桂
可	無	翠	幹	傲	寒	秋

Đồng bằng núi dựng ba bề,

Sóng Giăng một giải chảy về biển đông.

Anh em chung ở một vùng,

Cần kia rừng nọ, xưa cùng vui chơi.

Ồ chim một nhánh thảnh thơi,

Hay đâu giặc hạc, ven trời xa trông.

Bao nhiêu vườn quế mới trồng,

Sương thu ngạo nghễ, lẽ không cây nào ?

4) Cùng các bạn và học-trò :

葱	鬱	河	山	大	有	人
風	潮	况	復	吸	來	新
千	間	廣	廈	門	中	士
萬	樹	權	花	雨	後	春
演	鼓	聲	中	呼	醉	夢
商	旗	影	下	集	冠	紳
而	今	一	別	無	消	息
腸	斷	崑	崙	海	嘯	辰

Non sông tốt, nhơn vật nhiều,

Lại đua nhau rước / phong-triều mới sang.

Học-trò nhà chứa ngàn gian,

Muốn hoa quế trở sau làn mưa xuân.



Giấc mê, trống gọi tỉnh dần,  
 Dưới cờ thương học, quan thân dập diu.  
 Mà nay tin tức vắng hịu,  
 Góc trời tiếng sóng chín chiu ruột đau.

Mấy bài thi trên, rành tả tình thiết, chả có ý tứ gì lạ. Gởi về nhà bru-điền Tam-kỳ, đưa lên phủ, viên tri-phủ lúc ấy kiểm xét thấy trong thi có mấy chữ « tái ngoại phong hầu, Trưng gia tử muội, khứ thời tân thực quế, kỳ hạ tập quan thân » v. v. cho là phạm thời húy, anh em ở nhà bị phiền lụy lên xuống khai báo mãi mới nhận được thơ.

Từ đó, không rõ thế nào mà ngoài đảo có lệnh cấm tù không được gởi thơ bằng chữ Hán nữa, chỉ dùng chữ quốc-ngữ, nay đã thành lệ, rõ là mat kiếp chữ Hán!

XXXV

Tú-tài Dương-quân Trường-dinh tên là Thạc, người đồng huyện và bạn đồng học với tôi, cùng người anh là Dương-Thường, nhà nghèo siêng học, cả hai đều có tánh khảng-khái, bạn đồng-học trọng tình đều tặng cho cái tiếng « nguyên phương qui phương » (元方難爲兄季方難爲弟).

Năm Đinh-vị (1907) trong huyện (lúc ấy còn gọi là Hà-dông, tức phủ Tam-kỳ nay), chánh phó tổng 7 tổng thông đồng với bọn nha lại, cậy thế sinh oai, ta sự nhiều dân, dân-gian giám giận mà không dám nói. Anh em Dương-quân mới liên-

hiệp các xã trong huyện làm đơn trần tố các khoảng nhùng hoành ấy. Bọn chánh phó tổng cùng nha lại nhiều phương che đậy và vận-dộng đủ cách để êm việc. Nhưng anh em tới Tỉnh tới Bộ, bày tỏ tình trạng, lời lẽ sách hoạch, chứng cứ minh bạch. Việc đương tại án chưa cứu xong, thì vừa tấn kịch xin xâu nổi lên. Nhà đương cuộc nghi cho anh em Dương-quân xúi dân cự thuế, cả hai đều bị bắt giam trong ngục.

Dương-Tú-quân bị án chung thân đày Côn-lôn, anh Dương-Thường bị đày Lao-bảo (nguyên người anh có làm đầu vụ kiện quan trường khoa Bình-ngọ (1906), quan phó chủ-khảo khóa lúc ấy lại làm Án-sát Quảng Nam).

Dương-quân (Tú em) ra Côn-lôn được mấy tháng thì cảm bệnh ho, năm sau thì mất, trong lúc bệnh có vài bài thơ :

1) Tứ sự :

一	調	遙	遙	孤	島	中
可	憊	南	北	病	相	隔
炎	邦	文	獻	看	猶	昨
歐	化	風	湖	未	奏	功
水	國	濤	聲	搔	夢	蝶
故	山	雲	意	戀	征	鴻
坐	間	莫	洒	新	亭	淚
多	恐	崑	崑	海	染	紅

Hòn đảo mờ cõi giữa cõi cùng  
 Đày ra, Nam Bắc kiếp tù chung.

Nước nhà văn-hiến còn in củ,  
 Âu-hóa phong-triều chữa trót công.  
 Tiếng sóng góc trời rầy giã điệp,  
 Luồng mây núi cũ mền chim hồng.  
 Thôi đừng rưới lệ Tân-đình nữa,  
 E nhuộm Côn-lôn nước biển hồng.

2) Ngày Tết :

見	說	西	人	元	日	去
明	朝	又	是	我	明	年
燼	知	海	國	無	新	氣
不	道	韶	光	有	宿	緣
歲	序	從	頭	看	不	改
家	山	回	首	更	蕭	然
莫	言	窮	島	春	猶	稚
一	歲	頭	功	孰	占	先

Tết tây vừa mới đi qua đó,  
 Năm mới ta, mai lại thấy sang.  
 Cảnh mới có gì nơi hải đảo,  
 Duyên xưa còn mền với thiều quang.  
 Năm theo đường củ xoay vẫn mãi,  
 Núi khuất nhà xa thồn thức giương.  
 Chớ gọi hang cùng xuân trẻ nhỏ,  
 Đầu tiên công ấy rước đông hoàng.

(Hai bài thi trên vẫn thường, song vì cái chết của Dương-quân rất vẻ vang trong làng tù, nên chép lại hai bài thi này).

XXXVI

Bài thi mừng thọ ông Trần-trọng-Cung :

Ông Trần-trọng-Cung (Bắc-hà, người đảng Cần-vương, trước đã thuật rõ) năm Kỷ-dậu (1909), vừa 50 tuổi, sách tôi bài thi mừng thọ. Tôi tặng một bài ngũ-cổ, tự nhận là bài thi đặc ý :

天	海	何	茫	茫
歲	花	棄	我	去
君	今	年	五	十
我	亦	三	十	四
風	塵	過	半	生
拓	落	成	何	事
搗	來	臥	孤	島
熱	血	洒	無	地
土	花	蝕	龍	泉
鹽	車	垂	噴	耳
媚	顏	對	棍	徒
俯	首	向	獄	吏
威	此	遲	暮	心
兼	之	抑	鬱	氣
相	看	兩	無	言
相	對	潛	揮	淚
故	國	烟	塵	中
迢	迢	隔	一	水
歐	潮	彌	天	來
後	路	伊	胡	底
今	年	已	云	過
明		復	可	似

薑	桂	老	愈	辛
驩	驩	志	千	里
傳	語	素	心	人
身	存	心	不	死

(Dịch theo điệu « ca trù »).

« Giữa cùng hải nước với trời bằng lảng,  
 Vội bỏ đi, ngày tháng chớ chờ người!  
 Người năm mươi mà ta đã ngoài ba mươi,  
 Kiếp gió bụi quá nửa đời nên chuyện cóc!  
 Ngoài cỏ đảo nằm co một góc,  
 Biết nơi nao đó dốc máu lưng bầu.  
 Gươm long-tuyền rét phủ đã từ lâu,  
 Dưới xe muối cúi đầu gò ngựa kỹ.  
 Tiếng mắng còn đồ dành khuất trí,  
 Ngọn roi linh gác đã ghé mình.  
 Cảm thân già thêm nổi khi bất bình,  
 Ngồi ngó mặt lạng thỉnh rơi giọt lệ!  
 Trông nước củ khói mù xa cách bề,  
 Ngọn triều lay đảo-đề biết về đâu?  
 Xuân năm nay đánh đã qua mau,  
 Xuân năm khác thế nào, nào có biết!  
 Tánh gừng quế càng già càng mảnh liệt,  
 Trải đường dài mới biết ngựa hay,  
 Thân còn lâm huyết còn đây ».

Bài thơ trên lảng chưa bao lâu thì ông ta bị  
 ma dịch cướp đời sống, thành ra bài thơ điệu!

XXXVII

Người đời ai khỏi chết, chết vẫn là sự thường, người xưa có phân biệt như thuyết « núi Thái, lông hồng 山泰鴻毛 », cùng đạt quan như thuyết « thánh Nghiêu, bạo Kiệt đều xương mục cả 生則堯傑死則朽骨 ». Kiến giải thông thấu, không phải bàn nữa, duy có cái « may » cùng « không may » thì thật có thực :

Tù quốc-sự đày ra Côn-lôn, kể trong khoảng 13 năm mà ký-giả được rõ (1808 - 1921), cả thân-sĩ và dân, chôn xương ngoài hoang đảo ấy có trên 10 người (hương Cảnh, hương Cò lý Hạ-lôi, nho San, Ký-Long, nho Hai, Tiểu-la, Trường-đình, Yên-son, Nhu-xuyên, Phong-niên, Xuân phổ, Tùng-nham, đều thân sĩ và dân Thanh Nghệ, Nam-Nghĩa, mà duy có cái chết của Dương-Trường-Đình tú-tài, là vinh-dự hơn hết, vì gặp cái hồi thích.

Dương-quân ra đảo chưa đầy 1 năm thì cảm bệnh ho thổ-huyết. Vào dưỡng bệnh tại nhà thương, tự biết không sống được, viết bức thơ vĩnh quyết với đồng-nhân trong có câu :

« Xưa da ngựa mà nay xe bò (1) cũng đủ khiến cho kẻ trượng-phu khỏi sắc... 古馬革而今犢車亦足爲丈夫起色... »

Trong tù truyền câu ấy làm câu dai-thoại. Lúc ấy thân-sĩ Nam Bắc đày ra đó có 30, 40 người, ban

(1) Ngoài đảo, tù chết cho xe bò chở đi chôn.

đầu gặp nhau trong nhà ngục cùng nhau trò chuyện, lấm lũng phần uất không chỗ phát tiết. Nay có cái chết ông Tú Dương, «thỏ chết cáo rầu», tình cảm-khái có nhịp thổ lộ. Nên ai nấy đều soạn câu đối đề ghi lòng bi diệu, không khác gì làm lễ kỷ-niệm lớn, kể cả có 40 câu đối, khẳng-khái lâm-ly, có cái quang-cảnh như đưa Kinh-Kha, khóc Diên-Hoành (1) ngày xưa vậy.

Đồng-châu Trương-quân Tử-Minh chép lại thành tập, tôi có câu đề ở sau. Tập ấy truyền về trong nước, truyền tung khắp nơi, cho đến mấy anh em du học bên Nhật-bản cũng nhiều người đọc thuộc, thành cái chết của Dương-quân có vinh-dự hơn cả. Những bạn chết sau cũng có câu đối diều khóc, song không nóng nhiệt bằng lần đầu này, lại sau nhân chữ Hán bị cấm không gửi về trong nước được. «May» và «không may» là thế.

Liên diều Dương-quân có trên 40 câu, đây chỉ dịch mấy câu đặc-sắc:

1) 大丈夫無所爲而爲，縱令銅像石碑，匪我要求身後譽。  
精神界安知死不死，遮莫憤車馬革，多君慷慨病中書。

(1) Kinh Kha, hiệp-khách đời chiến-quốc, khách đưa khi đi sang Tần.

Diên-Hoành vua Tề, khi chết có 500 người chết theo.

Đấng trượng-phu thấy nên làm thì làm, dầu rằng bia đá tượng đồng, danh há mơ màng mong kiếp khác.

Cối tình-thần biết đầu chết không chết, phó mặc xe bò da ngựa, thơ người khẳng-khái viết khi đau.

THAI-SON

2) 沈沈祖國，數年來湧出大風潮；某也戮，某也流，鴻貉千年初見史。

鬱鬱英魂，九原下長呵新黨派；爲君歌，爲君泣，崑崙他日合鐫銘。

Âm trầm nước tổ, gần mấy năm sồi nổi ngọn phong-triều; kẻ chết, người đầy, Hồng-lạc ngàn năm đầu thấy sử.

Ngui ngút hồn thiêng, dưới chín suối dắc diu tân đảng phái; tiếng hò, giọng khóc, Côn-lôn ngày khác khắc nên bia.

LÂM-NGU

3) 擇福幾如君，死亦何常，從古男兒羞隔下。

有情誰遣此，愛莫能助，可憐吾輩亦旁觀。

Chọn phúc chả như ai, chết cũng xem thường, thẹn bấy thân trai năm xó cửa.

Có tình người sao được? yêu không thể giúp, xót cho bạn thiết đứng vòng ngoài.

ĐỒNG-CHÂU

4) 君家不可當, 弟既遠配, 兄亦  
拘監; 誰教難起鶴原, 海角天涯,  
灼艾遙遙分一痛。

吾儕同抱憾, 存者偷生, 死者  
長已; 况復淚和鵲血, 林清塞黑,  
歸魂夜夜喚同人。

*Nhà người mấy kẻ bị, em đã dày mà anh lại bị  
giam; gò tích-linh bỗng cất tiếng kêu, góc bể chun  
trời, ngãi đốt chữa đau chia mối khổ.*

*Bạn ta ôm giận mãi, chết thì thiệt mà sống thêm  
lở dờ, máu đỏ-vỏ hòa cùng giọt lệ, rừng xanh ải  
tia, hồn về thấu nước gọi sao đêm.* MINH-VIÊN

5) 歐風美雨, 乾坤何等時; 數年  
來筆舌呼號, 休莫怪君病, 亦莫笑  
君狂, 蒼宇橫襟, 鯨浪兼天驚咄咄。  
瘴海嵐山, 英雄無定骨; 千里外  
萍雲飄泊, 胡不與我留, 却竟棄我  
去, 荒村斜日, 犢車送別笑呵呵。

*Mưa Âu gió Mỹ, buổi cán-khôn dễ có mấy khi,  
trải mấy năm miệng gọi bút hò, thôi đừng trách  
người bệnh cũng không nhạo người cuồng; ngảnh  
mặt cõi đời, trông sông kinh reo ghé gớm tởn.*

*Góc biển rừng hoang, xuong anh hùng không  
cần lựa chỗ (1), ngoài muôn dặm mây trời bèo dạt,  
sao không cùng ta ở lại bỏ ta đi trước; bóng  
chiều còn vắng, đưa xe bò khuất ngân nga cười!*

NGHĨA-BÌNH

(1) Chữ «vô định» hoạt-dụng, không phải tên sông.

6) 中原莽莽, 筆無靈劍亦無靈, 可  
堪世事打萍, 孤島一名慚亞刺。  
塵境茫茫, 生何事死爲何事, 不  
見民權收果, 全球萬口說盧悛。

*Non sông rời rạc, viết không thiêng gươm cũng  
không thiêng; dễ thường việc nước tang bèo, cô  
đảo một tên thua A-lạt (1).*

*Gió bụi mệnh-mông, chết có việc sống càng có  
việc; chả thấy quyền dân kết trái, toàn cầu muôn  
miếng nợ Lư-xoa (2)?* CỬ VÕ-TRẠC

7) 亞海一橫襟, 廿紀競場, 日人  
新於東, 暹人新於南, 卽支那人亦  
新於中; 祖國回頭, 熱血忍忘今世界。  
瓜城大紀念, 去年黨獄, 陳君死  
於慶, 朱君死於化, 君乃今又死於  
島, 精靈未泯, 英魂猶戀舊江山。

*Cạnh-trường bề Á, đầu giữa thế-kỷ hai mươi,  
người Nhật mới phương đông, người Xiêm mới  
phương tây, người Tàu cũng mới giữa Trung-  
hoa, nước tổ ghềnh xem, máu nóng há quên thời-  
đại mới.*

*Đảng ngục Qua-thành (3), vào Mậu-thân năm  
ngoài, Trần-quân chết ở Khánh (4), Chu-quân chết  
ở Huế (5), nay người chết ở đảo, khí thiêng chưa  
dứt, anh-hồn còn mến nước non xưa.* CHÂU-BÌNH

(1) A-lạt-khanh, một tay cách-mạng Ai-cập.

(2) Lư-xoa (J. J. Rousseau) làm bản sách «Dân-trước»  
(Contrat social).

(3) Thành tỉnh Quảng-nam ở làng La-qua.

(4) Cụ Nghè Trần-quí-Cáp chết ở Khánh-hòa.

(5) Ông Châu-thượng-Văn bị hạ ngục, nhịn ăn 20 ngày  
chết ở Huế.

8) 東西強國, 百年前豈能僥倖造成; 某也流血, 某也投荒; 數百折身軀, 始有此頭等文明馳名大陸。

慨慷餘靈, 九原下亦當胡盧大笑, 誰與迷魂, 誰與窒腦, 幾千年民族, 今乃有新民黨派羈影窮山。

*Đông tây nước mạnh, trước trăm năm há kiêu hãnh gây nên; nào người chảy máu, nào kẻ ở tù, trải trăm lớp hiềm nghèo, mới có nền rực rỡ văn-minh, lừng danh thế-giới.*

*Khảng-khái hồn thiêng, dưới chín suối nên ri re cười rộ; nào ai che lòng, nào ai nhồi sọ, mấy ngàn năm dân tộc, bắt đầu thấy leo heo tàn đảng gỏi bóng còn hoang!*

MY-SANH

9) 筆鋒舌劍, 與肩鎗腰彈縱殊途, 艱險不辭, 報國此心同赤血。

憂辱一腔, 嘗辛苦百般而竟逝, 精靈未泯, 吾胞何罪問蒼天。

*Bút gươm lưỡi giáo, với đạn lưng súng nách dầu khác đường; gian hiềm không từ, gẻ nước vẫn chung lòng đỏ dấy.*

*Ưu nhục trăm chịu, nếm cay đắng đủ mùi mà đến chết; tinh linh chưa dứt, hỏi trời: sao tội lỗi dân ta? VÔ-DANH*

10) 志不異居故相同, 萬里天涯如有待。

我初來君胡遽去, 一般心事付無言。

*Chi không khác nên ở cũng đồng nhau, muốn dậm ven trời như có hẹn.*

*Ta mới ra người sao tách vội, một bầu tâm sự chẳng cần phó. (1)* YÊN-SON

11) 夢覺誰爲之, 紳智漸令民智啟, 精靈知也否, 英魂應逐國魂歸。

*Mộng giác hẩn nhờ đâu? Dân trí theo chiu thân trí mở.*

*Tinh linh chừng có biết, anh hồn sớm dục quốc hồn về.* CỒ-ĐÌNH

12) 筆舌無英雄, 吾輩祇應慚一死, 犢車當馬革, 君言猶足壯平生。

*Này bút lưỡi đâu có anh hùng, bọn tớ thẹn vì thua cái chết.*

*Kia xe bò sánh ngang da ngựa, thơ người chừng rõ khi bình sanh.* TẬP-XUYÊN và THIẾU-NIÊN

13) 以身爲社會犧牲, 筆舌有權, 文氣久通河以北。

他日望崑崙片石, 精靈未泯, 雄魂猶鎮海之南。

*Hy sanh xã-hội tiếc gì thân, ngòi bút có quyền, văn khí vẫn thông sông cõi bắc.*

*Mảnh đá Côn-lôn còn để chuyện, tinh linh chưa dứt, hùng hồn đủ trấn biển miền nam.*

SIEU-TUNG

(1) Mấy ông thân-sĩ Thanh-hóa tới đảo độ một tuần thì Dương quân tạ thế.

Liên điều còn nhiều, trên chỉ chép câu có xuất sắc hơn, dưới này câu « đề sau tập »:

國民責任, 一死亦尋常, 乃羣南北  
之文豪學子, 俠客義弁, 爭出新文字  
以弔君, 歌有之, 哭有之, 祈而祝者  
亦有之; 四十餘贈輓佳聯, 慷慨淋漓,  
價以崑崙增十倍.

志士熱腸, 半籌猶未展, 忽挾大地  
之駭浪驚濤, 狂風驟雨, 演一慘劇場  
以臨我, 逃者幾, 流者幾, 戮若死者又  
凡幾; 數千載希奇變局, 陸離光怪  
史從鴻貉此初開.

Quốc dân gánh nặng, kiếp chết vẫn là thường,  
nay nhóm Nam Bắc này vẫn hào học tử, nầy  
hiệp khách nghĩa biên, đua soạn văn từ mới  
đề điều người: nào ca nào khóc, nào là giọng  
khản cầu, liền đối hay trên bốn chục câu thừa,  
hăng hái nòng nân, nâng giá Côn-lôn tăng xấp mấy.

Chi sĩ ruột đau, công đời chưa chút đỉnh,  
bồng giữa đất bằng vừa sóng lớn đông to, vừa  
mưa dào gió dữ, diễn một tấn kịch buồn ngay  
tận mặt: kẻ trốn, kẻ đày, kẻ lại mang tội  
chết, cuộc rất mới trái mấy ngàn năm lẻ, lạ  
lùng ghê gớm, kẻ đời Hồng-Lạc đầy đầu tiên.

M. V.

XXXVIII

Bài thi cụ Tây - Hồ điều mã Dương - quân:  
Sau Dương - quân Trường - Đình chết, chôn

nơi mộ-địa tù thường (cimetière) đồng nhân sợ  
lâu ngày mất dấu tích, thuê người ngoài lấp  
gạch dựng cái bia, trên khắc mấy chữ:

« Việt-Nam chí-sĩ Dương-trường-Đình chi mộ ».

Cụ Tây - Hồ ở ngoài làng thênh thoảng qua  
lại thăm, và đem gà rượu cúng, cụ có bài tuyệt  
cú, vẫn vẫn có bốn câu mà đáng là bài thi đề  
sau tập kỷ niệm, thuật trên:

青山碧水擁孤墳  
風雨天涯泣故人  
未敢盡情捐血淚  
回頭國土正沈淪

Non xanh nước biếc năm mồ cõi,  
Mưa gió thương ai một góc trời.  
Chưa dám hết lòng tuông nước mắt,  
Ngảnh về nước củ vẫn chơi voi.

XXXIX

Tờ báo trong tù:

Đảo Côn - lôn ở giữa biển, tàu đi Xiêm-la  
và Tân-gia-ba, thì đi ngang qua đường biển ấy  
thường vào đậu, cụ Tây-Hồ ở ngoài, thênh thoảng  
có được tin anh em ở Xiêm và ở Hương-cảng  
do người dưới tàu đưa lại.

Một ngày nọ, anh em trong khám có được  
một tờ báo Hoa-kiều ở Xiêm, do cụ Tây-Hồ  
gởi cho xem, trong có thuật tin trận đánh Đê-  
Thám ở Phồn-xương (An-thế), cùng vài tin khác,  
cho rằng cái máy dân-quyền ở Việt-nam đã bắt

dầu chuyển động v. v. Tôi có bài thi « chí cảm »:

沈	沈	四	壁	日	如	年
疇	曩	襟	期	擱	一	邊
囚	界	祗	應	閒	欲	死
國	魂	猶	與	薜	爲	綠
民	權	機	動	登	暹	報
山	鬼	文	成	問	楚	天
故	土	皆	君	回	首	望
館	烟	聚	處	有	神	仙

Ngày dài vặc vặc bốn bề phen,  
 Chi khi ngày xưa gác một bên.  
 Thong-thả cảnh tù nhân muốn chết,  
 Dằng-diu hồn nước mộng chưa quên.  
 Báo Xiêm tin mách quyền dân động,  
 Trời Sở vẫn gò quỉ núi thiêng. (1)  
 Nước củ cùng người quay lại ngắm,  
 Dưới vùng khói súng có thần tiên.

**XL**

**Chơi tổ - tôm trong tù**

Trong tù, ngoài thi văn tiên khiển ra, như ngày chủ-nhật v. v. thênh thoảng cũng chơi tổ-tôm (cũng chơi lên, chớ lạc-giang ma-tà thấy cũng bị phạt). Trong bọn tù thường kia trong đêm có khi có chơi sông xóc đĩa. Chơi ăn thua một vài hào, song mỗi tháng tiền công cùng lãnh mandat (tiền nhà gởi ra chỉ được lãnh mỗi tháng một đồng), có ngài cũng cùng vào cuộc chơi ấy hết!

(1) Khuất-Nguyên, tôi trung nước Sở, làm bài văn « Sơn quỉ » xong, kể bài « Thiên văn » (hỏi trời).

Cái ngày được xem tờ báo Xiêm và bài thi của tôi trên, cụ Tập-Xuyên chính sau lúc thua sông tổ-tôm, họa lại như dưới:

島	中	無	曆	日	如	年
詩	興	何	來	賭	興	邊
志	士	如	今	囚	太	半
河	山	猶	與	鐵	爲	綠
還	家	夢	裏	爲	歡	局
關	母	聲	中	未	薄	天
若	把	文	章	論	價	值
集	川	應	勝	幾	多	仙

(Cu Nghiêu-Giang dịch sẵn):

Vo võ ngày tù xấp mấy thu?  
 Thi thi đòi nợ bạc thì thua  
 Đã dành chi sĩ tù phần nửa,  
 Còn có non sông sắt sự đầu.  
 Giấc chợt về nhà vui cuộc ấy.  
 Tiếng vang «đéo mẹ mông trời» đầu (1)  
 Vì đem chữ nghĩa mà cân nhắc,  
 Đánh giá thi tôi thắng mấy xu?

Nhân tiếng « trời mông » ông Siêu-Tùng có bài thi, tôi có nhớ 4 câu rất hay:

Bốn biển gạch qua tờ giấy trắng,

(1) «Trời mông» là tiếng trong tù thường nói, chỉ việc ăn xá hay là trông cái «ca» gi mà tù được thả hết gọi là «trời mông».



*Chín tầng trông suốt đám mây xanh,  
Đã cao như thế lo gì đỡ,  
Có lũng thì ta và lại lành.*

**XLI**

Được tin buồn Đặng-hải-Côn tiên-sinh tự sát :

Lịch-sử quốc-sự của cụ Phan-Sào-Nam, trên 30 năm, chia đạo phất cờ là cụ Tây-Hồ mà trừ hoạch tán trợ rất có công to thì có 2 người : 1) là Tiểu-la tiên-sanh. 2) là Đặng-hải-Côn tiên-sanh.

Chuyện Tiểu-La đã chép nhiều, đây thuật đại lược chuyện Ngư-Hải Đặng-thế-Thân.

Đặng tiên-sanh, người Nghệ-an, ở làng Hải-côn, nên gọi : Ngư-Hải, học trò cụ Đặng-thai-Son, mà cũng là học trò tối thân của cụ Sào-nam. Ngư-Hải tiên-sanh, người khảng khái mà trầm tĩnh, học vấn uyên súc, đởm thức hơn người, cái năng lực gánh nặng đi xa không lộ ra ngoài, không phải người đồng-chí thâm-giao thì không ai biết là người thế nào. Cụ Sào ở ngoài, sau Tây-Hồ và Tiểu-La bị đày mà trong khoảng vài năm, phong triều đông học còn lừng lẫy ảnh hưởng không dứt, chính là nhờ sức Ngư-Hải ; (trong miền nam thì có Son-Tâu và Nam-Xương).

Từ Ngư-Hải mất mà cụ Sào như mất một cánh tay, cái giầy liên lạc trong ngoài bị đứt đoạn.

Chúng tôi ra đảo trong 1, 2 năm đầu, có tiếp được thư của Ngư-Hải, trong có phụ câu thơ :

天下紛紛無好著  
飛鴻去燕總傷心

Kể đó được tin tiên-sanh tự-sát, đồng nhân ai cũng sa nước mắt, cùng làm bài thi khóc tiên-sanh.

(Tiên-sanh cùng bạn đồng-sự vào núi, ngày nọ lên về trọ một nhà trong làng nọ, có kẻ báo giác, bị quân lính tới vây bọc. Tiên-sanh tự biết không thoát khỏi, bắn chết một người lính, rồi quay súng tự bắn mình).

Bài thi của cụ Đặng-thai-Son :

不令文士雪虛名  
筆劍勞勞一未成  
海外萬言書有淚  
林邊羣馬鐵無聲  
可堪故國千年恨  
猶有雄心一死輕  
畢竟愛君還自愛  
十年辛苦爲蒼生

*Không rửa hèn chung cái lối nho,  
Cả gươm lẫn bút chẳng ra trò.  
Sách in ngoài biển tuông giông lệ,  
Ngựa sắt bên non vắng tiếng hò,  
Nước củ ngàn năm dồn giận mãi,  
Thân coi một chết thấy gan to.  
Yêu người càng lại yêu mình nữa :  
Vì nợ thương - sanh sống phải lo.*

Của Ngọc-tiền Võ-Hoành:

羈	影	窮	山	己	自	憐
得	君	凶	信	倍	淒	然
人	才	衰	歌	哀	吾	國
我	輩	鍾	情	悵	彼	天
美	雨	歐	風	時	正	好
紅	旗	鐵	血	事	全	愆
心	交	多	少	今	何	似
既	是	奴	圈	矧	獄	圈

Chiếc bóng còn hoang chất những sầu,  
 Được tin người chết bội lòng đau.  
 Xót cho nước cử nhân tài kém,  
 Nghênh lại trời cao mỗi giận sâu.  
 Gió Mỹ mira Âu cơ sấn đó,  
 Cờ hồng máu đỏ chuyện không đau.  
 Tâm giao mấy kẻ ra sao đấy?  
 Kiếp tớ chưa xong lại kiếp tù.

Của cụ Tập - Xuyên:

白	種	跳	梁	黃	種	輕
年	來	底	事	竟	無	成
風	雲	未	吐	英	雄	氣
鉄	血	空	存	烈	士	名
大	局	於	今	無	好	著
窮	荒	聞	道	每	吞	聲
臨	危	畢	竟	君	能	死
慚	愧	吾	儕	忍	獨	生

Giống trắng mạnh, giống vàng hèn,  
 Mấy năm công việc chả gì nên.

Gió mây chưa thỏa vài hơi thở,  
 Sắt máu còn lừa một cái tên.  
 Cuộc lớn lỡ chiu xoay bị nước,  
 Tin buồn ra đảo nin không rên.  
 Lâm nguy khẳng khái người hay quyết,  
 Hồ kẻ dư-sanh nợ chữa đền!

Của Minh - Viên:

不	獨	憐	君	亦	自	憐
河	山	新	氣	半	蕭	然
白	衣	難	得	憂	時	客
黃	禍	其	如	未	悔	天
祖	國	前	途	何	處	底
吾	儕	素	願	幾	分	愆
可	憐	疇	曩	親	朋	在
半	逸	遐	鄉	半	獄	圈

Không những thương người tớ cũng thương,  
 Non sông nghênh lại cảnh mơ màng.  
 Đòi đầu gánh vác phường dân trắng?  
 Trời chẳng ăn - năn họa giống vàng.  
 Nước tổ vận sau chưa định chỗ,  
 Bọn ta lời hẹn cứ sai đường.  
 Đau lòng thân hữu còn tro đó,  
 Nửa mắc tù lao nửa bỏ làng!

Bài thi của Dương-Thiếu-Niên:

爲	河	山	惜	爲	君	憐
凶	信	何	來	倍	愴	然
尙	有	一	城	興	夏	地
爭	如	百	二	賜	秦	天

挑燈龍肚前言在  
 落月藍江別夢牽  
 雄魄可知無葬地  
 三圻國土盡奴圈

Tiểu non sông để mỗi hòn to,  
 Vừa được tin buồn ruột héo xo.

Một mảnh đất mong khô Hạ nghiệp, (1)

Trăm hai trời khéo giúp Tần-đô (2)

Đèn kêu thành Phụng (3) lời kỳ hứa,

Trăng đợi sông Lam chuyện dấn dò.

Hùng-phách, nơi nào chôn đặng xứng?

Ba kỳ đất nước thấy vòng nô!

Có 3 bài tuyệt cú của cụ Tập - Xuyên sau này là làm ly khẳng khái hơn:

十萬橫磨志已空

東溟消息滯歸鴻

龍泉未試新磨刃

猶向家山作鬼雄

Mười vạn mài gươm chuyện trống không,

Biển đông mây gió bất tin hồng!

Long-tuyền chúi sấm còn chưa thử,

Vẫn chiếm non quê một quỷ hùng.

(1) Vua Thiệu-Khương chỉ một thành ruộng mà khôi nghiệp nhà Hạ.

(2) Nhà Tần được phong đất Quan-trung nên làm nghiệp Bá.

(3) Thành Hà-nội (câu này có chữ khác mấy chữ, nhưng cũng một ý.)

十年憂國此心焦  
 誓挾風雲湧血潮  
 但願生才儘如此  
 貉鴻千古未應祧

Mười năm lo nước máu sôi lòng,

Thề quyết xoay nên cuộc gió giông.

Nếu được sinh tài đều thế cả,

Ngàn thu Hồng-Lạc lửa hương nồng.

«飛鴻去燕總傷心»

重復君詩淚滿襟

北望神州烟雨隔

狂飈東挾怒潮吟

«Hồng bay gấn tách mối thương tâm»,

Đọc lại thi người lệ nhỏ đầm!

Xa ngắm Thần-châu mưa khói tỏa,

Gió xưa sóng giận tiếng ý âm.

XLI

Tùng-Nham khóc Hải-Côn:

Tùng-Nham và Hải-Côn, hai người cả thầy trò và bạn hữu, cùng ra vào trong rừng núi. Tùng-Nham bị bắt trước khi Hải-Côn tự sát, ở trong ngục nghe tin Hải-Côn chết, Tùng-Nham có câu đối:

雙山鬱鬱，故人歸何歸；數年來  
 艱險備嘗，身既爲之悴，血亦爲之  
 枯，奔走江山風雨夕。

一爆轟轟，國魂醒未醒；千里外  
 萍蓬未定，叔聞之而悲，師聞之而  
 慟，泣歌豪傑劍書邊。

Hai hòn ngui ngút, bạn củ về về đâu? Trái bao năm cay đắng đủ mùi, mình vì đó mà ốm, máu vì đó mà khô, dong ruồi non sông chịu sấm gió.

Một tiếng nổ rầm, hồn nước tỉnh tỉnh chữa; ngoài ngàn dặm bước đường phiêu lạc, chủ nghe thể mà buồn (1), thầy nghe thể mà khóc, hò reo hào kiệt cạnh đờn gươm.

Câu đối trên, rõ hùng tráng và khẳng khái, lại có giọng trầm uất đốn tủa, thật xứng với người.

**XLII**

Ngư-Ông, tức Đặng-thê-Thần, có đồ dầu xứ Nghệ, nên cũng gọi là Xứ Đặng. Tiên sanh không chỉ nhiệt thành đởm thức, đồng bối kính phục, mà văn cũng trầm hùng bi tráng, có chí tình sâu xa, cao hơn bọn văn-sĩ xằng đến xấp mẩy.

Câu đối treo trước chỗ ngồi:

行庚三十二, 猶未成人, 短嘆長吁,  
心血久烘天地飯.

讀書百篇餘, 如何識字, 獨居深念,  
熱誠俄熾聖賢燈.

Ba mươi hai tuổi lẻ, vẫn chưa nên người,  
thở vẫn than dài, bầu tâm huyết thiếu cơm trời đất.

Trăm thiên sách đọc thừa, còn chưa biết chữ,  
riêng ngồi lặng ngắm, lửa nhiệt thành rọi đuốc thánh hiền.

(1) Tiên-sanh có người chú ra ngoài và chết ở Xiêm.

Câu đối điều Điền - Bát tiên-sanh (tức ông Tăng-bạt-Hồ, (Binh-định), người củ đảng Cần-vương, thường đi lại nước Tàu, nước Xiêm, lại có sang nước Nga, bôn tẩu việc nước trên 20 năm, sau dẫn đạo cụ Sào - Nam sang Nhật, về chết ở Huế):

君豈其生作戲於時耶, 提兵十稔,  
去國廿餘年, 既哭於暹, 既哭於華, 既  
哭於俄, 忽忽然大哭於東; 誰教思入  
秋風, 向我神京埋俠骨.

我不知死之爲何物也, 讀書五洲,  
結交數十輩; 或戰以舌, 或戰以筆, 或  
戰以腦, 端端的直戰以鉄; 要得血流  
温帶, 爲君黃種樹紅旗.

Người há sanh làm đờn với đời sao? cầm  
binh một độ, bỏ nước mười hai năm, đã khóc với  
Xiêm, đã khóc với Tàu, đã khóc với Nga;  
đùng đùng sang khóc lớn bên Đông; ai dè gió  
phất trời thu, năm cốt về chôn thành đất Huế.

Ta chả biết chết là cái gì vậy, đọc sách năm  
châu, kết giao vài chục bạn, hoặc đánh bằng  
lưỡi, hoặc đánh bằng bút, hoặc đánh bằng não,  
khăng khăng chỉ độc đánh bằng sắt; thể quyết  
máu trôi đất nóng, cờ đào trở mặt giống da vàng.

(Cái câu « ta không biết chết là cái gì », tả  
rõ tâm sự khẳng khái, điều Điền-Bát mà cũng  
tự nói tâm sự mình).

Tiên - sinh lại có bài thi tuyệt cú mà cụ  
Đặng-thai-Son thường tán thưởng:

夜聽洪濤三兩聲  
 始知此外有東溟  
 春風欲寄相思夢  
 秣恐蒼蒼識得情

*Đêm nghe tiếng sóng một đôi hồi,*

*Mới biết miền đông có bể khơi.*

*Toan mượn gió xuân đưa giấc mộng,*

*Tình riêng e lộ thấu anh trời.*

(Bài thi không mấy chữ, mà có ý hàm súc và tự nhiên).

Cụ Tây-Hồ cũng có câu đối điệu Điền-Bát tiên-sanh :

卅餘年山海艱關，人皆悲其遇，天若鑒其誠，三島鳴鞭，壯志僅能通上國。  
 廿世紀風雲變幻，人皆爭以智，君欲競以力，九秋歸劍，雄魂猶自戀神京。

*Ba mươi năm lẻ, núi biển trải nhọc nhằn, ai cũng thương cho cảnh ngộ, trời hẳn thấy rõ nhiệt-thành, quất ngựa thẳng non Thần, tráng chí mới thông miền Thượng-quốc.*

*Hai chục kỷ đời, gió mây chiu biển đời, người đều đua lấy trí, người muốn đấu bằng sức, quay gươm về nước cũ, hồn thiêng còn mến đất Thần - kinh.*

Tiên-sinh có người chú cũng ra ngoài và chết ở Xiêm.

**XLIII**

**Một tấn kịch ám-sát quan hệ**

Ở trong tù, những tấn kịch giết nhau, thấy quen như chuyện thường; song có dịp cũng

diễn ra những chuyện ghê-tợn khác thường như giết ma-tà, giết Gardien và giết đến nhà yếu nhân trọng chức trong ngục nữa. Song tấn kịch khác thường ấy, nếu không phải chứa giận cuu hờn, phạm chỗ chúng giận thì không khi nào đến thế.

Côn-lôn là nơi dày tội cách hẳn trong đất, những tù dày ra đầy, kẻ tội án nhẹ thì ân-nhân để đợi hạn mãn đặng về, kẻ án nặng thì nhận xứ ấy là quê hương thứ hai, ở lâu thành quen. Canh phòng và kiểm sát vẫn nghiêm, song quần áo đến kỳ thì phát (mỗi năm hai bộ), người nào có cha mẹ vợ con, anh em gửi tiền cho hay là đồ ăn đồ quà như thuốc hút v. v. bạc thì cấp cho có hạn chế (bạc gửi thì gửi vào kho, mỗi tháng phát 1\$00...) Còn thuốc, bánh, quần áo, được đem vào khám, hoặc mang trong mình, cuốn trong chiếu nằm, ra ngoài làm xâu, gặp có mưa gió, khi về có đồ thay, một việc rất tiện.

Năm 1909 có ông Chef Ô-ra (nguyên Chef khám lớn Sài-gòn) ra làm Gardien Chef Côn-lôn. Muốn đem qui luật trong Khám-lớn ra thi hành ngoài đảo ấy. Xây một cái ao dặt, bao nhiêu quần áo tù đều thu cả cất vào kho, chỉ để mỗi người một bộ quần áo mặc trong mình mà thôi, ngoài quần áo ra không được mang một vật gì cả, trong phòng thì thuốc hút, giấy, cùng lon uống nước cho đến bút mực gì gì cũng

thu sạch sành sanh cả, hễ mỗi tuần lễ cho thay quần áo một lần, có cắt ra một sớ xâu giặc và cắt quần áo. Bọn tù đi làm ngoài bị mưa hay bị lấm không có đồ gì thay, muốn hút thuốc không sao tìm ra được một điếu. Trong tù có cái không khí rất nặng nề khó thở. Vì thế mà xảy ra việc biến không ngờ:

Ngày nọ ông Chef Ô-ra đứng xem bọn tù thợ hồ xây ao bên giếng, bỗng có hai tên tù chung thân núp sẵn nhảy ra đâm chết.

**XLIV**

**Cái tin đồn huyền**

Sau tấn kịch ông chef Ô-ra chết, trong tù huyền truyền rằng: bắt câu án gì, hễ « chung thân » thì đày đi Tân-thế-giới cả Người ta lại nói: Tân-thế-giới tức là một xứ ở bên châu Mỹ (vì cái tên nên nói thế là đối với Cựu-thế-giới). Lúc ấy quốc-sự-phạm còn ở chung với các tù thường, mà trong anh em có nhiều người mang cái án « đồ mực » (1) không kỳ hạn, như Tập-Xuyên, Thai-Sơn, Siên-Tùng, My-Sanh và tôi v. v. đều án « không năm », sợ mang cái « va lầy » đi đày đó, sau xét ra thủ phạm, chỉ đày mấy tên còn đồ. Nhưng anh em trước đã làm thi đề tiền nhau.

Thi cụ Đặng-thai-Sơn:

一身難自主  
四海等無家

(1) Án chung thân trong tù gọi là « án đồ mực ».

世界通洋陸  
時艱出瑯加  
疊囚何所擇  
徙地或爲佳  
待到重逢日  
相看一笑譚

Một mình không tự chủ,  
Bốn biển thấy là nhà,  
Đường thế thông gò biển,  
Đổi cay đúc Mã, Gia. (1)  
Đã tù cần chọn đểch,  
Dời chỗ hoặc hay mà.  
Gặp nhau còn có lúc,  
Ngó mặt sẽ cười, ta.

..

Tôi có 4 bài tuyệt cú:

馬角烏頭恨未忘  
共言崑島是窮荒  
誰知當日哥倫布  
早爲吾儕覓此鄉

Ngựa sừng quạ trắng giận bao la,  
Côn-đảo đày dành cõi biển xa.  
Ai biết chàng Ca-luân-bổ trước,  
Sớm tìm làng mới đợi phương ta. (2)

(1) Mã-chi-nê, Gia-phú-nhĩ hai nhân kiệt nước Ý-dại lợi.

(2) Nhân cái tên « tân-thế giới » nên tạm dùng.

見說西方又半球  
 平生空作夢中遊  
 西風一夜觀海外  
 挾我來觀海外洲

Tây phương nghe nói nửa bầu trời,  
 Trong mộng lằng phen dạo khắp nơi.  
 Ngọn gió đêm xô làn sóng dậy,  
 Đưa ta ngoài biển thỏa lòng chơi.

囚境層層入愈佳  
 此生常歷幾風埃  
 從今懷古思鄉夜  
 添作崑崙夢一回

Mùi tù càng nếm lại càng ngon !  
 Gió bụi đời ta mấy kiếp đồn ?  
 Thương nước nhớ nhà đêm sắp tới,  
 Lại thêm giấc mộng đảo Côn-lôn.

久信憂愁玉我天  
 丈夫從不受人憐  
 君看葛瑪成功史  
 多在風塵閱盡年

Cảnh khổ nên người bác tạo chiu,  
 Trương-phu nào phải đợi ai yêu.  
 Thành công xem sử anh hùng họ,  
 Những lớp phong trần trải bấy nhiêu.

Bài Võ - ngọc - Tiều (Hoảng) họa bài thi cụ  
 Thai-Sơn :

放步聽玄造  
 雌居不 định  
 風塵添歷閱  
 膽職或增加  
 南海狂波惡  
 西球故事佳  
 可堪長處此  
 鹿豕滿城譁

Nhắm mắt theo con tạo,  
 Không nhà mặc kệ đày.  
 Phong trần càng lắm trải,  
 Đảm thức sẽ thêm dày.  
 Nam hải ghê triều ác,  
 Tây cầu lắm chuyện hoy.  
 Ở đây đà khó chịu.  
 Hưu lợn tiếng reo rầy !

XLV

Cụ Tây-Hồ sau lúc sang Nhật-bản về (1906), có bức thơ lịch trần cảnh tượng nguy hiểm xứ Đông-dương, trong nói tình tệ quan lại Annam ta rất rõ ràng cùng những điều ngộ-diễm của chánh-sách bảo-hộ; người ta gọi là « Phan-châu-Trình đầu Pháp chính-phủ-thơ 潘周楨投法政府書 ».

Nhân bức thơ ấy, quan Nam xem như kẻ cừu, cũng nhờ bức thơ ấy lại được người Pháp kính trọng. Cụ bị đày ra Côn-lôn, trên công-văn hình-phủ Bảo-hộ đảo-ngộ theo cách đặc

biệt khác với tù thường : không bận đồ mặc tù, không làm xâu việc trong tù, lúc mới ra có ở trong khám trên một tuần, rồi được ra ngoài ở làng An-hải, tập nghề làm đồi-mồi làm sanh-nhai, mỗi tuần lễ ngày chủ nhật vào trình diện phòng giấy Gardien Chef một lần mà thôi.

Ở ngoài làng hơn một năm, chống với hương-chức không chịu cái lệnh kiểm-cổ, lại phải vào khám, cùng bọn chúng tôi chuyển trờ mấy ngày, sau được phép ra ngoài, ở cái trại nhỏ nhỏ bên sở chuồng nuôi bò heo.

Cụ Tây-Hồ ở ngoài thường được thơ các bạn ngoài Bắc thuật chuyện các báo Tây có nhiều bài bình vực và biện hộ, lại có liếp được thơ của ông Babut (chủ báo *Dai-Việt*, cụ Tây-Hồ lúc ở Hanoi có viết báo nên quen biết nhau. Hiện nay ông ta làm chủ tờ *Phap-Viet tạp-chí*) gửi thăm và báo tin « không lâu sẽ bắt tay nhau ». Vì lúc ấy hội Nhân-quyền có thân-oan cho cụ, Pháp-đình hứa sẽ thả cụ về, nên có tin như thế.

Một bữa nọ (quên ngày tháng), quan Thống-soái Saigon ra ngoài đảo, cùng quan chánh Tham-biện ở đấy cùng đi ra nơi trại cụ Tây-Hồ ở, có cuộc đàm thoại. Theo thơ cụ Tây-Hồ gửi cho tôi thuật những lời vấn đáp như dưới :

Quan Thống-soái hỏi :

— Ông còn có tư-tưởng phản-đối nước Pháp nữa không ?

Cụ trả lời : — Bản-lai tôi không có tư-tưởng đó. Tôi phản-đối là phản-đối cái chánh-sách ngược đãi người Việt-nam chúng tôi, chứ không phản-đối nước Pháp.

— Có quen biết Phan-bội-Châu không ?

— Chính anh em bạn.

— Vậy thì anh cũng là đảng bài Pháp chứ gì ?

— Phan-bội-Châu hiệu Sào Nam, là một tay hào-kiệt ái-quốc của nước Nam, trong nước không ai không biết tiếng. Ngày tôi ở kinh-đô Huế, thường qua lại luôn, đến nghị-luận việc nước thì ý-kiến giữa tôi với Sào-quân, hai bên không đồng mà lại trái nhau hẳn :

— Trái nhau thế nào ?

— Phan-quân nhận hẳn rằng người Pháp quyết không có thiệt lòng khai-hóa cho người Nam, nên nói việc khai hóa, trước phải tìm cách đánh đổ chính-phủ Pháp, mà muốn đánh đổ chính-phủ Pháp, không nhờ cậy thế lực một nước mạnh ngoài thì tự người Nam không làm gì được. Hiện nay nước mạnh duy Nhật-bản là nước đồng-văn đồng-chủng nên cầu viện với Nhật-bản... (1)

Tôi bác cái thuyết trên của Sào-quân đi, lấy lẽ rằng người nước Nam chúi núp dưới chánh-thể chuyên chế đã trên ngàn năm, chưa có tư-cách quốc-dân độc-lập, dầu có nhờ cậy sức nước ngoài, chỉ diễn cái trò « đổi chủ mà làm đầy-tớ lần thứ

(1) Đây là tư-tưởng lúc Cụ mới sang Nhật, sau đã đổi khác.



hai », không có ích gì. Vả lại nước Pháp là một nước làm tiên-đạo văn-minh cả hoàn-cầu, nay hiện bảo-hộ nước ta, mình nhân đó mà học theo, chuyên dụng-tâm về mặt khai-trí trí-sanh, các việc thực-dụng, dân-trí đã mở, trình độ một ngày một cao, tức là cái nền độc-lập ngày sau ở đây. Còn theo chánh-kiến « cây sức nước ngoài » thì nó quanh co khúc chiết, mình không tự-lập, ai cũng là kẻ cừu của mình, Triều-tiên, Đài-loan, cái gương rõ ràng, người Nhật chắc gì đã hơn người Pháp.

Sào-quân không nghe, cũng không nhận là phải, phải áo ra đi, làm theo ý-kiến mình.

— Vậy thì ông sang Nhật-bản là ý gì ?

— Chính-kiến của tôi, trái với chính-kiến của Sào-quân. Sào-quân sang Nhật có chỗ đứng chùn, bèn phát-biểu chánh-kiến của mình, làm sách, làm báo gửi về trong nước, người nước Nam phần khổ với ngược-chánh của quan-lại, gia dĩ xâu cao thuế nặng, không biết kêu van vào đâu. Đương giữa lúc người đau cần thuốc, cơ lâu muốn đuổi, được sách cổ-động của Sào-quân thổi vào, giải nhằm chỗ ngứa, cả nước đều hưởng ứng, một kẻ xướng, muôn ngàn người họa, cái chính-kiến « tự-lực khai-hóa » của tôi, bị phong-triều « đông-học » che át, không xuất đầu ra được, không ai thèm nghe. Thực sự thì trăm phần thiếu thốn, mà cái tiếng trống kêu dội sẽ gây ra mối nguy hiểm cho đường tương-lai của quốc-dân, không thể

tránh được. Bất đắc dĩ tôi mới bằng minh vượt biển thẳng sang Nhật-bản, thuật rõ tình hình phù-thảo và cảnh tượng nguy hiểm trong nước cho Sào-quân nghe, khuyên Sào-quân chăm lo đào tạo bạn thiếu-niên du-học mà gác tư-tướng hành-vi « bạo-động », đợi thời-hội khác. Nhưng Sào-quân nhưt vị cò-chấp, lấy lẽ rằng một nước êm đềm trong giấc ngủ như người bệnh gần chết, nếu không giống trống to, trượng cờ lớn, thổi kèn, gõ mõ, làm như giông sấm, thì không sao đánh thức giấc ngủ kia được...

Tôi ở Nhật vài tháng, cùng Sào-quân biện cãi nhiều lần, rút cục Sào-quân không nghe, tôi bèn từ về, ấy là khoảng tháng 5, 6 năm 1906.

— Về nước ông làm những gì ?

— Tôi không theo chánh-kiến của Sào-quân, cũng như Sào-quân không theo chánh-kiến tôi, ai làm theo sở-kiến nấy. Về nước, tôi trừ cùng anh em đồng-chí tổ-chức lập những hội công-khai như học-hội, thương-hội v. v.. Nhưng vì sĩ-phu nước Nam thuở nay chưa có cách tổ chức ấy, ban đầu mới khởi làm, không khởi có vẻ kinh quái, những lời bàn nghị nổi lên, sẽ sanh ra lắm điều ngăn trở. Vì thế nên tôi trước làm bức thư điều-trần, gửi lên quan Toàn-quyền, quan Khâm-sứ và đăng báo Tây, thuật rõ tình-trạng trong nước cùng hiểm-tượng Đông-dương, bản-ý là cốt tố

bày mỗi tâm-sự, mở đường khai hóa sau này, chớ không ý gì khác, không dè vi thể mà mang tội.

« Quan Thống-soái còn đương ngẫm nghĩ. Tôi nói tiếp :

Tôi xem sử Âu-Tây, có khi anh em một nhà mà chánh-kiến khác nhau huống là anh em bạn.

Quan Thống-soái gặc đầu và nói :

— Ông nói phải, chính-kiến không đồng nhau, cái đó vẫn thường. Ông còn muốn nói gì nữa không ?

— Tôi ra ngoài hòn đảo này đã gần hai năm, cách xa trong đất, tin tức không thông, song có bọn tù ở Bắc-kỳ vào đây thuật chuyện ngoài ấy, nói biên giới Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ thênh thoảng có những hành-vi kịch-liệt, nhà nước xử bằng nghiêm-hình trọng-phạt... e nhân đó mà gây ra mỗi biển loạn to, cái đó rất là thất sách, không phải cách xử trí thích hợp.

— Tôi vâng lệnh quan Toàn-quyền ra đây, cốt hỏi ý-kiến ông, còn việc gì muốn nói cứ nói ngay, không can ngại gì.

— Vâng, tôi lúc ở trong nước, vào Nam ra Bắc, dân tình lại tẻ, nghe thấy cũng nhiều. Như các nhà đại chánh-trị Pháp sẵn lòng thấu-thái, tôi sẽ biên chép và trình bày sau, trong một cuộc đàm thoại không thể nói hết được.

— Ông ở lại mạnh giỏi, tôi sẽ đạt ý ông lên quan Toàn-quyền, có lẽ chúng ta sẽ gặp nhau ở

Saigon nay mai.

Quả như lời quan Thống-soái hứa trên. độ trên tháng, thì có chiếc tàu đặc phái ra đảo Côn-lôn đưa cụ Tây-Hồ về Saigon.

Tôi có bài tuyệt cú :

故	人	昨	日	別	崑	崙
再	訪	當	年	故	國	魂
一	夜	輪	船	凌	海	去
計	程	今	已	到	柴	棍

*Bạn từ Côn-đảo bữa hôm qua,  
Lại hỏi hồn xưa nước cũ ta.  
Tàu thủy một đêm phăng khỏi biển,  
Sai-gon đã đến đất quê nhà.*

XLVI

Dương-thiếu-niên cũng được tha :

Cụ Tây-Hồ về Saigon vài tuần thì có thơ ra nói chính-phủ Pháp đã trả cái tự-do lại, hiện ở nhà quan Phủ... ở Mỹ-tho, và có nói rõ nguyên-nhân hội Nhân-quyền tố oan cho mình. Ông Cử Dương-thiếu-niên (Bá-Trạc) cũng sẽ được tha v. v.. Không bao lâu mà ông cử Dương cũng được tha về ngụ ở Cần-thơ. Tôi có 2 bài thi đưa :

1) 美 湫 歸 客 復 音 遲  
 芹 口 君 今 又 此 歸  
 歸 路 憑 君 回 首 看  
 江 山 前 度 是 耶 非

Mỹ - tho bạn củ chậm tin hồng,  
 Bến Nghé người nay lại thẳng giòng.  
 Dọc dọc đường về người ngắm thử,  
 Non sông nay có khác xưa không ?

2) 地獄經過十八層  
 歸來傲骨尙嶒峻  
 他年莫忘囚中况  
 石砌朝朝坐結藤

Mười tám tầng qua cửa ngục dày,  
 Khi về xương ngạo vẫn còn ngay.  
 Cảnh tù ngày khác đừng quên nhé!  
 Thềm đá mai chiều xúm chuốt máy.

XLVII

Thi kỷ-niệm ngày đến Côn-lôn :

Chúng tôi ra đảo ngày 15 tháng 8 năm 1908  
 戊申, đến ngày 15 tháng 8 năm 1911 辛亥 là giáp  
 3 năm, ngày ấy anh em cùng nhau làm thi đề kỷ  
 niệm, lấy 7 chữ :

« Ngày nay năm ngoài đến Côn-lôn 昔年今日到  
 崑崙 » làm đề mục. Ai làm tuyệt-cú hay thất luật  
 cũng được, trong bài cốt có 7 chữ trên, hoặc câu  
 khởi, hoặc câu kết, hoặc thừa luận cũng được.

2 bài thi tôi :

誓將隻手劃乾坤  
 喚起蚩蚩浮追兆  
 仗劍西東去迓落  
 乘槎東去迓落朝  
 滿腔懷抱猶矚曩

一臥蹉跎幾曉昏  
 畢竟可無囚紀念  
 昔年今日到崑崙

Một tay thề quyết vạch trời con,  
 Gọi giậy bà con tỉnh mộng hồn.  
 Gươm tách núi chiều xưa bóng xế,  
 Thuyền phăng biển sớm rước vầng tròn.  
 Nước non hen vẫn lòng ôm chặt,  
 Năm tháng ngồi ghê tuổi chắt dồn ?  
 Trong ngục há đâu quên kỷ niệm,  
 Ngày nay năm ngoài đến Côn-lôn.

昔年今日到崑崙  
 囚况辛酸咽強吞  
 蒲席臨階編白晝  
 西書傍隙展黃昏  
 秋聲况復愁中聽  
 碩果多應剝後存  
 何處高峯容坐我  
 起看亞海萬濤翻

Ngày nay năm ngoài đến Côn-lôn,  
 Cay đắng mùi tù nuốt cứ ngon.  
 Thềm gạch ban ngày đan chiếu lác, (1)  
 Kẽ phen chiều tối học bài con. (2)  
 Gió đưa thu đến sâu thêm bội,  
 Cây trái đông qua trái vẫn còn.  
 Chót núi nơi nào dung tở đứng,  
 Ngắm xem bề Á lớp triều dồn.

(1) Bọn quốc-sự-phạm được ở riêng một phòng một  
lớp làm xâu đan đệm.

(2) Mỗi bữa chiều nào, lại kể cửa sổ đọc sách (lecture).

4 bài tuyệt của Cu Tập-Xuyên :

甘	棠	廿	四	樹	陰	繁
山	色	濤	聲	徹	曉	昏
嘗	得	天	涯	無	限	况
昔	年	今	日	到	崑	崙

*Diêm dà hám bốn cum' bàng con, (1)*

*Chiều sớm, màu non, sóng biển dồn.*

*Ngắm cảnh thiên nhai chừng chửa chán,*

*Ngày nay năm ngoài đến Côn lôn.*

昔	年	今	日	到	崑	崙
百	折	千	磨	氣	尚	存
獨	有	庭	闌	兒	女	戀
青	衣	猶	濕	舊	啼	痕

*Ngày nay năm ngoài đến Côn lôn.*

*Ma chiết trăm chiu khi vẫn còn.*

*Lưu có lòng lo cha mẹ nhớ,*

*Áo xanh dầm lệ tui phần con.*

慈	航	無	計	度	元	元
此	意	教	誰	叩	帝	關
寒	雨	蕭	蕭	秋	老	矣
昔	年	今	日	到	崑	崙

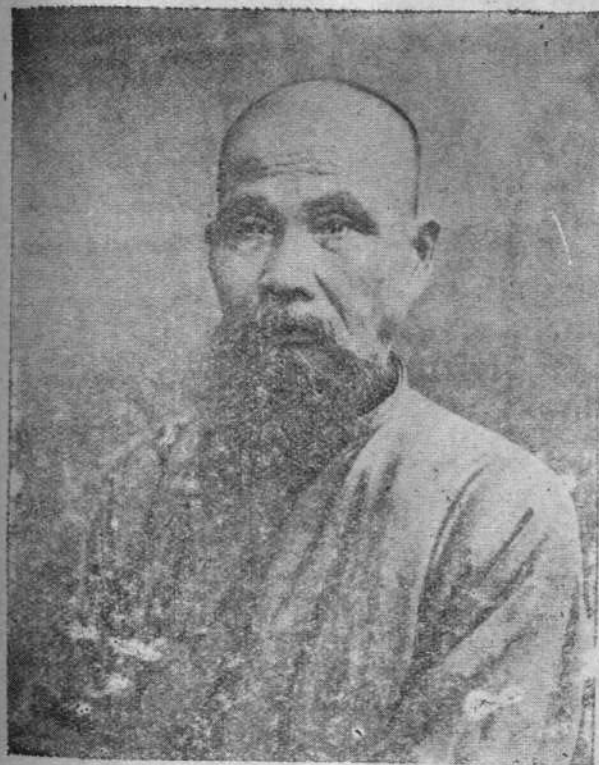
*Thuyền từ khó vớt cuộc sanh lôn,*

*Trời thăm, nhờ ai tỏ tác son?*

*Mưa lạnh thu già trông quanh quẻ,*

*Ngày nay năm ngoài đến Côn-lôn.*

(1) Sân ngực có hai hàng bàng, bông che mắt cả sân, mỗi hàng 12 cây, sau lôn mới đốn bớt.



Sào-Nam PHAN-BỘI-CHÂU

昔年今日到崑崙  
 杜宇聲聲去國魂  
 近日江山何似好  
 鯨波秋晚向天翻

*Ngày nay năm ngoài đến Côn-lôn,  
 Deo dặt chim quỳên tiếng gọi hồn.*

*Non nước gần đây sao đó tá?*

*Sóng kinh thu muộn cuốn trời phun!*

(Cụ Tập-Xuyên sở trường về văn ký-sự và thi tứ-tuyệt, bài tuyệt nào nghe cũng trầm thống và khẳng khái, rất tự nhiên, trông như ai làm cũng được, mà kỹ thực ở trong nấu nường un đúc rất công phu).

Bài thi của My - sanh (Phong - thữ) :

昔年今日到崑崙  
 疇曩軒昂氣尙存  
 囚况逼人秋雨急  
 離懷起我海濤奔  
 醫愚幸有詩書藥  
 鍊性誓除奴隸根  
 尺璧光陰驚浪擲  
 寔行何日補空言

*Ngày nay năm ngoài đến Côn-lôn,*

*Ngang dọc thân trai khi vẫn còn.*

*Thu về cảnh tù mưa tấp lã,*

*Biển kêu mỗi gợn sóng chông vun.*

*Thuốc trừ bệnh đại nhờ xem sách,*

Thánh trở mồm « nó » dứt cả con.

Qui bâu ngày trời chồn tới mãi,

Thiệt hành chờ lúc bỏ không ngón.

(My-sanh không hay làm thi, mà ở trong làng thi tù, thềnh thoảng có đôi bài cũng nghe được).

\* \* \*

Của Tiêu-La :

昔	年	今	日	到	岷	崑
秋	雨	秋	風	暗	斷	魂
似	我	衰	頹	心	未	老
是	誰	慷	慨	志	猶	存
風	雲	變	幻	真	堪	詫
天	地	循	環	不	待	言
每	遇	騷	壇	高	掛	幟
自	慚	擊	鼓	過	雷	門

Ngày nay năm ngoài đến Côn-lôn,

Mưa gió trời thu đề đoạn hồn.

Như tờ, suy đời lòng chữa chết,

Ấy ai khẳng khái khi đang còn.

Gió mây tráo chác trăm hình đời,

Trời đất vàng xoay một quặng tròn.

Cao ngắt đàn thi cờ phất đầy,

Thẹn nghe cửa sấm, trống khua dồn !

\* \* \*

Của Nghiêu-Giang :

昔	年	今	日	到	岷	崑
茹	苦	舍	辛	不	待	論

極	目	神	州	波	浪	遠
逼	人	鬼	氣	海	天	昏
嘗	多	艱	苦	增	肝	膽
別	久	家	山	繞	夢	魂
一	夜	秋	風	摧	落	葉
千	山	萬	壑	見	朝	嗽

Ngày nay năm ngoài đến Côn-lôn,

Ngậm đắng ăn cay đợi bữa luôn.

Sóng khỏa Châu-Thần trông mắt khuất,

Biển dặng hơi quỷ khiến người nôn.

Trãi nhiều gian hiểm thêm can đờm,

Biết cách quê-hương rớt mộng hồn.

Lá rụng một đêm theo gió cuốn,

Non sông khắp xứ thấy vừng tròn.

Trên là thuật mấy bài nhớ cả toàn thiên, ngoài ra như Hải-Châu có câu :

Bè bạn chuyện trò sâu khỏa lãng.

Yêu ma gặp gỡ nói ôn tồn...

Nhớ người cõi gió miền Tam-đảo,

Thương kẻ vùi xương chốn Cửu-nguyên...

...朋儔晤對愁偏減

魍魅逢迎笑語溫

乘風憶客猶三島

訪舊懷人半九原...

Của Kim-Giao :

Ngày trắng, biển đổi cơn sóng giảy,

Đêm hôm, cửa lấp trận mưa dồn...

過海驚濤翻白日  
到窻急雨入黃昏...

Của Thai-Son :

Nửa sọc chông tre, trưa ngủ kỹ,  
Mấy hàng đệm lác, tối ngồi dờn...  
半破藤床眠白晝  
亂披蒲席坐黃昏...

Của Lâm-Ngu :

Trọn ngày dựa gối dành coi bóng,  
Quanh cạnh cùng ai tỏ tấc son...  
孤枕可堪終日臥  
奇情不共別人論...

Đôi câu nghe được, ký giả không nhớ hết.

Một đầu thú đáng chép là có ông Hương-Cảnh (người Quảng-nam) là người quê mùa chất phác, có biết « thi » là cái gì. Nhân đọc những bài thi kỷ niệm của bạn chúng tôi kể trên, hốt nhiên thi hứng ở đầu ngoài trời đưa đến, thừa hứng làm thành một bài, bài ấy cả đồng nhân đều thán thưởng, vì là bài thi tả thực :

國民權利競生存  
三載於斯豈怨言  
萬里鴻風無信息  
五更蝶鬣繞鄉村  
承行公務誰豪里  
代奉慈親有子孫  
歸與老妻談往事  
昔年今日到崑崙

Quốc-dân đua giữ cuộc sanh-tồn,  
Không oán, ba năm ở giữa cồn.  
Muôn dặm gió hồng không tin tức,  
Năm canh giấc điệp lại hương thôn.  
Thừa hành công vụ ai hào lý ?  
Phụng dưỡng từ thân có cháu con.  
Về thuật vợ già nghe chuyện cũ :  
Ngày nay năm ngoài đến Côn-lôn.

(Nguyên ông Hương này không làm thi mà hay coi tuồng hát, thuộc tuồng, hát hay, nên có hứng, nặn ra được bài thi trên, rõ là chuyện thú trong làng thi).

XLVIII

Quanh cuộc thi kỷ niệm :

Bài kỷ niệm « ngày nay năm ngoài đến Côn-lôn », các bạn đến sau, không dự vào cuộc thi ấy, cùng nhau đem những bài trên ra phê bình. Lê-quân Siêu-tùng có một bài đề rất hay, ký-giả chỉ nhớ 4 câu giữa :

須有長吟消永日  
未應一挫喪平生  
國如秋夜無長黑  
家與濃山一望青

Phải có nghề ngâm tiêu buổi rảnh,  
Lẻ đầu một tát mắt bình sanh ?  
Nước như đêm lệnh không dài tối,

Nhà với non nòng một mực xanh.

Ngọc-tiểu Võ-quân có tánh khôi hài, thi có khi cốt, trước có chép mấy bài họa thi « Thai-sơn » (bài dự tiền biệt đi Tân-thế-giới), đến cuộc thi « kỷ niệm » này, Võ quân dùng lối chào phỏng thay lời phê-bình, rất có hứng vị.

A) Nhạo câu thi « chích thủ hoạch càn khôn » của tôi :

聞	道	乾	坤	將	劃	矣
欲	尋	媧	女	問	蒼	翁
蒼	翁	報	道	君	休	恐
自	有	陰	兵	廿	五	銅

Nghe rằng trời đất loan chia rẽ,  
Muốn kiếm Oa-hoàng đang hỏi thăm.  
Trời bảo : nhà ngươi đừng sợ sệt,  
Việc gì đã có chủ hãm lăm. (1)

B) Nhạo câu thi : « Kỳ tình bất cộng biệt nhân luôn » của cụ Giải - Huân :

詩	亦	如	人	不	厭	奇
就	中	奇	也	是	虞	詩
從	孤	枕	字	猜	將	去
一	片	奇	情	亦	可	知

(1) Trong linh canh ngọc, có chủ số biểu 25 tên là Đồng, con mắt lé, bọn tù gọi là chủ « chỉ thiên », hung dữ đảo đê, thường đánh tù tội. Bà trên mượn cớ « con mắt chỉ thiên » mà nhạo câu « vạch trời ».

Thi như người vậy, lạ càng hay,  
Lạ nhưt bài thi của bác này!  
Theo nghĩa, phỏng câu « cô chàm » đấy,  
Mối tình lạ ấy rõ ràng thay!

**XLIX**

Ngọc-tiểu Võ-quân có họa mấy bài tuyệt cú « Tân - thế - giới dư biệt » của tôi. Nghe cũng khoáng :

1) 崑 崙 未 已 復 西 球  
湖 海 前 途 慰 壯 遊  
難 得 出 洋 如 我 輩  
神 山 不 訪 訪 荒 洲

Côn-lôn chưa hết lại Tây-phương,  
Hồ hải lòng trai thỏa dọc ngang.  
Ai có xuất dương như bọn 'lớ ?  
Thần-sơn không đến đến cồn hoang !

2) 食 蔗 無 妨 境 入 佳  
東 流 西 竄 任 風 埃  
從 今 膽 氣 增 磨 煉  
爭 勝 瀛 洲 策 馬 回

Ăn mía càng nhai thấy ngọt ghê!  
Phong trần mặc kệ xứ Đông-Tây.  
Từ nay dõm khí càng thêm mạnh,  
Hơn lúc Dinh-châu thắng ngựa về. (1)

(1) Chỉ thi đồ Tấn-sĩ,



3) 隻手撐天膽氣粗  
 異鄉風雨眼糝糊  
 西球見說江山美  
 到處憑君暗畫圖

*Tay chống trời xanh rõ lớn gan,*

*Gió mưa đất lạ mắt mờ màng.*

*Tây-cầu thấy nói non sông đẹp,*

*Đồ họa chờ người xách bút sang.*

4) 生平信我自由天  
 不受人憐但自憐  
 葛瑪成功期望大  
 不辜歷閱許多年

*Tin chắc sanh bình cái tự do,*

*Minh thương mình, chả cậy ai đâu,*

*Thành công, Cát, Mã (1) lòng mong ước,*

*Bỏ lúc phong trần trải mấy lâu.*

(Thi Ngọc-Tiêu có cái khiếu riêng, trong lời văn lưu hoạt có hàm cái khí khoáng khái. Cũng một bạn thi ít có vậy).

**XLX**

Tù đàn bà :

Chúng tôi ra đảo, khoảng 2, 3 năm đầu, ngoài đảo có khám giam tù đàn bà, làm xâu may quần áo cho tù. Hỏi tội danh thì người ta nói kẻ giết chồng, người giết ông gia bà gia cùng trộm cắp

(1) Cát-lô-sĩ, danh nhân nước Hung, Mã-chi-nê, danh nhân nước Ý, đều trải làm nổi cực khổ, sau làm nên công nghiệp lớn.

nhieu tội, vì tội nặng nên không cho ở trong đất mà đày ra ngoài đảo.

Luật và lệnh cấm trong tù vẫn nghiêm khắc mà đối với tù đàn bà cũng đối đãi theo cách đặc biệt: thường ngày ở trong khám làm nghề may, không cho tù đàn ông được qua lại. Duy mỗi ngày hai bữa ăn, tù nhà bếp được ra vào và hai lần quét dọn, bọn tù làm xâu vệ sanh (quen gọi sỡ tải) được vào. Song lúc vào có Gardien Mata mở cửa cùng đi kèm một bên, hoặc có gởi mua đồ gì, chỉ nói đôi câu, không ai dám chọc gheo.

Trong trên số ngàn tù đàn ông mà có trên 10 người tù đàn bà, rõ là thứ «hoa biết nói» ở giữa gò sỏi, cũng là chuyện điếm nhiệm có thú. Bởi vậy, nên trong đám tù đực có tay kiệt xảo, đi làm xâu ngoài, kiếm được món đồ ăn (chuối, bánh, cá v. v.), thường gởi làm quà cho mấy chị tù cái đở, cũng có cặp kết đôi như làm «vợ chồng khô» (vợ chồng mà không được ở chung nhau).

Nguyễn-Giới-Phu (Tú-tài, tên là Nguyễn-nguyên-Thành, người Thanh-hóa) có văn tài mà mang bệnh điếc. Ngày nọ Giới-phu làm xâu sỡ tải (propreté) cầm chổi vào quét phòng nữ tù ấy. Bọn tù gái xúm chung quanh hỏi nói lằng xằng. Ông ta chỉ trả lời bằng nụ cười. Bọn tù đàn bà không biết ông ta điếc, nên nói nhau cười rộ lên. Ông ta có bài thi :

一 朵 花 枝 一 段 情  
 撩 人 底 意 亂 啼 鶯

戒夫不識調挑事  
故倚牆邊不出聲

Một đóa hoa thơm một đoạn tình,  
Trêu người rồi rít tiếng chim oanh.  
Giới-phu chã biết đều khêu cọt,  
Đứng dựa bên tường cứ lặng thinh.

XLXI

Cu Đặng-Thai-Son, người hết sức xấu (đã nói trước), ai chưa quen biết không ai muốn gần cụ. Ấy vậy mà có một chuyện thú, trong tù truyền làm dai-thoại ít có :

Tù đàn bà chỉ làm xâu may quần áo tù, không hay ra ngoài, duy mỗi tháng đến ngày phát tiền công, phát tù đàn ông xong, vào khám, rồi mới phát tiền công cho tù đàn bà, khi ấy tù đàn bà được ra nhà giấy lãnh tiền công. Lại nữa, khi cáo bệnh đi nhà thương và khi viết thơ gởi về nhà, thì có mata dẫn ra phòng giấy Gardien Chef, nhờ bạn london viết hộ...

Một ngày nọ, bạn chúng tôi đương đan đệm nơi hàng ba (véranda) trước khám, thấy người Mata dẫn 2 người tù đàn bà đi ngang gần trước đó, một người đàn bà trạc độ 25 tuổi, trông dạng mặt cũng sạch, ngó bọn chúng tôi và cất tiếng hỏi : Ai là quan đốc ?

Nguyên quan đốc trong bọn quan to chúng tôi, ai cũng tôn làm bực thầy ; tù khác thấy thế cũng có

ý kiêng nề. Bọn tù gái kia cũng nghe trong bọn quan to có quan đốc là quan lớn hơn, nên có câu hỏi thỉnh linh không ngờ ấy. Một sự không ngờ mà đáng buồn cười nữa, là sau đó vài ngày, có người tù trong nhà bếp (thường đem cơm trong khám đàn bà), cầm một cái đũa đựng thuốc đưa cho quan đốc và bảo đó là của người đàn bà gọi quan bửa trước. Kỳ tuyệt ! thú tuyệt ! cụ Thai-Son có bài thi ghi chuyện thú ấy :

翠 髮 皓 齒 玉 嬋 娟  
蓮 步 徐 移 小 解 前  
洞 口 無 端 呼 阮 肇  
南 溟 有 客 識 胡 詮  
三 生 眼 福 君 何 幸  
一 轉 情 波 我 亦 憐  
辜 負 阿 誰 成 錯 愛  
他 生 或 者 訂 今 緣

Tóc xanh răng trắng gái thuyên quyen,  
Đạo bước sen vàng thoảng trước hiên.  
Động-khẩu vô tình kêu Nguyễn-Triệu, (1)  
Nam-minh có khách biết Hồ-Thuyên. (2)  
Ba sanh mắt thấy tu dày phúc,  
Một nét tình đưa sóng dễ nghiêng.  
Tiếc nổi ai làm yêu đến tớ,  
Có chảng kiếp khác kết giây duyên ?

(1) Nguyễn-Triệu, người đời Hán, vào núi Thiên-Thai hái thuốc có tiên-nữ gọi tên.  
(2) Hồ-Thuyên, danh thần đời Tống, bị đày ra Nam-hải, được tha về, gặp nàng Lê-Oa tiếp rượu.

(Sau chúng tôi ra đảo vài năm thì tù đàn bà ấy đều đưa về Saigon, thành từ đó ngoài đảo không có tù đàn bà nữa).

**XLXII**

Bắc-hà Nguyễn-quân-Quyền (Tù tài Huấn-đạo), tánh thích thẳng và vu khoát, ưa nghị-luận việc nước. Một người trọng yếu trong việc sáng lập Đông-kinh Nghĩa-thục, và làm chủ Nghĩa-thục ấy; năm 1907, ông ta lại có lập một nhà buôn nội hóa hiệu là « Tân-Hồng-Hung » đại lý bán đồ công nghệ trong nước.

Một chuyện buồn cười là ông ta có nói với vài người bạn thân rằng năm chiêm bao thấy ông K... phong cho chức « Đông-đường-Nam ». Nhân thế các bạn thường gọi là « Đông-đường » có hàm ý nhạo ở trong.

Tấn-kịch « Hà - thành đầu - độc » (năm 1908) Đông-kinh Nghĩa-thục bị đóng cửa, ông cùng Lê-quân Siêu-tùng, Võ-quân Ngọc-tiêu, Dương-quân Thiếu-niên, đều bị tinh nghi đày ra Côn-lôn. Dương-quân 7 năm, còn 3 người kia đều chung thân, Nguyễn-quân Đông-đường ưa bàn chủ-nghĩa, thường dùng việc thuốc vi với việc nước, chia bạn đồng tội và tân đảng trong nước làm 3 phái: 1/ Phái ôn - hòa, 2/ Phái bài - ngoại, 3/ Phái ý Pháp, v. v.

Trong tù có giờ rảnh, Nguyễn-quân tự chế ra một thứ chữ mới, cách viết đơn giản, những ngang sồ như kiểu chữ Hán. Đông-đường chỉ vắn lớn mà tài có sợ, Võ-quân Ngọc-tiêu thường kiểm đều điều nhạo luôn mà Đông-đường không lấy làm đều. Khi cùng anh em nói chuyện, Đông-đường thường thuật chuyện « Đông-kinh Nghĩa-thục » và hiệu buôn « Tân-Hồng-Hung », như là công-nghiệp vĩ-đại trên đời.

Sau tấn kịch sự biến « Ô-ra », duy bọn quốc-sự-phạm Trung-kỳ được ở riêng một khám B. Còn tù Nam, Bắc-kỳ án chung thân ở khám cấm cố, xiềng cả 2 chân không đi làm ngoài, mỗi ngày chỉ ra sau khám đập đá hai buổi, Đông-đường, Siêu-tùng và Ngọc-tiêu vì án chung thân nên mang lấy cái vạ « trâu ngựa đồng chuồng » ấy. Ngọc-tiêu có gửi cho chúng tôi một bức thơ bằng văn « tứ lục » có câu :

...佩環苦境, 擊石生涯, 耳華氏之談醫, 聞雷懼鴨, 目草亭之造字坐井慚蛙...

*Đeo xiềng cảnh khổ, đập đá sanh nhai. Nghe Hoa-đà bàn đến y tôn, vịt nghe sấm dội, thấy Dương-tử đặt thêm chữ mới, ếch thẹn trời cao...* (có ý nhạo Đông-đường là vu-khoát vạy).

Sau Dương-thiếu-niên về ít lúc, Đông-đường, Ngọc-tiêu cũng tiếp được giấy tha về Nam-kỳ.

XLXIII

Đông-đường, Ngọc-tiêu được tha, xin phép với ngục-quan được sang khám B. (khám riêng bọn quốc-sự-phạm), cùng chúng tôi trò chuyện một đêm.

Tôi có bài thi đưa Ngọc-tiêu :

1) 海 外 鴻 翎 養 未 齊  
鹽 車 老 驥 復 長 嘶  
焚 香 遙 祝 少 年 黨  
可 有 新 時 馬 志 尼

*Cánh hồng ngoài biển chưa đều lông,  
Xe muối gò chun ngựa đứng róng.  
Ngày lối thấp hương cầu bạn trẻ,  
Có ai là Mã-chí-nê (1) không ?*

2) 隻 手 撐 天 氣 未 頽  
眼 逢 劍 俠 便 雙 開  
我 南 武 士 魂 安 在  
歸 去 憑 君 喚 出 來

*Tay chống trời xanh khi vẫn hào,  
Gặp phùng kiếm hiệp mắt như sao.  
Nước ta vũ sĩ hồn đâu vắng ?  
Về đó nhờ người lớn tiếng rao.*

Đưa Đông-đường :

3) 商 學 朝 流 滙 一 門  
平 生 歷 史 足 人 論

(1) Mã là một tay vĩ-nhân. nước Ý, có lập thiếu-niên-đăng, khôi phục nước Ý.

囚 中 歲 月 猶 珍 重  
更 造 新 文 補 國 魂

*Ngọn triều thương học chấp chông đưa,  
Lịch sử bình sanh miệng chép thừa.  
Ngày tháng trong tù dùng đáng giá,  
Tạo thêm chữ mới bổ hồn xưa.*

4) 種 族 痛 深 無 底 海  
人 羣 負 重 未 移 山  
民 權 振 起 須 由 學  
要 入 初 頭 第 一 關

*Nòi giống hờn sâu không đáy biển,  
Nhân quần gánh nặng chưa dời non.  
Dân-quyền chấn khởi chi bường học,  
Cần nhứt nên chăm bước nhập môn.*

Nghĩa-Bình đưa Ngọc-Tiêu :

梅 山 春 信 破 寒 陰  
萬 里 歸 人 思 不 禁  
救 國 從 來 惟 黑 鐵  
破 家 其 奈 乏 黃 金  
凌 霜 老 桂 添 辛 性  
出 水 奇 蓮 抱 苦 心  
涅 背 久 知 家 有 母  
精 忠 愈 見 孝 情 深

*Tin xuân mai nở đuổi hơi đông,  
Muốn dăm người về bội nhớ trông.  
Cứu nước thuở nay nhờ sắt cứng,*

Phá nhà khô nổi thiếu vàng ròng.  
 Xông sương quế nọ cay thêm lánh,  
 Trời nước sen kia đắng gắt lòng.  
 Mấy chữ khắc lưng nhà có mẹ,  
 Cho hay đạo hiếu ấy tình trung. (1)

C) My-Sanh đưa cả Đông-dương và Ngọc-tiêu :

曇	花	一	現	忽	雲	陰
回	首	河	山	淚	不	禁
豈	有	市	人	能	黑	鐵
幾	從	無	賴	索	黃	金
造	時	先	具	觀	時	眼
救	國	須	陶	愛	國	心
苦	海	此	回	先	岸	客
衛	禽	填	海	莫	論	深

Hoa quỳnh một chốc bằng như không ?  
 Ngánh lại non sông lệ mấy giòng.  
 Kể chớ khi nào nên sắt cứng,  
 Nhà nghèo mấy thuở có vàng ròng.  
 Tao thời trước phải tình con mắt,  
 Yếu nước cần chẳng đức tâm lòng.  
 Biển khổ kia ai vào bến đó ?  
 Chim oan ngậm đá chớ nài công.

(Bài thi My-sanh họa bài thi Nghĩa - Bình trên  
 mà tỏ ý phản đối, 2 bài này là bước đầu « tranh biện  
 chủ nghĩa » ở trong đám quốc-sự-phạm ngoài đảo.

(1) Nhạc-Phi, danh tướng đời Tống, mẹ có khắc 4 chữ  
 « tình trung báo quốc » sau lưng. Ngọc-tiêu còn mẹ  
 già, nên dùng điển ấy.

D) Bài thi của Nghiêu-giang :

幾	年	荒	島	苦	甘	同
留	去	情	思	說	不	窮
造	物	有	心	興	祖	國
權	姦	無	計	賺	英	雄
豹	藏	山	養	千	重	霧
虎	嘯	林	生	萬	壑	風
遠	近	都	人	齊	屬	目
何	當	利	器	錯	盤	中

Mấy năm hoang đảo ngọt bùi chung,  
 Về, ở tình riêng nói chẳng cùng.  
 Lòng tốt trời dành phò tử quốc,  
 Mưu sâu ai dễ phỉnh anh hùng.  
 Mù che lớp núi beo nuôi về,  
 Gió cuốn ngàn rừng cộp nổi giông.  
 Người nước xa gần đều chú mắt,  
 Thử xem đồ dụng sắt hay không ?

XLXIV

Sau cụ Tây-Hồ được tha về Saigon, tiếp đến  
 Dương-thiếu-niên cũng được tha về, anh em đồng  
 tội, ai cũng ôm mỗi hy vọng « không lâu sẽ  
 được về ». Nhân đó mỗi ngày làm xâu tù xong,  
 vào khám B là bản chủ nghĩa, kể chủ trương thế  
 này, người chủ trương thế khác, cãi nhau về  
 chánh-kiến rất là sôi nổi. Vừa lúc ấy được tin cụ  
 Tây-Hồ xin đi Tây, trong bạn anh em có kẻ không  
 hiểu thấu tâm-sự cụ, có ý sá-dị. Tôi có bài thi  
 tiễn đưa Tây-Hồ như Tây :

孤	槎	一	昨	渡	扶	桑
西	海	遙	遙	又	此	航
隻	手	慣	從	高	處	著
半	生	全	爲	國	羣	忙
論	行	民	約	詢	盧	老
島	入	科	西	弔	拿	皇
此	地	自	由	花	正	好
憑	君	移	種	到	炎	方

Năm trên tểch dậm thẳng Phù-tang,  
 Âu-lục ngày nay vượt biển sang.  
 Nhắm thế cờ cao toan đặt ngón,  
 Trọn đời việc nước khéo đa mang.  
 Luận Lư-xoa đó tìm dân-ước,  
 Mộ Nã-hoàng đây đốt nén hương.  
 Thổ sản tự-do-hoa chính đấy,  
 Nhờ người đem giống đến nam phương.

XLXV

Tranh luận chủ nghĩa :

Cụ Tây-Hồ đối với đại cuộc nước nhà và tình thế trong ngoài, quan sát bằng cặp mắt đặc biệt, có khác với phần đông trong bạn đồng thời. Cụ Tây-học, về thuyết « dân quyền » tâm đắc một cách sâu sắc, không phải nểm cạ nghe mùi như ai, nên cách hành động cơ cảnh, và gặp việc nhận đề, thường vượt ra ngoài ý tưởng thông thường; không phải người biết thấu tâm-sự cụ, không rõ thâm ý thế nào. Sang Nhật-bản về, đưa ngay lên

chánh phủ Pháp một bức thư, đó là một việc mà không ai tưởng trước.

Lúc cụ ở Côn-lôn, cùng một vài anh em bàn giải, tâm-sự, có người hỏi :

— Xem ý chánh phủ Pháp đãi ông theo cách đặc biệt, chắc trong bọn ta, ông sẽ về trước, sau về nước sẽ làm thế nào ?

Cụ trả lời : Tôi được về thì xin đi sang Tây ngay, ấy là bước đầu. Còn bao nhiêu công việc khác sẽ tùy tình thế mà hạ con cờ, không thể nói trước được.

Lúc cụ nói, tổ bộ khảng khái và cương quyết như trong lòng đã tru hoạch sẵn. Trong anh em ai đã đọc bức thư « đầu Pháp chánh phủ » cũng rõ được chỗ dụng ý của cụ không bàn nói gì. Duy có một vài người nghĩ cạ và bình sanh chưa biết cụ là người thế nào, nghe cái tin cụ xin đi Tây, lấy làm kinh dị sanh ra mối hoài nghi rằng Tây-Hồ trước đã sang Nhật, nay lại đi Tây, rõ là mâu-thuần, là biến tiết.

Tôi có viết một bài biện hộ cho cụ Tây-Hồ, đại ý nói thời cuộc ngày nay khác với cuộc thế đời xưa nhiều là cái cuộc thuở nay chưa từng có. Ai có con mắt nên trông cả toàn cuộc, và có định lực kiên tri, tâm-sự của kẻ anh hùng không thể bằng theo chỗ thấy ít biết gần mà suy trắc. Cụ Tây-Hồ đi Tây, tất có định-kiến thế nào,

« gặp đề hẹp đi đường rộng 遇窘題行寬路 »  
nên chờ xem cuộc sau này ra sao...

Lúc ấy trong khám B, vấn đề chủ nghĩa sôi nổi rất náo nhiệt, không ngày nào không bàn chủ nghĩa. Những người thực lòng yêu nước, thương xác trao đổi ý kiến đề dung hòa thành kiến, cũng có người chỉ bàn cãi om sòm nghe chán tai. Tôi có bài tuyệt :

劇 場 如 鷗 鼓 如 雷  
拖 粉 施 粧 演 一 回  
畢 竟 妍 媸 誰 辨 得  
從 旁 惹 出 倭 人 來

*Trường hát xôo xao tiếng trống dồn,*

*Đóng vai diễn một lớp tuồng con.*

*Dở hay, rút cuộc nào ai biết,*

*Thêm tiếng khen chê mấy bác lùn !*

**XLXVI**

Thơ đưa chồng bạn :

Nguyễn-quân Đông-Đường, cùng Hoàng-quân Tăng-bý...đều là người trọng yếu, sáng lập Đông-kinh Nghĩa-thục. Nghĩa-thục bị đóng cửa, Nguyễn và 3 bạn : Thiếu-niên, Ngọc-Tiêu, Siêu-tùng chạy ra Côn-lôn mà Hoàng -quân được cho vào ở Huế (nhờ có cụ Hiệp Cao là ông nhạc nhận). Kế đó Hoàng-quân thi đỗ Phó-bảng, bà Hoàng theo chồng vào Huế, bà Huấn (vợ Nguyễn-quan-Quyền) có bài thi tiên chân, gửi cho chồng ở

Côn-lôn xem : Nguyễn-quân có họa lại gửi về. Bài thi bà Huấn có vẻ nồng nàn tình tứ, so với bài Đường thi « Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu... » tưởng không kém bao nhiêu :

*Chỉ thêu nên gấm dăm nài công,*  
*Bạn chị em ta mãnh má hồng,*  
*Mặt nước kia ai câu bọt bèo,*  
*Chùa nhà riêng những quét hoa thông.*  
*Méo tròn thữ vẽ vầng trăng bạc,*  
*Cay đắng xin vơi chén rượu nồng :*  
*Say quit lại cười, cười lại bảo :*  
*Ơn riêng này chớ phụ tình chung ».*

Nguyễn-đông-đường có họa lại :

*Cầu trời cầu biển quản gì công,*  
*Đệt gấm khi nào mượn má hồng.*  
*Đuổi dập kinh nghề muôn lớp sóng,*  
*Đứng trơ mưa gió một chùm thông.*  
*Hỏi han bác Lý vầng trăng bạc,*  
*Chờ đợi nàng Tô chén rượu nồng.*  
*Đắp lạnh quạt nồng ai đó tá ?*  
*Hiếu tình này vẫn hiếu tình chung».*

Nhân tiện chép câu đối của Lê-quân Siêu-tùng nghe tin mấy bạn thi đỗ (nguyên Nguyễn-sĩ-Xác, Hoàng-tăng-Bí đều bạn tân học với Lê). Lê bị tù mà 2 bạn kia lại thi đỗ, nên Lê có câu đối:

*Quách thầy chúng nó, thi mà chi, đỗ nữa mà chi,*  
*nào những -khi rượu đầy bàn, đờn đầy vách,*

sách đầy án, bận đầy nhà; nghèo ngao trắng gió  
bốn mùa, chơi đã đủ mùi, thôi có lạ chi phùng  
mặt trắng.

Còn có bọn ta, tù chẳng sợ, đầy cũng chẳng sợ, cho  
đến lúc miệng như tép, mép như rồng, tiếng như  
cồng, mắt như chớp; xốc vác non sông một gánh,  
làm cho nên việc, bây giờ sẽ hỏi bạn non xanh.

Lúc Nghĩa-thực đóng cửa, mấy ông bị bắt, dư-  
luận Bắc-hà đều tỏ lòng đau xót, có 1 bài kể  
công việc mấy ông. Tôi nhớ đoạn đầu :

« Con mây gió trời Nam bằng bằng,  
Bước anh hùng nhiều chặn gian truân.

« Gẫm xem máy tạo xoay vần,  
Gầy rèn một cuộc cách tân cũng kỳ!

« Khấp thân-sĩ lưỡng kỳ Nam Bắc,  
Bổng dứt mình chột lĩnh con mê.

« Học, thương, xoay đủ mọi nghề,  
Cải hồn ái quốc, gọi về cũng mau.

« Hồn đã lĩnh bảo nhau cùng giậy,  
Chưa học bỏ vội chạy đua theo.

« Khi lên như gió thổi đều,  
Trong hò cự thuế, ngoài reo phá thành.

« Việc tự-lập người mình còn đại,  
Sức cường-quyền ép lại càng đau.

« Tội-danh đổ dâm nho-lưu,

Bắc-kỳ thân-sĩ, đứng đầu năm tên.

« Người lĩnh Bắc Nguyễn-Quyền là một....

(Sau không nhớ).

XLXVII

Chồng ở tù, nhận được mền của vợ gửi :  
Nguyễn-quân đình-Quản (Người Quảng-ngải,  
Cử-nhân, hiệu Phong-niên), nhận được thơ nhà  
và một cái mền của bà gửi ra, đồng nhân cho  
là việc có thù, cùng làm thi tặng. Bài thi của  
tôi :

敢把癡心累壯懷  
寒窻夢起憶天涯  
燈前多少相思淚  
細向衾中認出來

Tình riêng há dề lụy lòng trai,  
Tĩnh giác bên màn sực nhớ ai ?  
Nhiều ít trước đèn bao giọt lệ,  
Trong mền nhìn kỹ nhận ra coi

英雄心事女兒思  
一幅重衾萬縷絲  
窮海縱然風雨惡  
護君熱血到歸時

Tình si nhi nữ, gĩa anh hùng,  
Muốn mui đường tơ tấm đệm bông,  
Góc biên tha hồ mưa gió lạnh,  
Chàng về máu nóng giữ còn nồng.

Thi của Tập-xuyên :

白面猶能種族謀  
紅顏安敢怨衾綯  
初寒昨夜侵羅幌  
忽憶天涯似此不



Mặt trắng còn lo việc giống nòi,  
 Má hồng dám tủi gối-loan côi.  
 Hôm qua hơi lạnh lò bên cửa,  
 Nhớ kẻ thiên-nhai luyến ngậm ngùi.

袞	上	紅	絲	幾	縷	斜
縷	多	爭	似	妾	情	多
明	知	不	是	重	袞	媛
記	向	窻	前	飲	素	蛾

Chỉ đỏ mền bông lấm mối manh,  
 Chỉ bao nhiêu mối, thiếp bao tình,  
 Mền đôi biết hẳn chưa là ấm,  
 Nhớ chẳng? đôi mây kếm nét xanh.

Thi của Phong-niên :

抱	冰	素	志	恐	難	堅
敢	望	蹉	跬	擁	被	眠
獨	是	未	忘	兒	女	戀
可	無	手	物	到	君	邊

Chỉ e óm giá chi không bền,  
 Há mong ngày đêm ngủ ấp mền.  
 Nhi nữ chứt tình quen chửa được,  
 Tay khâu vật ấy gửi hầu bên.

織	錦	無	能	可	奈	何
縫	衿	聊	爾	寄	天	涯
那	堪	妾	意	君	心	事
相	對	秋	宵	月	未	斜

Tài thua dệt gấm biết làm sao! (1)  
 Mền gửi ven trời thỏa ước ao.  
 Ý thiếp lòng chàng tâm sự đầy,  
 Đêm thu nhìn bóng lúc trăng cao.

(1) Tô-Huê, chồng di thú, dệt gấm hồi van dâng vua, vua tha chồng về.

XLXVIII

3 ông Mục-sur :

3 ông Mục-sur ở Nghệ-an : Nguyễn - Tường, Nguyễn-thần-Đông và Đỗ-Lệnh, bị đày ra Côn-lôn (vì có người giáo du-học Nhật-bản, nên bị tình nghi sao đó) ông Đỗ-Lệnh cùng tôi là bạn học chữ Tây, có giúp ích nhau. Vì chữ La-tinh là tổ chữ Pháp mà họ học chữ La-tinh nhiều, nên học chữ Pháp rất dễ.

Đỗ-quân có thông chữ Hán, về học-thuyết mới cũng thông hiểu, không toàn mê tin như ai. Tôi có tặng 2 bài thi :

1) 紳 智 未 開 民 智 下  
 國 權 不 振 教 權 卑  
 力 排 奴 郭 千 重 壘  
 別 豎 明 都 十 字 旗  
 新 海 風 潮 輸 幾 度  
 囚 天 雷 雨 臥 多 時  
 熱 腸 到 底 知 何 似  
 萬 縷 春 蠶 未 吐 絲

Quyền nước còn hèn quyền giáo thấp,  
 Trí thần chưa mở trí dân ngậy,  
 Làng nô, lũy quyết xó nền đồ,  
 Chữ « Thập », cờ toan dựng xú này  
 Sóng gió tứ bề thông biển mới,  
 Giông mưa một góc cỗi tù dày.  
 Một bầu tâm-sự ra sao đầy?  
 Muốn mối tơ tâm chửa kéo dây.

2) 羣 負 如 山 未 報 何  
 誰 教 傾 蓋 向 天 涯  
 思 潮 此 日 融 歐 亞  
 學 界 何 人 劃 孔 耶  
 淡 水 心 腸 兼 麗 澤  
 黃 金 歲 月 感 流 慘  
 晤 談 他 日 難 忘 處  
 故 國 濤 聲 隔 岸 多

*Nợ bầy như núi trả chưa rồi,  
 Gặp chắc, không dè giữa đảo coi.  
 Âu, Á tư-triều đã hiệp một,  
 Khổng, Gia học-giới nở chia đôi.  
 Ruột rà nước thấm tình giao mật,  
 Ngày tháng thoi đưa của báu rơi?  
 Trò chuyện hôm nay nên nhớ mãi,  
 Bên kia bờ biển sóng vang trời.*

(3 ông Mục-sư, sau ông Lệnh, ông Đồng được tha về, còn ông Tường chết ngoài ấy).

XLXIX

Ký-Long với Dương-Thưởng :

Chúng tôi ra ngoài đảo cách xa nội-địa, tin tức không thông, mà thường năm lại có bọn quốc-sự-phạm mới ðày ra, thuật chuyện trong nước và việc người cho nghe, rõ là một việc có hứng thú. Bởi vậy nên mỗi lần có bọn đồng-tội mới ðày lại, nói chuyện luôn mấy ðêm mà chưa chán, vì ai ai cũng khao khát nghe chuyện mới.

Có nhiều tin không ngờ mà được nghe như tin tù Lao-bảo dưới này :

Nguyên có ông Ký-Long (làm ký-lục giấy thép, người Nghệ-an), nhân đi săn rửi bắn chết người, bị ðày Lao-bảo, được gặp bạn quốc-sự-phạm (1908) ðày ra ðây, như Dương-Thưởng (anh Tú Dương-Thạc ðày Côn-lôn), Lương-Châu, Lê-Cơ v. v.. Ký-Long biết tiếng Tây, quan đồn tin cậy, được làm việc phòng giấy, nên có giúp đỡ bạn quốc-sự-phạm kia ðòi chút.

Nhân tù biến ở Lao-bảo (1900), Ký-Long bị ðày ra Côn-lôn. Lúc vào khám lớn Saigon lại gặp Tùng-Nham (Tú-tài Nguyễn-văn-Ngôn) cũng người Nghệ mới ðày vào ðấy, ðợi tàu chở ra Côn-lôn. Hai người đồng xứ gặp nhau thành bạn thân thiết. Ra đảo, Ký-Long học chuyện Lao-bảo cho tôi nghe, mới hay Dương-quân-Thưởng ðã tạ thế ngoài ấy. Tôi cùng anh em Dương-quân (Thưởng và Thạc) ðồng học ðồng châu. Tú em ðã chết ngoài đảo, nay người anh lại chết ở Lao-bảo, cảm tình lai láng, nên có câu ðối :

犢 車 佳 話 , 豈 其 有 約 耶 , 弟 不  
 足 又 重 之 以 兄 , 古 劍 雙 飛 , 異 地  
 風 雷 疲 擁 護 .  
 鴻 貉 國 魂 , 尙 其 歸 來 些 , 生 如  
 何 可 無 負 於 死 , 舞 臺 一 躍 , 先 時  
 人 物 數 嶢 嶮 .

*Chuyện xe bò mới đó, có hẹn nhau sao? em*

*chưa đủ lại chết dần đến anh, gươm báu cấp đôi bay, giông gió vèn trời thêm nặng đăm !*

*Hồn Hồng-Lạc đi đâu, hãy về chẳng tá ! sống thế nào không phụ lòng kẻ chết, sân tuồng giông một vọt, anh hùng lớp trước kẻ bao tay ?*

\* \*

Phụ (Ký-Long sau cũng chết ngoài đảo, Cu Tiều-la có tặng câu thi :

*Học thông Âu-Á chừng anh tuấn, sanh ở Hồng-Lam vẫn thế gia...).*

L

Nguyễn-Tùng-Nham :

Nguyễn tên Văn-Ngôn, Tú-tài, người Nghệ, bạn chí thiết của Hải-côn tiên-sinh, người tánh khảng khái, có phong thái người kiếm hiệp đời xưa mà học cũng uyên súc, văn rất cứng cỏi. Văn hào võ hiệp, một tay gồm cả 2 bên, trong bọn đồng thời rất là xuất sắc, mà toàn cả nhà Tùng-nham, lại hy sanh về việc nước cả mấy anh em, lại là một nhà rất hiếm có :

Cụ Sào đông độ, Tùng-nham cho người em đi theo, còn ông ta thì ra vào miền thượng-du Bắc-hà và Nghệ-Tĩnh, bốn tàu quanh năm, kết thúc phường kiếm hiệp, bọn hào hiệp đều biết tiếng ông. Việc lộ ra, bà mẹ bị quan bắt cho đi tìm con, ra Bắc, gặp Tùng-nham nơi đồn An-thế. (Ở An-

thế có đồn Tú-Nghệ tức đồn ông ta cùng bọn học trò). Bà mẹ bảo :

« Tao vâng lệnh quan đi tìm mày. Song mày về sẽ không khỏi làm tên tù, về hay không tùy ý mày, nhưng không về là hơn.

Bà mẹ về, đến người em (nho Hai) cũng vâng lệnh quan đi tìm anh, nho Hai theo anh vào núi luôn không về, Tùng-nham bị bắt bị đày ra Côn-lôn, được ít lâu nho Hai cũng bị bắt đày ra, 2 anh em đều chết ngoài đảo. Người em đông-độ cũng chết bên ấy, thảm nhĩ!

Tùng-Nham thi chung chỉ chuyên một mặt thiết huyết. Lúc bị bắt, ông ta đương ở trong nhà nơi làng nọ, đêm bị vây, ông ta thoát khỏi vòng đi được một đôi, gặp 2 tên lính núp đánh cho mấy bản súng, bị gãy 2 cái răng.

Ông ta có 2 bài tuyệt vịnh đồn núi Vu-quang là đồn củ của cụ Phan-dinh-Phùng, khảng khái làm ly, văn rõ như người :

1) 腰	橫	古	劍	氣	如	虹
國	恥	家	仇	誓	始	終
十	載	霧	光	營	壘	地
朝	曠	猶	掛	萬	山	紅

*Gươm lưng tia sáng suốt cầu vồng,  
Hồ nước thù nhà quyết một lòng.  
Non Vu mười năm dinh lũy đầy,  
Đỏ dăng lớp núi bóng vừng đông.*

2) 一 山 曉 霧 鎖 寒 溪  
 赤 笠 烏 鎗 伏 岸 西  
 一 響 銅 鑼 喊 起 處  
 大 家 齊 決 上 流 堤

Mù núi ban mai phủ kín khe,  
 Súng đen nón đỏ núp bờ kia.  
 Đồng-la một tiếng cùng reo dậy,  
 Giòng suối nguồn trên thác vỡ đê.

Tùng-nham có câu đối khóc Hải-côn, và câu đối khóc Tiều-la, cũng giọng khẳng khái nồng nàn như thế.

LI

Thơ vinh-quyết của Tiều-la tiên-sanh :

Tiều-la, Nguyễn-triết-Phu tiên-sanh, người đảng Cần-vương mà cũng là nhân-vật rất trọng yếu trong khoảng tân-thời, như trước đã nói.

Tiều-la ra đảo, sau mấy tháng mà được tin phu-nhân mất, năm sau lại tiếp tin người con gái mất. Kể đó lại được tin chính phủ Nhật trục xuất phái đông học, đa số thiếu niên ta ở Phù-tang bị giải tán. Kế-hoạch kinh dinh sắp đặt trên 10 năm, một mai tan tác, cái khí phần uất không tự ngăn được. Chứng bệnh « phế uất » củ, 肺鬱 lại phát sanh, có lúc thổ huyết cả bát. Sau vào nhà thương điều trị không khỏi, tiên-sanh có gởi bức thơ quyết biệt đồng bối, trong có câu :

« Thời cuộc xoay vần, cơ hội tốt sẽ đến, giòng mây đông Á, sau này còn nhiều cuộc biến đổi, anh em gắng lên ! Sau lại có phụ bài thi :

一 事 無 成 髮 已 班  
 此 生 何 面 見 江 山  
 補 天 無 力 談 天 易  
 濟 世 非 才 避 世 難  
 時 局 不 驚 雲 變 幻  
 人 情 只 恐 水 波 瀾  
 無 窮 天 地 開 雙 眼  
 再 十 年 來 試 一 觀

Một việc chưa thành tóc nhuộm màu,  
 Non sông gảnh lại thẹn mày râu.  
 Vả trời thiếu sức bàn nghe dễ,  
 Cứu thế không tài tránh ở đâu ?  
 Cuộc biến ngại gì mây đổi sắc,  
 Tình người e nỗi sóng thêm sâu.  
 Mỡ toang hai mắt xem trời đất,  
 Sau nữa mười năm vẫn thế ru ?

LII

Khóc Tiều-la tiên-sanh :

Tiều-la là một tay kiêu-sở trong đám tiên-thời nhân-vật, lại có cái lịch-sử Cần-vương, Tiều-la mất, đồng-nhân tỏ lòng thương tiếc, điều liễn rất nhiều, không kém tang Tú-Dương, tiếc lức ấy ở đảo đã cấm chữ Hán, không gởi được về trong đất, chép mấy câu có vẻ xuất sắc :

...廿餘年慘淡經營，造物何心，  
忍使英雄長已矣。

一二輩窮荒流落，江山回首，  
對於死者謂何如。

*Hai mươi năm sấp dặt lo toan, tạo vật lòng nào,  
nỡ khiến anh hùng chùng có nấy!*

*Một hai bạn đày đoạ lưu lạc, non sông ghềnh  
lại, đối cùng kẻ chết nghĩ làm sao?*

PHONG-NIÊN

一生憂愛，君豈樂爲其易者  
哉，况當此五大洲聖哲馳騫之  
秋，如此謂何，英雄歲月，其言  
也，彼其於數百年民族鬱積磅  
礴之久，乃今而後，東亞風雲。

*Ái tru tắc dạ, người há đánh làm việc dễ ấy ru?  
Huống đương lúc khắp năm châu thánh triết ruid  
dong, ngày tháng anh hùng đâu chịu thế?*

*Di chúc mấy lời, ta rất cảm về câu nói ấy! کیا  
thử xem mấy trăm năm khi dân đồn chứa (1), gió  
mây Đông-Á mới từ đây.*

THAI-SON

時事猶可爲，愛少年尤愛老  
成，廿載周旋新舊際。

英雄何處去，尸祝君且尸祝  
祖國，同胞鄭重死生間。

(1) Câu này chỉ cuộc cách mệnh nước Tàu, di thơ của  
Tiêu-la tiên-sanh,

*Việc đời có chỗ làm, yêu thiếu niên càng yêu lão  
thành, mới cử đều cần tay lịch duyệt.*

*Anh hùng đi đâu cả? chúc nhà người và chúc cả  
nước tổ, mắt còn thêm chạnh nghĩa anh em.*

VĂN-THỨC

人於舊界新潮際  
境在家情國事間

*Đời cựu buổi tân người lịch duyệt,  
Tình nhà nạn nước cảnh eo le.*

HỒ-TIẾU

廿餘年碩果獨存，爲軍旅家，  
爲經濟家，爲秘運家，經百  
折以不回，舊界新時，位置歸  
一席。

二三友平生莫逆，某也東奔，  
某也西走，某也窮荒流落，有歸  
國之一日，左提右挈，前程愁煞  
斯人。

*Hai mươi năm giống trái vẫn còn, nào kinh-  
tế, nào quân-lữ, nào bí-mật vận-dộng-gia, trăm lần  
uốn chả cong, đời cựu buổi tân, vị-trí nghiêm nhiên  
dành một chiếu.*

*Đôi ba bạn ruột rà thân thiết, kẻ sang đông,  
người sang tây, kẻ lại cùng hoang đày đoạ, một  
ngày kia về nước, đở sau vùa trước, tiền-trình  
buồn nổi thiếu hai tay.*

MINH-VIÊN

此 乾 坤 何 等 時 耶 人 則 舞 臺  
 一 躍 我 則 地 獄 千 重 前 途 寥 廓  
 渺 茫 志 士 熱 腸 難 一 死  
 君 春 秋 纒 四 紀 耳 始 而 乙 酉  
 勤 王 繼 而 甲 辰 新 黨 廿 載 經 營  
 慘 淡 英 雄 心 血 足 千 秋

*Trời đất này là buổi nào? người thì vũ đài một vọt, ta thì địa ngục mấy trùng, ngắm đường sau quanh quẻ mệnh mông, chi sử lòng nào đành một chết.*

*Xuân thu người chưa già mấy, trước đã Ất Dậu Cần-vương, sau lại Giáp-thìn tân-dảng, trải kiếp sống kinh dinh sắp đặt, anh hùng gương đủ đề ngàn thu.*

MY-SANH

君 侯 勤 王 憂 國 慷 慨 如 是 廿  
 年 壯 哉 書 劍 飄 蓬 密 友 已 將 心  
 事 托  
 吾 輩 任 重 投 艱 且 夕 可 當 終  
 古 邈 矣 死 生 寥 廓 前 途 不 爲 死  
 生 忙

*Quân-hầu Cần-vương lo nước, khảng khái trải mấy mươi năm, hăm hở thay gươm sách lạc lải, tâm sự trọn giao người bạn thiết.*

*Chúng ta gánh nặng đường xa, chiều sớm kéo dài trọn kiếp, bát ngát nổi biển trời xa cách, tử sanh thẳng nhắm bước đường sau.*

TÙNG-NHAM

君 侯 其 橫 山 南 之 豪 與 前 勤  
 王 事 後 應 義 潮 廿 載 經 營 磊 磊  
 剛 腸 留 片 墨 鴻 貉 祖 者 死 耳 橫  
 有 吾 輩 爲 報 千 古 當 年 心 事 曉  
 曉 興 論 付 開 雲

*Quân-hầu rõ là bậc hào phía nam núi Hoành-sơn chàng? Cần-vương lớp trước, tân-dảng lớp sau, nũa kiếp kinh-dinh, khảng khái tấm thành ghi nét mực.*

*Chúng ta chết vì lỗi Hồng-Lạc đấy; tám cõi bề ngang, ngàn xưa bề dọc, một bầu tâm sự, xôn xao miệng thế phó chòm mây.*

HY-CAO

LIII

Học chữ Tây và làm việc nhà giấy :

Tôi ra đảo, có mang theo một quyển Pháp-việt từ-diễn Trương-vĩnh-Ký, một quyển Lecture langage, và một quyển meo (Grammaire). Khi ra đến thi đồ mặc đều đổi đồ tù, bao nhiêu đồ đem theo đều gói vào kho, những sách ấy cũng không được mang vào trong khám, không rõ lưu lạc đi đâu.

Sau đó cụ Tây-Hồ ở ngoài, biết là sách của bọn chúng tôi, mới chuộc lại gói vào. Thế là sách ấy lại gặp chủ nó. Tôi cùng cụ Tập-Xuyên và vài ba người nữa, mỗi ngày giờ làm việc xong, vào

khám thi học chữ Tây. Kể đó, bọn tù « Politique » được ở riêng một khám, không có bọn tù khác khuấy nhiễu, mỗi bữa nghỉ trưa, vào khám là kể học người viết. Sau lại mua thêm được ít sách Lecture và sách meo, cùng một bản « L'Histoire Nationale Française » cùng nhau nghiên-cứu, có hiểu biết Pháp-văn nhiều ít. Tuy chúng tôi học bằng con mắt với cái não, nên nghe và nói tiếng Tây hay sai vụn và không được lanh lẹ ; song đọc sách hiểu nghĩa, đặt câu và phiên-dịch, biết được đại-khái. Vừa lúc ấy phòng giấy Gardien-Chef thiếu người làm việc, tôi được bỏ vào churn thông dịch đó. Trong tù cho là một sự hạnh-ngộ.

Nguyên ngoài đảo lúc ấy duy phòng giấy Tham-biện (Directeur) có một người thông-phán civil, còn phòng Ký-lục, phòng Gardien-Chef, công việc biên chép sổ sách thông dịch đều dùng bọn tù biết chữ Tây làm cả. Vì dùng thế không tốn (một người thông-ký civil, lương tháng ít nữa là 50, 60 đồng, phải dùng trong đất đem ra, còn dùng bọn tù mỗi tháng 2, 3 đồng thôi).

Công việc trong tù, được làm thơ-ký là vinh-hạnh nhất, không khác gì quan trường trong đất, đã khỏi cái nạn làm xấu việc nặng, Mala, Gardien đối đãi cũng tử tế, đến đồ ăn đồ mặc và công tiền đều chiếm hạng nhất trong tù.

Lúc chúng tôi học chữ Tây, mỗi buổi trưa đọc sách viết dictée, hai phòng bên cạnh cho là làm

mất giấc ngủ trưa của chúng, khởi lên chưởi mắng :

« Tụi quan to, ở nhà cha mẹ cho đi học, không học, nay ra tù, học cái gì phá giấc ngủ người ta ! »

Đến khi thấy tôi ra làm việc nhà giấy, chúng lại càng lấy làm lạ, bảo nhau :

« Té ra học trong tù mà cũng làm việc nhà giấy được kia ! »

Từ đó, chúng không mắng chưởi, lại có đưa sấm giấy viết dạng học, rõ là một chuyện thú buồn cười.

#### LIV

Công việc tôi ở phòng giấy :

Tôi ra phòng giấy, phòng ấy ở trước bague, cách trong khám có một thành tường, có cửa sổ song sắt, trông thấy anh em ở trong ngồi đan chiếu nơi hai giấy thêm hiền mà không thông được một câu nói. Trưa tối thì ngủ riêng một khám với bồi bếp, không được vào chung với anh em, có cái cảnh « cách nhau gang tấc xấp mười quan sơn », duy lúc nào anh em có người khai bệnh (malade) đi xin thuốc nhà thương, nhà giấy biên tên kêu số, được tiếp chuyện nhau thôi. Vì thế nên cái thú vui « văn-tự bằng-hữu » không bằng lúc còn ở chung một phòng.

Tuy vậy, công việc trong phòng giấy, đối với tôi lại là một trường học mới : Lúc mới vào không

hiều gì cả. Nhưng dần dần rồi tìm ra mỗi manh, thấy rõ người Tây về mặt sổ sách, biên chép, sổ mục thứ lớp, cái gì ra vào cùng ghi ngày tính tháng, có môn loại rành rẽ, nhân đó được môn học thực-nghiệm về mặt làm việc tập sự mà có thú, trong đôi ba tháng, đã thành tay thạo. Phần việc của tôi cho đến sổ sách, đều ghi chép hằng ngày, không có đều gì sai lầm, Chef Gardien (M. Champion) trước còn nghi ngờ, sau lại thấy « bọn quan to » không có cái lối gian dối như tù thường kia, nên đổi cách dễ chịu.

Lúc ấy tôi làm sổ lương tháng tù, sổ phạt, sổ malade cùng sổ tù đi các sở thay đổi v. v.. Những công việc ấy, mấy người làm trước thường dùng ý xoay xở này nọ, sau bị phát lộ, phải bị đuổi, bị phạt. Tôi làm 3 năm không hề sai một đồng xu.

Tôi ra nhà giấy, thi-hứng nguội lạnh, nhân một bữa Nguyễn-quân Phong-niên đi nhà thương, trưa cùng nằm chung trong khám bồi, cùng nhau nói chuyện. Nguyễn-quân thuật ở tiệm khách có tờ Hoa-báo nói người Tàu họ Đàm ở Mỹ thi máy bay được thưởng, tôi nhân được một bài thi trình Phong-niên :

來	從	何	自	去	何	之
四	顧	蒼	茫	獨	坐	遲
伏	櫪	不	堪	垂	驥	耳
入	門	猶	足	妬	蛾	眉

天	然	學	校	添	新	課
故	國	河	山	惱	夢	思
昨	日	與	君	談	近	報
夢	隨	華	艇	駕	空	飛

*Lại từ đâu mà biết đi đâu!  
 Ngồi ngắm chung quanh một chắc lâu.  
 Gót ký cột chuông đành chịu vậy,  
 Mày ngái vào cửa thấy ghen nhau.  
 Thiên nhiên học hiệu thêm bài mới,  
 Nước củ non sông chệnh mối sầu.  
 Tin báo cùng người trò chuyện đó,  
 Chiêm bao theo máy lếch bay mù.*

LV

Sau khi tôi ra nhà giấy :

Anh em ngoài đảo, học thức tánh cách, đều là hạng người đồng thời ít có, mà riêng về thi văn, tôi cùng cụ Đặng-Thai-Son có đồng bệnh nghiên ấy. Nên mỗi khi có kỳ ức, cảm xúc và ngâm vịnh, hai tôi cùng nhau bàn bạc thưởng giám với nhau, mấy năm như một ngày ; thứ nữa thì cụ Ngô-Tập-Xuyên.

Từ tôi ra làm việc nhà giấy, sổ sách ghi chép, đều là môn học thực-tế, từ đó thi hứng lạt nguội, không có hứng thú nồng nàn như lúc ở chung với anh em. Cụ Thai-Son ở trong khám cũng không có thi hứng, ít ngâm vịnh như ngày trước. Vì thế từ năm 1912 về sau, cờ trống thi đàn không



thanh như mấy năm mới ra đảo. Tuy vậy, một đôi khi có cảm xúc, tôi tuy ở ngoài cũng gián tiếp cùng anh em xướng họa, vì cái tánh thi cuồng, hề có chạm nhằm chỗ ngứa thì không tự chữa được.

LVI

Nghiêu - Giang Đặng - quân (văn - Bá, con cụ Thám-hoa Đặng-văn-Kiều), học rất uẩn - ta, lại phụ - khí, không phục ai cả. Nhưng có tánh mê-tín di-truyền và cố-chấp thành-kiến (như số, bói v. v.). Mỗi khi nghe anh em nói chuyện khoa-học, triết-học, cùng học-thuyết Âu-Tây, Đặng-quân không muốn nghe, mà xem ý không lấy làm phải. Đến bàn Dịch-lý, nói số học, mà có ai kích-bác thì Đặng-quân khăng khăng kiên chấp, cho mình là phải, đảo đẽ không chịu khuất, rõ là một nhà « chân-thủ-cựu » vậy.

Một ngày nọ, Đặng-quân cùng Thai-sơn tiên-sanh tranh-luận thuyết quân-quyền dân-quyền, nổi trận xung-đột, hai bên đều bất-khuất, Thai-sơn có làm 3 bài thi ngụ ý châm phúng, trong có những câu (không nhớ toàn thiên):

自	是	犧	牲	綠	種	族
非	關	竹	帛	爲	吾	私
須	知	敵	我	公	爲	敵
豈	有	存	君	國	乃	存
皇	統	敢	書	民	賊	後
奇	癡	猶	蒙	帝	權	尊

Chết sống đã đành vì chủng tộc,  
Công danh nào phải bởi người riêng.  
Cho hay kẻ địch công là địch,  
Hà phải còn vua nước mới còn.  
Hoàng thống dám xưng « dân tộc hậu »,  
Người si còn tưởng để quyền cao.

一	自	漢	儒	談	術	數
謬	種	紛	紛	傳	至	今
蠻	觸	相	爭	天	自	若
狐	魚	底	事	日	相	尋
既	於	寰	海	明	開	眼
須	爲	人	羣	下	一	針

Từ bọn Hán-nho bày thuật số,  
Giống độc luôn luôn truyền đến nay.  
Man xúc tranh nhau trời cứ lặng,  
Hồ ngư diễn mãi chuyện hằng ngày.  
Hai mắt đã trông rành cuộc thế,  
Một kim cần phải tỉnh lòng người,

Mấy bài đó chính là châm chổ mê tin của Nghiêu-giang.

Tôi có bài họa lại:

1) 奇局大開空故事  
 盲人到底狂前非  
 豈知今日環球上  
 何地能容一姓私  
 奴史不焚殃未己  
 民權一振國難微

憑君勉造人羣福  
自有黃金鑄范蠡

Cuộc lạ mở toang đời chữa có,  
Người mù dáo dề đại không chữa.

Địa-cầu đã diễn theo tuồng mới,  
Một họ đầu còn vạt đất lưa.

Mối họa, sử nó cần phải đốt,

Dân khôn, quyền nước sẽ không vừa.

Hãy chăm tạo-phúc nhân quần đấy,

Tượng Phạm-Ly nào kém kẻ xưa. (1)

2) 悠 悠 舊 學 水 東 奔  
咄 咄 新 潮 五 海 翻  
共 道 無 冠 皇 帝 貴  
不 聞 守 舊 國 民 存  
盧 梭 一 論 傾 天 下  
華 頓 孤 城 特 地 尊  
君 看 東 西 爭 競 史  
爲 誰 滿 地 血 流 痕

Ngàn năm học củ nước trời môn,

Sóng mới năm châu khéo cuốn tròn.

Đều nói không ngôi vua mới qui,

Chả nghe thủ cựu nước nào còn.

Lư-xoa luận nợ, xoay trời đổ, (2)

Thịnh-đốn thành kia khắp đất tôn. (3)

(1) Phạm-Ly giúp vua nước Việt đánh Ngô làm nên nghiệp-bá, vua Câu-Tiền đúc tượng vàng để ghi nhớ.

(2) Lư-Xoa có bài luận Dân-trợc (contrat social), gây ra ảnh-hưởng dân-quyền.

(3) Hoa-thịnh-đốn dựng nước cộng-hòa Mỹ-châu.

Kìa sử Đông-Tây tranh-cạnh đấy,  
Vì ai giọt máu cứ trôi dồn ?

LVII

Ân-xá và Ân-giảm :

Người không phải cây đá, ai lại không tình,  
thương nước nhớ nhà, người xưa cũng đồng mỗi  
cảm ấy. Chúng tôi, từ sau cụ Tây-Hồ được về,  
không ngày nào không mong tin được tha về.  
Những đợi trông năm này sang năm kia, không  
được tin gì. Các bạn và người nhà gửi thơ lại,  
thường hỏi thăm tin ấy. Trong đất có khi nào thấy  
người can án khoản ấy được tha, lại viết thơ hỏi,  
trong có câu : « Không biết ơn này có chảy đến  
ngoài qui đảo không ? » (不知這洪恩流到  
貴島否). Ai đọc đến cũng cười rồ, rõ là câu  
có thú.

Đến năm 1913, mới được giấy ân-xá ở Kinh lại,  
những án 9 năm như Nguyễn-quân Hồ-Tiểu, Phạm-  
quân Cao-Châm, Trương-quân Bá-Huy, Trần-quân  
Bạch-Sĩ, đồ Tịnh, Hương-Đôn đều được tha về.  
Tôi cùng Tập-xuyên, Thai-sơn, My-sanh, Nghĩa-  
Bình, được giảm xuống 13 năm. Tập-xuyên đưa  
các bạn Hồ-Tiểu có câu :

鳥從絕島穿籠出  
春與羈人渡海還

Chim từ có đảo xoi lồng tách,  
Xuân với người quen vượt biển về.

LVIII

Nguyễn-quân Chỉ-tín, người Hanoi, làng Đông-ngạc, một nhà Tây-học, làm thông-phán ở Thanh-hóa, can vụ Hạc-thành thơ-xã, cùng thân-sanh là cụ Huyện Nguyễn-dự-Hàm và thân-sĩ tỉnh Thanh đây, ra Côn-lôn. Ông ta bị án 5 năm, vì thông Tây-văn, ra đảo liền được làm việc nhà giấy phòng Gardien-Chef. Tôi ra làm việc nhà giấy là lúc ông ta được tha về mà cử tôi vào thay.

Sau tha về, ông ta lại bị tình-nghi lần thứ hai nữa, về vụ bom ở Hà-thành lại đây ra Côn-lôn, cũng án 5 năm, sau lại tha về. Cụ Huyện sau cũng mãn hạn được tha về. Cụ Huyện học Hán-học khá, sinh làm thi, có một bài thi « thời-sự cảm-tác » cụ làm, sách anh em họa, thi quốc-văn mà toàn ắp vận chữ Hán « duyên, thuyên, thuyên, niên, quyen » (không nhớ nguyên-văn), đồng-nhân họa khá đông, duy có bài thi ông Cử Nguyễn-đình-Quản là hơn cả. Ký-giả quên hai câu đầu :

Cảnh tù ra vậy nhân như chết,  
Bệnh nước khi nào chữa đặng thuyên.  
Xót kẻ hờ hào thân hải ngoại,  
Trêu người khai hóa cuộc dương-niên.  
Phần mình phần nước càng ngao ngán,  
Giọt lệ đêm thu máu đỏ quyen.

Bài này vận « niên » ngó dễ mà rất khó, phần đông đều là « năm » mà đọc làm « niện », trừ vận

« đương niên 當年 » bài kể trên, Siêu-tùng có câu :

« Bức tranh hoàn-hải còn đâu nước ?  
Lớp tuổi sơn-hà biết mấy niên ».

Cùng cậu ấm Nguyễn-đình-Mộng có câu :

« Vận nước sương mai người mấy đảng,  
Nhân tài hoa sòm án lâu niên ».

3 vận « niên » ấy nghe ổn mà câu của cậu ấm Mộng, tả được hiện tình trong nước, đáng làm câu đoán-án cho đoạn lịch-sử thất-bại của tân-đảng đến ngày nay còn vẫn thế !

LIX

Thanh-hóa, hai anh em ông cử Nguyễn-Soạn (Văn-Thúc) và Nguyễn-Xứng (Yên-sơn), đều đây ra Côn-lôn. Văn-Thúc 5 năm mãn án về trước, ông ta tánh cang-giới, có tri-thủ, không hay nói cười. Lúc ở đảo thích nghe lý-thuyết mới và chuyện du-học nước ngoài. Ngày được về, tôi có bài tiễn biệt :

同 是 南 冠 去 國 人  
八 重 地 獄 出 來 身  
國 民 前 路 觀 摩 久  
海 外 新 交 蒙 寐 頻  
失 敗 原 來 成 事 母  
少 年 多 是 自 由 神  
年 來 鎖 室 談 心 處  
下 手 看 君 及 此 辰

Vì nước mang tù ta với la,  
 Mấy tầng địa ngục bước chân ra.  
 Quốc dân gánh nặng trông đường tới,  
 Ban mới thần giao cách bễ xa.  
 Thất bại mẹ sanh thành sự đấy,  
 Tự-do thần ở thiếu-niên mà.  
 Mấy năm khám kín bàn nhau mãi,  
 Về đây xem người thử gọi là.

Ông ta sau về làm thầy tu, hiện Tăng-cang chùa Thanh-hóa.

LX

Tôi, lúc 30 tuổi tóc đã bạc hết phần nửa mà răng còn chưa rụng, nên bài thi gặp cụ Tây-Hồ có câu :

« Ngã phát thương thường quân xỷ lạc, trương phùng nhất tiểu lưỡng vô ngôn » (đã chép trước). Không dè ra ngoài đảo vài năm mà răng bắt đầu lung lay đôi ba cái. Cái răng rụng lần thứ nhứt, tôi rất lấy làm tiếc, có bài thi kỷ-niệm :

生	來	傲	骨	本	嶮	峻
漱	石	名	山	氣	又	增
窮	鳥	如	今	研	黑	飯
御	筵	一	昨	嚼	紅	綾
辛	甘	世	味	管	應	遍
齷	醒	庸	流	掛	未	曾
對	鏡	相	看	還	一	笑
精	純	養	到	歛	丰	樓

Cốt gạo sanh ra vốn chất chông,  
 Non cao ngậm đá khi càng ngông.  
 Đão tù nay vẫn nghiên cơm hút,  
 Tiệc Ngự xưa từng nếm bánh hồng.  
 Dời đã trải thừa mùi dăng ngọt,  
 Nờu không động đến bọn phạm dung.  
 Trông gương, mình lại cười mình chắc :  
 Ngoài đến tinh thuần, cứng ở trong.

LXI

Dương-Trường-Đình, Nguyễn-Tiêu-La, hai bạn bắt đầu làm hùng-quỉ ngoài đảo, thì vài ba năm sau, Nguyễn-tùng-Nham, Nhu - Xuyên, Yên-sơn, lần lược nối chun nhau lên xe bò mà vĩnh-biệt với bạn đồng tội. Lúc sau này, tôi ra làm việc ở phòng giấy Gardien-Chef, không cùng ở chung với anh em trong khám. Bao nhiêu liễn diếu của các bạn chết sau, không được đọc toàn số, chỉ nhớ vài câu xuất sắc :

Khóc Tùng-Nham (Tú-Ngôn) :

1) 玄	黃	未	定,	當	此	世	需	才,	有	奮
而	蹶	者	與;	有	既	蹶	而	復	奮	者
誰	與,	坐	我	於	窮	海	荒	山,	口	萬
魂	同	救	國,							
	淘	汰	無	情,	祗	疑	天	亦	醉;	彼
死	胡	爲	而	生	也,	彼	又	宜	生	胡
而	死	也;	憐	君	以	空	拳	白	面,	奔
十	載	不	知	家,						馳

Đen vàng chưa định, đời dương hiểm tài dùng ;  
đã giầy mà ngã ấy ai u ? đã ngã mà lại giầy ấy ai  
u ? đặt ta giữa góc biển chun trời, cầu khẩn  
muôn hồn đồng cứu nước.

Lừa lọc vô tình, trời xem ra say quýt ! nọ nên  
chết sao sống nhân kia vậy ? nọ đáng sống sao lại  
chết tươi như vậy ? xót người chỉ tay không mặt  
trắng, ruid dung một kiếp hẳn quên nhà.

THAI-SƠN

2) 少年投筆，我越南有此男兒，  
未合捐軀，崑島荒津千里外。  
新刃離淵，吾河朔久知名姓，  
却纔拍手，蕃昌戰史六年前。

Tuổi xanh ném bút, trai Việt-nam có bậc hào-  
hùng, há nỡ bỏ mình, Côn-đảo gò hoang ngàn dặm  
ngoại.

Gươm sắc ra lò, bạn Hà-bắc sẵn nghe tên họ,  
mới vừa vồ vể, Phồn-xương trận thắng sáu năm  
nay.

HOÀNG-HOA CỤU-NHÂN

3) 膺下非所謂得所，犢車亦何  
必非全歸，况平生江湖奔走，劍  
俠逢迎，黑鐵尙存，武士有魂應  
不死。  
已往者不可復追，後來者又  
未及繼起，不當此日種族存亡，競  
爭劇烈，青天可補，英雄屈指苦  
無多。



Tập-Xuyên NGÔ-DỨC-KẾ

Dưới cửa sổ không phải là « chết sang », (1)  
trên xe bò không phải là « chết hèn » ; (2) hướng  
binh sanh giàng-hồ đông ruồi, kiếm-hiệp đón đưa,  
sắt vẫn còn đây, vũ sĩ có hồn ung chửa chết.

Người đã qua không thể kéo về, kẻ sau lại vẫn  
chưa kịp nổi giậy ; đương giữa khoảng nòi giống  
mất còn, cạnh tranh kịch-liệt, trời kia và được,  
anh hùng, co ngón đếm không ai.

MINH-VIÊN

Khóc Nhu-Xuyên tiên-sanh.

(Người Thanh-hóa, có nhiệt thành, sĩ phu ở  
Thanh xem như bậc thầy) :

窮荒中多一雄鬼，社會中即  
少一良導師，祖國前途，今後現  
身誰葛瑪。  
舊時人無此熱誠，新時人又  
無此舊道德；荊州物論，幾回中  
夜憶元龍。

Ngoài cồn hoang thêm một hùng quỷ, trong xã-  
hội thiếu một đạo sư hay, tổ quốc tiền đồ, trước  
mắt ấy ai tay Cát-Mã ? (3)

Người lớp cựu thiếu nhiệt-thành kia, người  
lớp mới lại thiếu đạo-đức ấy ; Kinh-châu nhân-vật,  
đêm dài mấy lúc nhớ Nguyễn-Long. (4)

MINH-VIÊN

(1) Được chỗ đáng cái chết 死得其所.

(2) 全歸 là chết được trọn vẹn.

(3) Cát-tô-sĩ là danh-nhân nước Hung — Mã-bí-nê là chí-  
sĩ nước Ý-dại-lợi.

(4) Nguyễn-Long là hào-sĩ ở Kinh-châu đời Tam-quốc.

Khóc Nguyễn-Yên-Son tiên-sanh :

(Người Thanh-hóa, Cử-nhân, anh ông Cử Soạn.  
Ông Soạn được về chưa đầy năm thì tiên-sanh  
chết ngoài đảo).

需州之死曾幾時，荒土邱邊，  
又此一抔埋玉樹。

文叔之歸未週歲，高崗望處，  
可堪九日掃茱萸。

*Nhu-Xuyen chết cách có bao lâu, một năm còn  
hoang, vùi đất lại thêm cây ngọc thọ !*

*Văn-Thúc về năm còn chưa giáp, trùng-duong  
chót núi, lên cao nở đất nhình thù du. (1)*

LXII

ĐIỂM TÙ

Tánh cách người Âu-tây, phạm làm việc gì, bất  
luận việc lớn nhỏ, đều có qui tắc nghiêm-mật, lại  
lâu bền, không có cái lối lầy lắt cầu thả, trước  
siêng sau nhác như người phương Đông, như là  
người Nam ta. Cho đến ở ngoài cùng-hoang giữa  
biển là hòn đảo đầy tội như đảo Côn-lôn, mà cách  
phân phát công việc cùng qui chế canh phòng kiểm  
soát, cái gì cái gì cũng làm rất châu đáo, trải mười  
năm như một ngày. Thật cũng ít có thật !

(1) Thi Vương-Duy ngày trùng-cưu : 遙知兄弟登  
高處，遍掃茱萸少一人。

Chỉ nói một việc điểm số tù hằng ngày cho độc  
giả nghe :

Sớm mai 5 giờ rưỡi, tù trong 2 giấy khám ra sân,  
cử 2 người sắp hàng đứng sở nào theo sở nấy. Lớp  
có sở nhứt định (như sở rầy 30 người, sở ruộng 62  
người, sở đốn củi 100 người, sở tải (propreté) 19  
người v. v.), đứng riêng từng sở. Còn chỉ-tồn bao  
nhiều đứng chung một chỗ (corvée diverse).  
Gardien-Chef đã cắt việc cho Gardien và Mata từ  
chiều hôm qua, người nào coi sở nào đã định sẵn,  
sáng ngày vào dẫn tội đi làm. Khi cắt việc đó,  
Gardien-Chef đếm số tù, có một người Mata làm  
việc giấy cầm quyền sở tay theo cũng đếm tù rồi  
ghi số vào sổ — tức ghi cho ông Chef — người  
Gardien gác khám chính ngày ấy, cũng có quyền sở  
tay, cũng đếm rồi biên vào sổ mình (tổng số tù trong  
khám về ngày ấy bao nhiêu, người Gardien chính  
này có trách nhiệm như ra vào thừa thiếu, thì y có  
lỗi, nên phát tù đi làm sở nào, số bao nhiêu, Chef  
và Gardien chính đều có ghi cả).

Còn các Gardien và Cai, Đội cùng Mata dẫn đi  
từng sở riêng thì phần sở nào, lãnh tù bao nhiêu,  
ai có sở riêng nấy, không chỉ ghi số bao nhiêu,  
lại ghi cả sở đình bài từng người tù đi bữa ấy  
(như tên X n° 7457, tên A n° 8520 v. v. cái đình bài  
đó mỗi người tù đều đeo trên ngực thay cho cái  
tên, cũng như đeo thẻ ngà vậy), phòng có dứa nào  
trốn, kiểm số đình bài thiếu số nào thì biết ngay.

Lần điếm tù phân phát đi làm các sở khi buổi sáng nói trên, trải qua mấy người đếm và ghi sổ mà chỉ sắp hàng có một lượt, tiện biết bao nhiêu !

Đếm và ghi xong, Gardien Mata lãnh tù dẫn ra ngoài khám (Bagne) như sở 100 tù, thì 2 Gardien, 4 Mata ; 30 tù thì 1 Gardien 1 Mata — Ra ngoài « banh » rồi lại bắt sắp hàng kêu đình bài từng người ghi lại một lần nữa, mới dẫn đi đến sở... làm, (như sở rầy thì mấy người tưới nước, mấy người làm cỏ, mấy người trồng rau v. v.), đến 9 giờ hay 10 giờ bãi, lại bắt sắp hàng — hai người một — điếm như buổi mai, điếm đủ số, sắp hàng hai dẫn về (sắp hàng 2 người là lẽ nhưt định, gọi là « l'appel » duy có một đôi người mới học phòng ở tù mới lớ quá bị đôn, còn tù ở đó thì thạo thuộc cả).

Về đến cửa « banh » lại đứng sắp hàng đếm một lần, đoạn, vào trong sân « banh », giao cho Gardien chính, Gardien chính lại đếm một lần nữa, rồi vào hàng ba ăn cơm. Ăn xong, ai ở khám nào thì vào khám nấy, (khám tức là phòng có số như khám 1, khám 2 v. v., mỗi khám chia có trên 100 người) vào khám, lại sắp hàng đôi, mỗi khám lại có người Caplan (coi trong khám) đếm một lần, Gardien chính đếm một lần nữa, lần này là lần cuối cùng. Ngủ !

Kể sự điếm tù, từ sáng mai đến trưa, chỉ trong nửa ngày mà tù ở khám ra đi làm xâu rồi về ăn, vào khám nghỉ, trong 5 giờ đồng hồ cộng có 7 lần

điếm ; đến nửa ngày buổi chiều từ 2 giờ đến 5 giờ cũng thế. Cộng trong 1 ngày có 14 lần điếm, nhiều khi đếm lộn thiếu hay thừa, thì Gardien mở từng khám đếm đi đếm lại, có khi mất ba bốn giờ đồng hồ, bỏ ăn trưa cố tìm cho ra mới được nghỉ.

Chuyện phân phát công việc và điếm tù, trừ ngày chủ nhật, ngày lễ ra, ngày nào cũng thế, năm nọ sang năm kia cũng thế, tập lâu thành thói quen, không thấy có khi nào lầy lắt làm qua chuyện bao giờ. Chỉ một việc đó, thấy người phương đông ta đã kém xa. Vì thói quen phương đông không có cái tánh cách làm việc nghiêm-mật vài tri-cửu như thế.

Tôi có bài tuyệt :

*Số bài đeo ngực thể cho lên,  
Ngày mấy lần kêu đứng « láp-ben » (l'appel).  
Tháng lại năm qua bài học ấy,  
Ngoài trời công việc thấy đều quên.*

### LXIII

### XÉT

Theo cách nghiêm cấm trong tù, duy đồ ăn đồ mặc được mang vào trong khám, ngoài ra vật gì cũng cấm, nghiêm cấm nhưt là các thứ đồng, sắt, dao, dùi... thứ dùng giết người được ; thứ nữa là đồ chơi, thuốc phiện, rượu và bài bạc v. v... Mỗi buổi ra làm việc xâu, đến giờ về, vào cửa



Bagne, cởi cả quần áo để mình trần xét một lần, ăn rồi đứng trước cửa phòng khám, lại bắt cởi trần xét lục một lần nữa mới vào phòng. Cách lục xét kỹ càng rõ không sót một sợi tơ, ngày nào như ngày nấy.

Tuy vậy « đạo cao một thước, ma lại cao lên một trượng 道高一尺魔一丈 », lục xét càng kỹ bao nhiêu, thì ngọn gian xảo của bọn tay « bảnh » trong tù càng trở ra lắm cách khôn khéo lọt ra ngoài vòng phòng cấm nói trên. Tấn kịch đâm giết nhau trong khám thường xảy ra luôn (khi dùng gạch lót, khi dùng dùi sắt), cùng dầu hỏa, đèn bạch lập, bài cáo, tổ tôm, xóc đĩa... có khi cả bộ đồ hút a-phiện. Lục soát thu lặt không sót một tý gì, ai dấu trong mình hay áo quần thì biên sổ đình bài phạt ngay, mà thường trong khám không mấy đêm không có sòng cờ bạc. mà hễ mở sòng ra thì các vật cấm như bài, dầu, đều trưng ra đủ cả, người không rõ nội dung đều cho là vật trên trời sa xuống, mới kỳ cho chớ?

Người ta nói trong tù có bọn anh chị hay chứa bạc, mà bọn ấy có thể lục lại có tiền, các chú Mata thường kiêng chúng, có chú lại mắc nợ chúng, nên ngoài sự đếm tên, khi lục xét gặp những tay « bảnh » ấy, có chú làm bộ xét mà kỳ thiệt thả lỏng. Thế là sức mạnh và quyền lực kim tiền, dầu ở tù cũng làm cha người được cả! Tôi có bài thi:

*« Tường cao cửa khóa lớp trùng trùng,  
Cấm cách trong ngoài nước chả thông.*

*Vào cửa, chiếc thân trần trụi lủi,  
Xét phòng, trăm cái lục lung tung.  
Lá bài con kiện đều đồ cấm,  
Lon thiết đùm mây (1) thả của công.  
Ai biết sức tiền hơn luật pháp,  
Có tiền sắm được dễ như không.*

LXIV  
TÙ TRỐN

Ngoài đảo canh phòng rất nghiêm mà tấn kịch tù trốn cứ nổi chun nhau xuất hiện luôn, chỉ nhờ quanh hòn đảo bốn mặt đều biển bao bọc không phải có gan liều chết sống, không dám làm cái thượng-kế trong 36 chước ấy.

Phàm tù trốn tất phải dự bị những vật cần dùng, như hộp diêm, đồ đốn cây, cơm khô, cùng đồ đựng nước uống v. v. lúc ra ngoài làm việc, ngày đồn tháng chứa, dấu cất có nơi, hoặc thuê mướn bọn tù nhẹ án được ở mấy sở ngoài lo sắm cho mình... Khó là đồ vật liệu đó, chớ trốn thì khi làm xâu lén chui vào rừng, cái đó rất dễ dàng.

Trốn, lại cần có đôi ba người cùng đi, vì vào rừng rồi lại phải đốn cây, bứt giây để làm bè mới thả xuống biển được, không phải một tay một chun làm nổi.

(1) Trong khám mấy người nghiện trà thường lén đem cái lon thiết và đùm rác mây vào đun nước uống, rồi bị xét lấy cả và bị phạt.

Mỗi năm, mùa gió, tù trốn một số khá nhiều, song hoặc vào rừng không chi ăn lại ra thú, hoặc chưa kịp làm bè bị bắt, hoặc đi 5, 3 người mà có đôi người bị bắt — vì vào rừng không dám ở một chỗ lạc bầy rồi bị bắt — còn ít người không làm nổi bè, có khi bè ra biển không gặp gió cứ thừng lừng gần bờ, bị xà lúc đi tuần tóm cổ... ngoài ra đi được ra biển mà hết đồ ăn đôi chết cùng bị sóng gió đánh chôn trong bụng cá; có may thuận gió mới về trong đất, nhưng cũng có lắm kẻ về trong đất rồi lại bị bắt giải trở ra đảo, sự trốn ở Côn-lôn nguy hiểm là thế đó.

Trước kia, phạm tội trốn, như có ăn cắp của nhà nước như dao, rựa và đồ dùng cùng có cự với Mata này nọ, khi bắt được mới kêu án thêm; còn trốn không mà sau bắt lại được, chỉ bỏ hăm kín (cellule) 1, 2, 3 tháng — mới trốn lần đầu phạt nhẹ, trốn lần thứ 2 thứ 3 phạt nặng — rồi tha, không kêu án thêm, nhưng sau, tội trốn đều kêu án thêm cả.

Một cái dấu đặc-biệt để phân biệt tội đã có án trốn khác với tội thường, là sau khi ra hăm kín rồi thì chỉ cúp nửa đầu tóc để làm dấu hiệu, cái dấu hiệu « cạo nửa đầu tóc » ấy có 2 ý nghĩa: 1/ là để cho tên tội đó nhớ cái dấu phạt xấu hổ đó mà không dám trốn nữa; 2/ là để cho Gardien Mata, khi dẫn tù đi làm xâu ngoài, trông cái đầu « nửa trọc » kia biết là tên tù hay trốn mà để ý chăm nom hơn tù thường khác.

Thứ tù trốn nói trên có cái phạt cạo nửa đầu tóc (1) còn hạng tù chung thân có tánh nguy-hiêm (dangereux) thì xiềng cả hai chun (chaine double). Đó là cái phạt đặc-biệt trong tù mà ai trông thấy cũng biết. Tôi có câu ghi chuyện thú đó:

逃 獄 人 皆 頭 半 剃  
終 身 案 盡 足 雙 環

Tội trốn, đầu đều đen nửa tóc,  
Chung thân, chân thây sắt hai vòng.

Đọc nghe, anh em ai cũng cười rộ, cho là câu đối xác thiệt, vẽ rõ 2 hạng tù ở Côn-lôn.

LXV

THUỐC TRÀ TRONG TÙ

Đã vào cảnh tù, trăm cái tự do không chút gì còn là của mình nữa. Người đời khát thì uống nước trà, đau thì uống thuốc, thuốc và trà không phải là vật khó tìm với người thường; nhưng ở tù, nhứt là tù ở Côn-lôn, thuốc thì ngoài đi nhà thương ra chả biết tìm đâu, mà trà thì cũng là vật khó kiếm, có mua được mà nấu cho ra nước uống cũng là việc gay go. Bọn « quan to » chúng tôi, nhiều ngài nghiện trà, nhưng ở trong khám nhiều khi cũng chừa, dầu có nghiện cũng thề thốt cả tháng được uống trà 5, 7 lần — trừ mấy năm ở dưới triều M. O. Conell được ra ngoài

(1) Trên 1 năm không trốn nữa thì được cúp như tù thường.

buôn bán — thường ngày chúng tôi đan chiếu ngồi nơi giải hiên hàng ba, thuê bọn tù nhà bếp dùng thứ cơm cháy nấu nước uống thay trà. Còn khi nào ho, nghẹt mũi, thì vị mục-sư (cũng đồng tội), hay vạc vỏ và rễ cây bàng trước sân khám, làm thuốc sắc uống mà nghe nhiều người nói có hiệu nghiệm. Tôi có câu thi :

渴煎焦飯當茶飲  
病糞棠根作葯湯

*Khát, đun cơm cháy thay trà uống,  
Đau, sắc da bàng thể thuốc hay.*(1)

LXVI

CHỮ HÁN Ở NGOÀI ĐẢO

Đảo Côn-lôn là hòn đảo ở riêng cõi quanh giữa biển lại làm nơi đày tội, ngoài việc giam tù làm xâu tù ra, không có việc gì ráo, còn ai nói đến chuyện văn-chương, học-vấn, sách vở nữa. Bởi vậy chữ Hán ở ngoài đảo thành ra vật lạ — có tù Tonkin biết đôi chữ, còn tù lục tỉnh có biết chẳng là đọc, viết chữ quốc-ngữ thôi — ngoài tội « quan to » ra, không mấy người biết, chữ Hán ở ngoài đảo, chính là câu người xưa nói : « Bận áo mào vào nước lỏa thân » vậy.

Tuy vậy, cái chữ Hán đó, cũng có hồi lại được người Tây hỏi đến, và người thông-ký dùng nữa, rõ là chuyện không ngờ.

(1) Rễ cây bàng.

Một ngày nọ, tôi đương làm việc ở phòng giấy Gardien-Chef, bỗng có lệnh quan Chánh Tham-biện Directeur, gọi lên phòng ngài, đến thì thấy thầy thông Phạm... ngồi sẵn đó, trên bàn giấy, quan Chánh giấy má la liệt, trong có một quyển sách chữ Hán. Quan Chánh lấy quyển sách chữ Hán ấy đưa thầy thông bảo hỏi tôi trong sách ấy nói gì.

Tôi đỡ xem thì tờ đầu đã rách, trong ấy nói chuyện người đời Đường giạy người học cách viết chữ. Như bày cách cầm bút cùng chọn giấy tốt, mực tốt cùng cảnh tốt v. v. Tôi giảng nghĩa thầy thông nói tiếng Pháp lại cho quan Chánh nghe... Sau đó có thơ chữ Hán của bọn khách buôn ở đó (đảo có hai tiệm khách buôn), trong có chữ gì lạ cũng gọi tôi lên giải nghĩa. Vì quan Chánh nghe người ta nói Tấn-sĩ Annam thông chữ Hán, nên có sự hỏi này.

Nhân sự hỏi chữ Hán trên, tôi được một dịp dạy chữ Hán trong mấy tháng :

Nguyên trong Nam-kỳ tuy bỏ Hán-học đã lâu. Song thông-ngôn ký-lục, mỗi kỳ thi hạch vẫn có một khóa chữ Hán, như thông chữ Hán đậu thêm khóa ấy được bổ cao và sau được bổ làm Phủ Huyện — theo lời thầy thông Phạm... nói thì trong Nam giao thông với khách trú nhiều, chữ Hán cũng cần dùng.

Thầy thông nói trên, nguyên người ở Long-

xuyên, có học chữ Hán với ông Cử Dương-bá-Trạc (từ Côn-lôn tha về ở đấy), đổi ra Côn-lôn ít lúc, gần đến kỳ thi. Thấy tôi giảng nghĩa chữ Hán mà quan Chánh hỏi trên, biết là làm thầy dạy được. Sau một tuần, thầy ta xin phép quan Chánh cho lãnh tôi ra nhà thầy dạy chữ Hán cho thầy mỗi đêm từ 7 giờ đến 9 giờ. Thế là quyển sách chữ Hán và cây bút lông cách biệt tôi đã mấy năm trời, nay mỗi đêm được ôn lại vài giờ đồng hồ. Rõ là cái duyên văn-tự chưa đoạn tuyệt hẳn với mình; nhiều đêm đương có văn-hứng hoặc coi sách dở mà nghe trống trong khám đánh 9 giờ phải bỏ chạy. Tôi có bài thi :

筆架書籤共短檠  
 分明此景是前生  
 無端九點時鐘報  
 又向城垣候拉兵

*Quyển sách ngòi lông trước ngọn đèn,  
 Rõ ràng cảnh ấy kiếp xưa quen.  
 Bỗng nghe chín tiếng đồng hồ dục,  
 Vội lại sân « banh » chực « lạp-ben ».*

(Trong từ 5 giờ chiều vào khám hết, duy có bọn làm bếp cho người Tây, 9 giờ tối mới vào. Tôi vào một lượt với bọn tù ấy).

LXVII

Mấy năm ở chung với anh em trong khám, ngày đêm tán chuyện, quên sự buồn tẻ. Từ tôi ra

làm việc phòng giấy Gardien-Chef, cách xa anh em (chỉ ban ngày một đôi khi vào khám biên tên số tù bệnh, cùng ghi sổ công làm sổ phát lương, mới cùng anh em nói chuyện đôi câu). Kể mỗi đêm 3 giờ ra nhà thầy thông dạy chữ Hán, thối thì chỉ coi quạnh một mình, không có gì là thi hứng cả.

Thầy thông ấy học Chánh-văn, Luận-ngữ, Mạnh-tử, mới viết ngang hàng. Vì học để thi, bảo tôi soạn sẵn những cáo tờ khai, tờ bảm, đơn; như đơn xin khai kinh, xin lập chợ, khai, khám vụ trộm, v. v. để làm cáo thi hạch. Ngoài sự học đó, thầy ta lại xin thiệp tập chữ và xin một vài bài thi và câu đối v. v., nhân đó tôi mách cụ Giải-Huân viết chữ tốt, và ông xứ Lê-Đại thi hay. Thầy ta xin lãnh cụ Giải-Huân ra viết quyển vận lập thành cho thầy.

Ông xứ Lê lúc ấy làm « Infirmier » ở nhà thương, đêm được ở ngoài, mỗi đêm được một giờ lại nhà thầy thông cùng tôi nói chuyện, thềnh thoảng có bài xướng họa nhau; mấy bài thi đó, thầy thông chép thành một xấp độ trên 10 bài, tôi đề là « Anh minh tập 嬰鳴集 », và đề hậu một bài :

脾肉英雉恨未消  
 雕虫小技漫哓哓  
 江山有意容人健  
 魄礪無情借酒澆  
 杜宇啼聲皆血淚

冥鴻前路是雲霄  
 高吟底意成孤往  
 獵獵寒風起暮潮

Thịt vế, (1) anh-hùng giận chửa chan,  
 Chạm sần, (2) nghề mọn dám khoe khoang.  
 Non sóng dung dặng người ăn khỏe,  
 Gờ nổi nhờ chung rượu rưới tan.  
 Giọng quốc kêu trướng pha cả máu,  
 Cánh hồng mây rộng hiểm chi dàng.  
 Cao ngàm một chắc nào ai biết,  
 Ngọn gió chiều hóm tiếng sóng vang.

LXVIII

DẠO BỜ BIỂN MỘT MÌNH

Từ ra ngoài đảo đã 6, 7 năm không khi nào ra cửa thành khám ngục mà được đi một mình, hễ ra cửa một bước là có Mata mang súng đi theo sau. Đến lúc ra làm việc giấy ở phòng Gardien-Chef thì ra vào trong « banh » có hơi thơ, không ai dẫn. Song chỉ được đi lại ra vào ở kho chứa đồ, phòng gác của Gardien và bóp lonton. Trong phạm vi 30, 40 thước thôi, không đi xa hơn nữa, công việc xong, hết giờ lại vào khám ngủ, tỉnh ra đã

(1) 脾肉 Vua Lưu-Bị đời Thục Hán, lúc ở nương Lưu-Biên, một bữa thấy bắt thịt vế mập, tự than thở, vì lâu không cưỡi ngựa nên thịt vế mập. Có ý buồn sự ở đưng.

(2) Chạm sần 雕虫 Câu Dương-Hùng nói, vì vói nghề văn vô dụng.

mấy năm không khi nào được tự đi một mình.

Từ được thầy thông... xin phép lãnh ra mấy giờ giầy học đêm, sau 5 giờ chiều ăn xong, tôi được ra ngoài, lợi được nhíp ấy, mỗi buổi chiều tôi cũi cũi một mình, dạo theo bờ biển trông ngắm chung quanh và bốn phía, trời biển mênh mông, làn sóng lộn với màu da trời, giữa khoảng không thênh thoảng thấy con chim và chiếc én bay liệng tự do. Giữa vùng nước mênh mông, một vài hòn đảo con con dỏ chìm dỏ nổi trên làng sóng. Bồng đầu mảnh trắng vén mây phơi mặt ra, rồi có luồng gió đưa sóng lên cuốn vào bờ, trắng xóa như tuyết... trăm vẻ cảnh vật bày trước mắt tôi, có cái thú khiến mình ứng tiếp không rời. Đoạn, một tư tưởng từ trong não đưa ra, khiến cho trông tận bên kia biển, mà tự ngó lại mình, giận thiếu cặp cánh, không sao bay qua khoảng biển rộng kia được. Nghỉ vợ nghỉ vãn, ngó lại chung quanh mình, muốn bày chút tâm-sự mà không biết ngỏ cùng ai. Trong lúc ngắm xa ngó rộng, trông xuống ngất lên, rõ quên hẳn mình, không biết mình hiện ở cái thế-giới nào, nhân có bài thi « xem sóng » :

孤	島	似	浮	杯
驚	濤	萬	丈	來
隨	風	扶	雪	立
到	岸	捲	沙	回
聖	有	乘	桴	感
雄	思	破	浪	才

獨憐填恨鳥  
脚石向天涯

*Đảo cõi như chén nổi,  
Triều đến bốn bề đời.  
Theo gió tuôn hoa tửa,  
Vô bờ cuốn cát trôi.  
Cởi bè buồn bạc thánh,  
Lướt sóng nhớ người tài.  
Lấp giạn thương chim nọ,  
Ngày đêm ngậm đá hoai.*

LXIX

Đảo Côn-lôn cách dứt trong đất, thơ từ trong tù gởi đi đều do phòng quan Chánh Tham-biện kiểm-duyet trước mới phát. Người nhà gởi thơ cho người trong tù cũng thế, chỉ chuyện thăm viếng bình yên cùng một đôi chuyện nhà, đến việc chánh-trị hoặc quốc-sự cùng tin tức trong hoàn-cầu thì không được nói đến. Bởi vậy nên tin quan hệ trên thế-giới cùng tình hình trong nước, duy có bọn quốc-sự-phạm thềm thoảng dầy ra một ít người thuật lại cho nghe thôi.

Tôi ở phòng giấy Gardien-Chef, thường được qua lại sở diên-báo, thấy những tin « Arip » yết nơi tường. Như chuyện « Trung-quốc cách-mạng » năm (1911) và cuộc Âu-chiến (1914). Thấy được tin thuật lại cho anh em nghe rất lấy làm thích. Lúc nghe tin « Trung-hoa đánh đồ Mãn-thanh » cụ Đặng-Thai-Son có bài thi :

廿年三界一戰史  
世洋陸雲支那  
風雲變幻通使  
黃衢馳聖多  
黑鐵鑄山哲  
獨有南枝河  
翹翹予未家

*Hai mươi năm thế giới,  
Mấy trận nước Hoa-Trung.  
Thủy lục giao thông chóng,  
Giông mây biến đổi tung.  
Đường vàng đưa thánh triết,  
Sắt nguội đúc non sông.  
Thương hại bầy chim Việt,  
Ngành Nam ở trống không.*

LXX

ĐẢO CÔN-LÔN DƯỚI CHÁNH SÁCH  
O. COONELL

Tôi ở ngoài đảo 13 năm, trải 8 đời quan Tham-biện, duy có ông Qui-đờ-nê (Cudené) và ông Ó-cô-nen (O. Coonell) là 2 tay thủ-đoạn chánh-trị lịch-duyet.

Ông Cudené, người rất nghiêm nghị, việc gì cũng làm đúng theo luật, không thiên-vị và nghe lời ai, ít nói, tánh cách trầm-tĩnh nghiêm-trọng, người thuộc dưới, từ Gardien Chef đến Gardien Mata đều kiêng sợ, vì có lỗi thì bị trách phạt không

tha, trong tù cũng thế. Từ sự ăn uống cùng công-dịch, cái gì cũng có qui-chế, nhưt là cấm bọn Gardien Mata không được đánh tù, có lỗi thì phạt. Vì thế nên trong tù có trật tự, không có vẻ lộn xộn như trước.

Đến ông O. Coonell thì hẳn là chủ-trương chánh-sách khai-phóng, khai phóng một cách thật tình, đối với bọn tù xem như người vô tội, xem như người nhà hay tay chun mình vậy. Một cái đặc-sắc, là lúc mới thi-hành chánh-sách khai-phóng ấy, thuộc hạ cho là nguy-hiểm, tỏ ý phản-đối cả, mà ông ta cang-quyết làm tới. Cho đến bọn tù cũng có tiếng « mèò không ghét chuột » !

Sau tựu chức một tháng, xem xét qua loa đại lược, thì thả cả tù ra làm công việc ở ngoài — nguyên trong tù có bọn án cấm cố và chung thân, thaở nay cho là hạng tù nguy-hiểm (dangereux), cứ nhốt trong khám và làm xâu đập đá trong bagnè thòi — nay ông thả toang ra cả. Như án lưu (Relégués) và án quốc-sự-phạm (déportés politique) thì cho ra ngoài tự-do làm ăn, vài tháng đầu còn phát gạo, sau thì làm rẫy hay buôn bán như người « civil » vậy. Còn toán khác như bọn án chung thân, cho làm riêng một sở, vỡ núi làm rẫy trồng trọt, không có tù nào cấm cố ở luôn trong (có tốp ở ngoài luôn, có tốp tối về khám).

□ Lúc ấy ngoài đảo đơng khởi công làm một nhà ngục mới (2e bagnè) có sở Trường-tiền chó

đốc công đem thợ nề trong đất ra làm có trên 60, 70 người. Ông O. Coonell mới lập một cái chợ mới, cho tù ra buôn bán, lại dựng 2 thương-điểm ở đầu chợ cho bọn politiques ra mua hàng về bán cho bọn thợ nề « civil » kia. Bọn tù được ở ngoài, trồng rau nuôi gà vịt, câu cá, mỗi buổi mai hội bán tại chợ. Còn tiệm buôn thì mua hàng Saigon ra bán tranh với hai tiệm khách trú.

Nguyên ở đây trước chỉ có 2 tiệm khách trú, thu lợi độc quyền. Từ có chợ và tiệm buôn của ta, nào Gardien, Mata nhưt là bọn tù lại thích mua đồ hàng của tiệm ta và nơi chợ mới, nghiêm nhiên như một tòa chợ to trong đất.

Ở trong cảnh tù mà mấy tiệm buôn của tui quan to tranh với mấy tiệm khách. Quyền lợi độc hưởng của mấy chủ chệt trải từ lâu nay, nay bị bọn tù chia bớt, mà phong lưu nhưt là bọn quốc sự phạm, nhiều người quên mình ở cảnh tù, rõ là cái trường hiệp không ngờ ! Tôi có bài tuyệt :

妬 殺 崑 崙 國 事 囚  
利 權 占 盡 更 風 流  
旁 人 若 問 當 年 事  
如 此 清 閒 已 自 由

*Tù quan to nọ đáng ghê chưa !*

*Được lợi, phong lưu vẫn chẳng vừa.*

*Ai hỏi trước kia nào những chuyện ?*

*Như vậy cũng đã tự do thừa !*

PHAM-KIM-GIAM  
 SERVICE DE L'AGRICULTURE  
 CANTHO (COCHINCHINE)  
 NGHỀ LÀM ĐỒI MỒI

Đồi mồi là một thứ sản vật quý ở biển Côn-lôn. Trước kia có người tù Bắc-kỳ, người ta gọi là Quân-Bảy, án biệt xứ, được ra ngoài làng An-Hải, làm nghề thủ công đồi mồi ấy, làm được khá tiền, ở tù mà chiếm phần phong lưu. Lúc cụ Tây-hồ ra ở làng ấy cũng tập làm nghề ấy để dinh sanh, làm cái, lược, trâm đủ thứ, nhứt là đồ mà các đầm tây thích. Đến sau quốc sự phạm chúng tôi được ra ngoài — cụ Tây-hồ đã tha về trước — người thì nuôi gà, trồng rau, người thì làm nghề buôn. Duy có ông Hải-châu Lê-bá-Trình học nghề đồi mồi, làm được nhiều tiền. Rồi sau Hy-cao, Cửu Cai và Nguyễn-huy-Tiền cũng làm nghề ấy.

Tôi cùng My-sanh, Tập-xuyên, Thai-sơn, Phong-niên, làm chủ hai tiệm buôn, chuyên việc buôn bán, cùng các nhà buôn Saigon giao thiệp và mua hàng — do ông O. coonell giới thiệu — về nghề sổ sách và công việc thương mại, tôi có biết được đại khái, đó là trường học đầu tiên. Tiệm tôi đầu chỉ có 4 anh em, sau có Thông-Thiệp (Bắc-hà) hùn vào, (về năm 1915 - 1917). Hiệu tiệm chúng tôi gọi là « Quảng-Hồng-Hưng 廣鴻興 ».

Có một chuyện thú là ông Hải-châu có chung vốn vào tiệm buôn mà không ở tiệm, chỉ chuyên nghề đồi mồi, có thuê vài người tù đánh bóng làm suốt buổi trưa. Thường có đầm đến mua đồ, đặt đồ, bọn đàn bà thợ hồ Civil cũng hay qua lại, như một sở công-nghệ con con. Ông ta có hàm râu trông phong nhã, ăn nói có duyên, nhứt là về lối giao-thiệp đãi đưa, bọn tù gọi ông là « ông vua ». Siêu-Tùng có một bài biếu nhạo chơi, tôi nhớ 2 câu (nói đức tánh) :

恭惟...來百工則日昃不遑,憂  
 勤有周文之德,對羣后則雅言  
 相接,荒淫無暴桀之風...

臣等養鴨生涯,磨瑣小藝.

...Chăm công thợ thì mài chùi đến xé, đức ưu cần sánh với Châu-Văn; đối các bà thì diu ngọt ban lời, thoái hoang đãng khác phường Hạ-Kiệt...

Chúng tôi : nghề mọn mài mồi, sanh nhai nuôi vịt...

Ai đọc cũng cười vỡ bụng.

LXXII

Tụi quan tở chúng tôi ra ngoài làm ăn vẫn thông thả hơn lúc ở trong khám, song vì nghề dinh sanh lại bỏ lãng cái thú thi văn như lúc ở trong khám, tôi cũng không mấy khi có nhịp ngâm vịnh như trước. Ngày nọ nhân cảm đau vào năm



bệnh viện một tuần, một mình ngắm trông phong cảnh (nhà thương sát biển rất mát mẻ), thi hứng lại nảy ra, có vịnh một bài, trình anh em :

忙	中	病	院	一	偷	閒
萬	種	幽	愁	入	倚	闌
故	國	望	中	空	有	影
新	潮	日	下	忽	無	端
漫	天	鬼	氣	愁	雲	黑
捲	地	狂	飈	白	晝	寒
獨	羨	無	情	鷗	鷗	輩
平	沙	飛	去	復	飛	還

Nhân đau, lúc bận được nhàn riêng,  
 Bệnh-viện ngồi ngắm chác mối phiền.  
 Cổ quốc trông về lưa có bóng,  
 Tân triều ngóng mãi đất không tin.  
 Đen trời mây bọc hơi ma giậy,  
 Cuồn đất ngày nghe trận gió rên. (1)  
 Khen thú cò, le vô ý thức,  
 Bãi dài bay xuống lại bay lên.

LXXIII

Anh em đồng tội người Quảng-Ngãi như Phong-Niên, Hồ-Tiểu, Xuân-Phổ, đều người tốt, một lòng hy-sinh về việc nước, thật là người trăm lần bề không co ; Kim-Giao, Tân-Hội, tánh cách ôn-hòa, song văn-học cũng lưu-hoạt, Tân-Hội lại có chí ham học thêm.

(1) Lúc ấy vào cuộc Âu-chiến.

Lúc ở đảo. Tân-Hội có góp cả thi-văn của đồng bạn chép thành một tập, gọi là « Nam-quan thi-tập 南冠詩集 », lại có soạn bản sách gọi là « Châu-bình gia-lễ 殊平家禮 ». Bản sau này chằm chước lễ xưa, lật các lễ cần thiết với đời sống của loài người, như lễ Hòn, Tang, Tế v. v. bớt đều phiền văn, chỉ chọn đều chất thiết mà tiện cho phần đông, ai cũng làm được. (2 bản này lúc vẽ ông ta có mang về được không không rõ, hiện ông đã quá cố).

Tân-Hội án 9 năm, ngày mãn về có bài thi lưu-gián anh em, trong có câu :

極目父家千萬里  
 回頭祖國月三更  
 Mỗi mắt nhà cha trời vạn dặm,  
 Quay đầu nước tổ nguyệt năm canh.

Anh em họa vần đề đưa chun có nhiều bài hay :

夢	想	雲	雷	造	世	英
河	山	回	首	不	勝	情
趨	時	幾	輩	楊	三	變
稽	古	羣	公	漢	五	更

(quên không nhớ)

憑	君	大	力	蘇	焚	溺
那	有	如	來	厭	衆	生

Giông tố ai xoay cuộc bất bình ?  
 Non sông ghèngh lại biết bao tình !

Xu thời lằm bọn Dương tam biến (1)  
Giữ cổ nhiều quan Hán ngũ canh.

Vết chìm chữa cháy ra tay sớm,  
Há Phật Như-lai chán chùng-sanh.

THAI-SON

南	冠	集	內	記	羣	英
家	禮	新	編	見	性	情
學	問	可	知	囚	亦	助
風	塵	回	首	僕	難	更
國	恩	似	海	空	言	淺
羣	負	如	山	小	我	輕
一	語	贈	君	還	自	悔
詩	文	誤	我	過	平	生

Thi chép « Nam-quan » tập có danh,  
Sách « Gia-lễ » mới thấy tâm tình.  
Trường lủ, học-vấn công nên xấp,  
Chuyện cũ phong-trần kể suốt canh. (2)  
On nước biển sâu, lời nói cạn,  
Nợ bầy núi nặng việc riêng khinh.  
Tặng người mà tự ăn năn mỗi:  
Kiếp trước thi văn lụy cả mình.

MINH-VIÊN

(1) Dương-Ủy 楊畏 Một tay tiểu-nhân đời Tống, người theo thời đời tiết nên gọi 楊三變.

(2) Tam lão ngũ canh 三老五更 Chức quan đời Hán, ý chỉ bọn lão hủ.

Ngoài ra anh em có nhiều bài có câu xuất sắc, không nhớ toàn bài: của Hy-Cao:

千	秋	鴻	貉	威	聲	在
五	大	風	雲	局	面	更
亡	國	豈	因	聞	禮	缺
箇	人	莫	諉	責	分	輕
憑	君	早	雪	文	人	恥
我	亦	羞	爲	白	面	生

Ngàn xưa Hồng-Lạc oai thanh sẵn,  
Năm biển giông mây cuộc điện xoay.  
Mắt nước há vì dân đốt lễ,  
Làm người chớ để gánh cho ai.  
Khuyên người vút hẳn nghề văn nhược,  
Mặt trắng ta đương chứa thẹn đầy!

Siêu-Tùng có câu:

三 圻 旌 鼓 雙 沈 歇  
十 載 山 河 九 變 更

Trống cờ ba xứ, hai im lặng,  
Sông núi mười năm, chín đổi thay. (1)

Nghĩa-Bình có câu:

兵 家 幾 有 黃 花 略  
中 易 猶 傳 白 士 名

(3) 更僕難數 nghĩa là kể chuyện dài phai thay đưa đứng hầu.

壹路別行休莫怪  
清談只恐誤蒼生

*Chiến lược Hoàng-Hoa binh có tiếng, (1)*

*Cao danh Bạch-Sĩ dịch thành pho (2)*

*Ai đi đường nấy không gì lạ,*

*Đừng nói suông hoài đề hại to.*

LXXIV

Người không phải cây đá, dầu kẻ cùng hung cực ác, không phải là toàn không có nhứt điểm lương tâm, chỉ vì cái chỗ đói lạnh thiết thân cùng hoàn cảnh bất lương, một lần phạm tội trở làm người bỏ; xã-hội không thêm đếm xỉa đến, muốn hối-quá tự-tân mà bị ngăn đường đón ngõ, trở cùng bọn vô lại kết hiệp, làm việc bất thiện, lâu ngày thành ra thói quen, mà tánh ác càng tăng lên. Trái lại nếu dạy nuôi có phép, thì ăn mặc đủ mà sanh lễ nghĩa, dầu người nào cũng cảm hóa được cả.

Chánh-sách trị tù Côn-lôn của ông O. Coonell, chính đủ chứng cho thuyết trên.

Trước kia ngoài đảo, theo qui chế đối đãi tù phạm, nghiêm khắc đủ cách, mà đối với tù chung thân lại càng phòng nhàn hết mực; Vì theo

(1) Lúc ấy Bắc-kỳ có tấn kịch Thái-nguyên.

(2) Hoàng-hoa-Thám, một tay quân lữ gia ở An-thế trên 20 năm.

thói quen, ai cũng nhận tù chung thân là hạng người rất nguy hiểm (dangereux) xem chúng như hùm beo rắn rít, đã xiềng cả hai chun lại cầm riêng một phòng, cho đến ăn uống cũng ngồi riêng, xâu việc cũng làm riêng — Lúc ấy ở đảo có gần 200 tù chung thân — không được đi làm ngoài. Thường chỉ làm xâu đập đá trong bague (sau 2 giấy khám). Trước có một quan Chánh, nhân trong khám có sửa lại, tù chung thân phải ra đập đá ngoài vòng thành khám, ông truyền làm một cái chuồng rộng độ mấy sào đất, chung quanh đồn cây núi bằng trái chun đóng làm cái rào rất kiên cố, chỉ chừa một cửa ra vào; xẽ đá vào trong, rồi dẫn tù chung thân lùa vào trong ấy đập đá, còn Gardien Mata ở ngoài rào dòm vô, vì đập đá mỗi tên tù đều có cái búa ở tay, nên không dám đứng gần nó. Cứ đến giờ lùa vào phát búa đập đá, hết giờ thu hết búa lại, mở cửa ra cho về khám, thật không khác gì bầy trâu.

Phòng nhàn nghiêm nhặt như thế mà tấn kịch giết nhau và trốn tránh thường xảy ra luôn, có lúc làm hại đến Gardien Mata nữa.

Đến ông O. Coonell ra lý, thực-hành chánh-sách khai phóng theo độc kiến của ông; tù khác được ra ngoài làm ăn làm xâu đã phần, đến hạng tù chung thân mà lâu nay kể là hạng tù tối nguy hiểm nói trên, ông cũng tha xiềng và thả lỏng ra ngoài làm ruộng, làm rẫy, như các tù nhẹ án kia;

bao nhiêu cách đề phòng trước, đều nhưt luật  
bãi bỏ cả. Lúc đầu, thuộc hạ như Gardien người  
Pháp, người Chà, đều biểu thị phản đối, nhưng  
ông nhưt quyết tâm như định kiến của ông, không  
nghe lời ai. Cái cảnh buồn sầu thảm đạm trong  
làng tù không bao lâu bỗng đổi ra một vùng  
không khí tươi tốt êm dịu, trong tù muôn miệng  
đều ca tụng, rõ là mở một kỷ nguyên mới trên sử  
tù Cón-lôn.

LXXV

Chánh-sách khai phóng của ông O. Coonell, có  
đầu-tự, có kế-hoạch, có thủ-đoạn, mà cách sắp đặt  
và thi-hành có thứ lớp, sắp việc rành mạch hẳn  
hỏi, thủ-tục linh hoạt và cơ-cảnh đủ đều; trong  
sự đối đãi khoan hồng có quyền thuật đề giá ngự,  
thu chúng vào trong phạm vi của mình, rõ là tay  
lão luyện về mặt chính-trị, chớ không phải nhắm  
mắt thả lỏng đề rước cái tiếng khoan hồng suông  
như ai.

Trước hết xử trí bọn tù bị án lưu (Relégués).  
Ông nói : án lưu là đày ra một xứ..., chớ không  
phải như án cấm cố khổ sai, theo luật không được  
nhốt chung nó trong khám và bắt đi làm xâu...  
Ông liền cùng Gardien-Chef đi xem xét chọn một  
vùng đất có thể làm rẫy trồng trọt vật này vật  
khác được, cho tù án lưu ra làm trại ở đó với nhau,  
hoặc ở chung, hoặc kết lều riêng tự ý. Cấp cho gạo

ăn ba, bốn tháng đầu, cho làm rẫy trồng rau, nuôi  
gà vịt, hạn sau 3 tháng thì làm lấy mà ăn, không  
cấp gạo nữa. Toàn cả sở có 1 người Cai coi sóc.

Thứ đến tù Cao-man (Cambodgiens) cũng cho  
ở riêng một cụm núi, làm rẫy làm ruộng. Ông  
hiều rằng người Cao-man ở chung với người  
An-nam thường sanh ra đám rầy lộn đánh  
nhau, vì tánh tình phong tục không đồng nhau,  
nên vạch ra cho tù Cao-man ở một xóm.

Thứ nữa đến tù quốc-sự (déportés politiques)  
ông nói quốc - sự phạm, theo luật, chúng nó  
phạm công tội không được đối đãi chúng như  
tù thường phạm kia, phải cho chúng nó tự-do  
sanh-lý. Một điều nực cười là lúc ấy tôi cùng  
ông tú Lê-duy-Tá (người Thanh-hóa) và Cửu Cai  
— đều quốc sự phạm — đương làm việc ở phòng  
giấy Gardien - Chef, mà ông Chánh truyền cho  
ông Chef phải chọn người thay churn, đặng  
cho chúng tôi ra ngoài làm ăn với bạn đồng  
tội quốc-sự kia. Ông Chef cố xin lưu lại giúp việc  
giấy cho ông, mà ông Chánh nhất định không  
cho, chỉ cho mượn một người ở lại trong mấy  
tuần bày vẽ công việc cho người thay mình  
rồi ra ngoài tự do làm ăn (tù quốc-sự ra ngoài chỉ  
trong bọn đặt một người Caplan không có  
Mata coi sóc gì cả. My-Sanh lãnh chức Caplan  
này).

Sau cùng đến hạng tù chung thân nguy hiểm

nói trên, ông cũng chọn một vùng rừng cho chúng ra làm, trồng các thứ rau, trái, cho làm chung mà chia ra hoặc 5 người một đoàn, hoặc 10 người một đoàn, cho chúng tự chọn lấy đoàn mình, mỗi đoàn được một người ở ngoài luôn, còn thì ra làm ban ngày, ban đêm vào khám.

Các bộ phận phân phối đầu vào đây, trừ bọn quốc-sự ra, không có Mata coi sóc, còn các tù khác chỉ một người Đội hay Cai hoặc một người Mata coi sóc lấy chừng thôi. Vì trong đám tù kia, ông bắt tự-do chọn người đồng bạn một đoàn, mỗi đoàn chung làm một vật trồng trọt với nhau và cùng củ soát nhau. Như trong đoàn có người phạm phép (như đánh lộn, ăn cắp) hoặc có một người trốn thì cả đoàn ấy bị phạt vào khám, hoặc xiềng, nặng thì bỏ vào ngục tối (cellule). Trong bọn tù, ai có nghề gì, hoặc đan đất, hoặc may, hoặc mua bán dinh sanh, đều cho tự-do làm.

Lúc đầu những tù được ra ngoài làm ăn, còn lãnh gạo tù, sau mấy tháng kể nuôi gà vịt, kể trồng rau, người bắt cá, bọn quốc-sự-phạm thì làm nghề đòi mồi và lập tiệm buôn. Nhân nhíp có thợ hồ Civil do sở trường tiền đem ra làm baigne mới, bọn tù có vật gì cũng bán được. Những sở rầy trồng rau, trước còn nộp phần nữa vào trong khám, sau

ông chánh cũng cho luôn, vì tù ra ở ngoài nhiều, trong khám còn ít không cần dùng nhiều.

Một sở đại ngục ở giữa hòn đảo, có độ 2000 tù — chỉ số lúc ấy — trải mấy mươi năm, bị dè ép vùi lấp dưới hầm sâu phòng kín, bản súng ngọn roi, cùng xiềng xích cùm bọng... gần như không thấy ánh sáng mặt trời, bước một bước thì có kẻ dẫn trước kèm sau. Mà hốt nhiên được hấp thu cái không khí sanh nhân tươi tốt. Toàn cả làng tù múa hát vui vẻ, như là chết di sống lại, cùng nhau khuyên bảo, không nên làm đều phạm phép. Những bộ dạng và tâm tánh hung dữ gian ngoan trong đám tù, ngày trước gần như tiêu tan đâu cả ? !

Ông O. Coonell lại dùng ngọn khuyên răn khôn khéo, đũa nào phạm phép thì viết giấy truyền phạt liền, nhưng trong vài ba ngày có ý ăn năn xin lỗi thì tha ngay. Ngày thường đi đến các sở tù làm khuyên sự làm ăn — ông thạo tiếng Annam nhiều — và phủ ủy này nọ, đối với tù rõ không khác gì đối với người tay chum, mà bọn tù cũng cảm bội ơn ông, nên khuyên nhau trong triều này nhứt định không làm quấy. Trong mấy năm đó (1914-1917) thành là đời thái bình của tù Côn-lôn. Tiếng là ở tù mà được hưởng không khí tự-do như bình dân trong đất vậy.

Ở trong cảnh thái bình ấy, bọn quan to cũng lo làm ăn và chơi bời, không có thì hứng thì cảnh gì cả.

Tôi có một bài tuyệt :

徒流皆是 有良衷  
 分別何如 壹視同  
 開放果然 良善化  
 囚中萬口 頌烏公

*Dầu tù vẫn có bụng lương trung,*

*Phân biệt chi bằng đãi cách chung.*

*Khai phóng trở thành lương thiện hóa,*

*Trong tù muôn miệng tụng Ô-công.*

LXXVI

VIỆC TỐT KHÔNG BỀN !

Ở dưới triều cai trị của ông O. Coonell, sanh kế của bọn tù ngày thấy phát đạt, trong tù có kẻ có vốn trong đây vài trăm đồng bạc, hoặc trăm, năm bảy chục đồng, ít nữa cũng có 5, 3 đồng, mà nhứt là tui quan to thì nghiêm nhiên là hạng buôn giàu, ngang hàng với hai tiệm buôn của khách trú, rõ là cái cảnh tượng « không tiền khoáng hậu » ở đảo Côn-lôn.

Thông tánh người đời, dỏi khổ thì lo buồn, mà thông thả có tiền thì sanh chơi bời phóng dãng, làng tù cũng là chung cái thông tánh ấy. Trong túi đã có tiền, ngoài ăn xài phong lưu ra, tự nhiên sanh ra đám cờ bạc. Cờ bạc vẫn là sự cấm trong tù, song dầu sao cũng không cấm được, bình thường cũng thế, huống trong thời làm ra tiền ; lại có bọn thợ hồ Civil cùng các bác Mata thấy

tù có nhiều tiền thì không sợ nào không có đám cờ bạc, có lúc bị bắt phạt thì chùng vào trong nong cát trong rừng mỡ sòng, kẻ được thì huy hoát vô số, có kẻ lại sạch túi, rút cuộc chỉ mấy tay gian hoạt lũng-đoạn món lợi ấy — trong tù mà có tiền mỡ xóc-dĩa một chén trên 100, 200 đồng, và một chén me 50, 70 đồng v. v.

Riêng về tui quan to chúng tôi, không đến huy hoát thái quá như bọn tù thường kia, song thông thả cũng sanh ra xa-xỉ, nảy ra những điều không tốt, nay tiệc mai tùng, đêm nào cũng tổ tôm, tài bàn, gần như quên hẳn mình ở tù mà cũng không nhớ vì có gì mà lại ở cõi tù đó. Trong có mấy ngài kỳ hạn 9 năm đã gần mãn hạn ; thời thì không ngày nào không tổ tôm, tài bàn, nghĩa là có tiền cứ chơi để đợi ngày về vậy.

Tôi có bài thi :

1) 尼 匠 麻 邪 臺 己 傾  
 囚 囊 擲 地 亦 無 聲  
 崑 崙 沙 峒 深 無 底  
 填 盡 金 銀 總 不 平

*Thợ cả Mata đã sạch tay,*

*Đầy tù rơi đất nhẹ không hay. (1)*

*Côn-lôn động cát sâu không đáy,*

*Tiền lấp bao nhiêu chẳng thấy đầy !*

(1) Mượn điển « 擲地作金聲 » vì đầy không tiền nên rơi đất không nghe tiếng.

2) 更有 羈囚 限欲 週  
 近來 無病 復無 愁  
 樂生 別自 開新 界  
 百二 牌兒 舞不 休

*Trong tù có bọn mãn, gần về,  
 Không bệnh không sầu, sướng góm ghê!  
 Mở thú lạc sanh đời sống mới,  
 Trăm hai con kiệu múa như mê (1),*

Câu thi « đảy tù không tằm » thành câu danh-từ trong chuyện kinh-tế của tụi quan to. Từ đó thường hỏi thăm nhau và có khi mượn tiền bạc viết thơ cho nhau có chữ :

« Quý nang cận lai hữu thanh vô thanh như hà v. v. 貴囊近來有聲無聲如何.

Rõ là chuyện có thú !

LXXVII

**Ở TÙ MÀ KHÔNG BIẾT AN  
 MINH THẾ NÀO**

Bọn quốc sự phạm chúng tôi - Trung-kỳ - từ khi bắt giam ở ngục trong dất cho đến đày ra Côn-lôn, tuyệt nhiên không nghe quan Nam tòa tuyên án, chỉ dò hỏi người này mấy năm, người kia mấy năm hay chung thân vậy thôi. Sau ra Côn-lôn, đến lúc tôi làm việc

(1) Tức 120 con bài tở-tôm.

ở phòng giấy Gardien-Chef, được xem sớ tù có ghi xứ sở và án kiện ở dưới, mới biết án kêu là thế. Án tòa Nam kết không rõ thế nào - chỉ tờ kết án giống bài văn sách đã chép trước - sớ tù chữ Tây thấy dưới cước rằng: Huỳnh-thúc-Kháng, Phan-thúc-Duyện là « tướng thứ hai (1) của Phan-châu-Trinh ». Án xử trảm giam hậu (décapitation) Ngô-dirc-Kế, Đặng-nguyên-Cần là « tướng thứ hai của Phan-bội-Châu ». Án xử đảo giam hậu (Strangulation). Ngoài ra phạm án chung-thân đều trảm, đảo cả. Sau mấy năm có được ân-giảm thì án chung-thân đó giảm xuống 13 năm khổ-sai (1913).

Cũng án quốc-sự-phạm, mà ở Bắc-kỳ có mấy người như ông Cát-Thành, Tú-Trung, Thông-Tiếp, Nguyễn-huy-Tiền là án biệt xứ có kỳ hạn, được luật phép cho ở ngoài và được đem vợ con theo tự dinh sanh lý làm ăn.

Vì cái án tù ở Trung-kỳ lời thối như thế, nên sau ông O. Coonell về, ông Tham - biện khác ra, duy 4 người Bắc-kỳ kể trên được ở ngoài, được trọn hưởng những quyền lợi dinh thương trong mấy năm cho đến ngày về (lúc về mấy bạn này đều nặng túi, xem ông Tú Trung mua một thứ yến - sào đến trên ngàn bạc) còn tôi cùng bạn Tập-xuyên, Thai-son đều vào khám rồi cắt đi sớ này sớ nọ, tan tác

(1) Lieutenant de...

mỗi người mỗi nơi. Cái thú phong lưu ở  
thương trường đều tan theo mây khói hết.

(Kể chúng tôi ra lập tiệm buôn năm 1915  
đến năm 1917 thì vào khám, bao nhiêu hàng  
hóa và vật hạng đồ dùng đều gửi giao cho  
mấy bạn Bắc-hà ở ngoài nói trên).

LXXVIII

**ĐƯỢC NGHE BÀI THI CỦA CỤ SÀO-NAM**

Sau năm 1908, từ quốc-sự kể tiếp ra Côn-  
lôn luôn mà phái Đông - học, bị người Nhật  
trục xuất cũng tan tác khắp nơi. Trong khoảng  
trên 10 năm ấy, chúng tôi cùng cụ Sào-Nam,  
không khi nào được một chữ giao thông nhau.  
Tuy vậy, trong bạn Đông - học cũng có một  
đôi người bị bắt đày ra Côn - lôn, thuật lại  
câu chuyện du học và tình hình ở ngoài, nên  
cũng nghe được đại khái.

Sau lúc bị người Nhật đuổi, cụ Sào - Nam  
sắp đặt cho học trò tan thì cụ sang Xiêm ;  
khi đi tàu ngang qua đảo Côn-lôn, cụ có bài  
thi ngũ tuyệt :

此物經吾眼  
凄然暗斷魂  
平生遊歷遍  
未得到崑崙

*Vật gì ghé tởm thế,  
Mắt thấy đã kinh hồn !*

*Bình sanh du lịch khắp,  
Chưa được đến Côn-lôn.*

Lại trong thơ cu gửi về cho bạn trong nước  
có câu :

先皇去位, 心傷芹海怒濤, 志  
士何辜, 目斷崑崙秋鴈...

*Tiên-hoàng ngôi sã, đau lòng của Cáp ngọn  
triều reo (1), Chi-sĩ tội gì, mắt mắt đảo Côn tin  
nhạn vắng.*

LXXIX

Ông Tú Nguyễn-duy-Viên, người Bình-định, có  
tài mà học còn ít, tánh phụ khí, cái gì cũng tranh  
phần hơn về mình, nhưt là cổ chấp và cái buồn.  
Nhưng về mặt ứng thù và nghề vun vật thì lanh lẹ  
không ai bằng, tánh ấy đã thành như tập quán  
vậy.

Ông ta có hai cái nghiện là ham cờ bạc và  
ăn ớt. Ông ta cùng Siêu-Tùng làm khán-hộ ở  
nhà thương. Siêu-Tùng thường cười nhạo luôn  
mà ông ta không chừa, lúc ấy bọn tù có tiền, cuộc  
đen đỏ thanh hành trong bệnh-viện, những sòng  
tổ tôm tài bàn không đêm nào không có. Tú quân  
dầu túi cạn sạch mà mỗi đêm vẫn ngồi bèn sòng  
bài coi mãi cho đến tan cuộc mới thôi. Ông  
ta lại thường nói « Ớt cay ngon hơn thịt », một bữa

(1). Chỉ vua Thành-Thái.



ăn trưa, có dọn thịt gà thịt heo cùng cá khô, có vẻ sang, lại có đĩa ớt trái. Siêu-Tùng nhân nhắc lại câu « ớt ngon hơn thịt », ông tú tức giận làm thình không trả lời, song có ý giữ lời mình, chỉ ăn cả với ớt, trọn bữa ăn không hề đá động đến thịt. Siêu-tùng có bài thi nhạo, đọc đến ai cũng phải cười đến vỡ bụng :

身長八尺比曹交  
口似懸河舌似刀  
酷好生平惟二事  
看人賭博食胡椒

*Minh sánh Tào Giao tám thước dài,  
Miệng như nước chảy, lưỡi dao phay.  
Binh sanh đáo đề nghiêng hai món :  
Xem mần sòng chơi, xực ớt cay.*

XC

**ĐÓN TRẦU LÀM RUỘNG**

Ông O. Coonell trị tù, chủ trương chánh sách khai phóng, đảo tù có cái không khí mới ; mà đối với thuộc hạ như Gardien Mata, quan binh, sơn-đá (linh tây), ông lại tỏ ý hà khắc (lúc ấy nhân cuộc Âu-chiến, quan binh có quyền, có vị quan hai nhỏ tuổi thường ngạo với ông). Vì ông đãi tù như dân Civil nên thuộc hạ có ý không phục. Cho đến 2 tiệm buôn khách trú, vì mối lợi phân tán không được lũng-đoạn độc quyền như

trước, cũng sanh ra ác cảm. Nhân đó có đơn kiện cùng thơ từ gửi vào Thống-soái Saigon thế nào — đảo này thuộc dưới quyền Thống-đốc Nam-kỳ — mà có lệnh ra triệt ông O. Coonell về, kể ông ly đầy gần 3 năm (1914-1917).

Ông O. Coonell xuống tàu thì chánh sách khai phóng của ông cũng đi theo ông, ở đảo khỏi phục lại chế-độ bó buộc như ngày trước, bao nhiêu tù được ở ngoài đều lần lượt vào khám và đi làm các sở. Bọn quốc-sự phạm, trừ mấy người Bắc, án « interné » được ở ngoài, còn đều cuốn gói vào bague phân tháp ra các sở. Hai tiệm buôn của anh em chúng tôi cũng đành giao lại cho mấy ông được ở ngoài (Tú Trung, Thông Thiệp) mà phải tay ra làm sở ruộng, chịu phục thuộc dưới quyền một thầy đội. Vì làm sở ruộng có làm trại ở ngoài dựng giữ trâu cày ruộng, so với bạn vào khám vẫn có chút tự-do hơn. Song nghênh lại cái cảnh, « ngồi vách đốc trong tiệm buôn, ăn tiệc đánh tổ tôm », thì cái cảnh trước sau khác nhau như trời với vực. Tôi có bài thi trình anh em :

辛苦田家著手初  
風流比昔更何如  
凌寒林畔朝驅犢  
冒暑溪邊午帶鋤  
水澗當田似坂  
泥深蒲草密於梳

儒家慣飽人間飯  
但向盤間論細疏

Khó nhọc nghề nóng mới mó tay,  
Phong lưu ngày trước, khổ ngày nay?  
Sương mai, cạnh núi băng lửa nghề,  
Nắng xé, bờ khe găng kéo cày.  
Nước cạn nữa phần chên ruộng dốc,  
Bùn sâu mấy lớp cổ lưng dày.  
Nhà nho chỉ biết cơm xoi mãi,  
Hút, trắng, trên mâm kéo cái rày!

XCI

VÀI BẠN ĐỒNG-HỌC RA ĐẢO

Chúng tôi ra ngoài đảo đã 6, 7 năm, những người nổi gót ra sau đều là người trong đất bị bắt đày ra, chưa có người nào là bạn đồng học — có Dật-Trúc trước có sang Nhật-bản một lần song đi du lịch chớ không phải bạn lưu học — đến năm 1915 mới có Phạm - cao - Đài, Hoàng-Hưng, sau nữa có Đặng-bình-Thành ra, mấy người này đều người sang học ở đòng đảo vài năm thuộc chuyện bên ấy, nhân thuật những tình trạng học-sanh giải tán cùng có người về thú v. v. Siêu-Tùng có bài cảm tác:

說 到 人 情 劍 欲 磨  
醉 來 古 句 自 長 哦  
炸 丸 消 滅 江 山 寂

飯碗縱橫僕隸多  
遊學反爲離間派(1)  
興商轉作斗筭家  
吁嗟國事長如此  
自問雄心近若何

« Nhân tình nói đến lưới giùm reo »,  
Say dờ, thi xưa dọc rất kêu.  
Tạc đạn tiêu trăm sông núi vắng,  
Lon cơm la liệt tờ thầy nhiều.  
Chán cho du học ra đầu thú,  
Buồn nổi nhà buôn trở ngọn diều.  
Việc nước than ói ra thế mãi?  
Ôm lòng ngồi ngắm bực bao nhiêu.

XCII

Sắp lưng với tiếm buôn mà ra làm sở ruộng, các bạn đều làm việc khó nhọc, không có giờ rảnh nói đến thi văn, tôi cũng hứng thú đôi đường, làm biếng không làm thi. Sở ruộng có cái bầu dài và rộng ước có vài mẫu quanh năm không cạn, đến mùa sen mọc bông tốt dăng dăng, dưới có nhiều cá, tôi nhân nhớ đến nghề củ là nghề câu ống, bèn gửi thơ về nhà gửi ống câu và dây đủ đồ câu ra, ngoài giờ làm ruộng và chăn trâu, khi rảnh thì câu cá, tức cảnh một bài:

荷 花 十 里 望 團 團  
鬚 可 當 茶 實 可 餐

(1) Câu này có lạc vài chữ, tạm bỏ vào.

獨有釣魚人不賴  
莖長葉密下鉤難

Ao sen mười dặm trở dăng dăng.

Nhụy dụng thay trà hột dề ăn.

Duy có nghề câu rành bất tiện,

Cuống dài lá phủ khó đường quăng.

Ao này sau quan chánh bắt phá sen cấy lúa. Nhân trong Nam - kỳ có giống lúa tên là lúa « tham đứng », cách sống nó khác với các thứ lúa thường, mộng nó cao, khi nước hơi hạ, cấy xuống, rồi nước lên chừng nào, nó cao lên chừng nấy, khi nào cũng thấy cái đọt nó trôi lên trên mặt nước, cái rạ nó có nhiều lông, dài đến 1 thước, nước sâu mấy nó cũng cứ lớn cứ trở. (Ở đâu có nhiều đầm bàu, nên kiếm giống về cấy xem).

XCIH

Cu Ngô-tập-Xuyên ra sở ruộng, làm xâu chặn trâu và nấu ăn, có mấy bài thi. Tôi nhớ một bài :

壹間茅屋野堂西  
草滿平田水滿溪  
山隔不知何處海  
夜深時叫一聲鷄  
蹉跎歲月蓬雙鬚  
辛苦江山雨一犁  
共說文明新學好  
平生高尚不如低

Bờ ao ùm thum một gian lều,  
Ruộng cỏ xanh um, suối nước nhiều.  
Núi cách gần quên vùng biển bạc,  
Đêm khuya thoảng có tiếng gà kêu.  
Tóc hai mái rồi già toan đến,  
Mưa một cây trâu khổ đủ đều.  
Cho biết hèn hơn cao thượng đấy,  
Văn minh học lối chớ nên kiêu.

XCIV

Tấn kịch phiến biển Duy-tân (1916), ngoài đảo không nghe tin tức gì, lúc có bọn thợ nề trong đất có mấy người Trung-kỳ; theo sở Trường-tiền ra làm công trình khám mới (2ème Bagne), ở Côn-lôn, có thuật đại lược, song đều chuyện nghe truyền, không được đích xác. Sau có Phạm-quân Xuân-phổ (Tú Châm, Quảng-nghĩa), bị đày lần thứ hai ra đảo mới nghe được rõ.

Nguyễn Phạm-quân năm 1908 đày ra Côn-lôn, năm 1913 được tha về, năm 1917 can vụ Duy-tân lại đày ra lần nữa. Phạm-quân là người trong lớp tuồng ấy, biết rõ đầu đuôi, thuật lại những chuyện Nam - Xương, Hồ-Tiểu, Bạch-Sĩ bị nạn thế nào, cùng tấn kịch ấy vở đầu thế nào, kết cuộc thế nào. Truy nguyên cũng nhân ảnh hưởng cuộc Âu-chiến mà diễn ra một cuộc « nhóm sắc 6 châu đúc thành chữ « thác lớn » 聚六州之鐵鑄成一大錯. Tuy vậy trong bụng con cờ chết mà

có nước cờ « đánh cái dộp » như thế cũng là nước cờ hiểm. Bạn vô danh có vịnh mấy bài tuyệt :

Vịnh vua Duy-Tân 4 bài :

1) 肉食盈庭眼底空  
暗從草野結英雄  
數行衣帶從天下  
神鬼潛號萬壑風

*Ăn thịt (1) phùng kia dưới mắt không,  
Rừng khe thềm kết nhữn tay hùng.  
Chiếu trời giải áo (2) vira ban xuống,  
Quỉ khóc thần reo núi nổi đông.*

2) 乾旋坤轉此何時  
明治維廉壹輩人  
大事不成雄斷在  
無慚年號喚維新

*Xoay trời chuyển đất thử ra tay,  
Minh-Trị, Duy-Liêm (3) cũng bực này.  
Hùng đoán, đầu rằng công việc hỏng,  
Hiệu Duy-Tân mới thiết không sai.*

3) 惱殺全盤一著差  
九年黃屋棄如遺  
可憐中外臣僚在  
羈勒周旋兩布衣

(1) 肉食 Chỉ quan ăn lộc.

(2) 解衣 viết trong dải áo.

(3) Minh-Trị vua Nhật-bản, Duy-Liêm thứ 2 vua Đức đều tay trẻ tuổi anh hùng.

*Một nước cờ sai cả cuộc xoang !  
Chín năm ngôi báu bỏ như không.  
Trong ngoài tôi tớ còn nguyên đó,  
Hai bác dân theo đến bước cùng. (1)*

4) 芹門腸斷夜濤聲  
荒島淒涼又此行  
磨劍十年何處客  
可曾霜刃匣中鳴

*Đứt ruột Càn-môn ngọn sóng chiều (2)  
Làn này hoang đảo lại buồn thiu (3)  
Mười năm nào khách mài gươm tá ?  
Trong võ từng nghe tiếng sấm reo.*

*Hồ-Khê (ông cử Sụy)*

5) 風雷蟄伏帝星沉  
海嘯山啼虎豹鬚  
一副頭顱滿腔血  
年年茶汛怒潮音

*Sao chìm giông lặng cảnh buồn teo,  
Núi khóc giông rền vắng cạp beo.  
Một thớt đầu lô đầy bụng huyết,  
Bến Trà cơn giận sóng thường reo.*

*Trần-bạch-Sĩ*

6) 義先文後此真詮  
別自中間造一天

(1) Chỉ Nam-xương và Bạch-sĩ.

(2) Vua Thành-Thái lúc đầu dầy vào Ô-cáp.

(3) Vua Duy-Tân đày sang đảo Réunion.

學說能將鮮血染  
南方新易惜無傳

*Văn sau Hy trước vẫn kinh này,  
Riêng giữa trung-thiên đứng một tay. (1)  
Học thuyết đem bầu tâm huyết nhuộm,  
Trời Nam dịch mới tiếc không thầy.*

*Phan, Thái hai nhà Tây-học*

7) 肯把西文去作奴  
不成甘自斷頭顱  
國中西學人如鱗  
清夜捫心愧死無

*Ấu học không đem rúc cửa người,  
Chả thành, đời sống vứt như chơi.  
Kìa phương học mới đông như kiến,  
Đêm hỏi lòng, chẳng có hồ người?*

*Quan-nhân*

8) 肩鎗腰礮日行行  
外國軍裝祖國情  
左袒未呼河嶽動  
教人膽落且魂驚

*Dan mang súng vác tháng ngày qua,  
Vỏ nước ngoài, song ruột nước nhà.  
Tràng tả chưa kêu đã dội tiếng,  
Kinh hồn khiếp vía khắp gần xa.*

(1) Trần-Quân tự xưng có dị nhân truyền thọ bản sách « Trung-thiên-dịch 中天易 從 說 先 天 後 天 », Trần chết về quốc-sự, sách ấy không ai truyền.

*Vô danh*

9) 拒搜活劇演方新  
擺手隨趨革軍  
草澤從來伏無盡  
英雉豈在有名人

*Xin xâu tưởng nọ lớp vừa tan,  
Tấn kịch Duy-Tân lại mở màn.  
Rừng núi khi nào người hết được,  
Anh hùng há tại bọn tên sang.*

*Tông vịnh*

10) 蠶絲萬縷吐無端  
人與孤燈一樣寒  
山鬼歌成响壁間  
滿天雷雨百靈環

*Tơ tằm không mối kéo trăm chiu,  
Người với đèn khuya bóng hắt hiu.  
Một tiếng gò trời kêu hỏi thử,  
Giống mưa nghi gút bốn bề reo,*

**XCV**

**TRỐN**

Khám tù Côn-lôn, bốn mặt biển bao bọc,  
cách hẳn trong đất, mà câu chuyện tù trốn  
thả bè không năm nào không có một số. Duy  
có tội quan to quốc sự phạm là bọn văn  
nhược, người yếu sức hèn, không có tư-tướng  
mạo-biêm, dám liều mình làm thử tấn nguy  
kịch ấy.

Có Dương-công-San (người Nghệ) gọi nhỏ Sang, mạo hiểm trốn ra ngoài rừng, được hơn một tuần, nhưng không thoát khỏi, bị bắt lại, giam vào buồng kín (cellule), vài tháng, sau bị bệnh rồi chết. Cách mấy năm sau mới có chuyện Hy-Cao, Kim-Đài, Cửu-Cai thả bè về đến trong đất, nhưng cũng bị bắt rồi đày ra đảo.

Nho Sang lúc đi trốn có gởi lại một bức thư biệt anh em, trong có câu :

聞英雄之歲月，肉共悲生，泣  
新亭之山河，血隨淚洒。(1)

Ngày tháng anh hùng nhàn áo dề, buồn thấy  
vẽ non ; non sông phong cảnh khóc không cùng,  
máu theo nước mắt ..

### XCVI

Chúng tôi lia tiệm buôn mà ra sở làm  
ruộng, thuộc dưới quyền viên đội K. Viên đội chia  
ra hai cái trại. Tôi cùng My-Sanh, Tập-Xuyên,  
Thai-Sơn, Nghĩa-Bình ở một trại; còn trại kia thì  
Hy-Cao, Kim-Đài, Cửu-Cai, Mai-Lâm, Nho-Hai ở.  
Về ruộng cũng chia ra hai phần. Sau bạn Hy-Cao  
và Kim-Đài thả bè trốn, còn bọn ở lại đều vào  
khám cả, không được ở ngoài nữa.

### XCVII

Bọn quan to bỏ tiệm buôn phong lưu mà ra

(1) Câu này lọt trong tập Âm-băng.



Lâm-Ngu LÊ-VAN-HUÂN

làm ruộng, đã từ nơi cao mà sụt một cái đến mấy trượng rồi ; lại không được ở ngoài sở ruộng mà vào khám, nghe đã vất vả khó chịu, nhưng cái khổ đã hết đâu ! Ở khám độ vài tuần, lại bị phân tháp ra các sở, cùng tù thường kia ăn chung ở lộn, xâu việc nặng nề. Trong khoảng vài năm đó (1917-1920), rõ là họa kiếp rất lớn cho tui quan to, nay nhắc lại còn lấy làm đau lòng !

Đã 7, 8 năm bọn quan to ở chung với nhau, nhất là vài năm ở tiệm buôn, gần quên cảnh tù ; nay chia ra mỗi người mỗi nơi, My-sanh sang bãi dâm (baie d'ouest), Thai-Son nắm bãi bắt đồi mồi (pêche des tortues), Tập-Xuyên đi sở đốn cây, Phong-Niên làm sở ruộng Cô ông. Tôi cùng Nghĩa-Bình cũng sang Cô ông, nhưng làm xâu sở vô tuyến điện đài. Ai ở sở nấy, suốt năm mà không gặp nhau lại không có thơ từ gì cả. « Khi biệt dễ dàng, khi gặp khó, 別時容易見時難 », đọc câu thi cổ nhân không sao ngăn mối ngậm ngùi !

Tôi sang Cô ông, vì cái xâu gánh cắt vác đá quá sức nặng không làm nổi, nên học làm thợ nề. Có 3 bài thi gửi trình anh em :

1) 十 載 崑 崙 苦 未 終  
又 攜 被 席 往 姑 翁  
朝 攀 峻 坂 臺 山 石  
午 下 平 沙 吸 海 風  
囚 役 何 曾 多 暇 晷  
舊 遊 回 憶 感 飄 蓬  
鹽 車 老 驥 樊 籠 鶴  
一 樣 辛 酸 異 地 同

Côn-dảo mười năm khổ chữa xong,  
 Lại mang mền chiếu đến Cô ông. (1)  
 Đốc cao sớm dậy rề khiêng đá,  
 Bãi biển trưa nằm hứng gió đông.  
 Công việc nặng nề ngày bận rộn,  
 Bàn bẻ rơi rắc chạy lung tung.  
 Khác nơi mà cảnh chung cây đấng,  
 Ngựa dưới tay xe, hạc nhốt lồng!

2) 興來忘却現身因  
 電話臺邊作臥遊  
 如此好山兼好水  
 可堪多病復多愁  
 一聲石裂天幾墜  
 萬頃濤轟地欲浮  
 對此易生前日感  
 海雲關上望烏州

Quên tù, gặp lúc hứng vừa lên,  
 Tòa Điện nằm chơi sấn có nền.  
 Non nước một vùng trông đẹp mắt,  
 Bệnh sầu trăm mối chất thành vền. (2)  
 Đá từng cơn nổ trời như đồ, (3)  
 Sóng mấy lần xoay đất muốn chền.  
 Cảnh mới khiến người mơ cảnh cũ,  
 Hải-vân trên đỉnh ngắm Thần-kinh. (4)

- (1) Tục gọi cô ống, nhưng viết chữ « cô ông » không đánh dấu.
- (2) Vền như vền tơ rối.
- (3) Thường bắn đá để lấy đá xây.
- (4) Điện đài cao trông xuống biển như núi Hải-vân ta.

3) 苦海茫茫幾點萍  
 狂風一陣散如星  
 自知驥蹙心猶壯  
 其奈雕虫技不靈  
 世變屢更棋局局  
 山窻不改竹青青  
 懷鄉去國情無限  
 夜夜濤聲各自聽

Mấy cánh bèo trôi giữa bể khơi,  
 Gió phang một trận tạt sao rời.  
 Ngựa tài cánh ấy còn ốm giạn;  
 Sâu chạp nghề kia chũm ích đời.  
 Cuộc thế, cờ luôn xoay nước mới,  
 Lều non, tre vẫn giữ màu tươi.  
 Mến xưa nhớ cảnh lòng chan chứa,  
 Sóng dội tại ai nẩy sứt sùi.

Sau 3 bài thi trên gởi đi, anh em đều có họa gởi lại :

Tạp-Xuyên

(Đương ở sở đồn cây lại mang bệnh rét, mình đau xâu việc nặng nhọc)

1) 姑翁吟罷興何如  
 病骨嶒峻孰起予  
 可有詩神能破寂  
 須防瘴鬼易乘虛  
 山光欲斂雲歸後  
 海色新澄月上初  
 風景殊佳人不賴  
 役歸長嘆食無魚



Cò ông ngâm vịnh thù ra sao?  
 Riêng tớ gầy xương bọc thể nào!  
 Hẳn có thần thi đưa hứng đến,  
 Phòng chẳng ma rét rước đau vào.  
 Núi che mặt sấm khi mây kéo,  
 Biển trở màu tươi lúc nguyệt cao.  
 Phong cảnh dầu xinh người chã ịch  
 Bữa ăn không cá tiếng lao xao!

**Siêu-Tùng (ở nhà thưng)**

5) 舉國奔波各似萍  
 却於窮島聚文星  
 詩難退虜吟徒壯  
 酒可消愁飲亦靈  
 半世莫嫌頭漸白  
 百年猶有汗長青  
 先生夙抱移山志  
 此曲凄凉不可聽

Trong nước bốn ba đại cánh bèo,  
 Văn hào ngoài đảo khéo nằm queo.  
 Thi không đuổi giặc ngâm vô ịch,  
 Rượu vẫn tiêu sầu uống lại reo.  
 Nửa kiếp cần gì đầu tóc bạc,  
 Trăm năm còn có sử gương treo.  
 Dời non chí củ nào dâu dấy?  
 Một khúc bi ca đọc chán phèo.

回首中原殺氣高  
 窮荒愁殺老文豪  
 移山填海無窮願

負石擣沙始覺勞  
 婆舅神靈驅惡瘴  
 姑翁山水助吟毫  
 忙中却有新題詠  
 我爲斯邱賀彼遭

Nghềnh lại trung nguyên sát khí dăng, (1)  
 Cồn hoang nằm rục tướng làng văn.  
 Dời non lấp biển lòng khăng khái,  
 Vác đá khiến vôi việc nhọc nhằn. (2)  
 Bà cậu oai thiêng hơi độc vắng, (3)  
 Có ông cảnh đẹp hứng thi hăng.  
 Nhộn nhàng nay được đề ngâm mới,  
 Gặp gỡ gò kia đáng hạ chãng. (4)

Ngoài ra có nhiều bài không nhớ hết, chỉ  
 nhớ đôi đoạn. Dân-thạch-Quân (Cử-nhân Nguyễn-  
 Cầu, người Bắc) làm sử rầy có câu:

...負石誅茅雙病骨  
 捫心搔首一飄蓬...  
 林間午臥塵薰迴  
 海上晴看島嶼浮

...Khiêng đá đào tranh hai xác ốm,  
 Gải đầu bóp bụng một vền tơ...  
 ...Giấc trưa nghỉ dấy rừng không bụi,  
 Cơn tạnh ngồi xem biển nổi cồn...

(1) Có tin Thái nguyên.

(2) Xâu làm ở Cò ông.

(3) Bà cậu, tiếng trong tù, thường khấn vái.

(4) Dùng điển Liên-tôn-Nguyễn 賀斯邱之遭.

Phật-Tịch (hiệu Cảnh-Lâm, Tú-tài, người Bắc-ninh, khẳng khái chuộng mặt kiếm hiệp) có câu :

十年秋水淬青萍  
誓掃妖氛萬點星

Nước sạch mười năm thúi lưỡi dao,

Yên phần thề quét mấy vùng sao...

Câu này có khí phách.

Nghĩa-Bình cũng có câu :

更無別事強人意  
胸有佳吟療我愁

Hắn không việc lạ khuấy con giận,

Lưu có thi hay chữa mối sầu.

Mười bốn chữ cũng thú và có ý vị.

XCVIII

Lòng cha mẹ thương con thật là hết mực, mà những nhà có nghĩa phương gia giáo, có lúc yêu cái danh nghĩa của con hơn cái mạng sống của nó.

Cu Tập-Xuyên bị bắt giam ở lao tỉnh Nghệ, lúc ấy cu thân sanh (húy Ngô-huệ-Liên), đương làm quan tại kinh (Thị-lang một bộ nọ), biết rằng con mình sẽ không khỏi bị đày đi xa, hoặc Lao-bảo hay Côn-lôn, viết thư khuyên con nên tự quyết, trong thư có câu :

與其偷生隱忍，終爲異地之囚；  
曷若慷慨成仁，猶作故山之鬼。(1)

(1) Chính cu Tập-Xuyên đã đọc cả bức thư cho nghe.

Nếu như ăn nhân chờ ngày, không khỏi làm tù xú khác ; sao bằng liều mình khẳng khái, còn được làm ma đất nhà ».

Theo lời dạy trên tức là muốn cho con thà chết mà không chịu nhục, theo nghĩa-phương các cụ danh gia đời xưa. Nhưng cụ Tập-Xuyên là người phụ khí, nhận nhà ngục là trường học thiên nhiên, mà đời sống của mình như định còn có giúp ích cho đời, không muốn cảm nhẹ như lông hồng, nên không lấy lời ông cụ làm phải, đành ở tù ra Côn-lôn.

Sau ra ngoài đảo, cụ gửi thơ về thăm cụ ông, thường viết nhiều câu kịch liệt, lại theo tánh lộng hiềm có những chữ « ần ngữ ». Cụ ông gửi thơ trả lời có ý răn và phụ bài từ tuyệt :

尺札新從絕島歸  
淚流濕紙夢魂飛  
平安墨信隨將報  
辛苦何須染汗爲

Được thơ ngoài đảo đỡ xem ngay,

Hồn vía lên mây lệ nhỏ đầy.

Cần gửi bình yên bằng nét mực,

Mồ hôi nhuộm giấy chuyên thêm rày.

Cu Tập-Xuyên ra đảo được ít lâu, cụ ông cũng cáo về hưu, vài năm thì mất, chỉ còn cụ bà, (lúc cụ Tập-Xuyên tha về, cụ bà còn sống). Cụ Tập-Xuyên có nhiều bài huyết tấu, bài này là một :

親 墳 松 栢 長 新 枝  
 七 十 二 門 閩 雙 淚 垂  
 三 十 二 年 前 承 色 笑  
 美 千 里 外 望 庭 闌 夜  
 古 灣 月 上 潮 生 落 時  
 報 壟 天 寒 雨 落 尚 淮  
 忍 教 慈 母 身 苦 思 兒

Ngành thông trên mộ đã dài ra,  
 Dưa cửa nhà Huyện lệ nhỏ sa.  
 Mười mấy năm trên kè cận gối,  
 Ngoài ba ngàn dặm ngóng trông nhà.  
 Bãi trầu (1) trắng mọc triều lên sóng,  
 Có-ông (2) trời mưa lạnh thấu da.  
 Nợ nước chưa đền mình mắc nạn,  
 Nhớ con, thương mẹ tuổi thêm già !

XCX

Cụ Đặng-Thai-Son bị đày ra Côn-lôn, hai cụ thân sanh còn mạnh (cụ ông trước làm Tri-huyện, từ quan về vườn, cụ bà em quan Tuần-vũ Đình-nho-Quan, con nhà nho gia). Cụ Huyện trên 70 tuổi mà người vẫn khảng khái, cụ Thai-Son bị đày, em là ông Tú-Hư (hiệu Ngô-sanh), cũng xuất dương nốt. Vì thế nên cụ Huyện thường bị quan địa phương đòi hỏi luôn, song cụ vẫn thản nhiên,

(1) Sở kéo cây ở bãi Trầu.  
 (2) Sở này cũng ở núi Cô ông.

năm cụ ông 70 tuổi, cụ Thai-Son có gửi thơ về mừng thọ, sách tôi một câu đối. Tôi có tặng câu đối 100 chữ :

三 台 舊 徑, 卅 年 前 早 賦 歸 來,  
 借 隱 又 有 賢 賓, 歷 幾 經 高 岸 爲  
 谷, 深 爲 乎, 藍 水 鴻 山, 遠 却 老 丹  
 其 獨 得 佛. 壽 廿 紀 新 湖, 一 分 人 各 肩 責 任,  
 雙 壽 佛. 義 教 能 行 之 子, 知 他 日 耄 爾, 海 外 八  
 十, 期 而 百 歲, 熾 昌 俾 爾, 河 山 繪 作  
 有 歸 侍 者, 歐 雲 亞 錦, 河 山 繪 作  
 五 斑 衣.

Tam-Thai vườn củ đó, ba mươi năm phú khúc qui lai, cũng ẩn lại được bạn hiền, trái bao phen còn cao hóa vực, vực sâu hóa gò, khí tiết y nguyên, thuốc nhà tiên có bí truyền chẳng? Núi Đòng sông Lam, đôi phật sống lâu lừng-lẫy tiếng.

Tráp kỷ phong triều này, một phần tử lo chung trách nhiệm, đường nghĩa truyền cho con thảo. Ước ngày khác già mà tám mươi, thọ mà trăm tuổi, khương cường lên mãi, con ngoài biển có về hầu đây, mây Âu gấm Á, năm màu áo vẽ rõ ràng bông.

Tôi cùng cụ Đặng-Thai-Son đều án không kỳ hạn, sau cải hạn 13 năm. Trước năm mãn hạn 1 năm, cụ được tin buồn cụ ông tạ thế, tôi có câu đối diếu :

一 百 字 壽 聯 持 贈， 爲 公 誦 會  
 幾 辰， 知 有 不 亡 者 存， 自 是 生 前  
 無 別 憾。

十 三 年 窮 島 棲 遲， 皆 我 歸 應  
 有 日， 何 如 無 改 謂 孝， 不 關 簣 下  
 授 遺 言。

*Liên trăm chữ chúc mừng tuổi thọ, chưa cách bao lâu; cái bất hủ vẫn còn, chẳng chút hờn gì trên cõi sống.*

*Mười ba năm lưu lạc còn hoang, cùng về nhau chắc, đạo không thay là hiếu, lọ là lời chúc chép bên giường.*

C

Lối văn ứng thù, thấy quen sanh chán, như những câu đối phúng điệu hạ hỷ v. v. không có mấy câu đối hay. Song những câu tinh văn châu đảo, cũng gọi là một thứ văn phẩm trong nghệ thuật. Vả lại thứ văn ứng thù đã thành vật quý trong xã hội: 1) Tiêu biểu tâm lý ham học của quốc dân. 2) Làm môi giới trên đường nhân sanh giao tế. 3) Làm vật kỷ niệm lâu dài và có giá trị.

Vì mấy cơ đó nên quốc dân ta chuộng lối liên đối đã thành phong khí phổ thông.

Tôi lúc đi học chuyên nghề cử nghiệp, không hay làm liên đối. Sau lúc đậu rồi, thân bằng cố hữu thường xin đối liên luôn, không thể từ chối, gắng gượng như làm khâu vậy, lần lần thành quen,

cũng không đến dốt lắm. Song toàn làm bằng chữ Hán, chớ chưa từng làm đối bằng quốc ngữ. Lúc ở ngoài đảo, được thơ nhà nói bà nhạc 76 tuổi, anh em làm lễ hạ thọ, nhà tôi bảo tôi làm câu đối nôm gửi về làm vật kỷ-niệm. Nguyên ông bà có 6 người con trai, 4 người con gái— ông mất năm tôi còn ở nhà— đều có gia thất trưởng thành cả. Nhà tôi là con gái út, 3 người rể kia đều mất sớm, còn một tôi lại ở tù. Tôi gửi câu đối về chúc bà:

« Tôi kính chúc mừng bà, bảy mươi lại sau thừa, rồi đây mà tám mươi, mà chín mươi, mà trăm tuổi trở lên, sâu hoè nường cây vào ra, chứt ngọt trong tay, cháu chắt chung quanh nghe chuyện cũ.

Con đây óa nào rề ? Bốn người còn một chút, nực cười khi ông Cử, khi ông Nghè, khi làm ông Tú xứ khác, biền cạn chiếc thuyền chim nổi, tiệc đào vui chén, non sông gìn giữ đợi ngày sau ».

Câu trên là câu đối quốc ngữ đầu tiên của tôi.

CI

Cuộc tù biến ở Thái - nguyên (1917), rúng động cả toàn quốc, vì trong tù có mấy tay thủ hạ cựu bộ ông Đề-Thám, có tay đồng học như Lương-lập-Nham và mấy người Võ - biền

làm chủ động, phá ngục Thái-nguyên chiếm giữ được 7 ngày, sau việc hồng, có mấy người bị đày ra Côn-lôn : đội Giá, đội Trường, đội Lự và binh Thiều, nho Dịch v. v.

Thiều và Dịch là người Quảng-ngải, Thiều chưa linh tập còn Dịch là một cậu học trò, 2 người này can án Duy-Tân bị đày ra Thái-nguyên, sau ra Côn-lôn ; Dịch thuật chuyện như dưới :

Tấn kịch Duy-Tân xảy ra, y mới 17 tuổi, đương học với ông thầy là Tú-Ngung, nhân có thầy mà trò bị luy, sau thầy Tú uống thuốc chết, cậu cùng bọn đồng tội 25 người — cả linh và dân — bị đày ra Thái - nguyên, bị đau và chết dọc đường hết 22 người. Đến Thái-nguyên chỉ còn 4 người, tức Thiều, Dịch và hai người nữa. Ở ngục Thái-nguyên được một năm, vì ngục quan ngược đãi, bọn tù khởi biến, chiếm đồn Thái-nguyên cùng quan quân chống cự được 7 ngày, duy đồn linh không lấy được. Sau quan binh đến đánh riết quá, không chống lại nổi, mới tan vào rừng. Rồi kẻ bị bắt, kẻ ra thú, lãnh tụ là ông đội Cấn — có tên là Trịnh-Đạt cũng chết trong núi, Dịch cùng Thiều cũng bị bắt, còn hai người Quảng-nghĩa nữa lưu lạc đâu không biết (Dịch năm 1925 được tha về rồi cũng tạ thế).

Nhân nghe chuyện trên, cụ Tập-Xuyên có chép làm bài ký gọi là « Thái-nguyên Thất-nhật Quang-phục ký 太原七日光復記 ».

Những người can vụ Thái-Nguyên đày ra Côn-lôn đều là tay đóng vai trong tấn tuồng ấy nên thuật chuyện được tường tận. Gia dĩ ngòi bút ký sự sở trường của cụ Tập-Xuyên đã tả được linh động, ai đọc cũng sinh mối cảm xúc, người bạn có đề sau 6 bài.

1) 旱地何來霹靂聲  
數重地獄劍能鳴  
我南革命英雄史  
千古誰刊鄭達名

*Giữa đất bằng nghe trận sét rền,  
Tiếng gươm ngục tối dội rầm lên.  
Sử Nam cách mạng nào ai dấy ?  
Trịnh-Đạt ngàn năm hẳn có tên.*

2) 層城風颯五星旗  
光復軍聲薄海馳  
六十年來沉病國  
漢官復此見威儀

*Quanh thành cờ phất dọi năm sao, (1)  
Quang phục quân reo tiếng nổi phao.  
Sáu chục năm trời im nước bệnh,  
Oai nghi nay bỗng thấy quan trao.*

3) 灑雨鎗烟滙一場  
旌旗耀日劍凝霜  
南人城廓南人主  
七日居然萬載長

*Cờ năm sao là của Lương-ngọc-Nham bày ra, chi xứ Đông-dương.*

Đạn mưa súng khói góc trời mù,  
 Gươm liệt cờ dấy suốt một màu.  
 Thành quách Nam, người Nam chủ lấy,  
 Bảy ngày dài dằng xấp ngàn thu!

4) 拒 搜 活 劇 再 無 開  
 炸 燬 聲 沉 帝 黨 分  
 好 爲 河 山 一 吐 氣  
 強 人 意 是 太 原 軍

Tấn kịch xin xâu đã hạ màn,  
 Quả bom ngòi tắt dấy vua (Dục-Tân) tan.  
 Non sông còn có mùi sanh khí,  
 Tuồng Thái-nguyên lưa một tiếng vang.

5) 要 爲 全 國 導 先 河  
 天 未 從 人 奈 若 何  
 世 事 不 將 成 敗 論  
 鄂 軍 未 足 羨 支 那

Cốt vì cả nước mở đường đầu,  
 Trời chưa chịu người biệt tình sao?  
 Thế sự không bàn thành với bại,  
 Võ xương nào kém nghĩa quân Tàu!

6) 筆 舌 無 功 劍 未 成  
 十 年 窮 鳥 暗 吞 聲  
 鬱 鬱 佳 氣 河 山 在  
 夜 夜 焚 香 祝 後 生

Bút chả xong, gươm cũng dở dang!  
 Mười năm nín tiếng chốn cùng hoang.

(1) Trung-quốc-quân Võ-Xương khởi nghĩa đánh đuổi triều Mãn-thanh.

Non sông un đúc người sau đây,  
 Cầu nguyện thường đêm cứ đốt hương.

CIII

Phong-niên, Nguyễn-quân Đình-Quản, người gồm cả đóm thóc mà có lòng huyết thành cảm người một cách sâu sắc, đồng nhân ai cũng cảm phục. Một điều ít có là thấy đều nghĩa thi hăng hái làm tới, thấy đều lãnh thi ham muốn khao khát. Mà nếu ai đem đều phi lý gia cho thi nghiêm nghị, sắc mặt, phản đối cho đến cùng; nhưng gặp anh em có việc hoạn nạn đau khổ thì ra công chịu khổ hết lòng giúp đỡ, dầu việc khó nhọc đến đâu cũng vui lòng can đáng, tuyệt không có chút gì là trốn tránh dặt dè. Trong anh em những kẻ hèn yếu nhờ ông ta giúp đỡ nhiều việc, rõ là người có khi hiệp sĩ như người xưa.

Lúc cuộc buôn sắp đóng cửa, Nguyễn-quân nhân việc vào khám, rồi sang làm xâu sở ruộng ở Cổ ông, trên một năm, cảm bệnh mà mất. Ông ta cùng tôi và cụ Thai-Sơn, cụ Tập-Xuyên, đều án chung thân giảm xuống 13 năm. Tôi có câu đối:

苦 生 我 於 越 南 廿 世 紀 之 初  
 不 去 不 死 卽 爲 囚, 可 憐 落 落 隻  
 身, 髀 肉 坐 驚 拋 歲 月.  
 重 期 君 於 峴 島 十 三 年 之 後,  
 再 接 再 厲 尤 有 進, 忽 此 奄 奄  
 病, 雄 魂 早 去 作 風 雷,

*Khò sanh ta đầu thế kỷ hai mươi giữa nước Việt-nam, không đi không chết lại mang tù; xóc thay quanh quanh chiếc thân, thịt về ngồi đũa ngày tháng chóng.*

*Trông mong người sau mười ba năm lia hòn Côn đảo, lại giầy lại làm càng tấn tới; bỗng chốc yêm yêm một bình, hùng hồn hóa làn gió giông đi!*

**CIV**

Phong-niên-quân không hay làm thi văn, song người giàu nhiệt thành nên có làm đôi câu đều do huyết tánh lưu lộ ra. Trong bạn anh em trong tù, vô sự, hay chơi tở tóm, xóc đĩa, có người đến bị lụy, nhứt là lúc ra ngoài làm nghề buôn có tiền càng chơi nhiều, lại có người có thói ích kỷ, ngoài « tiền » ra, không biết đến việc gì nữa. Phong-niên thường chánh sắc đương diện chỉ trích một cách khăng khái, ai cũng cảm động. Trong lúc ở tiệm buôn phong lưu, ông ta có câu :

自願此身猶鐵骨  
未應是處作錢痴

*Tự xét thân này còn cốt sắt,  
Lẽ đâu ngồi đó chịu ngày tiền.*

**CV**

Lê-quân Hàn-Hải (Bà-Trinh), trước nhà ở Tourane, có ông chú làm Thương-biện Hải-phòng là người có danh tiếng ở đất nhượng-

địa Hàn, các quan Công-khanh đương triều liê qua lại đất Hàn là ở nhà ấy. Nếu như Lê-quân có lòng đưa đải kẻ quyền qui, thì thiếu gì người dẫn-bật vào làng quan trường. Nhưng Lê-quân không có mộng tưởng ấy, sau đồ Cử-nhân thì dời nhà vào gần núi Ngũ-hành, cùng các bạn tân học giao du, sau cùng mang tội, rõ là một người đặc sắc trong đám dung thường vậy.

Lê quân, về mặt học vấn chưa được uyên súc, song phong-thể và giao-thiệp bề ngoài có vẻ hoạt-bát, được nhiều người yêu mến, và có văn tài, cũng có một đôi việc xuất sắc. Lúc ở đảo, có một khoảng có ai mách bảo thế nào, quan Tham-biện hạ cái lệnh cấm dùng thuốc bắc. Có 1 người tù bị bệnh nằm nhà thương chữa không lành. Người ấy viết thơ về nhà, dặn người nhà gửi bánh quà ra, trong bánh lại bảo bọc thuốc tê vào, bị Gardien xét được. Nhân đó quan Chánh có cái lệnh cấm người nhà bọn tù không được gửi colis (thùng) cho tù nữa, nhứt là thuốc bắc. Trong tù nổi lên cái phong trào bắt binh, ai nấy tỏ ý buồn bực (nhân có lệnh buộc tù phải viết thơ về nhà bảo đừng gửi thùng như trước).

Nguyên tù ra ngoài đảo cách biệt trong đất, bà con anh em không ai ra đến ngoài ấy mà thăm viếng, còn lưa một chút giấy tinh ai không đến

quên hẳn như người đã chết, chỉ có một đôi khi có thơ từ thăm viếng và bánh quà gửi gắm thế thôi. Nay cấm hẳn đường ấy thành ra ai nấy đều tuyệt vọng.

Lúc ấy bà Tham-biện là người có đạo, Lê-quân nghĩ rằng đàn bà trong tín đồ Gia-giáo tất có lòng từ bi bác ái, Lê-quân làm một bức thư dấu tên, gửi ngay lên bà ấy đại ý nói tình cảnh đau xót của bọn tù và xin bà tỏ tình thương xót nói cùng quan lớn thủ tiêu cái lệnh cấm «gởi thùng» kia...

Thơ ấy đạt lên, nhà đương cuộc xét ra người viết và gửi, Lê-quân bị phạt 30 ngày cellule. Sau Lê-quân mang bệnh tê chun chính vì lần phạt ấy. Lê-quân có làm bài «chiêm bao 30 ngày». Tiếc lúc ấy tôi ở ngoài phòng giấy, không được thấy bài ấy.

### CVI

### THẢ BÈ

Kim-Đài, Hy-Cao và Cửu-Cai mạo hiểm thả bè vượt biển, lênh đênh trên mặt biển trái 6 ngày đêm, mới tấp vào bãi Phan-thiết. Lên bãi vào bờ được, thì xó rớ bị người làng nọ túm, may khỏi việc gì (lúc đi một bè 6 người, 3 người lục tỉnh, đến đây mới chia đi riêng). Nhưng từ đó không dám đi cùng một ngã, Kim-Đài, Hy-Cao thì trở ra phía bắc Trung-kỳ, Còn Cửu-Cai thì vào trong lục tỉnh.

Cửu-Cai vào Saigon, ngu khách sạn nọ, rũi đầu nhà chủ ấy bị người ta cáo mua đồ lậu gì đó, lính

cảnh sát đến soát khám, thấy Cửu-Cai người lạ mặt, hỏi lai lịch, nói người Trung-kỳ vào trong này làm giáo-tập... bèn giải về Trung-kỳ. Tàu về đến Tourane dân vào sở nọ, có người nhận diện, Cửu-Cai biết không chối được bèn khai thiệt là tù Côn-lôn, bị giải trở ra đảo, có gởi cho anh em bức thơ, trong có câu :

*« Trên mặt nước lênh đênh trái qua 6 ngày, gần như không biết cái thân mình là gì, đến Phan-thiết lên bờ, lại gặp vô số sự nguy hiểm, may mà không việc gì. Không ngờ trong sự tình cờ, lại bị bắt lại.»*

波間六午，幾乎無身，潘切重來，又逢萬險，幸得無事，不謂偶然之中又罹此無妄之災也。

Cửu-Cai lại đảo được vài tháng thì Hy-Cao cũng bị bắt giải ra.

### CHUYỆN TRỐN CỦA MẤY NGƯỜI QUỐC SỰ PHẠM

Như trước đã nói, hòn đảo Côn-lôn, chung quanh đều biển bao bọc, trốn thì dễ mà trốn thoát được về trong đất rất khó. Tuy khó mặc dầu, nhưng tù trốn vẫn kế tiếp nhau, nhứt là những án 20 năm và chung thân, nên nhà đương cuộc cũng cho trốn là phận sự của kẻ tù xem như việc thông thường.

Duy có tội quan to quốc-sự-phạm, ít dám làm sự mạo-hiêm ấy. Kể trong khoảng 13 năm đồng



thời với tôi ở ngoài đảo, trước có nhỏ San, sau có Dật-Trúc, Nguyễn-Bao, trốn ra ở vùng rừng mấy ngày rồi bị bắt lại; đoạn giữa có Kim-Đài, Hy-Cao và Cửu-Cai trốn thoát về đến trong đất rồi sau cũng bị bắt trở ra thế thôi. Song về đoạn lịch-sử trốn của 3 bạn sau này có lắm chuyện thú, lược-thuật như dưới :

Nguyễn Kim-Đài, Hy-Cao và Cửu-Cai đều là án chung-thân, cái ngày mẫn về đã không có mà cái ngày ân xá cũng chẳng biết là ngày nào, nên hoài-bảo chỉ trốn đã sẵn. Nhân vài năm được ở ngoài, người làm thợ may, người làm đôi mồi, có chất lột được món tiền, mới sắm được tài-liệu và thuê người đốn cây làm bè, mưu cùng 3 người tù lục-tính làm việc mạo-hiềm ấy (1918).

Sự trốn thoát đảo Côn-lôn lên bè ra biển không cần phải thuật, đây chỉ nói chuyện khi đã về trong đất do các bạn thuật lại :

Lời Cửu-Cai :

« Sau xuống bè nhờ gió ra khơi rồi, lênh đênh trên mặt biển, trên trời dưới nước, chiếc thân như cái lá dính trên cánh bèo, tha hồ gió sóng đưa đi đâu thì đưa, trải 5, 6 ngày, đồ ăn vẫn còn không đói lắm nhưng nước ngọt đem theo đã gần kiệt, phải hạn chế chỉ ngậm từng ngụm để thấm giọng chớ không ai được uống nhiều, nên nghe khát khó chịu. Nước biển mặn vẫn không uống được, nhưng mỗi lần nghe khát, hai tay nắm thành bè, nhúng

minh xuống nước cho ướt cả thì nghe thợ được chục phút, nửa giờ, hề khát thì làm như thế, để dành nước ngọt lại, vì đã 4, 5 ngày trời biển mênh mông, chẳng thấy gì cả, 6 anh em trên bè, ai nấy đều tuyệt vọng, nắm xuôi tay chun, tinh chắc làm mồi cho cá mập chớ chẳng mong gì nữa.

« Đến ngày thứ sáu vừa tảng sáng, trông thấy núi và đất liền, cách xa bè mình trên 1 cây số. Ôi thôi ! ai nấy đều chọi dậy. kẻ chèo người chống, dầu khi lực đã kiệt mà như có sức mạnh ở đâu đưa đến, ai nấy đều làm việc rất hăng hái. Khốn nỗi càng gần bờ bao nhiêu thì sóng cứ xô ra bấy nhiêu, không sao vô được. Mãi tự buổi mai đến chiều mà không sao vô được.

« Trong lúc thấy cái đường sống đã ở ngay trước mắt mà không sao đi đến, mong thấy người nào trong đất gọi cứu mà không thấy ai. Một đều la là thềnh thoảng có một đôi chiếc ghe đi ngang đó mà kêu mấy, chúng vẫn giả dò không nghe cứ đi thẳng không thèm ghé lại gần. Sau một quá, nghĩ một độ lâu, rồi cả 6 người cùng nhau chống một hồi, vào tận bờ được, ai nấy đều như con mèo đói, áo quần đem theo đều nhộm nước biển, phăng vào trong núi gần đó, nằm liệt, không biết nơi đó là xứ nào.

« Một đều la là vào nằm trong núi, màn trời chiếu đất mà ai nấy nằm ngủ một giấc như chết, không biết trời đất gì cả, mãi đến sáng bữa sau mới dậy, tò mò làm bọn chim ghe vào xóm

xin nước uống, khi ấy mới biết ở đó là làng... huyện... thuộc tỉnh Bình-thuận. Hỏi thăm thì ở bãi biển lên đến đường xe lửa đi gần 1 ngày.

« Sau vào một nhà nọ, mua gạo nấu ăn và phơi quần áo, mấy ông làng nghe có bọn chìm ghe, tới hỏi đầu đuôi, nguyên trong bọn lục tỉnh có một người trước có làm việc phòng giấy..... có đem theo một tờ giấy chữ tây có dấu Tham-biện, đưa ra trình, bọn làng cho ở đó ăn uống.

«Đoạn, ra đi, 3 người lục tỉnh rẽ đường lên miền mọi giả làm bọn mua heo, về lục tỉnh; còn 3 anh em chúng tôi, khi ấy bàn thăm nhau, nếu đi chung một đường, e không khỏi nguy hiểm, lộ thành tích ra, bèn chia nhau đi riêng, khi chúng tôi đã mua được 3 cái giấy thuế thân. Tôi, Cửu-Cai có quen biết trong Nam, tôi vào Nam-kỳ, còn Hy-Cao Kim-Đài đi ra miền ngoài, từ đó ai đi đường nấy.

« Tôi vào Nam làm thầy dạy học giả người buôn trầm quế, v. v. nay đây mai đó, thỉnh thoảng có gặp người quen. Một bữa trọ nhà tên khách nọ, họ đưa đến, đêm ấy có Cảnh sát và ông Cò tới xét a-phiện hay rượu lậu gì đó, thấy tôi người lạ; hỏi, tôi khai người Trung-kỳ, bèn tóm luôn đem về bót, rồi cho giải về Trung-kỳ. Khi tàu đến Tourane, lên Tòa bảo người nhìn, tôi biết không chối khỏi, bèn khai thiệt tù trốn ở Côn-lôn. Thế là giải tôi trả lại Côn-lôn. Còn Hy-Cao và Kim-Đài thì nghe đã sang Tàu ».

Trên là lời thuật của Cửu-Cai (Cửu-Cai năm 1908

trốn đi nơi này nơi khác đã mấy năm, sau bị bắt giam ở Nghê lại trốn, rồi bị bắt lại, đày ra Côn-lôn lại trốn, lại bị bắt. Kể lịch-sử trốn của bác này lúc trẻ cũng là tay trái).

Cửu-Cai trở sa Côn-lôn được mấy tháng thì thấy Hy-Cao lại bị bắt giải ra.

Dưới này theo lời Hy-Cao :

« Sau lúc ở làng... được vô sự, ăn uống no, quần áo phơi ráo và sạch sẽ ra cái dạng con người : 3 người lục tỉnh cùng trốn với chúng tôi, họ tềch lên miền Mọi, còn 3 anh em Cửu-Cai, Kim-Đài và tôi cũng ra đi, nhưng đi đâu bây giờ ? Chúng tôi bèn băng vào rừng nghỉ đặng cùng nhau tính bước đường sau này :

Chúng tôi cùng bàn :

« Chúng ta cùng là bọn tù trốn, thế nào sớm muộn cũng có trát nả khắp nơi. Trời đất dầu rộng mà đối với chúng ta rõ hẹp. Nếu cả 3 anh em cùng kéo nhau rên rên đi một chòm, không khỏi có điều nguy hiểm, vì khó trá hình giả dạng được. Vậy cầm như ở giữa trận giặc, ai lo tự cứu lấy thân nấy, sau có nơi nào đứng chưa yên ổn, sẽ gặp nhau lại, bằng nay thì phải rẽ nhau, mỗi người đi một ngã may ra mới tránh được...

« Sau một lúc bàn tính kỹ càng, Cửu-Cai trước, có ra vào lục tỉnh quen thạo trong ấy thì đi vào trong Nam ; còn Kim-Đài và tôi thì ra lần mấy tỉnh ngoài Trung-kỳ rồi lần ra Bắc. Cửu-Cai tềch.

thế là 6 bọn cùng trốn, chỉ lưa có 2, là Kim-Đài với tôi, còn lẩn quanh miền Bình-thuận

« Ai cũng biết người Nghệ-Tĩnh Nam-Ngãi chúng tôi vào làm ăn trong Nam, và miền Nam Trung-kỳ vẫn đông, ngoài hạng quan lại, thông kỹ, có thầy giáo, thầy thuốc, thầy số cùng các nhà buôn bán, có kẻ đã có nhà cửa cơ-nghiệp, thường thường đối với người quê hương đồng xứ có mối cảm tình, ai là người quê hương gặp nhau, không cần quen biết, cũng đối đãi tử tế. Chúng tôi mới dò tìm hỏi thăm, có ông đồ hay ông lang xứ Nghệ nào ở gần đây, tò mò tìm đến, tự xưng là người Nghệ vào Nam kiếm nghề làm ăn, rồi lẩn vào Phan-thiết.

« Đi trở về Bắc mà lại vào Phan-thiết, có hơi trái đường, nhưng vì một lẽ là chúng tôi cần sắm một ít bộ đồ ăn mặc cho bánh để tiện việc giả trang.

« Nói cho phải, cũng nhờ có học và biết chuyện đời đời tỵ, nên gặp thầy thuốc nói chuyện thuốc, vào nhà thầy giáo nói chuyện sách và văn, gặp người nói chuyện làm quan hay gặp người nói chuyện cách-mạng, chúng tôi cũng theo cái « ca » mà ứng thù theo thói đời, nên được trôi chảy cả.

« Sắm đủ đồ quần áo bánh thì ở Phan-thiết nghe đã có trát nã tù trốn Côn-lôn. Chúng tôi đông ngay, định đông ra Bắc.

« Nói « đông ra Bắc », đừng tưởng đi là tới liền đâu? trải từ Bình-thuận đến Thanh-hóa, chúng tôi gặp biết bao nhiêu trường hợp dở cười

dở khóc, lúc rui lúc may, ở trong có lắm chuyện thú mà không đời nào quên :

« Lúc ra Phan-rang, qua một chiếc dò, khi dò gần tới bờ, thấy trên bờ có một viên quan và 2 tên lính bung traps và xách điếu, đương đứng chờ dò. Tôi thoát trông thấy, nhìn biết vị quan ấy là một người đồng xứ ngày trước. Thừa lúc hành khách xón xao, tôi nghiêng mặt lệ chùn bước, không biết ông ấy có thấy mình không, song hồn vía tôi khi ấy đã lên trên mây, dầu là tôi cố giữ thái-độ tự nhiên ! Đi một đoạn mấy cây số, nói lại cho bạn Kim-Đài nghe, bạn le lười và rùng mình.

« Phải biết hai anh em cùng đi mà chúng tôi thường đi cách xa, lúc ở đâu một nơi thì người trọ ở thành phố, người vào nhà quê, chớ không đi chung, chỉ trong ngày gặp nhau tại nơi có hẹn trước.

« Khi ra Bình-định, Kim-Đài trọ một khách-sạn dưới cửa Giã, còn tôi đông vào nhà quê, cốt tìm người đồng xứ. Hỏi thăm có thầy giáo Nghệ ở làng nọ, tôi tới, cùng ngồi nói chuyện quê-hương và hỏi tên họ. Ông ta nói họ Ngô... ở làng Trảo-nha, Hà-tĩnh.

— Vậy ngài là một họ với cụ thị Ngô phải không? Tôi hỏi.

— Vâng. Thầy trả lời.

— Vậy ngài có biết cụ Nghè Ngô-đức-Kế?

Thầy ta nghe nói cái tên « Ngô-đức-Kế », liền liền sắc mặt và nói :

— Tôi biết cụ Thị khi cụ làm Thị-lang ở Huế, còn ông Nghè thì tôi chưa biết đến mặt ông nữa, và cũng một họ mà nhánh xa, ông là Ngô-đức... còn tôi là Ngô-xuân...

« Nghe giọng thầy nói, tôi biết là người không có gan ruột, uống nước trà rồi, tôi từ đi, định tìm một người khác, nhưng rủi dẫu, vừa tới ngõ thì thấy trong nhà xôn xao đông người, hỏi thì họ nói ông ta mới chết vợ, bữa nay đang làm đám. Thế là ngày đó đi vất vả một bữa. Có khi vào nhà quê lữ tối, vào ngay nhà bên đường ngủ trọ một đêm, dẫu nhà chủ không bằng lòng, cũng nằm liều rồi sáng ra đi, chớ biết sao? (lúc đó nhà quê còn dễ dàng, không có sự bắt bớ, xét hỏi như cuộc 1929-1930 về sau, mà trong mình chúng tôi cũng có sẵn đủ đồ giấy tờ hộ thân).

« Ra Quảng-ngãi chúng tôi làm thầy thuốc, mua một ít hoàn thuốc thời khí và dầu khuất thần, bạc hà, quế, trầm v.v... đem theo, có vào nhà một thầy Tổng già. Cũng nhíp tinh cờ, gặp nhà thầy có người con đau. Lại gì có người đau mà được có thầy thuốc ở đâu trời đưa đến, thầy ta mừng rỡ, mời ở lại làm thuốc cho con thầy.

Chúng tôi đem cái gói « cầm-nang » có mấy vị trầm mài cho uống và dầu thì thoa bóp, may sao vài giờ đồng hồ, cậu bé đương mê man mà bỗng tỉnh lại, giậy ăn cháo, rồi khá lần...

Thầy trò tôi ở đó 2, 3 ngày. Nực cười có một

bữa, thầy, chủ cùng ăn cơm, thì có linh phủ cầm trát về. Thầy dõ trát xem thì trong ấy nói có tù Côn-lôn trốn, nên có trát châu-tri hễ ai thấy dị dạng thì bắt v. v...

« Thầy ta nhận trát và nói: tù Côn-lôn thì ai biết hình dạng chúng nó thế nào mà bắt? phần nhà đương có con đau..., nói thế rồi nhận trát cho cậu trai về. Đoạn, thầy đọc trát kể mấy tên tù trốn thì rõ là cái tên... »

« Bữa đó, cũng ngồi ăn cơm mà chúng tôi ăn mất ngon. Nhân con thầy chánh cũng đã khá, ăn xong, chúng tôi từ đi, thầy ta có trả tiền thuốc được mấy đồng bạc. Chúng tôi dồng tuốt ra Quảng-nam.

« Ra Quảng-nam, Kim-Đài thuê một chiếc đò ở Faifo ra Tourane đi Ngũ-hành làm cách chơi sang. Còn tôi vào thẳng trong miền Thăng-bình Quế-sơn tìm người quen. Vì thân-sĩ Nam Nghĩa với Nghệ Tĩnh, cái dây liên lạc của nhà nho đã mấy đời, nên đối với thầy đồ Nghệ Tĩnh, nhà quê vẫn không lạ lắm. Tôi trở nghề nhà nho ra nói chuyện thì vẫn... Ở ít ngày, làm thuốc được nhiều ít hành lý, chúng tôi ra Huế.

« Ở Huế mấy ngày, chúng tôi ở một cái nhà trong thành, giả một vị quan nhỏ ở tỉnh ngoài vào lo bề, phò với nhà trọ: nay vào cụ này, mai vào bộ kia. Kỳ thực là hỏi thăm người củ, nhưng không gặp ai; sợ ở lâu lời mối, chúng tôi tuốt một mạch ra thẳng Thanh-hóa.

« Từ Huế ra Nghệ, chỉ ngủ trọ nhà xe điện, rồi đi, không dám vào đâu một bước. Đều nức cười là ở mấy tỉnh trong thì trông gặp người quen, mà đi ngang Nghệ Tĩnh thì sợ gặp người quen, như sợ cọp.

« Một chuyện nên thuật, là khi tôi sang đò Lam-giang, vào cái tiệm bên đường uống cà-phê, chợt thấy người em vợ tôi đi ngang trước đường. Tôi liền ngảnh mặt vào phía trong và lấy khăn giã lau miệng, mà kỳ thiệt là che mặt, vì sợ nó thấy mình mà nhìn người quen một cái là nguy to !

« Ra đến Thanh-hóa, trọ nơi quán cơm ở tỉnh một bữa, rồi vào nhà quê, lên tuốt trên miền thượng-du làm thuốc. Ở miền này lâu đến mấy tuần, nhờ làm thuốc kiếm tiền hành-lý. Làm thuốc trên miền thượng-du, lại có kiếm được một ít trầm, quế Thanh, lộc nhung, v. v. .. Chúng tôi định ra Bắc rồi sang Tàu. Nhưng nghe nói sau cuộc Duy-tân và tấn kịch Thái-nguyên, đường ngoài khám xét nghiêm mật, không thể đi lọt được. Chúng tôi lại dồng vào đường phía Nam một vòng nữa.

« Lần này chúng tôi định dồng tuốt vào Nam-kỳ, sau bán được quế, trầm, giác, trong lưng đã sẵn đồng tiền, thôi thì cứ đi đường hết xe điện thì xuống ghe, đi luôn một nước, không dám xó rớ ở miền Trung-kỳ như trước.

« Vào Nam, chúng tôi vào trọ nhà khách trú kẻ bến tàu, hỏi thăm cách các chủ đi Tàu. Vì Kim-Đài

trước đã đi về con đường Hương-cảng — Saigon, nên thạo lối đó. Chúng tôi kiếm trong túi còn được trên trăm bạc, thuê người đầu bếp dưới chiếc tàu Anh, người ấy nhận bỏ chúng tôi đi dẫu dưới tàu. Thế là chúng tôi sang Tàu. Chim sầy lông mà bay bổng trên đường mây, khoái thích biết bao !

« Sang Hương-cảng rồi lên Quảng-dông, ngựa quen đường cũ, đi đâu do Kim-Đài chủ trương, tôi khỏi lo, duy có cái nguy là trong túi kiệt xu. Chúng tôi vào nhà thờ Lưu-vĩnh-Phúc yết cụ Tân-Đông Nguyễn-Thuật rồi nương nấu ở đó mấy bữa.

« Ngục Côn-lôn thoát được, biển mệnh mông cõi bè qua được, con đường trong nước chông gai, đi lại vẫn vô sự, đường ra nước ngoài nghiêm mật, cũng có lối phăng bữa. Duy có cái túi kiệt xu, rõ nó bó cẳng còng tay không thể cụ cựa, mới buồn bực làm sao !

« Ở Quảng-dông vô sự, nghe Tôn-trung-Sơn đờng trú dinh ở tỉnh Quảng-dông, Hồ-hán-Dân làm Tổng-thư-ký. Tôi đã nghe tiếng Hồ là tay lãnh-tu cách-mạng Tàu, có cảm tình với cụ Sào-Nam và bọn cách-mạng ta, tôi bèn đưa danh thiệp vào yết kiến.

« Hồ tiếp kiến anh em chúng tôi, trong lúc trò chuyện bút đàm, chúng tôi thuật rõ tình trạng vượt ngục Côn-lôn và đảo nạn thoát thân, muốn sang Thượng-hải và Hàng-châu tìm cho gặp Sào-Nam tiên-sanh là người lãnh-tụ đảng mình, nay

nhân tiện đây muốn vào ra mắt Tôn-trung-Sơn v. v...

« Hồ nghe đoạn lịch-sử của chúng tôi, có vẻ cảm động, nói : phải lúc thông thả, tôi sẽ đưa hai ông vào yết kiến Tôn-trung-Sơn, nhưng hiện nay việc quân-sự bận rộn nhiều. (Tôn-trung-Sơn chống với bọn quân-phiệt Bắc và Trần-quỳnh-Minh). Tôn không có thì giờ tiếp chuyện, sẽ đợi dịp khác.

« Nói thế, rồi Hồ đưa ra 200\$ tiền chúng tôi, nói : « cũng là bọn cách-mạng, các ông thoát ngục ra đây, tất là hành tư không có, tôi giúp cho... gọi là... »

« Anh em chúng tôi một hai từ, nhưng ông ta nói: « chính tôi đây làm cách-mạng trên 20 năm, đi đâu thì nhờ đó, chớ trong túi không có đồng nào. Nếu trong túi nhiều tiền, lại không làm được cách-mạng, cái đó không phải là khách-tình ».

« Chúng tôi cảm ơn và từ ra, thế là cái may, chúng tôi không đi kiếm tiền mà tình cờ được tiền, chúng tôi mới định đi Thượng-hải.

« Chúng tôi sắp đi Thượng-hải thì Kim-Đài lại gặp Phan-bá-Ngọc là con cụ Phan-dình-Phùng, xuất dương theo cụ Phan-sào-Nam đã mấy năm; ra xứ lạ mà gặp được người quen, thôi vui mừng còn nói gì nữa. Chúng tôi hỏi thì Phan nói ở Hàng-châu về, nhân có cụ Mai-lão-Bạng đương bị giam ở Quảng-đông (bị Long-tể-Quang bắt giam với cụ Sào một lần, mà chưa được tha). Phan cầm thơ của cụ

Sào gửi cho nhà đương cuộc Quảng-đông, xin tha cho cụ Lão-Bạng v. v...

« Mà thật, bữa sau thì thấy Bá-Ngọc dẫn cụ Lão-Bạng cùng gặp chúng tôi, thế là chúng tôi cùng đi Thượng-hải.

« Chính lúc ấy tôi đã nghe phái đông học đã có người về thú, mà những người ấy thân với Phan-bá-Ngọc. Khi đi cùng tàu, tôi có hỏi dò thì Bá-Ngọc nói : đó là người Pháp muốn dò tình hình của người Nhật, nên bọn này cũng lợi dụng chớ còn đối với bọn mình không có ý gì.

« Vi ở ngoài đã lâu, vì ăn nói thông thạo, tỏ ra người có học văn kiến thức, lại con nhà giòng giỏi. Thực tôi không có lòng nghi cho Phan-bá-Ngọc, đầu là nghe những tin kia, nhưng tôi cũng nói đùa và cười một câu : chúng mình đã liêu chết vượt ngục, lại trải bao nhiêu gian hiểm mới ra đến đây, nay ra đây lại được gặp người đồng hương đồng chí, thì có sao nữa chúng mình cũng không cần.

« Đến Thượng-hải, cùng trọ một khách sạn trong tô-giới Anh, để sáng đi Hàng-châu thì đêm ấy bị cảnh sát Pháp tới bắt tôi, Kim-Đài Lão-Bạng, lại có một người khách nữa.

« Mấy bữa, chở bọn tôi về Hanoi. Kim-Đài ở Hỏa-lò bị đau, từ trần ở đó, còn tôi trở ra Côn-lôn lại.

« Chém cha cái số hoa đào, gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi», thế là trải bao nhiêu công khó nhọc mà tù Côn-lôn lại hoàn còn tù Côn-lôn ! »

CVIII

Người đời lưu-lạc, ai không có lòng mẫn nước nhớ nhà. Song việc đến không làm sao được, lâu ngày cũng nguôi nguôi dần. Ở trong cái cảnh « không làm sao được » như cảnh ở tù, Ngày qua tháng lại, lâu rồi thành quen, gần như nhận cảnh tù làm cái làng thứ hai, cái đó vẫn không lạ. Song nếu có điều gì cảm xúc thì cái mối tình mẫn nước nhà xức sớ tự nhiên nảy ra mà không sao ngăn được ; nhưt là khi trong bạn đồng tội hoặc hạn mãn, hoặc được ân xá ra về, thì người ở lại đối với cảnh ấy trong lòng nảy ra trăm mối ngồn ngang, không sao hình dung được.

Nguyễn-Quân Chi-Tin, năm 1908 cùng thân sĩ Thanh-hóa bị hạ ngục, năm 1909 đày ra Côn-lôn, 5 năm mãn về ; năm 1915 bị tình nghi vào vụ tạc đạn ở Hanoi, lại bị đày ra Côn-lôn một lần nữa, vài năm lại mãn về. Nguyễn-quân vì thông Tây vẫn có chun thông ngôn, lần đầu ra làm việc phòng giấy Gardien Chef ; lần thứ hai lại được giầy con tây, ở tù mà hưởng được cảnh nhàn dật, chữ tày thật có ơn to thay !

Tôi mang cái án chung thân, cũng tinh chôn xương ngoài đảo, trong lòng không oán hận gì. Sau được cải hạn xuống án 13 năm, cũng vui lòng tự an ủy. Song chính mình thấy Nguyễn-quân hai lần đày ra lại hai lần trước mình về, bề thăm còn dàu,

trải qua trước mắt Ma-cô (1) mà tấm lòng cây đá cũng nghe có chiều cảm xúc. Tôi có bài thơ đưa Nguyễn-quân :

老	我	窮	荒	獨	坐	遲
多	君	重	到	復	先	歸
風	君	閱	慣	身	猶	是
家	慶	情	深	痛	自	知
時	國	再	來	宜	惜	日
肱	不	三	折	合	知	醫
當	經	親	友	如	相	問
壯	年	猶	存	髮	髮	衰

Năm rục còn hoang tờ mỗi mề,  
 Ngươi hai lần đến trước ta về ;  
 Phong-trần kiếp trải còn nguyên đấy,  
 Nhà nước tình sâu nghĩ xót ghê !  
 Xuân một lần qua thời đáng tiếc,  
 Tay ba phen gảy thuốc nèn nghề.  
 Bà con có hỏi nhờ thưa họ :  
 Lòng vẫn còn non tóc trở huê.

CIX

Lan cỏ cùng bừa, ngọc đá cùng cháy, ấy là cái thảm họa trên đời thường có, mà nhưt là trong cảnh tù lại quen thấy luôn. Vì có một sự biến cố gì xảy ra thì cái lụy dầy dụa có nhiều người mang phải mà không chỗ tránh.

Ở đảo, sau ông O. Coonell bị triệt, chánh-sách khai phóng lại thay đổi mà hồi-phục lại chế-độ bó buộc cay nghiệt như ngày trước, trong tù đã tỏ

(1) Ma-cô 麻姑 trong sách Thuyết-dị nói Ma-cô tuổi nhỏ đã 3 lần thấy bề cạ.

ra về thất vọng. Sau có quan Tham-biện Andoand lại, chánh-sách đối đãi trong tù lại càng nghiêm thiết bội phần (1918-1920).

Ông này cụt một cái tay mặt, người ta nói trước làm quan Thương-chánh, trong trận Âu-chiến về tòng quân phải đạn bị cắt cánh tay mặt, nên chỉ có một tay (ông ta viết bằng tay trái mà viết chữ đứng rất tốt). Trong tù gọi là « ông lớn một tay ». Đối với tù rất là nghiêm khắc, động một chút gì là phạt rất nặng, mà nhất là đối với bọn tù chung-thân thì kẻ hằm, người xiềng, không mấy người khỏi. Vì thế, khám tù chung thân mới diễn ra tấn kịch « liêu chết bạo-động » đó là ngày mồng 4 sau tết âm-lịch kỷ-vị (1918).

Thường lệ ngoài đảo, mỗi năm tết nguyên-đán âm-lịch, nghỉ việc 3 ngày, cho tù ăn chơi 3 bữa, cửa phòng mở toang, cho tù ra sân và nơi hiện hàng ba, hoặc hát bội, hoặc cờ bạc chơi thả cửa, trưa và tối vào khám, 3 ngày ấy cũng được chơi như thế là lẽ thường và đã thành thói quen, cũng là cái đặc ân trong tù vậy.

Năm ấy, chơi ba bữa tết rồi, đến ngày mồng 4, các sở làm ngoài đều cắt đi làm như thường. Còn khám tù chung thân, thì cho đập đá sau bagne.

Bữa ấy tôi cùng các tù sở ruộng làm xâu gặt lúa ngoài bàu sen, cách xa bagne độ trên một cây số. Chiều chiều độ 2 giờ, bọn tù đang cõi trần mình gặt lúa tham-đứng dưới bàu sâu, bỗng nghe trong bagne có tiếng sùng nổ dữ dội kế tiếp không dứt,

như là hai bên đánh nhau; bọn tù đều tỏ vẻ kinh hãi, mà bọn cai và linh coi sở đó, cũng biết trong bagne có sự biến xảy ra. Cai và linh bèn hạ lệnh thôi việc cắt lúa, bắt cả sở ruộng đều tụ lại một chỗ, không được rục rịch, đũa nào chạy xớ rớ sẽ bị bắn.

Chúng tôi xúm ngồi một chỗ trên bờ bàu, vẫn nghe tiếng sùng từng hồi, hơn cả giờ đồng hồ mới vắng.

Đến 5 giờ chiều, cai và linh mới dẫn chúng tôi sắp hàng đôi kéo về bagne. Vừa đến nửa đường thì gặp quan Chánh cùng vài chục linh sơn đá ra đón. Trước hỏi người cai :

« Bọn tù này yên lặng ».

Cai trả lời : Bầm yên lặng.

— Cho dẫn về.

Sau nghe nói ngày ấy các sở đi làm ngoài, đều có linh đi đón như vậy.

Về đến bagne, vào trong sân thì thấy xác chết nằm ngổn ngang, máu chảy thành đống, mắt không dám ngó, cửa phòng mở ra, nhốt chúng tôi vào trong; bữa chiều ấy nhân sự biến đó, nhà bếp không nấu cơm, nên các tù đều nhịn đói. Trong bọn quốc-sự-phạm có ông Tú Phạm-cao-Châm (Quảng-nghĩa) và ông Nguyễn-trọng-Thường (con cụ Tân-Thuật) ở chung trong khám chung-thân nên bị chết lây.

Tấn kịch khởi nghịch (révolte) này, nguyên bọn tù chung thân có mấy người anh chị làm chủ động. Trong lúc đập đá, cầm húa đập đá thừa nhíp bất ý



đập người Mata coi sóc đó và người Cai coi kho ở sát baigne mà dứt súng (giết được 2 người). Tay đã có súng bèn bắn nhào Gardien, nhưng không trúng.

Nghe tiếng kiếng đổ báo hiệu, quan Chánh, Gardien Chef, quan hai và Gardien, sơn đá tới đồng, Quan chánh truyền lệnh bắn vào trong sân baigne, hễ tên tù nào chạy đi xó rờ đều bị bắn. Trừ có bọn tù làm bếp trốn núp trong nhà bếp, ngoài ra bọn chung thân có 80 người đều chết dưới viên đạn sơn đá, dầu là trong có nhiều người không biết việc gì, chỉ lo trốn mà cũng không khỏi chết. Trận biển này có lẽ là tấn kịch lớn trong tù Côn-lôn, và năm sau, quan Chánh bị tên tù giết, đó là một cơ.

### CX

Ở ngoài đảo 13 năm, chính tôi thấy cuộc đại biển trong tù có 3 lần, không kể chuyện tù giết lẫn nhau là chuyện thường :

- 1) Ông Gardien Chef O-ra bị tù giết.
- 2) Tấn kịch tù chung thân bạo động (2 chuyện này đã thuật trước).
- 3) Tên bồi quan Hai bắn quan Tham-bien Audoand.

Vụ Audoand xảy ra, tôi cùng mấy người thư-ký và lon-ton đang ở trong phòng giấy, có người ký-lục Tây cũng ở phòng liền đó. Phòng giấy cùng dinh quan Chánh cũng ở một vườn, cách dinh ấy độ 60 thước tây. Chúng tôi đương làm việc, bỗng

nghe trên dinh quan Chánh có tiếng súng nổ luôn 3, 4 phát. Người ký-lục truyền lệnh đóng cửa phòng giấy lại, bọn chúng tôi đều nhốt trong phòng, không rõ ở ngoài có việc gì, chỉ nghe có tiếng tên bếp quan Chánh la lớn :

« Boy Lieutenant tirer Directeur » ! một chốc mở cửa, thì thấy quanh dinh quan Chánh, nơi tam cấp cửa sau ở phía phòng giấy, nào quan Hai, nào Gardien Chef, Gardien và sơn-đá cùng mata, lại có quan thầy thuốc, đều đến đứng chật, có Infir-mier đem bông đến băng. Chúng tôi cũng bước lại gần xem, thấy quan Chánh và tên bồi nói trên, mình đầy cả máu và nằm gần nhau, chính ở cửa trên bậc tam cấp, người ta nói tên bồi ấy bắn quan Chánh mấy phát, thấy chết rồi, quay súng lại tự bắn mình mà chết luôn tại đó. Khẩu súng ấy chính là súng của quan Hai treo ở nhà mà tên bồi kia ăn cắp để làm việc hung bạo ấy.

Sau xét ra tên bồi này có bị quan Chánh phạt xiềng mấy lần mà y cho là oan, căm lòng tức giận. Vả lại, tấn kịch bạo động của bọn chung thân mà 70, 80 người chết, trong có bạn bè của y, thừa dịp ăn cắp súng mà làm việc báo cứu này.

Án này phát ra, rung động cả trong đảo tù, có nhiều người tình nghi bị bỏ giam hầm kín; sau ở Saigon có phái quan ra điều tra, thì rõ vụ này do thù oán mà ra, và tên hung thủ đã chết rồi, nên không mấy người liên lụy như án ông Chef O-ra trước.

CXI

Tôi sang làm xâu nhà vô-tuyến-diện ở Cò-ông, gánh cát, khiêng đá, làm thợ hồ, rành công việc nặng độ hơn 1 năm (1918), vừa gặp phòng giấy quan Chánh cần người thư ký, lại được lệnh bổ sung chức ấy.

Nguyên lúc ấy có mấy người tù trong Nam, thông chữ tây, các việc trong phòng giấy đều về bọn ấy chiếm cả. Song bọn ấy có 2 người phạm tội gian mạo bị phát lộ, bị phạt, không được làm nữa. Trong đám Gardien biết « tui quan to » quốc-sự-phạm nhiều người thiệt thà, tôi lại có đoạn lịch-sử làm việc nhà giấy Gardien Chef mấy năm, nên được sung vào chun thư ký nói trên.

Tôi làm đó hơn nửa năm, chuyên chép công văn thơ trát và sổ « bôn » sổ « phạt ». Trong việc thơ từ phiên dịch cùng lối văn việc quan, có biết nhiều ít là nhờ khóa học mấy tháng trong trường thiên nhiên ấy. Nhân đồng làm việc đó có tên Ch. y giỏi chữ tây, được quan trên yêu, có ý lảng nhục, tôi nghĩ không làm việc chung với nó được, nên xin từ chức vào làm sở ghê mây.

CXII

Trong tù phạt có nhiều cách nặng nhẹ, như phạt tiền công mấy ngày, xiềng một chun (chaine simple), xiềng đôi (chaine double) xiềng đạn (chaine

à boule), bỏ hầm (cellule). Kỳ hạn phạt từ 1 tháng, hoặc 15 ngày, 10 ngày, 8 ngày, 4 ngày, tùy lỗi nặng, nhẹ; đã bị phạt thì ngày phạt đó trừ tiền công.

Tôi ở tù trên 10 năm, không bị phạt lần nào. Năm ấy ở sở làm ghê mây, anh em đun nước trà uống, bị Gardien signaler, bị phạt 8 ngày xiềng đôi (chaine double) tôi có bài thi :

1) 藤工隊裏日隨班  
足下何來鉄兩環  
曾十年餘無一響  
行聲今日忽珊珊

*Ngày thường sở ghê vẫn làm quen,  
Xiềng cột hai chun sắt có khoen.  
Mười mấy năm trời nghe vắng vẻ,  
Chun đi nay có tiếng leng keng.*

2) 疆權世界理無公  
筆力輸他鉄力雄  
造意若容陶冶手  
也應鑄爾作青鴻

*Cường quyền nào kể lý bao nhiêu,  
Ngòi bút mềm thua sắt cứng nhiều,  
Lò tạo nếu dung tay thợ khéo,  
Thử đem mầy đúc lưỡi gươm đeo.*

CXIII

Nguyễn-Quân Siêu-Tùng có tánh nghiện rượu, được làm chun Khán - hộ ở nhà thương, ngày

đem được ở ngoài, thường mua rượu uống say, cao đàm hùng biện, khi say thì trong con mắt xem trời cũng nhỏ. Thấy tôi hay nghiên thi, gọi tôi là « thi cuồng ». Tôi bảo : Thi cuồng không hơn tửu-loạn sao ? Nhân tặng Nguyễn-quân một câu làm kỷ-niệm :

生來紙百頁，太半塗鴉，筆挾  
霜鋒，幾度興來狂我舞。  
眼前酒一罇，便揮談塵，杯傾  
滄海，甚時渴到亂君吞。

*Xấp đời trăm giấy, bói hình quạ nửa phần, bút  
nhuộm hơi sương, mấy lúc hứng lên cuồng tớ múa.*

*Trước mắt một chung, hươu đuôi nai nói khoắc,  
chén nghiêng dốc biển, mỗi lần khát đến loạn  
người say.*

CXIV

Ở Bắc-kỳ có mấy người án biệt xứ (interné), như ông Trần-Thúy (Cát-thành), Nguyễn-triệu-Trung (Phụng-xuyên), Nguyễn-Thiệp và Nguyễn-huy-Tiễn, lúc đày ra Côn-lôn, được ở ngoài buôn bán làm ăn và được đem vợ con theo. Khoảng các ông này ra đảo, may gặp lúc chánh sách khai phóng của ông Tham biện O. Coonell, các ông người mở tiệm buôn, người làm nghề dòi mồi, gỏi hàng Bắc ra bán, tiêu lộ hưng vượng một lúc. Ông Trung và ông Thiệp có hùn vốn với chúng tôi, một dãy 3 cái tiệm « politiques » chiếm phần phong

lưu hơn cả các tù khác. Sau ông O. Coonell bị triệt về, tôi cùng My-sanh, Tập-Xuyên, Phong-niên đều bị vào khám đi làm xâu các sở. Mấy tiệm buôn đó chỉ còn mấy người Bắc-hà coi sóc, thành mấy ông ấy được hưởng phần phong-lưu cho đến ngày mãn về.

Khi 3 ông Cát-thành, Tú-Trung và Thông-Thiệp về đều mang một số tư-bản khá. 3 ông ấy về, tôi có bài thi tặng :

1) Tặng ông Cát thành :

一 爆 轟 轟 特 地 催  
窮 荒 樵 悴 剩 生 涯  
初 心 本 爲 同 胞 起  
壯 志 那 因 一 剝 頹  
鄉 國 恩 深 教 責 重  
風 塵 苦 盡 帶 甘 來  
濃 山 珥 水 逢 迎 處  
爭 指 崑 崙 絕 嶺 回

*Đất bằng tiếng sét dễ ghê hồn,  
Cùng đảo mà lừa kẻ sống còn.  
Vi bạn đồng bào chung việc nghĩa,  
Hà nhân một vấp nguội lòng son.  
Nhờ ơn đất nước thành mang nợ,  
Hết đảng phong trần đến lúc ngon.  
Sóng Nhị núi Nồng khi gặp gỡ,  
Trăm trò trăm miệng « khách Côn-lôn ».*

2) Tặng ông Nguyễn-triệu-Trung :

羣	負	催	人	不	暫	閒
五	年	挈	眷	此	窮	山
災	於	無	妄	何	須	柴
言	到	同	心	不	辨	蘭
辛	苦	別	饒	佳	貺	在
江	山	剩	帶	笑	容	還
歸	來	談	到	羈	囚	史
夜	夜	焚	香	送	炸	丸

*Vì nợ bầy nên nhọc cũng cam,  
Mang nhà ra đảo khổ năm năm ;  
Cải tai vô-vọng cần gì thuốc,  
Lời nói đồng tâm ngấm rất thơm.  
Cay đắng còn lừa sanh thú chán,  
Non sông về thấy tiếng cười rôm ;  
Ngày sau học chuyện ky tù nợ,  
Hãy đốt vàng hương tống quả bom ! (1)*

3) Đưa ông Thông-Thiệp :

北	南	同	罪	卽	爲	朋
痛	癢	相	關	又	一	層
豈	有	孔	方	長	我	愛
不	妨	劇	界	讓	人	登
浮	萍	散	聚	情	無	限
絕	島	歸	來	價	倍	增
更	有	一	樁	談	柄	好
逢	人	先	說	廣	鴻	興

(1) Vì tình nghi chuyện bom.

*Vân phùng đồng tội Bắc và Nam,  
Đau giữa cùng nhau trải mấy năm. (1)  
Há có thần tiên yêu tớ mãi,  
Tha hồ sản khẩu nhượng người xem. (2)  
Cánh bèo tan hiệp tình lai láng,  
Tuyết đảo đi về giá bội thêm.  
Một chuyện gặp người nên nhắc lại :  
« Quảng-Hồng-Hưng » ấy hiệu đồng tâm. (3)*

CXV

Tôi cùng cụ Thai-Son, cụ Tập-Xuyên và ông Nghĩa-Bình đền án « déporté » không có kỳ hạn. Ra đảo 5 năm thì có giấy tư ra được ân giảm xuống cải hạng 13 năm khổ sai (năm 1913). Chúng tôi chắc rằng vài năm sẽ có lần ân giảm thứ hai nữa. Nhưng ngóng trông đã lâu không có tin gì, đến sau trận Âu-chiến (1919), nước Pháp được thắng trận. Lúc ấy tôi ở phòng giấy Tham-biện, giữ việc sao lục văn thơ, thấy có tờ tư của chánh phủ Trung-kỳ gửi lại, trong có hỏi bọn tù quốc-sự Trung-kỳ ở ngoài đảo, tánh hạnh thế nào, có người nào nên tha, nên giảm v. v. . . Quan Chánh ngoài đảo có tờ phúc đại lược nói bọn tù quốc-sự Trung-kỳ ở ngoài đảo, trải 10 năm nay đều giữ phép làm công việc đền tội không đều gì quá phạm, đáng hưởng đều luật ân xá v. v.

(1, 2) Ông Thiệp hùn vốn vào tiệm buôn với tôi cùng ông Phong-thử. Sau chúng tôi vào khám, tiệm ấy do ông coi sóc đến ngày ông về.

(3) Quảng-Hồng-Hưng là tên hiệu buôn.

(Tội quốc-sự-phạm ở Côn-lôn về lớp quan to chúng tôi, so với tù khác, thật là hiền lành hơn nhiều, không mấy người bị phạt. Tôi ở phòng giấy Gardien Chef chính ghi chép sổ phạt, và lúc ở phòng giấy Tham-biện, cũng ghi những nốt của tù. Về các bọn tội khác, những việc đánh lộn, chơi bời, cờ bạc, gian diêu, không ngày nào không có, mà tội quốc-sự-phạm không mấy người phạm tội ấy. Mỗi người tù có tấm ảnh riêng ở phòng giấy, mỗi lần bị phạt thì ghi vào cái ảnh, có nhiều tên ghi sự phạt đầy cả tấm phít ấy; mà những tấm ảnh của tội quốc-sự quan to, nhiều cái được trắng bong, không có bị phạt, có chẳng trong 10 năm có vài lần bị xiềng thôi. Quan Tham-biện muốn khảo sát tánh hạnh tù, bằng theo tấm phít ấy, nên bọn quan to được đứng vào hàng tánh hạnh tốt).

Tôi được cái tin quan trên tư xin tha, có gởi thơ cho anh em báo tin mừng, trong có câu :

« Chim nhạn có thơ, đầu qua không lâu sẽ được trắng 鴈足有書, 烏頭不日將白矣... ».

Anh em được nghe tin ấy, ai nấy mừng thầm. Ai ngờ chuyện mừng chưa đến, bỗng tiếp được cái tin sét đánh, buồn bực làm sao ! ấy là tờ tư của chánh-phủ Trung-kỳ tư ra, đại lược nói : Phạm quốc-sự-phạm ở Trung-kỳ đây ra Côn-lôn, những án chung thân mà được giảm cải hạng 13 năm, thì kể từ năm được giảm đó làm đầu, còn bao nhiêu năm đã ở tù trước ngày giảm đó đều không kể....

Ngoài đảo tiếp được tờ tư ấy, trên đỉnh bài của chúng tôi, trước kia ghi « 1921 thì mãn » (kể 1908-1921 tức đủ 13 năm), nay đều đổi ghi lại đến 1927 mới mãn. Ôi thôi ! lãnh cái đỉnh-bài mới đổi hạn ấy, ai nấy cũng ngó mặt nhau mà lắc đầu, tỏ bộ sảng sốt như sét đánh ngang trán, tưởng trên đời không có lúc nào có cái sự buồn bằng cái buồn lúc ấy. Người xưa nói « đường đi trăm dặm, đến 99 dặm rưỡi mà chưa được nữa đường », rõ là tỏ cái tình cảnh của chúng tôi lúc ấy.

Vì sự buồn ấy, tôi xin từ việc phòng giấy ra làm sở ghế mây, và cùng anh em làm đơn nhờ quan Tham-biện gởi về quan Toàn-quyền, quan Khâm-sứ Trung-kỳ xin tha khoản « kể theo năm giảm » nói trên...

Quan Tham-biện có lời phủ ủy nói bên Tây không có cái luật lạ đời như thế, mà ở Đông-dương thì Nam Bắc-kỳ cũng không có điều luật ấy. Duy độc ở Trung-kỳ có cái luật « kể từ năm giảm mà xóa cả những năm ở tù trước », ngài sẵn lòng đệ đạt những đơn của chúng tôi.

Năm ấy tôi lại xin ra làm sở đòi mồi, là cái xâu cuối cùng của tôi tại đảo Côn-lôn.

### CXVI

Tôi cùng Phan-quân My-sanh (Phong-thử) đồng một án. My-sanh có người con dự cuộc Âu-chiến, lưu học bên Pháp, có đơn gởi về các nhà đương

cục bên này kêu oan cho cha. Nên My-sanh cũng  
cải hạng 13 năm, mà ở được 11 năm, có giấy ân  
xá được về trước tôi 2 năm. Tôi có đưa hai bài  
thi :

1) Bài ngũ ngôn :

別是銷魂物  
分襟况獄中  
去留今日異  
辛苦十年同  
海濶舟臨岸  
天高鶴出籠  
倚闕猶有母  
一見笑顏紅

*Cái biệt, ghê hồn nhĩ !  
Phương chi giữa cảnh cùng.  
Ở, về chia khác ngã,  
Cay, đắng lẫn mười đông.  
Biên rộng thuyền gần bến,  
Trời cao hạc thoát lồng.  
Mẹ già cùng thấy mặt,  
Dựa cửa thỏa lòng trông.*

2) Bài trường thiên :

歐潮東來撼亞陸  
千年祖國沉地獄  
堂堂八尺男身縮  
熱血壹漲難自場  
回憶壹年夢壹

暗室何來壹線光  
旱地忽然霹靂起  
呼號奔走舉國南北紛若狂  
躍力微薄弱壓力猛  
荆棘盈途正路梗  
妖雲壹網四面張  
商會學堂盡泡影  
孤島邇來餘十秋  
故國河山頻回頭  
奄奄豈是惜壹死  
只恨滿腔懷抱當日未  
黃金歲月去何速  
顧影蹉跎愁悴肉  
何期剝後碩果存  
又與河山見面目

只恨滿腔懷抱當日未施半籌

歸矣乎風塵閱盡見真吾  
閉門長謝空談儒  
著著踏下實地去  
東隅已逝看桑榆  
臨風一曲心如烘  
舉頭四望水濛濛  
君不見雙翼鳳六翻鴻  
繼籠一出，咫尺之外皆蒼空

Theo điệu « lục bát gián thất »

*Sóng Âu hải truyền sang đông Á,  
Xót nước nhà lấp khỏa dưới ao sâu.  
Thân trai tám thước mây râu,  
Một bầu tâm huyết lẽ đâu ngồi nhìn ?  
Giấc mê mộng trải nghìn năm bằng lảng,*

Phòng kín dẫu tia sáng bỗng soi vào.  
 Đất bằng tiếng sét xôn xao,  
 Khắp người trong nước, hô hào như say.  
 Sức nhảy kém sức đè càng nặng,  
 Trên đường đời lắm chặng gian nan.  
 Tư bề bủa lưới mây đàn,  
 Hội buồn trường học, bóng tan bọt chim.  
 Cảnh tù tội mười năm Côn-hải,  
 Tầng quay đầu ngấm lại non sông.  
 Vãn cầm cái chết như không,  
 Chưa nên một việc, tấm lòng chưa cam.  
 Ngày tháng cứ xăm xăm đi chóng,  
 Thịt-vỡ non ngấm bóng thêm buồn !  
 Trời đông trái lớn vẫn còn,  
 Mặt mây lại gặp nước non lần này.  
 Cái « ta » đã trải đầy gió bụi,  
 Về phen này từ tụi nhỏ ngông.  
 Bước đường chắc chắn sẽ dong,  
 Buổi mai đã hồng, hẳn trông buổi chiều.  
 Ca một khúc chín chiu ruột nóng,  
 Trông tư bề ngọn sóng mênh mông.  
 Kia xem chim phụng chim hồng,  
 Đường mây thẳng cánh, ra lồng bay cao.

CXVII

Nguyễn-quân-Cầu (cử Giản-Thạch), Nguyễn-cảnh-Lâm (tú Phật-Tịch) và Trịnh-đình-Lưu (y sanh), người Bắc-hà. án 5 năm đầy ra Côn-lôn, ra sau chúng tôi mà về trước. Cả 3 bạn khi về đều

có bài thi lưu biệt anh em (không nhớ nguyên văn), anh em có họa vận đề tiền :

Bài thi của tôi và lời dẫn :

痛哉人之無國，豪傑不免囚奴；  
 黯然別之銷魂，留去同斯感慨。  
 况傾蓋於窮海荒山之際，且  
 分襟於凄風苦雨之中。

脾生肉以自愁  
 血滿腔其未洒  
 頃承惠柬  
 倍觸幽衷  
 聊此續貂  
 竊思附驥

鴻泥留爪，謹誌吾儕半生文字之緣。  
 魚釜好音，用當古人三疊陽關之曲。

自崖遠矣  
 翹足俟之  
 詩如左

DỊCH : Xót thay người không nước, kẻ hào-kiệt mang kiếp tội tù ; buồn rút biệt ghê hồn, cảnh về ở đồng cơn cảm khái.

Hương gặp chắc giữa núi hoang biển thăm, và rẽ nhau trong gió thăm mưa sâu.

Về sanh thịt mà thêm rầu,  
 Máu đầy lòng mà chưa xỏ,

Vừa xem thơ biệt, vội xúc lòng riêng.  
 Bèn nối đuôi thiêu,  
 Mong nường gót ngựa,  
 Vết hồng trong tuyết, ghi bọn ta cái duyên  
 vẫn tự nửa đời,  
 Nồi cá dưa tin, học người xưa, xướng khúc  
 Dương-quan ba đội (1)

Từ bờ xa vậy,  
 Ngóng cảng trông theo.

Họa vận đưa bạn Giản-Thạch :

1) 長 夜 漫 漫 滯 曙 輝  
 妖 雲 成 陣 滿 空 飛  
 幾 回 呵 壁 吟 哀 鄂  
 又 此 中 泥 賦 式 微  
 馬 齒 催 人 頻 顧 影  
 蟬 聲 到 枕 一 沾 衣  
 登 山 臨 水 無 窮 意  
 客 與 寒 秋 一 度 歸

Đêm dài dặc dặc sáng còn lâu,  
 Máy trận mây đen kéo mịt mù. (2)  
 Ai-sính ngâm bài kêu vách hỏi, (3)

(1) Nồi cá (kinh-thi : 誰能烹魚, 漑之益鬻誰能西歸懷之好音.  
 (2) Chỉ cuộc Âu-chiến cùng việc Duy-lân và Thái-nguyên.  
 (3) 哀 鄂 Là bài của Khuất-nguyên, Khuất nạt vách hỏi trời.

Thức-vi phú khúc giữa bùn sâu (1)  
 Dục người, ngựa nọ càng thêm tuổi (2)  
 Khuấy giặc, ve kia cứ gọi sâu (3)  
 Lợi nước trào non lòng bát ngát,  
 Khách về một độ bạn trời thu.

2) 煌 煌 震 旦 掛 朝 暉  
 歐 野 羣 龍 戰 血 飛  
 爭 競 劇 場 千 態 出  
 蒼 茫 故 土 隻 身 微  
 凌 霄 鴻 鵠 遲 霜 翻  
 玩 日 蜉 蝣 愛 雪 衣  
 君 去 焚 香 祝 華 拿  
 壁 空 催 促 國 魂 歸

Biển đông chơi đợi trở vầng hồng,  
 Khấp nội trời Âu nhuộm máu rồng. (4)  
 Tranh-cạnh trường đua trăm vẻ mới,  
 Mịt mù nước củ cặp tay không.  
 Mây cao hồng học dương nuôi cánh,  
 Ngày vẫn, phù-du cứ chuốt lông.  
 Hoa, Nả, người về hương đốt vái,  
 Gọi mau hồn nước có về không !

(1) 式微 Kinh thi : có câu « sao lại ở trong bùn »  
 胡 爲 乎 泥 中.  
 (2) 馬 齒 Nói tuổi nhiều.  
 (3) Lạc-tân-Vương có bài thi ở trong ngục nghe ve kêu.  
 (4) Lúc ấy đương trận Âu-chiến.



Họa vãn đũa Tú Cảnh-Lâm

3) 瓊 宛 名 花 偶 一 簪  
 虛 名 貽 誤 到 如 今  
 石 人 當 下 無 情 淚  
 玉 女 誰 窺 造 物 心  
 絕 壑 風 濤 孤 鶩 立  
 寒 山 雷 雨 老 龍 吟  
 蒼 茫 別 况 君 須 記  
 千 載 成 連 海 上 音

Đóa hoa vườn Ngự dất bên trâm,  
 Mang cái hư danh rõ sự làm.  
 Đá cứng còn rơi giòng lệ nóng,  
 Ngọc nên dăm chắc ý trời chăm.  
 Hồ cao chìm né nghiêng mình đứng,  
 Núi lạnh rỗng có cất tiếng ngâm.  
 Cảnh biệt lạnh-lùng người nhớ lấy:  
 Đờn Thành-liên, mấy kẻ tri âm. (1)

4) 一 登 金 馬 便 投 簪  
 狂 眼 雙 開 閱 古 今  
 擬 化 億 千 身 救 世  
 寧 知 八 九 事 違 心  
 河 山 葱 蔚 猶 佳 氣  
 天 地 風 塵 獨 苦 吟  
 淒 絕 窮 荒 分 手 處  
 鍾 儀 琴 曲 尙 南 音

(1) Bá-Nha học đờn với Thành-Liên, ông ta đem ra ngoài biển vắng vẽ dạy đờn, khi biệt về, Bá-Nha gảy khúc thủy-tiên thành khúc hay tuyệt diệu.

Kim mã (1) lia trâm bỏ võ lường,  
 Ngắm xa cặp mắt rõ như cuồng.  
 Đã đành muôn kiếp lo đời dấy,  
 Hay nổi trăm đều trái ý luôn!  
 Ngui ngút non sông lựa khi tốt,  
 Gió giông trời đất chỉ ngấm suông.  
 Chia tay góc biển tình lai láng,  
 Một khúc nam âm chất khối buồn. (2)

Họa vãn đũa Thọ-Đôn Trịnh-dinh-Lưu

5) 百 鍊 神 丹 不 記 冬  
 輪 生 可 肯 受 人 籠  
 誰 知 在 病 國 需 藥  
 不 瘥 重 葫 蘆 貯 中  
 秋 憑 君 舊 山 似 罌  
 到 處 鍊 井 到 心 紅  
 鐵 應 無 不 若 蓬

Trâm luyện đờn thần chẳng kẻ năm,  
 Minh sanh lòng cánh dễ ai cầm. (3)  
 Ngõ con nước bệnh cần nên chữa,  
 Mà thuốc bàu tiên sấm chữa nhằm.  
 Núi quanh mây đen hơi độc nặng,  
 Giếng xưa quit đỏ tiết thu dầm. (4)  
 Trông người rèn đúc lòng như sắt,  
 Gặp cảnh đầu đầu cũng thuận giảm.

(1) Kim-mã là cửa quan sang.  
 (2) Chung-Nghi người nước Sở, bị nước Tần bắt bỏ tù, ông ta gảy đờn theo tiếng nước Sở là không quên gốc.  
 (3) Thọ-Đôn chuyên nghề làm thuốc. Bài thi Châu-Hy nói việc luyện đờn có câu «ban ngày sanh lòng cánh 白日生羽翰».  
 (4) 橘井 Điền thầy thuốc.

### CÙNG ĐƯA 3 BẠN TRÊN CỦA HY-CAO

6) 黑 幕 乾 坤 入 暮 輝  
 覆 巢 越 鳥 向 何 飛  
 山 河 劫 運 人 才 蹇  
 世 界 強 權 舌 力 微  
 恨 海 未 填 精 衛 石  
 國 喪 猶 著 編 尼 衣  
 送 君 鄭 重 焚 香 祝  
 故 國 魂 兮 早 早 歸

Màn tối trời đêm phủ bốn bên,  
 Ô tan, chim việt biết đâu chen!  
 Non sông kiếp mặt nhân-tài kém,  
 Thế-giới quyền to sức lưỡi hèn.  
 Tinh-vệ đá chưa đền biển giận,  
 Mã-nê áo vẫn giữ băng đen : (1)  
 Đưa người sấn đốt chum hương vái :  
 Hồn nước mau mau gọi lại liền.

#### Đưa Phật-Tịch

7) 南 冠 有 客 筵 朋 簪  
 涕 淚 天 涯 輒 哭 今  
 鐵 鑄 謂 何 當 日 錯  
 玉 成 容 或 老 天 心  
 軒 昂 孤 鶴 層 雲 立  
 盤 伏 羣 龍 萬 壑 吟  
 獨 坐 蒼 茫 送 知 己  
 滿 天 雷 雨 怒 潮 音

(1) Mã-chí-Nê, một tay danh-nhân Ý-dại-lợi, ngày thường bận áo thâm để tang cho nước.

Trong tù hợp bạn bóí như lời,  
 Giọt lệ thiên nhai vẫn khóc đời.  
 Sắt đúc ngày kia thành chữ thác, (1)  
 Ngọc nền trời chẳng phụ lòng người.  
 Tầng mây hạc đứng trông côi bóng,  
 Vực thẳm rồng ngâm động khắp nơi :  
 Quanh quẻ chắc minh ngời tiền bạn,  
 Sóng reo giáy biển sấm rung trời.

#### Đưa Thọ-Đôn

8) 脾 肉 蹉 跎 閱 幾 冬  
 奴 園 未 脫 又 囚 籠  
 君 家 翁 赫 王 侯 種  
 祖 國 淹 沉 醉 夢 中  
 身 世 莫 嫌 雙 鬢 白  
 血 誠 猶 貯 滿 腔 紅  
 憑 君 颯 釀 風 雲 氣  
 刮 目 相 看 後 會 逢

Thịt vế ta đã trải mấy lâu,  
 Khuôn nô chưa thoát lại vòng tù !  
 Vương hầu rầm rột con nhà giống, (2)  
 Túy mộng âm trầm nước tổ đau.  
 Chớ ngại tóc sưng phơi khắp mái,  
 Vẫn lựa huyết đỏ chứa đầy bầu.  
 Gió mây gắng sức gây nên chuyện,  
 Chống mắt cùng trông gặp hội sau.

(1) Câu đời Lục-Triều «nhuộm sắc 6 châu đúc thành chữ thác 聚六州之鉄鑄成壹錯字» nghĩa là hồng việc. Hy-Cao trốn bị bắt lại nên nói thế.

(2) Trịnh-quân, con cháu giông chúa Trịnh.

### CÚNG ĐƯA 3 BẠN TRÊN CỦA CỤ THAI-SƠN

#### Đưa Giản-Thạch :

9) 緇 塵 愁 殺 謝 玄 暉  
 愛 國 深 慚 亞 刺 飛  
 冤 似 海 深 嫌 力 淺  
 事 如 天 大 覺 身 微  
 熱 心 人 盡 憂 黃 種  
 恨 史 君 應 記 赭 衣  
 回 首 東 隅 猶 可 挽  
 商 音 一 曲 送 將 歸

Bụi đen họ Tạ chán trò đời, (1)  
 Yêu nước bi đầu tướng nước Ai. (2)  
 Sức cạn, oan ghê sâu quá biển,  
 Minh con, việc khổ lớn hơn trời.  
 Giống vàng đều gánh con lo cả,  
 Áo thắm người ghi mỗi giận dài. (3)  
 Ngãnh lại vừng đông còn kéo được,  
 Thương-âm một khúc gọi đưa người. (4)

#### Đưa Phật-Tịch :

10) 也 有 花 枝 不 當 簪  
 塵 纓 偶 著 矧 茲 今

(1) Câu thi Tạ : 京洛多風塵, 素衣化爲緇 緇 緇 緇  
 bụi áo trắng hóa đen.  
 (2) A-Lạp-Phi danh tướng nước Ai-cập.  
 (3) 赭衣 áo đỏ đời xưa dùng phạt cho bọn tù.  
 (4) Thương-âm là tiếng mùa thu.

武 寧 自 昔 多 奇 氣  
 文 學 知 君 匪 夙 心  
 劍 馬 馨 香 扶 董 跡  
 山 河 夢 寐 月 江 吟  
 綠 林 老 矣 青 衿 弱  
 誰 鑄 新 軍 唱 越 音

Nhánh hoa không thích đã lia phăng,  
 Lỡ vương giày trần lụy nhố-nhăng.  
 Nổi tiếng Vũ-Minh nhiều khi lạ, (1)  
 Chán nghề văn học biết lòng hăng. (2)  
 Đèn Phò gươm ngựa hương ngui ngút,  
 Bến Nguyệt non sông mộng diu dăng. (3, 4)  
 Rừng lục già, trăng xanh lại trẻ, (5)  
 Việt âm quân nhạc xướng nên chăng ?

#### Đưa Thọ-Đôn

11) 坐 我 窮 荒 十 二 冬  
 也 無 佳 句 當 紗 籠  
 矧 斯 縷 縷 千 端 集

(1) Vũ-ninh xưa là tỉnh Bắc-ninh nay, có tiếng nhiều người khí tiết.  
 (2) Phật tịch-quân thích mặt giăng-hồ kiếm-hiệp không thích văn học.  
 (3) Vũ-ninh có miếu Phò-dông Thiên-vương.  
 (4) Lý-thường-Kiệt đánh Tống, quân đến sông Như-nguyệt (Bắc-ninh) nằm chiêm bao nghe câu thần mịch : 南國山河南帝居...  
 (5) Lục lâm chỉ bọn kiếm-hiệp, thanh khâm chỉ bọn văn nhược.

寫 入 寥 寥 數 語 中  
 靈 邑 秀 源 瀟 水 碧  
 君 家 恨 血 杜 鵑 紅

(quên 2 câu)

Mười mấy năm nay giữa biển không,  
 Thi hay đâu đáng lựa the lồng (1)  
 Trăm điều dồn dập lòng đương chứa,  
 Mấy chữ đơn sơ nói chẳng cùng.  
 Linh ộp nguồn thiêng giòng nước bích,  
 Nhà người huyết giận máu quỳên hồng,

Cũng đưa 3 bạn trên, Siêu-Tùng có  
 bài thi quốc-ngữ tiền chung  
 có vẻ thoát-sáo :

- 12) Tiền nhau đây mới thật vô duyên,  
 Không biết ai về bụng nhớ quỳên ?  
 Họạ chẳng theo vần thi bố lão,  
 Uống không sợ phép rượu thắng diên. (2)  
 Non sông ai đó phường hào-kiệt,  
 Sách vở nào đâu chữ thánh hiền ?  
 Buồn rứt nghĩ ra không muốn viết,  
 Giấy tôi còn trắng mực còn đen.

(1) Vương-Bá đời Đường lúc hàn vi ở ẩn nhà chùa họ bị bọn thầy tu hắt hủi, để câu thơ trên vách bỏ đi, sau làm quan sang lại, chùa ấy, thấy câu thi của mình được the lồng tử tế.

(2) Siêu-Tùng nghiện rượu.

### HAI CỤ GIÀ ĐỜI CỰU ĐẢNG CẦN-VƯƠNG

Người củ đảng Cần-vương dầy ra Côn-lôn, Tiểu-La tiên-sanh là một tay học-thức kinh-nghiem, tân-cựu đồng-nhân đều tâm-phục. Tiên-sanh lúc Cần-vương mới 23 tuổi mà làm chức tán-tương, có tiếng « quân-lữ » xuất sắc đời ấy, đến khoảng tân-học này chủ - tri đại cuộc, trừ hoạch nhiều thiết-trước, hai cụ Phan đều tôn như bác thầy — đã kể chuyện trước — khi mất ở Côn-lôn mới 46 tuổi.

Thứ nữa thì Trần-trọng-Cung (dồ cát) ở Bắc-hà, người rất thành-phác thuộc chuyện đời Cần-vương như một bộ sử trong bụng, cũng là người ít có. Cũng chết ở Côn-lôn lúc 50 tuổi.

Đến sau mấy năm có 2 cụ già đời Cần-vương trên 70 tuổi mà dầy ra Côn-lôn, rõ là việc không ai tưởng đến.

Ấy là cụ Nguyễn-thiện-Kế và cụ Lãnh-Đạt.

Cụ Nguyễn-thiện-Kế là em cụ Tân-dông Nguyễn-thiện-Thuật (đồng thời với cụ Tân-Bắc Nguyễn-Cao), cụ Thuật làm tán-tương trong cuộc Cần-vương, trước có cọng-sự với Lưu-vĩnh-Phúc. Sau ông Tôn-thất-Thuyết trốn sang Tàu, cuộc Cần-vương tan, cụ sang Tàu với Lưu-vĩnh-Phúc. Cụ sang Tàu rồi, bà con nhà đều trốn vào rừng, cụ Kế thường qua lại thăm anh, còn ở trong nước thì dấu tên họ làm ông già bán thuốc bắc. Cả nhà cụ Tân đều tan tác theo việc quốc-sự cả — con là Tuyên và Thường đều chết vì việc nước — cụ Kế làm nghề bán

thuốc bắc, đi lại đất Tàu trên 30 năm không ai biết.

Mấy năm, có phong-triều đông-học, thiếu-niên sang Tàu nhiều, có người nghi cho cụ là người dẫn đường, nhà mật-thám lưu-ý. Một ngày nọ cụ bị bắt ở hàng phố nọ trong khi đi bán thuốc hoàn, thuốc tán, lúc ấy tuổi cụ đã trên 70. Lúc cụ bị bắt giam, lấy mẽ chai mổ bụng toan chết theo ông Nguyễn-Cao, nhưng có người cứu khỏi chết, bị đày ra Côn-lôn, trong tù gọi là cụ Thất.

Ông Lãnh-Đạt là bộ tướng của cụ Phan-dinh-Phùng, cuộc tan, ông trốn qua Xiêm, người ta dò xét, nên ông bị bắt đày ra Côn-lôn. Tuổi trên 70, song còn mạnh, chỉ thuộc chuyện cũ, không hiểu thế-giới mới này ra sao. Ông có một câu nói tinh thể lúc cụ Phan-dinh-Phùng ở trong núi rất đúng sự thực :

« Lúc bấy giờ cụ búa lấy chúng tôi — như Cao-Thắng, Nguyễn-Chánh v. v. — vì không chúng tôi thì lấy ai ra đương trường súng đạn. Mà chúng tôi cũng búa lấy cụ, vì không cụ thì nhân-tâm có ai nghe theo, có ai giúp lương-thực... Nhờ búa nhau đó, thầy trò chúng tôi kéo dài được nhiều năm, đến cụ chết mới tan, chớ lúc quân triều ra tội, chưa đánh được trận nào cả... »

Sau tôi về vài năm, nghe 2 cụ được tha về. Từ Côn-lôn kể 2 cụ này rõ là đèn Linh-quang nước Lỗ vậy. (1)

(1) 魯靈光殿歸然獨存 đèn này có tiếng là cô nhứt nước Tàu, trải nhiều cuộc dâu bể mà vẫn còn.

CXIX

Tấn-kịch xin thuế năm 1908 đày ra Côn-lôn trước sau gần 50 người, — không kể mấy vụ sau— trừ mấy người chết, còn thì lục tục được tha về. Duy tôi cùng mấy cụ Thai-Son, Tập-Xuyên, Nghĩa-Binh, Siêu-Tùng còn ở lại sau. Đến lúc 4 người tôi về thì Siêu-Tùng còn ở lại (án 20 năm) và mấy anh em khác ra sau. Tôi có 2 bài thi lưu đăn :

1) 十	載	歸	腸	熱	欲	煎
忽	聞	歸	信	倍	凄	然
辛	酸	飽	閱	囚	中	况
遲	暮	無	妨	烈	士	年
累	劫	河	山	餘	碩	果
半	空	紙	頁	補	前	編
君	看	苦	海	船	臨	岸
依	舊	人	羣	担	上	肩

Về chăng ? mười năm những ước ao,  
Được tin về, lại bực giương nào !  
Mùi tù đã nếm cay chua đủ,  
Lòng trẻ không phiền tuổi tác cao.  
Mấy kiếp non sông lưa sống sót,  
Nữa đời giấy trắng bỏ phần sau. (1)  
Người xem bề khỗ thuyền vô bến,  
Vai nợ bầy kia chực chất vào.

(1) Tiên-triết có nói : người sống trăm năm như tập giấy trắng 100 tờ. Có làm được việc tốt như tập chuyện hay, làm bậy thì như đem tập giấy mà vẽ cua vẽ cào còn không làm gì thì tập giấy trắng hoàn tập giấy trắng, tức là đời thừa.

2) 催 人 羣 負 鎖 相 隨  
 不 許 蹉 跎 臥 一 涯  
 羊 牧 十 年 同 北 海  
 鳥 巢 千 古 此 南 枝  
 幽 叢 招 桂 長 吟 處  
 空 谷 尋 蘭 獨 往 時  
 畢 竟 熱 腸 當 一 酒  
 青 山 青 史 也 相 宜

*Nợ bầy đeo đuổi đục bèn người,*

*Chả dè năm yên xó góc trời.*

*Biền bắc dè cùng chẳng mấy độ (1)*

*Nhánh nam chim sắn ở muôn đời (2)*

*Rừng sâu vùi quế ca xặng xái (3)*

*Hang thâm tìm lan dạo thành thời (4)*

*Rút cục máu lòng cần chỗ dể,*

*Sử xanh núi biếc rưới cùng nơi (5)*

(1) Tô-Vũ đời Hán đi sứ Hung-nô bị tù, chặn dè ở biên bắc mười chín năm.

(2) Cổ thi : Chim Việt ở nhánh Nam 越鳥巢南枝.

(3) Bài ca chiêu Ân-sĩ : quế sanh lùm trong núi thâm 桂樹叢生兮山之幽.

(4) Cổ lan sanh trong hang kín, không ai biết là cỏ thơm 蘭生幽谷.

(5) Thi nhà danh nhân cận đại Tàu :

男兒抱熱血, 百年待一酒, 一酒夫何處, 青山與青史,

CXX

Về tàu có bài trình mấy anh em đồng thuyền (lần này tôi về cùng cụ Thai-son, cụ Tập-Xuyên và cụ Nghĩa-Bình là 4 người) :

窮	島	三	千	里
羈	囚	十	二	春
同	去	十	七	人
同	歸	惟	四	國
杜	宇	聲	中	身
沙	虫	規	後	日
鬚	眉	猶	昨	民
何	以	報	吾	

*Mười hai năm tù ngục,*

*Ba ngàn dặm bề khơi.*

*Cùng đi hai mươi bảy,*

*Cùng về chỉ bốn người !*

*Tiếng quốc hồn đương bận,*

*Minh sâu cát chữa vùi.*

*Nợ bầy sao trả dặng,*

*Mày râu khỏi hồ người.*

CXXI

Về đến Saigon, ngụ phòng Bót nhứt đợi tàu, có dẫn đến sở chụp ảnh lại. Ở Saigon 3, 4 ngày, dạo thành phố chơi xem, không khác gì đi tới một xứ lạ, người đông như kiến mà chả có ai là người quen biết. Bỗng trong đêm dạo lên bờ sông, tôi cùng cụ Tập-Xuyên đương trò chuyện, thì trước

mặt thấy một người quen là ông Nguyễn-chỉ-Tin (ông Nguyễn 2 lần đầy Côn-lôn mà về trước chúng tôi độ trên vài năm), ngó nhau cùng cười, không khác gì như trong giấc chiêm bao. Nguyễn-quân mới dắt lên khách sạn, cùng nhau uống trà và kể chuyện, mới biết ông ta hiện làm về cụ Cử Lương-ôn-Như (1), cụ Cử cư trú ở Nam-vang có hiệu buôn lớn, ông ta sang đó dinh thương, nay sống Saigon mua hàng.

Lúc ấy bọn chúng tôi còn bận đồ tù — khác là đồ tù vải xanh mà chúng tôi đã giặt trắng — ông ta mới cùng người quen biện sắm cho mỗi người một cái áo « civil » và một cái mũ. Tôi có đọc 14 chữ đề tỏ ý cảm bội :

風塵換我兩冠色  
豪興傾君北海樽

*Nam quan đổi tó màu tù sẫm,*

*Bắc hải nghiêng người chén rượu hào.*

Đến ngày sau lại gặp bạn Trần-ma-Son, Nguyễn-nhu-Khanh cùng ông Phan.. là bạn quen ngày xưa, rõ là việc tình cờ không tưởng trước.

CXXII

MỘT BÀ GIÀ ÍT CÓ

Người ở đời có trải qua cái cảnh cùng sầu lưu lạc mới nhìn thấy cái thân mình ở trong

6) Cụ cử Lương-văn-Can là một nhà Hán học trú danh ở Bắc-hà, bọn tân đảng phần đông là học trò cụ, Lương-lạp-Nham là con cụ.

khoảng trời cao đất rộng, có vẻ độc tôn ; đồng thời nhờ trải qua cảnh ấy mà sau mới biết câu nói của người xưa « mới gặp nhau như bạn cũ, giao trọn đời như người lạ 傾蓋如故, 白頭如新 » là câu nói rất đúng với thế tình.

Ở Saigon vài ngày, tôi vào một tiệm may đặt may cái áo, thấy người chủ tiệm là một bà lão trên 70 tuổi, mà bọn thợ may lành là thiếu niên có 4, 5 người, đều là người ở Nam, Nghĩa ; nghe tôi nói tiếng Quảng-nam, cứ theo hỏi thăm, tôi nói thực ở Côn-lôn mới về, chúng càng tỏ ý ân cần hỏi cho được tên họ. Tôi thấy lòng thiết tha, nói thiệt tên họ. Bữa sau tới trả tiền lấy áo, thì bà lão dọn một tiệc bánh trà cùng đãi và tặng một bộ quần áo mát. Bà nói :

« Trước kia ông Phan-châu-Trình ở Côn-lôn về, thường qua lại tiệm tôi. Tôi không biết ông, song đã từng nghe cái tên lại là bạn với ông Phan. Tặng ông vật mọn để làm vật ghi nhớ thế thôi ».

Bà lão này cũng hiếm nhỉ !

CXXIII

VỀ ĐỀN CỬA HÀN (TOURANE)  
THẤY NÚI NGŨ-HÀNH

Tàu về đến cửa Hàn thì đã có linh cảnh-sát đem thuyền ra dẫn vào sở cảnh-sát, đem ngủ tại

dò. Sáng ngày dẫn đi chụp ảnh một lần nữa. Nghi dò một đêm, sáng ngày dẫn ra Huế.

Tính từ ngày 15 tháng 8 năm Mậu-thân (1908) ở cửa Hàn xuống tàu đi Côn-lôn, nay ở Côn-lôn về cửa Hàn vào tháng 2 (quên ngày), năm Tân-dậu (1921). Cách biệt núi Ngũ-hành đã trên 12 năm (tổng số 13 năm mà có ở lao tỉnh nhà 5 tháng). Biệt lâu cùng thấy nhau như gặp bạn cũ, tấm lòng cảm xúc, nhân có bài thi :

萍	蹤	流	落	路	三	千
重	許	行	山	認	夙	緣
石	記	名	藍	碑	未	老
金	題	御	塔	字	猶	鮮
惱	人	苦	海	浮	沉	際
遲	我	河	山	錦	繡	年
十	載	相	思	今	一	見
擬	拋	塵	慮	學	參	禪

Ba ngàn dặm thẳng cánh bèo rơi,  
 Ngõ Ngũ-hành-son lại thấy người.  
 Đá khắc chùa danh bia chữa lụt,  
 Vàng đề bút ngọc chữ còn tươi.  
 Bề oan đã chán cơn chìm nổi,  
 Sóng núi đương ngong nét vẽ vờ.  
 Cách mặt mười năm nay lại gặp,  
 Trần duyên vút quách thử tu chơi.

CXXIV

Ở Hàn một đêm, sáng ngày linh cảnh sát dẫn lên xe hỏa ra Huế, vào phòng quan tòa Liêm-phông,

vừa bước lên thang lầu thì thấy quan đầu tòa Liêm-phông đã đứng sẵn đó. Quan đầu tòa này là ông Sogny, lúc tôi giam ở bót Faïfo thì ông làm quan Một, thường ra vào nhà giam có biết tôi, nên vừa chúng tôi bốn người vào, ông vừa nhìn tôi và bảo : Ông bạn già 1908 !

Ngồi yên, ông nói : Lần ân xá này, Nam-triều viện theo lệ mới, lấy năm được giảm làm đầu thì các ông còn 5 năm nữa mới được về. Nhưng ông nói với quan Khâm-sứ không theo lệ mới, nên các ông được về sớm.

Đoạn, cho lính dẫn chúng tôi sang Hộ-thành và yết các cụ lục bộ, rồi sang đây yết quan Khâm, xong lấy giấy xe về nhà.

Chúng tôi sang Hộ-thành, ở đó 2 ngày, vào yết các cụ, các cụ hiểu mấy câu « Triều-đình đã ân xá, các ông nên hồi quán an nghiệp », chúng tôi cảm ơn và lui ra.

Trong 2 ngày đó, chúng tôi ra dạo thành phố, ai đi tìm người quen nấy. Thềnh thoảng mới gặp một vài người, còn thì có quen mà họ cũng giả bộ ngờ ngác, như sợ mình đến đem họa tới cho họ, thành chúng tôi không vào nhà nào.

Kề tôi biệt kinh thành Huế năm 1905, nay 1921 mới thấy lại một lần, quang cảnh khác xưa. Có bài thi chi cảm :

廿年又此到京華  
 城滿樓臺路滿車



綺陌春橋新植柳  
 琮林秋老舊時花  
 緇塵隊裏衣難素  
 紅拍聲中日易斜  
 只剩香橋明月好  
 炤人蓬鬢夜來過

Hai mươi năm lại đất Thần-kinh,  
 Xe ngựa lâu dài nhận cả thính.  
 Liền mới xuân tươi phơi mạch tía,  
 Hoa xưa thu héo ủ vườn quỳnh.  
 Nhuộm đen áo vải bao làn bụi,  
 Tiều trắng ngày xanh mấy tiếng sanh.  
 Lửa có cầu Hương trắng đẹp để!  
 Tóc sương qua lại đợi mình mình.

CXXV

Sau yết các bộ rồi, sang tòa Liêm-phong lấy giấy xe, sáng ngày sau lên ga Huế, cụ Thai-son và cụ Tập-Xuyên lên toa xe ra Nghệ-Tĩnh, còn tôi cùng bạn Nghĩa-Bình vào Nam-Nghĩa, chia tay nhau ở ga Huế. Mười mấy năm chung giường kề gối, nay phân rẽ đôi đường, không khỏi ngậm ngùi.

Về đến Faifo, tôi vào yết quan sứ Faifo, Nghĩa-Bình về luôn Quảng-ngãi.

Yết quan Sứ xong, tôi lên yết các quan tỉnh, ở đó một ngày, bữa sau lên xe tay về nhà. Khi

ngồi trên xe, trông lên núi chung quanh, như có dạng chào người chủ cũ, tôi có mấy bài:

1) 十年窮鳥客初回  
 朋輩希疎幼稚猜  
 獨有青山顏不改  
 帶愁容認主人來

Mười năm góc biển cái thân lưa,  
 Về, trẻ con ngờ, bạn hữu xưa,  
 Duy có núi xanh không đổi sắc,  
 Đeo sầu nhìn nhận chủ ngày xưa.

2) 十八年前錦馬歸  
 填街童叟望旌旗  
 而今戴笠重來是  
 生面人多熟面希

Ngựa gấm về, mười tám năm trên, (1)  
 Trống cờ đón rước khéo đua chen.  
 Nay về đội nón đi cõi quanh,  
 Mặt lạ phần đông ít mặt quen!

3) 猿鶴沙虫劫未休  
 等閒華屋半山邱  
 南枝此日歸巢鳥  
 四望陰氛獨自愁

Sâu cát chim rừng kiếp chưa thôi, (2)  
 Nhà sang phần nữa hóa cồn đồi!  
 Ngành nam chim củ nay về tổ,  
 Bốn mặt mây đen luống ngậm ngùi!

(1) Năm 1904 (Giáp-thìn) đồ Tấn-sĩ vinh-qui, từ tỉnh về đến làng, cờ trống, già trẻ đón rước đầy đường.

(2)猿鶴沙虫 là nói kiếp tiêu diệt của loài người.

CXXVI

Bọn chúng tôi về, ngày đi tàu đi xe, đều do quan tòa Tây, nên quan Nam chỉ biết bọn tù Côn-lôn có mấy người được tha về mà không rõ về ngày nào. Vì thế, Phủ, Huyện, Tổng-lý và người nhà không ai biết. Tôi từ Tòa, Tỉnh về đến Huyện Tiên-phước (lúc tôi đi chưa có Huyện này, sau mới đặt), vào Huyện rồi về nhà, người nhà thấy tôi ngạc nhiên như thấy chiêm-bao. Trong chốc lát, bà con làng xóm nghe tin tôi về, chạy tới nườm nượp... đọc bài thi « chí gia 至家 » của ông Đồ-Phủ, không khác gì người xưa vì mình mà vẽ ra bức tranh ấy. Tôi vì cảm động quá, cũng có một bài ghi quang-cảnh lúc bấy giờ :

萬	死	投	荒	十	二	秋
生	還	己	分	此	生	休
誰	知	天	地	留	青	眼
猶	許	妻	兒	見	白	頭
半	破	竹	窻	塵	滿	案
壹	山	桂	樹	草	成	邱
惟	餘	當	日	吟	床	在
檢	點	圖	書	作	臥	遊

Cùng đờo mười năm phận chết mòn,  
 Kiếp này đâu mong cái thân còn.  
 Mắt xanh may được dành trời đất,  
 Đầu bạc rày trông thấy vợ con !  
 Nửa cánh cửa tre bàn lấp bụi,  
 Một vuông vườn quế cỏ thành còn.  
 Lưa giường ngâm củ cùng bao sách,  
 Kiểm diêm nằm chơi đờ cảnh buồn.

Lại một bài tuyệt-cú :

河	山	新	氣	半	銷	沉
冷	煖	人	情	判	昔	今
舊	事	淒	涼	談	不	盡
妻	兒	環	坐	五	更	深

Non sóng khi mới khéo chìm ngăm !  
 Ấm lạnh nhân tình khác mấy dằm.  
 Chuyện cũ lạnh lùng không nói hết,  
 Vợ con ngồi kể suốt canh năm.

KẾT

Sau 13 năm ngoài đảo và về trên 2 năm, mới có ân điền khai-phục. Mấy ông bạn cũ ở Kinh khuyên làm một bài biểu tạ. Tôi có thảo một bài biểu, song vì đồng thời anh em được ân ấy đông, không thể làm riêng một mình, nên biểu không dâng lên. Bài này là cảm xúc trong một lúc mà thảo ra, nhưng không khác gì bản tiêu-sử về đời dĩ-vãng 50 năm của tôi, mà cũng một đoạn thời đại đáng ghi nhớ. Xin dịch ra quốc-văn sau này để kết bản « thi tù tùng thoại ».

(Bài biểu này nguyên-văn bằng chữ Hán, trong nhiều điển chữ Hán, không còn thích với văn đời nay, song để lưu lại một thể văn).

PHAN-KIM-GIAM  
SERVICE DE L'AGRICULTURE  
CANTON (GUICHENNE)

### CÁO BÀI BIỂU

Nay giữa mong ân-diễn, được khai-phục hàm  
biên-tu, tôi kính dâng bài biểu ta :

Trộm nghĩ tôi :

Sanh cửa hàn-vi, tánh trời quê thẳng,

Nhỏ theo nghề học, lớn trộm tiếng suông.

Trên 20 mười năm, chỉ chuyên một việc,

Tuy trong lúc chạm sâu khắc dấu, (1)

Vẫn óm lòng gái Lỗ góa Châu. (2)

Trông phong cảnh mà đau lòng,

Biết bút nghiêng là vô dụng,

Nhưng có hồi cảm-xúc,

Mà không chỗ phát minh.

Vì sanh trong xứ số quê mùa,

Lại học lối văn chương khoa cử.

Lòng trông mong của sự phụ,

Lời bàn giảng của bạn bè.

Ngoài nghề ấy ra, chả có nghiệp khác !

(1) Chạm sâu khắc dấu 雕虫篆刻 nói sự học nghề  
khéo mà vô dụng. - (2) Nước Lỗ có người con gái Tất  
thất, nhà Châu có mẹ góa già mà biết lo việc nước  
漆室憂魯, 嫠婦憂周.

Ruồi xoi giấy trắng, xài tuổi xuân trong sách  
nát vở tàn, (1)

Ếch dưới giếng sâu, mù cuộc thế với mưa  
Áu gió Mỹ.

Từ đồ Tấn-sĩ, mới đọc sách Tây,

Choáng mắt trông học-thuật cao xa.

Ghé lòng nổi giống nổi còn mất,

Hóa như người sáng, không biết làm gì.

Nghĩ rằng ứng thế thiếu tài,

Đành phải rút mình dấu vụng.

Núi sâu trồng quế, ca bài «chiêu-ần-đề mua nhân» (2)

Chăm rộng tìm lan, ngâm khúc «ly tao» khi  
nhấm rượu. (3)

Ngắm tròn đời mà được thế,

Ngổ vồ bụng mà tự yên,

Nào ngờ phong hội đời đời,

Khác hẳn tâm tư tưởng tượng.

Bồng ngọn triều dân dồn đến,

Rộn cả nước như cơn say,

Trước xôn xao cuộc chánh-biến Trung-hoa, (4)

Kể kích thích trận chiến-tranh Nga-Nhật. (5)

Kể xin hiến-pháp, người dục xuất-dương,

(1) Ruồi xoi giấy không lũng được (蠅鑽故紙) nói  
vô ích.

(2) Hoài-nam-tử có bài ca chiêu kê ần-sĩ 桂樹叢生  
兮山之幽.

(3) Ly-tao là bài của Khuất-Nguyên, tôi trung nước Sở,  
ông ta thường đi dạo bờ chăm hái cỏ lan để đeo.

(4) Mậu-tuất chinh biến (năm 1898).

(5) Năm 1904.

Kẻ ra ngoài mà hó-hào,  
 Người ở trong mà đề-xương,  
 Cuộc buôn sôỉ nước, trường học mở rừng.  
 Nhà đọc sách chàng Khương chàng Lương, (1)  
 Người kể chuyện họ Hoa họ Nã. (2)  
 Tôi vì huyết khí đương trẻ,  
 Nên bị thời thế kéo bừa:  
 Không dám đi bước sau bạn bè,  
 Nên cũng vác đầu ra phụ họa.  
 Hội buôn trường học, ai gọi thi vào,  
 Đông-học tây-trang, gặp ai cũng bảo.  
 Vẫn thực say lòng vì Âu-hóa,  
 Vốn không có chí gì đi đồ.  
 Dân ngu hèn này, có quyền gì mà mong xưng?  
 Nước cha mẹ đó, sẽ bội nó mà đi đâu, (3)  
 Rủi trong cơn say tỉnh ngủ mơ,  
 Xen có bọn theo tâm dựa bóng,  
 Thêu thùa sai chuyện, suốt tảo làm càn,  
 Dân trong hạt đã một trật lao nhao,  
 Tỉnh láng diềng thêm tư bề bối rối.  
 Bước chánh phủ phải dùng phương áp lực.  
 Khiến đương đồ thêm nhiều mối nghi doan,

(1) Khương-hữu-Vi và Lương-khải-Siêu, hai nhân-vật duy-tân trú danh nước Tàu, sách báo truyền qua xứ ta khá nhiều.

(2) Nã-phá-Luân, vua anh hùng nước Pháp; Hoa-thịnh-Đồn, người sáng ra nước Cộng-hóa Hoa-kỳ.

(3) « Dân quyền » và « bội quốc » là hai câu trong án kết tội lúc bấy giờ.

Lưỡi tội khắp nơi, thân bào một tội,  
 Tôi, bởi một chữ danh mà đến lụy,  
 Kẻ muốn đều ác lại đứng đầu,  
 Quan phái đến nhà, áo nu vào ngục,  
 May khỏi lên « đoạn đầu dài » như ông Trần-  
 qui-Cáp,  
 Cũng bị dày đảo Cón-lôn như ông Phan-  
 châu-Trinh.  
 Tôi, có đọc ít sách mới Âu-Tây,  
 Và từng xem cận sử Đông Á,  
 Phàm các nước lần đầu cuộc cải-cách,  
 Thi chí-sĩ phần đông mang tội tù,  
 Đợi thời đại lần qua,  
 Sau công luận mới định:  
 Hoặc kẻ tử tội mà được chiêu tuyết,  
 Hoặc kẻ phát phối mà được tha về,  
 Nghĩ rằng kiếp khổ đương mang đây,  
 Hẳn là cái lệ chung khó tránh đó.  
 Mượn cờ trên mà tự ủy,  
 Đành sống thẹn cho qua ngày!  
 Một xó góc trời, chiếc thân dền tội,  
 Quanh năm ngất ngưỡng, núi hoang khan  
 giọng đờ quén,  
 Bốn phía mênh mông, biển cả vùi oan Tinh-vệ.  
 Lúc năm hang tuyết Tô-võ, (1)

1) Tô-Vũ, đời Hán, đi sứ Hung-nô, bị bắt cầm lại có khi nhịn đói, hứng tuyết mà uống.

Khi đắp dài thi Văn-sơn (1)  
 Mỗi nghềh mặt trông về quê hương,  
 Lại võ ngực mà rầu tuổi lão,  
 Địa ngục mười ba năm trường trải,  
 Ném đủ mùi ngọt đắng cay chua ;  
 Cuộc đời hai mươi kỷ đổi thay, hẳn vắng  
 bất trong ngoài tin tức,  
 Đánh vạy sóng cùng núi kiệt, rừng Hán-  
 lâm chun nhận không thơ (2)  
 Bồng đầu đất chuyền trời xoay, miền Tân-  
 địa đầu ó hóa trắng (3)  
 Tôi, về từ ngoài đảo, nay gần ba năm,  
 Ngữa ơn mới như biển sâu, nắm xương mọn  
 khỏi chôn gò hoang thảo,  
 Mà lỗi xưa dương núi lớn, tên số tù còn  
 chép ở ngục thư (4)  
 Xó bếp gục đầu, thôn cùng bó củng,  
 Quân dân xem như vật quái,

(1) Ông Văn-thiên-Tường, tôi trung đời Tống, bị quân Nguyên bắt bỏ ngực giết chết, khi ở ngục có làm nhiều bài thi khẳng khái, sau có người làm bài thi điệu ông có câu: 燕臺從此築詩囚,

(2) Tô-Vũ bị Hung-nô bắt cầm, một ngày nọ ở rừng thượng lâm có người bắn được chim nhận dưới chân có cột bức thơ của Tô mới biết Tô còn sống 鴈足帛書.

(3) Tần bắt Thái-lử nước Yên cầm lại nói : khi nào ngựa mọc sừng, đầu quạ trắng mới cho về, tức là nói không tha về (馬生角頭白烏始得歸).

(4) 爰書 là án văn chép tội.

Thân hữu nhiều kẻ tuyệt giao,  
 Khúc nghè thường cùng xuống trước kia, mơ  
 màng chuyền củ (1)  
 Sân thiềm điện có đường trở lại, chờ đợi kiếp  
 sau,  
 Ai dè đầu chun rắn sống thừa,  
 Tên lại chép đầu ngao bằng củ ? (2)  
 Được xóa ngay sổ tội,  
 Lại dự vào thêm văn,  
 Ôn xuống từ trời, người trời dưới đất,  
 Bóng tang-du dọi lại, lĩnh ngày hôn đã gầy  
 chín lần,  
 Tin phần-lử truyền rầm, tiếng cùng gọi phúc về  
 hai bận,  
 Rỏ bóng dương soi vào chậu úp,  
 Khiến cây khô trở dặng hoa tươi,  
 Nếu không duyên gặp gỡ khác đời,  
 Đầu lại được đều may như thế !  
 Nay nhờ gặp Hoàng-đế Bệ-hạ :  
 Thông minh trời phủ,  
 Xả-tắc đất phò.  
 Cru lòng phục cổ sánh Châu-tuyền, (3)

(1) Đời Đường đồ Tấn-sĩ, người ta cho là dặng tiên có câu thi : 却憶大羅天上事衆仙同日詠霓裳. Nghê-thường khúc múa hát tiên nhạc.

(2) Chun rắn蛇足 rắn không chun, chun rắn là nói cái thừa ra — đầu ngao 鰲頭 là bằng dè danh đầu Tấn-sĩ Trang-nguyên...

(3) Châu-tuyền 周宣王 Vua Trung-hưng đời Châu.

Trù cuộc duy tân như Minh-trị (1)  
 Gió lên giông giậy, nền nội-trị mong chấn hưng  
 Tay lẹ mắt lanh, đường ngoại-giao càng chăm chỉ.  
 Trận Âu-chiến giúp quân hùng hổ, nâng nước  
 Nam tiếng nghĩa đã đồn xa. (2)  
 Thành Paris ngự giá Hoa-lưu, nối Hoàng-khảo  
 chí xưa còn bỏ dở, (3)  
 Tiếng Hạ-vũ bốn phương truyền khắp (4)  
 Lưới Thương-thang ba mặt mở toang (5)  
 Rừng : trong cõi lúc này, miền rừng núi đã tiêu  
 mầm phiến loạn ;  
 Mà bọn tù năm trước, vòng lao lung còn nhiều  
 kẻ oan khiên  
 Muốn mở đường cho chúng tự tân,  
 Thì làm phúc ban đều ân xá,  
 Ôn Vũ-lộ một phen rưới khắp,  
 Làng y quan trăm vẻ mới tươi,  
 Cho đến phần tôi, được dự ân ấy,  
 Tôi, lui mà tự xét, không khỏi sanh lo :  
 Kiếp trước đã góc-ngách ra trò,

(1) Minh-trị, vua gây cuộc Duy-tân nước Nhật - bản.

(2) Lúc Âu-chiến, lính Nam sang giúp nước Pháp đánh Đức.

(3) Vua Đồng-khánh trước có ý muốn sang du-lịch nước Pháp, chưa đi mà mất. Nay vua Khải-Định mới noi theo chi ấy 駉駉 (tên ngựa hay) 周穆王八駉之一也.

(4) Vua Hạ-Vũ 聲教訖于四海.

(5) Vua Thang đi săn mở 3 mặt lưới chỉ để một mặt, người ta cho là nhơn đức.

Kén tầm nọ vẫn buộc mình vào dấy,  
 Đường sau lại hiềm nghi lắm nổi,  
 Mày ngài kia để rước người ghen (1)  
 Nếu « cạp ra chợ » mà đồn đến ba người (2)  
 Thì gà thả lồng có mong gì hai lược (3)  
 Người mang tội không ai cần đếm xỉa,  
 Cỏ tiêu tươi đâu sánh với lan khô,  
 Tài bình sanh không chút gì vẫn dài,  
 Giày gàu ngắn khó múc nơi giếng hãm,  
 Người chết sống mà xương khô sanh thịt, mang  
 ơn dành trời đã ban cho,  
 Bưởi mai quá mà bóng xế toan gò, dặt mình  
 biết đất nơi nào đây ?  
 Tôi, chỉ có : cảm mà xen sợ, lo lại hồ lòng,  
 Thu bông hai mái tóc sưng, dám học kẻ ra  
 rừng làm cỏ nhỏ ; (4)  
 Xuân vũ một chuỗi cây nghề, xin làm dân biết  
 chữ giữa làng nông (5)  
 Gọi đến ơn sống hai lần,  
 Không phụ mắt trên một liếc,  
 Bằng như báo đáp,  
 Không biết nói gì.

(1) 蛾眉妬人 nói ghen ghét.

(2) Ba người đồn chợ có cạp khiến người ta tin, dầu là chuyện đồn huyền.

(3) Nói ân xá : 金闕放金鷄,

(4) Tấn thơ : 在山爲遠志, 出山爲小草 một vị thuốc mà hai tên. Nói khi ở rừng có danh tiếng mà khi ra đời không làm được việc gì.

(5) Cổ thi có câu : 願作田間識字民 làm người dân biết chữ.

Nguyen cao bai bieuh chur Han

茲蒙開復... 謹上言...

竊念臣門地寒微，性資鄙黷，  
 幼從舉業，長盜虛聲，  
 凡二十年，但工一藝，  
 雖刻篆雕虫之暇，亦時抱周饜魯漆之憂。  
 慨風景之感觸，無從發明，  
 而偶有孤陋之鄉，又重以文章科舉之學，  
 蓋生於窮僻，更無他技，  
 父兄之途，更無詔華於歐書，  
 除却此紙井中，士始讀學術之宏深，  
 蠅蛙坐成迷於政生，不之非藏吟誦古趨起，  
 自目心爽懸聊幽澤以不忽紛始繼或  
 傷然思用山畔謂圖新舉支俄請  
 於若應引叢秋長風潮國那日變  
 存世而開醉終之驟若變雲或  
 不之非藏吟誦古趨起，  
 之之之行意  
 歌賦心料  
 隱騷幾出  
 招離庶竟  
 起趨起，  
 之之之  
 喧騰，  
 激刺，  
 出洋，

或為海中外之呼號，  
 或學在堂林中立，  
 家人讀康拿書，  
 人談華氣事，  
 遂以血勢之，  
 不為自時之，  
 亦復出頭而，  
 學堂青西裝，  
 蓋本無異之，  
 父民之權，  
 (倡獨不夢轄鄰觸結罪臣遂緹幸終  
 於無本民省政當罣以爲騎不  
 醉醒附加一又府道四一衆臨登免  
 醒影厲味從以以張名惡門陳爲  
 隨率於而勢牢紳之之赫季潘  
 覺聲臆驚蠢所不袍罪魁衣恰周  
 之之妄張動必可一。  
 之之疑團，  
 加解網，  
 下斷積  
 獄，  
 臺遠  
 之慘  
 邊之  
 投，





臣念望倘則刑榮平短仰闕臣感憂兩一無庶若不  
 退拓嫌市金餘蕭素綆惟是惟深與髮犁傷遂以知臣  
 而落疑虎鷄之多所詎生失有懼慚秋春一再言所情  
 內之而亦人愧積期死東隅積井蓬雨願之報云不  
 省前後或推無於無所深而人隅積井蓬雨願之報云不  
 憂生路成求足枯所深而人隅積井蓬雨願之報云不  
 從蠶蛾於第比關短長今見之  
 中諭眉累二數者久矣  
 來每不三番者久矣  
 於於之放矣  
 自於之放矣  
 縛人  
 命之自天  
 寵致身其地  
 實將致身其地  
 骨榆將致身其地  
 白桑榆將致身其地  
 肉收桑榆將致身其地  
 敢復作山之小草  
 願長為識字之田民  
 願之明德  
 勝感佩.....



Miab-mien 101 bat hang 2 nam 1908 giam nguoc Faifo  
 thauy 8 thuy Conlon

Phan Chau Trinh (Bau Lu) Quy Nam = Phu bang - ve, di tay  
 Ngô Văn Kế "Bai Xuyen" - Hai tinh "Bau Lu" Khoa 1901  
 Thanh Thai - Con thuy "dau xin xau" 1908

Trần qui Cáy = "Chai Xuyen" - Quang Nam "Bau Lu" 1904  
 Con thuy "dau xin xau" - Bai Xue "lu" tau hoan  
 dau dau "bi chlon"  
 Nguyễn Đức-la (tên thành niên Trích phục) - Quang Nam - 1908  
 đi tên nôi chuyên về Minh Xieu - du 9 năm - ra Côn nôm  
 1 năm thoi chuyên viết  
 Châu thê Đông (tên thường viết) - Ban với Frienda - Faifo - an  
 Chung thauy day Lao Bao - Nhin au chit ở nguc Huê  
 Trần Bạch Sĩ

Đặng Thaidôn (tên tự Nguyễn Lân) Phú Lăng - làm đoc học  
 hkh-an

Lê Lâm Ngu (Giới Huân)

Phong Niên = Nguyễn Đình Lạc - Bình Định

Trần Trọng Lương = Đỗ Cát - Sách Kí hình nghi vụ đầu đoc  
 Hai thanh hie day Conlon "Jo tuoi" - Cầu ruộng